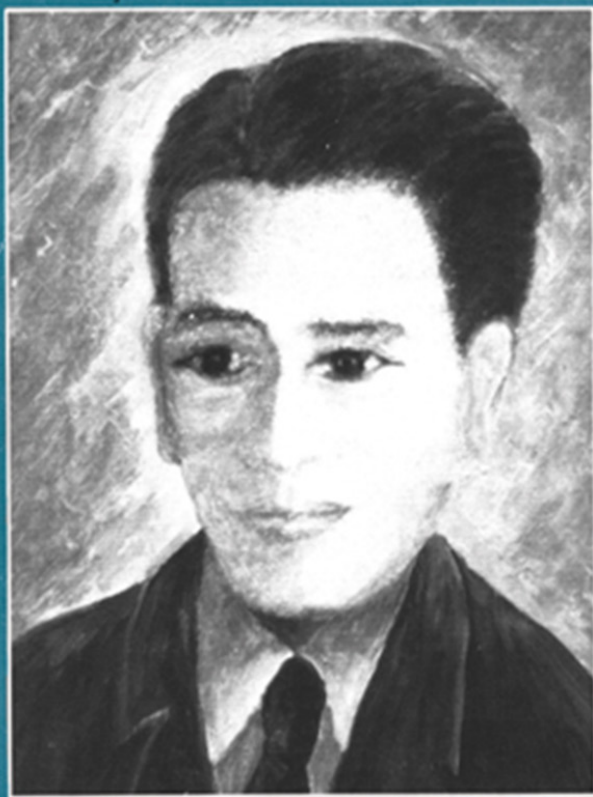


KHÁI HÙNG
TRONG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

KỶ VẬT

đầu tay và cuối cùng



Chân Dung **KHÁI HÙNG** (1896-1947)
Hồ Thành Đức vẽ theo di ảnh

1

KHÁI HƯNG
...
**KỶ VẬT ĐẦU TAY
VÀ CUỐI CÙNG**

MEKONG - USA
xuất bản - 1997

Khái Hưng

kỷ vật đầu tay và cuối cùng

*Bìa: **Mekong - USA***

Nguồn: Internet

*Trình bày: **Muôn Phương***

Khái Hưng kỷ vật đầu tay và cuối cùng

MỤC LỤC

Tập 1

PHẦN THỨ NHẤT

1. Thi họa Hồn Bướm Mơ Tiên 9

VŨ HỐI (thiếu)

2. Đốt Lò Hương Ấy 24

NGUYỄN THẠCH KIÊN

3. Sơ Lược Tiểu Sử 60

Nhà Văn Khái Hưng

HOÀI CHÂU

KỶ VẬT ĐẦU TAY

4. HỒN BƯỚM MƠ TIÊN 67

4.1 Khái Hưng qua nét vẽ TẠ TỶ 68

4.2. Phụ bản mẫu 69

“Hồn Bướm Mơ Tiên”

PHI LỘC (thiếu)

4.3. Đề Tựa và vào Truyện 71

“Hồn Bướm Mơ Tiên”

NHẤT LINH

PHẦN THỨ HAI

KHÁI HƯNG, TÁC PHẨM VÀ CUỘC ĐỜI

Các văn nghệ sĩ, học giả nhận định về
KHÁI HƯNG

5. Tưởng nhớ Khải Hưng 271
NGUYỄN TƯỜNG BÁCH

6. Giai ngộ giữa mùa Xuân 305
THÁI VĂN KIỂM

7. Hoàng Đạo 332
và mười điều tâm niệm
THÁI VĂN KIỂM
PHẠM TRƯỜNG SƠN

8. Một thoáng mong manh 361
còn nhớ mãi!
LÝ THÁI NHƯ

9. Khái Hưng xâm nhập hàng ngũ tu trì VŨ ĐÌNH TRÁC	415
10. Văn học Tự Lực Văn Đoàn NGUYỄN THỊ VINH	428
11. Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn ĐẶNG TRẦN HUÂN	477
12. Khái Hưng, trụ cột của Tự Lực Văn Đoàn ĐỖ KIM TOÀN	505
13. Tiểu thuyết và truyện ngắn Khái Hưng NGUYỄN HIỀN	526
14. Nhớ về Khái Hưng, Chàng Lấn Thần, và... VŨ ĐỨC VINH	552

15. Tưởng Niệm Khái Hưng 599
THANH TRÍ CAO
16. Khái Hưng, ngọn hải đăng... 609
TẠ TỰ
17. Khái Hưng và Nhất Linh 623
trong Thơ...
QUỐC NAM
18. Tình tuyệt vọng, thơ F. Arvers... 642
VÂN LINH
19. Trả lời bài thơ Tình tuyệt vọng 654
PHAN ĐÌNH LIỄU
20. Nhạc thơ tình tuyệt vọng 669
LIÊN BÌNH ĐỊNH và
HOÀNG LINH DUY
21. Tâm tình Khái Hưng 672
trong Tiêu Sơn tráng sĩ
HOÀI CHÂU

22. Tôi đọc Khái Hưng PHAN LÊ	696
23. Khái Hưng, hành trình nhân bản VƯƠNG TRÙNG DƯƠNG	726
24. Thanh Đức hay Tội Lỗi? HOÀNG TRÚC	750
25. Người đẹp Nhã Khanh... ĐOÀN TRIỆU HÙNG	756
26. Khái Hưng, một gương mẫu lý tưởng TRẦN THẾ KHIÊM	788
27. Nhìn Khái Hưng NGUYỄN SỸ TẾ	798
28. Hà nội 1945 - 1946 với Khái Hưng HỒNG GIANG	802

29. Vài nét về nghệ thuật miêu tả 816
trong tiểu thuyết Khái Hưng
LAM NGUYỄN
30. Bài học cho mọi thế hệ 838
về tình yêu
MINH NGÔN - CẢNH TRẦN
31. Vài cảm nghĩ khi đọc "Đẹp" 854
LÂM THÙY GIANG
32. Khái Hưng trong 870
văn chương Việt Nam
HOÀNG QUÝ
33. Hồn Bướm Mơ Tiên, thơ 888
NGUYỄN VĂN LẬP
34. Khái hưng, chiến sĩ cách mạng 892
trước cuộc tương tàn Quốc - Cộng
NGUYỄN THU NGHINH

35. Về một số chi tiết cần ghi chú 926
KHÁNH PHƯỢNG

NHỚ MÃI CỔ AM BẤT KHUẤT!

ĐỐT LÒ HƯƠNG ẤY...

*Mai sau dù có bao giờ
Đốt lò hương ấy so tơ phím này...*

Nguyễn Du

NGUYỄN THẠCH KIÊN

Mùa hè năm Đinh Hợi, tháng 5 -
1947, sống khiêm nhường trong
một làng quê¹ bên dòng sông Nhuệ, tôi

1 Làng Thụy Ứng, thuộc Thường Tín, tỉnh Hà Đông, cách Hà Nội 18 km. Là bạn học với em ruột chủ nhân họ Đào, tác giả thường ghé nông trại nơi gia đình Đào Long Giang vào những dịp hè. Chủ nhân rất hào hiệp mến khách.

mong manh được tin về sự bất trắc của nhà văn Khái Hưng khi ông rời Hà Nội để đưa bà Khái Hưng và gia đình tản cư về Nam Định ngay sau những tiếng súng nổ ở phố Hàng Bún, trước ngày 19. 12. 1946.

Làng quê gần sông nước nên tôi thường đi thuyền xuống Đồng Quan, Chợ Đại... hy vọng gặp lại các bạn học cũ ở khắp nơi tản cư về.

Có lần tôi đã rất ngạc nhiên khi thấy những tác phẩm quý, hiếm của Khái Hưng được bày bán trên khu đất giữa chợ trời Đồng Quan: Hồn Bướm Mơ Tiên, Tiêu Sơn Tráng Sĩ... và một số sách khác của các thành viên Tự Lực Văn Đoàn.

Sách hoàn toàn mới nguyên. Như vừa được chuyên chở từ nhà in – nhà xuất bản Đời Nay ở số 80 phố Quan Thánh, Hà nội ra.

Lòng tôi se thắt. Tôi hỏi giá rồi mua hết các sách của Khái Hưng, như thuở nào (1939 - 1944) tôi đã từng đứng thật lâu trước “ô kính” trong hăng Godart (góc phố Tràng Tiền và Đồng Khánh) để chiêm ngưỡng những tác phẩm của Khái Hưng và Nhất Linh được trình trọng trưng bày... và hỏi mua với giá 3 đồng một cuốn, bản đặc biệt trên giấy Lụa Gió, có ghi số thứ tự mỗi cuốn bằng chữ số La Mã cùng chữ ký kỷ niệm của tác giả.

Địa điểm 80 phố Quan Thánh, Hà Nội là một ngôi biệt thự lịch sử không những của nền Văn Học Việt Nam cận đại (1930 - 1946) mà còn là trụ sở của các lực lượng Cách Mạng “vì Quốc Gia – Dân Tộc Việt Nam” suốt từ đầu thập niên 30 đến cuối năm 1946 nữa.

Tọa lạc tại hai phố lớn, chính diện là phố Quan Thánh và bên hông nhà là phố Hàng Bún, ngôi biệt thự khá sang trọng, có tầng lầu, cửa sắt nhỏ phía trước, cổng sắt lớn phía Hàng Bún đi vào sân sau có nhà kho, nhà bếp. Bức tường cao khoảng hai mét, ken song sắt bao quanh, và có giàn hoa giấy quanh năm tươi tốt.

Đây cũng là văn phòng của nhà xuất bản Đời Nay – có máy in, giàn chữ để ấn hành sách báo. Trên gác là phòng khách, văn phòng làm việc và là nơi gia đình ông Khải Hưng ở.

Các văn nhân thi sĩ Hà Nội thời bấy giờ thực sự nhiều người ao ước được một lần diện kiến Khải Hưng, theo như lời nhà văn Vũ Trọng Can. Và qua bản thảo cuốn “Bút ký viết cho con trai tôi”, Vũ Trọng Can tâm sự: “... khi được ông Khải Hưng mời tới tòa soạn báo Ngày

Nay để nhận số tiền nhuận bút trả cho tác giả truyện ngắn Màu Hoàng Yến, lòng tôi rung lên. Tôi có ngay cảm tưởng một thần tử vinh hạnh được thấy long nhan...”

Nữ sĩ Anh Thơ cũng vậy. Năm 1939 khi đến Nhà xuất bản Đời Nay - cũng là Tòa Soạn Báo Ngày Nay - để lãnh giải thưởng khuyến khích về Thơ - thi phẩm Bức Tranh Quê - Anh Thơ cũng xốn xang rung động, hồi hộp không kém.

Và sau đó “nàng Thơ” đã tỉ mỉ kể lại, ghi lại trong tâm khảm ngoài việc giải bày trên giấy trắng mực đen “bữa tiệc trà lịch sử” ấy. Nàng cũng không quên phác họa đầy đủ chân dung Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Tú Mỡ... đã niềm nở tiếp đón và hỏi chuyện nàng. Các thành viên khác trong Tự Lực Văn Đoàn như Thạch Lam, Hoàng Đạo, và họa sĩ Nguyễn Gia Trí... cũng có mặt nhưng Anh Thơ nói

“không nhớ tên” nên không tiện kể.

Tựu trung, cho tới ngày hôm nay, nữ sĩ Anh Thơ Vương Kiều Ân² vẫn còn nhớ đến công ơn của các ông Khái Hưng và Nhất Linh, những người rất có nhiệt tình với Văn Học, biết lân tài, năng giúp đỡ các bạn trẻ cầu tiến. Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyên Hồng, Thanh Tịnh, Mạnh Phú Tư, Đoàn Phú Tứ, Bùi Hiển, Đỗ Tổn... là những thí dụ điển hình.

Và ngay cả Nguyễn Vỹ nữa. Năm 1936, vào một buổi chiều 30 Tết, không còn lấy một đồng để sắm sửa cho ba ngày Tết cổ truyền, ông đánh bạo viết thư nhờ một em nhỏ đem đến số nhà 80 phố Quan Thánh, vay ông Nhất Linh 5 đồng³

2 Giải khuyến khích về Thơ này nữ sĩ nhận được một số sách bản quyền, và số tiền 30 đồng giải quyết được bao nhiêu khó khăn cho gia đình. Hơn nữa, cái giá trị tinh thần mới thật là lớn.

3 Xin đọc bài Nguyễn Vỹ viết về Khái Hưng và Nhất Linh, có in trong tuyển tập này. Một đồng Đông Dương Ngân Hàng thời ấy, năm 1936, đổi được 100 xu. Mỗi xu mua được một tô phở. Nửa xu mua được một ổ bánh mì cặp chả. Người lao

Nhất Linh rất bận rộn với đại gia đình và các thân hữu của ông trong chiều 30 Tết này. Còn Khái Hưng và gia đình thì thường trực ở đây.

Nhận thư, đọc, Khái Hưng không do dự lấy tiền cho vào phong bì, xuống lầu trao cho em bé. Ghi vào sổ. Rồi sau nói lại cho Nhất Linh hay.

Linh hồn của Tự Lực Văn Đoàn, nhà văn Khái Hưng đôn hậu là thế, và với ông Giám Đốc Nhất Linh Nguyễn Tường Tam cũng như các thành viên khác, tuy mỗi người có mỗi hành động và ý nghĩ khác nhau, nhưng rút lại vẫn chỉ là một. Khái Hưng quan niệm về việc tuy xa mà vẫn gần như sau: “dầu ở phương trời nào, ở bất cứ nơi đâu, hễ bạn có ý nghĩ và hành động gì thì đều tưởng như có sự ứng thuận của nhau cả”.

động mỗi bữa cơm chỉ tốn một hoặc hai xu là ăn thật no và ngon miệng.

Đây cũng là tình bạn cụ thể giữa Khái Hưng và Nhất Linh. Hết câu nói giữa Trần Quang Ngọc và Nhị Nương trong Tiêu Sơn Tráng Sĩ⁴ của Khái Hưng... ngày nào...

Nếu tôi không lầm thì Khái Hưng sáng tác cuốn truyện Hồn Bướm Mơ Tiên vào năm 1924, lúc ông 28 tuổi. Vì đã có lần tôi được nhìn dòng chữ lạc khoản rất cũ kỹ, ghi “Hồn Bướm Mơ Tiên viết năm 1924”. Không rõ có phải là chính thủ bút của Khái Hưng? Chỉ rõ một điều là nhà xuất bản Zieles do Giáo sư Lê Bá Kông là Giám Đốc, ở Texas, đã tái bản cuốn HBTMT đặc biệt cổ kính và lịch sử này cách đây khoảng 10 năm của chính bản nhà Đời Nay in lần đầu tiên, năm 1933, và nhờ đó chúng tôi có bản HBTMT ấy để so sánh với bản in năm 1939 mà chúng tôi hiện có.

4 Đọc đoạn Trần Quang Ngọc nói với Nhị Nương nơi trang 418 TSTS.

Theo nhiều bạn hữu kể, nhà văn Khải Hưng là một người rất lý tưởng và đôn hậu. Cái lý tưởng nhân hậu với tất cả nơi Khải Hưng đã được tỏ lộ ngay từ khi ông còn theo học. Kịp tới khi gặp Nhất Linh, như rồng gặp mây, những tâm hồn lớn gặp nhau ắt phải làm nên những chuyện lớn, ít ai sánh kịp. Và các ông đã chọn nghề viết văn, làm báo để phục vụ Tổ Quốc và Dân Tộc.

Ở đây chúng tôi chỉ xin giản dị đề cập tới những gì tôi biết về Tự Lực Văn Đoàn, dầu chỉ chút ít, với cái tài tháo vát của Khải Hưng thôi.

Nhất Linh và Khải Hưng có nhiều sáng kiến và óc tổ chức. Cả hai cùng đề ra một việc sẽ thực hiện rồi cùng suy nghĩ cùng bổ túc cho nhau sao cho vấn đề được thập phần hoàn hảo.

Vừa điều hành tờ Phong Hóa, kế tiếp tờ Tuần báo Ngày Nay, vừa xuất bản đều

đặt các tác phẩm do Đời Nay xuất bản, hai tâm hồn ấy đã đưa ra một chương trình cho Tự Lực Văn Đoàn thực hiện mà tôi còn nhớ đại ý:

* Làm mới chữ Quốc Ngữ, bằng cách viết sao cho thật ngắn, gọn và giản dị, để ai đọc cũng có thể hiểu. Phát động cuộc Cách Mạng Văn Hóa: bài trừ mọi cổ tục mê tín, dị đoan; chống mọi bất công xã hội, hống hách của quyền... v. v...

* Giúp đỡ các tài năng trẻ muốn phục vụ nền Văn Học Nghệ Thuật nước nhà.

* Để các sách của Đời Nay xuất bản được phổ cập rộng rãi trong mọi tầng lớp đồng bào, Tự Lực Văn Đoàn tuyển chọn một số tác phẩm và ấn hành với giá bán duy nhất là 25 xu/ cuốn, đặt tên là Loại Sách Lá Mạ.

* Ngoài Loại Sách Lá Mạ, còn có Loại Năng Mới, mục đích nâng cao dân trí,

nhất là giới trẻ, những thanh niên nam nữ thời bấy giờ.

* Và chót hết là Loại Nền Cũ: In lại tất cả các tác phẩm thuộc “kho tàng Văn Học Việt Nam” từ cổ xưa, như Thạch Sanh, Tấm Cám, Trê Cóc, Lục Súc Tranh Công, Hoàng Triều, Tống Chân – Cúc Hoa, Nhị Độ Mai...v.v... đến cận đại như: Truyện Kiều, Cung Oán Ngâm Khúc, Lục Vân Tiên... v. v... kèm theo các bức tranh tuyệt tác, đầy ý nghĩa, do Nguyễn Gia Trí và Tô Ngọc Vân minh họa.

Theo tôi nhận xét thì vấn đề làm mới chữ Quốc Ngữ, chính Khái Hưng đã là người đầu tiên sửa lại toàn bộ cuốn tiểu thuyết Hồn Bướm Mơ Tiên, xuất bản hồi tháng 5 – 1933, và chỉ có VIII chương thôi. Nhưng một hai năm sau khi tái bản lần thứ nhất, Khái Hưng đã chịu khó vứt bỏ hết những chữ “thì, là, mà, rằng” trong

những câu đối thoại. Hơn nữa cả những điểm nhận xét rườm rà, văn chương quá tỉ mỉ khiến mạch văn mất hay và tối nghĩa, ông cũng không ngần ngại bỏ đi. Và tổn công ngồi “nắn nót lại” – nghĩa là sáng tác thêm cho mỗi đoạn văn mỗi được khúc triết và tròn vẹn. Cuốn tái bản này số chương được tăng lên là XI. Và đều có bài tựa giới thiệu của Nhất Linh.

Hiện chúng tôi có ở trong tay “kỷ vật đầu tay” này của Khải Hưng, và cả cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên tái bản năm 1939 nữa. So sánh hai cuốn sách, tỉ mỉ đối chiếu từng trang, từng đoạn, người đọc sẽ nhận ra ngay sự cần cù, nhẫn nại, nhiệt tình với nền Văn Học Việt Nam của riêng Khải Hưng cũng như chủ trương chung của Tự Lực Văn Đoàn⁵.

5 Cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên do Zieleks tái bản ở Houston, Texas năm 1988 là cuốn in lần đầu tiên, năm 1933, chưa được tác giả sửa chữa và bổ sung như tuyển tập “Kỷ Vật Đầu Tay Và Cuối Cùng” này do chúng tôi thực hiện và tỉ mỉ đối chiếu từng trang từng đoạn cho đúng như ý muốn của tác giả lúc sinh thời. Tuy nhiên bản in của Zieleks cũng thật đầy đủ, và

Điểm «cần phải giúp đỡ các nhà văn trẻ», ngoài Khái Hưng ra còn có các nhà văn Thạch Lam và Hoàng Đạo cùng các thành viên khác, trong Tự Lực Văn Đoàn, góp ý kiến, sửa chữa, nêu những ưu khuyết điểm cho tác giả rõ và đề nghị tác giả bổ sung, sửa lại cho thật hoàn chỉnh⁶.

Cuốn tiểu thuyết “Bỉ Vỏ” của Nguyễn Hồng là một thí dụ. Tác giả phải sửa đi

có giá trị lịch sử khi đối chiếu với bản in 1939, chứ không cố tình bỏ đi bài Tựa của Nhất Linh như cuốn HBM.T mà V.C đã bôi bác in ở trong nước hiện nay. Sự thực, nền Văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa mà Đảng CSVN theo đuổi từ trên nửa thế kỷ trước, đến nay đã hoàn toàn phá sản. Do đấy, từ cuối thập niên 80, Đảng CSVN phải cho in lại những tác phẩm của Khái Hưng Nhất Linh và Thạch Lam cùng một số nhà văn trước 1945 làm tài liệu giáo khoa, mục đích cho các học sinh, và cũng là để thu lợi nhuận do các tác phẩm kia đem lại mà trước đây CS cho là phản động, là tiểu tư sản, là có hại.

... Trong một bài nhan đề “Câu chuyện văn chương” viết năm 1945, có in trong tập “Bóng Giai Nhân” của tuyển tập này, Khái Hưng đã lên tiếng phản bác cái lập trường ba hóa của CS. Đặng Thái Mai đã nói và nhờ Khái Hưng phổ biến. Đọc, ta sẽ nhận thấy cái sâu sắc “nhìn thật xa” của Khái Hưng trong nghệ thuật sáng tác.

6 Xin đọc bài của Đinh Hùng: “Chia ngọt sẻ bùi..” có in trong tuyển tập này.

sửa lại tới lần thứ 5 mới được Đời Nay cho xuất bản. Nhờ đó mà tập truyện ngắn, cuốn thứ hai của Nguyên Hồng nhan đề “Những Ngày Thơ Ấu” – cũng do Đời Nay xuất bản – đã như một “Khúc ca chiến thắng vinh danh nhà văn sĩ”, nơi lòng các độc giả mến mộ Nguyên Hồng.

Công lao ấy nhờ ở cái nhìn sáng suốt, bộ óc tế nhị và cái tài “tay tiên gió tấp mưa sa” của Thạch Lam cũng như của Khái Hưng, mới thành⁷.

Do đấy, mười mấy năm sau, khi viết xong một truyện ngắn hoặc một bài thơ, rút kinh nghiệm biết được, tôi thường đọc cho một số người nghe trước để họ phẩm bình hầu sửa lại cho đúng với tâm lý của từng đối tượng từng nhân vật và

7 Chúng tôi không bao giờ phủ nhận những công lao của các nhà văn ngoài Tự Lực Văn Đoàn và các nhà xuất bản khác có những khuynh hướng khác (như Tân Dân, Hàn Thuyên...). Họ viết và xuất bản nhiều tác phẩm giá trị nhưng rất tiếc có những cuốn không đều tay, viết theo nhu cầu, và nhà xuất bản thì thiếu hẳn một tấm lòng đối với các văn nhân thi sĩ.

màu sắc cảnh vật mình diễn tả. Và tôi cũng đã có được những đóng góp, sửa chữa rất quý báu. Nghĩa là phải viết lại cho thật đúng tâm lý, sự việc từng đối tượng.

Nhiều bài thơ của Xuân Diệu, Huy Cận, ngay cả Thế Lữ nữa, đã được đăng trên báo Ngày Nay cũng vậy, trước khi cho in thành sách liền được các anh em Tự Lực Văn Đoàn góp ý sửa chữa. Và kể cả khi đã in thành tác phẩm, vẫn còn có sự góp ý sửa chữa để lần tái bản sẽ hoàn chỉnh hơn, như cuốn “Mấy Vân Thơ” – loại mới, của Thế Lữ chẳng hạn. Tóm lại, các nhà văn có tác phẩm do Đời Nay xuất bản đã đành họ có tài năng – nhưng nếu không gặp những tấm lòng có công đọc dùm, công góp ý sửa chữa, công in ấn sao cho trang nhã... thì thử hỏi nền văn học tiên chiến có đơm bông kết trái sum suê đầy màu sắc tốt tươi như ta đã thấy không?

Loại Sách Lá Mạ: Loại này đặc biệt bìa màu lá mạ (bleu turquois) in trên khổ giấy báo gấp lại, khuôn cỡ y như các tờ Tuần báo xuất bản ở Hoa Kỳ hiện nay.

Loại sách này đã xuất bản được các cuốn: *Hồn Bướm Mơ Tiên* (có in thêm truyện ngắn *Số Đào Hoa*), cuốn *Tối Tầm*, cuốn *Vàng và Máu*, bộ *Tiêu Sơn Tráng Sĩ* (gồm tập 1 và 2).

* Riêng *Hồn Bướm Mơ Tiên*, tái bản từ năm 1939 trở đi thì lại in thêm các truyện *Cô Dâu*, *Lưu Bình Dương Lễ*. Cả hai truyện này, Khải Hưng đã dựng lại với một bố cục thật mới và cách hành văn thật tuyệt diệu.

Và tất cả các sách do Tự Lực Văn Đoàn xuất bản đều có in thêm những ấn bản đặc biệt trên giấy *Vélin de Cuive*, giấy *Bouffant Crème*, giấy *Lụa Gió*...

dành cho các độc giả thích chơi sách mỹ thuật, có đánh số thứ tự và thủ bút chữ ký của tác giả, ngoài những bản thông thường phổ biến và giá rất bình dân.

Hai họa sĩ nổi tiếng nhất nước Việt Nam “nhất Trí nhì Vân” thực hiện phần trình bày, nên có thể nói ngay từ thập niên 30 đến ngày hôm nay, các sách do Đời Nay xuất bản vẫn có một giá trị lớn cả về hình thức lẫn nội dung – chưa có một nhà xuất bản Việt Nam nào khác so sánh nổi hoặc đuổi theo kịp. Hơn nữa, các chính thể Việt Nam suốt từ 1945 đến nay, vẫn phải trích in các tác phẩm của T.L.V.Đ cho học sinh và sinh viên các thể hệ học.

Loại Năng Mới: Loại sách này màu vàng nắng, mát mắt. Chúng tôi thấy đã xuất bản được cuốn Mười Điều Tâm Niệm của Hoàng Đạo, cuốn Theo Giọng của Thạch Lam. Ngoài ra, còn có Loại

Gió Bốn Phương, dịch in các tác phẩm ngoại quốc.

Loại Nền Cũ: Tự Lực Văn Đoàn có thiện chí, muốn và mong bảo tồn “kho tàng Văn Học dân gian”, tiếc thay mới ở trên “chương trình hành động”, chứ chưa kịp thực hiện.

Bởi suốt thời gian từ 1940 đến 1945 có rất nhiều biến cố trọng đại xảy ra trên đất nước khiến *Tự Lực Văn Đoàn* hầu như chẳng còn ai hoạt động nữa:

Nhất Linh sang Trung Hoa cùng với các anh em đồng chí đẩy mạnh công cuộc Cách Mạng Dân Tộc.

– Thạch Lam từ trần.

– Khái Hưng cũng sang Tàu, hy vọng tiếp tay cùng với Nhất Linh chung sức hoạt động. Nhưng tất cả anh em đều nhận thấy cần phải có sự hiện diện của

Khái Hưng ở Quốc Nội hơn là ở Hải Ngoại, nên Khái Hưng đành phải chấp hành.

– Trở lại Việt Nam, Khái Hưng bị nhà đương cuộc Pháp bắt giam, đưa đi an trí tại Vụ Bản - Nho Quan, tỉnh Hòa Bình mãi tới năm 1943 mới được trả tự do.

Hòa mình vào dòng Cách Mạng ngày càng sôi động sắp chín mùi trong khi chính nước Pháp đang bị Phát xít Đức kiểm chế, chỉ còn là một thực thể hữu danh vô quyền khiến cả Đông Dương lung lay sắp rơi vào tay Phát xít Nhật.

Khái Hưng cùng với Bác Sĩ Nguyễn Tường Bách tiếp tục hoạt động: quy tụ lại một số anh em và ra báo. Tờ “Ngày Nay - Kỷ Nguyên Mới” này mang đậm màu sắc Cách Mạng và như một sửa soạn cho một xã hội sắp tới thời kỳ lột xác: nền độc lập tự chủ của dân tộc Việt Nam! Dịp này,

về tiểu thuyết, Khái Hưng viết truyện dài “Xiềng Xích”. Thời gian 1943 - 1945 Khái Hưng xông xáo nhiều, viết nhiều và có mặt trong hầu hết các buổi họp có liên hệ tới vận mệnh đất nước. Là linh hồn và là một trong những thành viên của Tự Lực Văn Đoàn, bấy giờ hầu như chỉ còn có một mình Khái Hưng thôi nên ông và ông Nguyễn Tường Bách rất mệt nhọc, rất vất vả với công tác...

Viết về Khái Hưng, nhà văn nhà báo và là một chiến sĩ Cách Mạng cho thật trọn vẹn thật đầy đủ, thực sự phải cần tới vài biên khảo gia hoạch định từng tiết mục soạn thành một cuốn sách vài ngàn trang.

Ở đây, trong một thời gian ngắn, tưởng nhớ về Khái Hưng đã rời bỏ vĩnh viễn Văn đàn Việt Nam gần 50 năm, chúng tôi liền gợi ý cùng các bạn văn

nghệ sĩ, các chiến hữu thân hữu “viết về Khái Hưng” để in chung trong một tuyển tập “Kỷ Vật Đầu Tay Và Cuối Cùng” này.

Các thân hữu chiến hữu của Khái Hưng mà ít nhiều chúng tôi có quen biết từ trên nửa thế kỷ trước đây, hiện ở Hải Ngoại cũng như ở Quốc Nội, có thể còn khá nhiều người. Và mỗi vị, ít nhiều cũng có chút kỷ niệm với nhà văn Khái Hưng, trong đôi ba lần tiếp xúc.

Tuy nhiên vì hoàn cảnh khó khăn về nhiều mặt, như ở Hoa Kỳ, mỗi vị lại ở mỗi tiểu bang khác nhau, người lại ở Pháp, ở Đức, ở Anh Quốc, Úc và Canada... người thì ở Việt Nam... thêm nữa chúng tôi lại không có địa chỉ để liên lạc, nên đành cố gắng với khả năng hạn chế của mình, hy vọng hoàn thành tuyển tập này.

Chúng tôi nghĩ trên sáu chục năm trước đây, nhiều thế hệ học sinh chúng ta

đã học Văn Khái Hưng trong Tự Lực Văn Đoàn thì ngày hôm nay và tiếp nối đến ngàn năm sau nữa vẫn còn có rất nhiều thế hệ sinh viên học sinh Việt Nam còn phải học Văn Khái Hưng và đọc các sách do Khái Hưng viết cũng như của các thành viên khác của *Tự Lực Văn Đoàn*. Có lẽ nghĩ vậy nên sau 40 năm cấm đồng bào đọc Khái Hưng, ở Việt Nam bây giờ người ta đã lại khởi sự cho in lại các tác phẩm của Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam... để cho các sinh viên - học sinh đọc và học rồi. Cũng như phổ biến rộng khắp trên thị trường sách báo toàn quốc, như một phục hồi danh dự cho sự nghiệp Văn Học của Khái Hưng cũng như toàn thể Nhóm Tự Lực Văn Đoàn vậy. Nói chung mọi chủ thuyết chính trị có thể chỉ có giá trị nhất thời, của một thời điểm nhất định nào đó thôi. Còn Văn Chương thì như Chân Lý: vẫn muôn đời tồn tại!

Chúng tôi cũng rất tiếc là không tìm được đủ người viết về Khái Hưng. Như trường hợp cần phân tích cho thật đúng mỗi tác phẩm của Khái Hưng. Cuốn tiểu thuyết tâm lý nữ giới Khái Hưng viết từ năm 1939, nhan đề “ĐẸP” chẳng hạn, để so sánh với cuốn tiểu thuyết “YÊU”, Chu Tử viết và xuất bản cách 20 năm sau. Đọc, chúng ta sẽ nhận ra ngay cái tinh vi bén nhạy “vượt thời gian và không gian” của Khái Hưng – luôn đi trước thời đại hàng 2, 3 thập niên – để mà khâm phục ông, vinh danh ông: “Khái Hưng thật xứng là bậc thầy của nền Văn Học tiền chiến” mà chúng ta không mấy ai làm văn nghệ mà không ít nhiều bị ảnh hưởng.

Khái Hưng không ồn ào, không bao giờ tự đánh bóng mình. Chỉ cần cù, nhẫn nại làm việc và xuất bản. Đức tính khiêm nhường ấy đã được nhiều văn nghệ sĩ đương thời kính phục. Và chỉ một lần được tiếp xúc, ai cũng phải công

nhận rằng ông rất tế nhị, cởi mở, giàu tình cảm với tất cả.

Vào một buổi chiều cuối Hè năm Đinh Hợi - 1947, tình cờ mua được một số tác phẩm của Khái Hưng bày bán ở chợ trời Đồng Quan, tôi xuống thuyền về thăm gia đình.

Ngẫu nhiên tôi gặp ni cô Diệu Hiền mà tôi chẳng hề quen biết từ trước, cũng về thăm nhà, ở gần thị xã Ninh Bình. Chúng tôi cùng đi chung trên chuyến đò dọc về Cống Thần. Rồi lại cùng đi trên con đường nắng từ Cống Thần, nhẩn nha suốt ngày tới khuya đêm⁸.

Khi chia tay, nàng kể cho tôi nghe: nhà văn Khái Hưng thực sự đã bị thủ tiêu tại một vùng quê ở Nam Định rồi. Và nàng khuyên tôi “nên tìm đường về

8 Xin đọc truyện “Vượt Đỉnh Trăng Sao” có in trong tuyển tập này.

ngay Hà Nội để tránh mọi hiểm họa bất ngờ đổ xuống đầu!”

Tôi đã nghe theo và trở về thành phố ngày 26 tháng 10 năm 1947.

Gặp lại nhiều bạn cũ, tôi tiếp tục sinh hoạt với Tổ Chức. Nghề nghiệp chính của tôi vẫn là viết văn, làm thơ.

Cộng tác với báo Thời Sự, có lần các ông Nghiêm Xuân Thiện, Trần Trung Dung và Nhượng Tống có cho biết là nhà văn Khái Hưng đã bị thủ tiêu vào dịp Tết Nguyên Đán Đinh Hợi – 1947, ở Nam Định. Khi rời Hà Nội với gia đình về hậu phương, bạn hữu can ngăn thế nào Khái Hưng cũng không nghe... Thật tiếc quá!

Ngoài việc loan tin về cái chết của nhà văn Khái Hưng, báo Thời Sự còn tường thuật về nhà văn Trúc Khê Ngô Văn Triện nữa: Trúc Khê rời Hà Nội để lánh thực dân Pháp thì lại sa vào tay độc

tài Việt Minh Cộng Sản khát máu giết hại nơi hậu phương.

Kiểm điểm lại những gương mặt thân quen đồng chí, hàng mấy ngàn người đã bị sát hại suốt hai năm 1946 - 1947, và những khuôn mặt Văn Nghệ Sĩ cũng là đồng chí Quốc Dân Đảng, những người anh lớn tôi rất kính trọng xưa rầy là Khái Hưng, Trúc Khê, Nguyễn Triệu Luật, Lan Khai, Vũ Hoàng (tức Vũ Đình Chí)... Mỗi vị bị thủ tiêu chết một cách khác nhau: đánh vào đầu cho chết ngất hoặc đâm chém cho ngã quỵ rồi chôn sống như hơn 300 đồng chí ở Hưng Yên "đã được vùi chung một nấm" tại Cánh Đồng Vàng (làng Vàng) trong năm 1946. Cảnh trăm hà đầy các dòng sông cũng thật là nhiều.

Riêng ông Phạm Tất Thắng, Dân biểu đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa năm 1946, chủ nhiệm

Đảng Bộ VNQDD tỉnh Nam Định, được chính tay Hồ Chí Minh trao tặng cho mỗi vị đại biểu Quốc Hội một thẻ ngà có khắc bốn chữ «Bất Khả Xâm Phạm» thế mà cũng bị Hà Kế Tấn, đầu sỏ Công An Nam Định, bắt đem đi thủ tiêu cùng một thời điểm với nhà văn Khái Hưng, trong đêm giáp Tết Đinh Hợi, nhằm ngày 27 tháng 1. 1947 dương lịch. Tội ác của Hồ Chí Minh và CSVN thật không sao kể xiết.

Làm báo, viết văn, tôi cần nhiều tài liệu. Một người anh em, biết tính tôi cần thận và yêu sách báo, bèn giao cho tôi quản lý tất cả những số báo Chính Nghĩa và Việt Nam, cơ quan tranh đấu của VNQDD do Khái Hưng chủ biên trong thời gian 1945 - 1946.

Một thời gian sau, nghe tin tôi còn

giữ được một số sách báo của Tự Lực Văn Đoàn, nhà văn Đỗ Tốn đã đích thân tới tìm gặp và xin tôi tập truyện “Hoa Vong Vang” của anh, (xin những hai cuốn) để giao cho ông Nhất Linh tái bản.

Vài hôm sau Đỗ Tốn lại tìm tôi để hỏi xin tờ báo Việt Nam số Xuân Bính Tuất, trong đó có đăng bài của anh, một truyện ngắn nhan đề “Ả Hửu”.

Tôi vui lòng tặng cho Đỗ Tốn tờ báo này và khuyên Đỗ Tốn nên dùng truyện ngắn Ả Hửu để viết đầy đủ về cô gái Trung Hoa ấy, tiếp nối những ngày cô còn kẹt lại, sống tại Liễu Châu sau khi các anh em Cách Mạng Việt Nam về nước, năm 1945 - 1946.

Đỗ Tốn cho là phải và đã viết thành truyện dài nhan đề «Người Thiếu Nữ Kỳ Dị», được in thành sách vào cuối thập niên 60. Làm văn nghệ, tôi vẫn hằng có một tấm lòng với các anh em, không hề

có chút ty hiềm phân biệt. Cuộc đời của tôi xưa nay vẫn vậy.

Khi di cư vào miền Nam cuối năm 1954, tôi đã đem theo các tài liệu của VNQDD còn giữ được và các sổ báo trên. Tôi đã cho xuất bản *Kỷ Vật Cuối Cùng* của Khái Hưng, gồm 2 tác phẩm ông viết trong các năm 1945 - 1946 mà tôi gìn giữ mãi nơi các chồng báo cũ, đến nay chính thức cho tái bản vào dịp này để Tưởng niệm tròn 50 năm ngày Văn Hào Khái Hưng vĩnh viễn rời bỏ văn đàn Việt Nam. Đồng thời cũng trình trọng cho in lại *Kỷ vật đầu tay* của ông là cuốn *Hồn Bướm Mơ Tiên* do Đời Nay xuất bản năm 1933 với sự sửa chữa và bổ sung của chính tác giả, được tái bản vào năm 1939 cùng in chung trong tuyển tập này.

Không quản mọi khó khăn về nhiều mặt, chúng tôi gửi thư mời các thân hữu,

chiến hữu và các văn nghệ sĩ ở khắp hải ngoại VIẾT VỀ KHÁI HUNG và dự định tổ chức Lễ Cầu Siêu cho ông tại khắp Hải ngoại để tưởng nhớ và vinh danh một văn hào của dân tộc.

Các bài viết tưởng niệm Khải Hưng in trong tuyển tập này thực sự không dễ gì có được. Bởi lẽ nhiều vị tuổi già ngại viết, ngại trông về quá khứ xa xưa đầy nổi vinh nhục và máu lệ cuộc đời; nhiều vị lại quá xa xôi cách trở, nên thư đi bài gửi về, có thể hàng tháng, hàng hai ba tháng mới nhận được. Lại còn phải sắp xếp đánh máy, in ấn và lo đủ mọi khoản linh tinh khác mới hoàn thành nổi tác phẩm như ý. Sự cố gắng dẫn thân vượt bậc ấy, phải nói là do một thúc đẩy siêu nhiên chú thực ra với tuổi tác của tôi hiện giờ và so với sức khỏe ngày một sút giảm, tôi chẳng còn có thể lạnh lẽo đáp ứng như thời gian ba bốn chục năm trước nữa. Ấy vậy dầu chỉ có một mình – mình khởi

xướng, và chỉ riêng mình mình thực hiện công tác đề ra, sáu tháng sau – kể từ tháng 6 đến tháng 11 - 1997 – tuyển tập “Kỷ vật đầu tay và cuối cùng” của Khải Hưng, với những bài viết về ông, đã tạm gọi được là hoàn tất đúng thời gian “trọn 50 năm NGÀY TƯỞNG NIỆM VĂN SĨ”.

Công lao ấy thật nhờ ở tấm lòng ưu ái của toàn thể các thân hữu, chiến hữu và quý đồng hương đã rất mến Khải Hưng, tiếp tay viết bài và giúp đỡ. Chúng tôi xin mượn lời thơ của Nguyễn Du đa tạ lòng tri kỷ:

Mai sau dù có bao giờ

Đốt lò hương ấy...

Từ năm 1943 đến năm 1946, thật sự tôi có duyên nợ quá sớm với Cách Mạng. Tuổi trẻ, chúng tôi chẳng bao giờ nghĩ tới trong số các bạn học, các «đồng chí lớn tuổi», ai là người theo Cách Mạng

có màu sắc Đỏ, Trắng, Xanh hay Vàng? Thành thử rất nhiều tổ chức Cách Mạng thời bấy giờ, chúng tôi đều có sự liên hệ khá thân qua tình bằng hữu. Kể cả Mặt Trận Việt Minh. Nhưng tôi xa họ dần và sau Ngày Tang Yên Bái 17. 6. 1945, tôi chỉ hoạt động dưới cờ VNQDD và hoạt động liên tục cho tới ngày hôm nay - 1997.

Nói thế để quý bạn hiểu cho rằng tuổi trẻ 1943 - 1945 nói chung, chúng tôi không hề có sự lựa chọn «màu sắc Cách mạng» để phụng sự Đất Nước và Dân Tộc. Nhiều bạn học của chúng tôi cũng vậy, sau đó đã bị phỉnh gạt «đi theo kháng chiến chống giặc Pháp, chống đế quốc Mỹ và trở thành đảng viên Cộng Sản V.N sau 1954». Phần riêng, tôi rất dè dặt, thận trọng – và trong "khu chiến", tôi đã giấu kỹ hành tung của mình, đối phương không sao dò tìm ra nổi.

Với *Tự Lực Văn Đoàn*, ngay từ năm 1943, khi về ẩn ở hang Pác-Bó điều động Mặt Trận Việt Minh, Lý Thụy tức Nguyễn Ái Quốc tức Hồ Chí Minh đã rất lo lắng về vai trò của Khái Hưng và Nhất Linh trong *Tự Lực Văn Đoàn*. «Họ rất có ảnh hưởng đến giới trí thức, nhất là giới trẻ. Người ta theo Khái Hưng và Nhất Linh là do sách – báo của họ cổ súy bấy lâu. Vậy phải nắm lấy họ bằng bất cứ giá nào...» Hồ Chí Minh đã nói và dặn dò các đồng chí đàn em của ông như thế⁹.

Nhất Linh và Khái Hưng cũng rất rõ điều đó, nơi tâm hồn Lý Thụy (tức Nguyễn Ái Quốc tức Hồ Chí Minh) ngay từ sau khi Khái Hưng tới Côn Minh gặp các bạn của ông. Rồi Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam, Lý Thái Như và Nghiêm kế Tổ... đã thảo

9 Thép Mới, cán bộ Đảng CSVN, viết về *Tự Lực Văn Đoàn* đăng trên Tuần báo Tuổi Trẻ, Sài gòn vào cuối thập niên 80, đề cập đến nỗi lo sợ của họ Hồ, nếu không nắm được Khái Hưng và Nhóm *Tự Lực Văn Đoàn*.

luyện về việc bảo lãnh giúp cho Lý Thụy ra khỏi nhà tù nơi lòng hang Độc Đăng Sơn ở Liễu Châu¹⁰ và đưa về cho tá túc tại trụ sở VNCMĐM Hội rồi sau đó cử về nước hoạt động với danh nghĩa là ủy viên Hậu bổ của VNCMĐM Hội. Và có lẽ vì thế, Khái Hưng đã quá tin ở một Hồ Chí Minh, một Trần Huy Liệu, một Võ Nguyên Giáp... cùng một lô đàn em mà ông đã nâng đỡ trong thời cực thịnh của *Tự Lực Văn Đoàn* nên đã bị lường gạt và chết tức tưởi như ngày hôm nay chúng ta đã rõ.

Tuyển tập *Kỷ Vật Đầu Tay Và Cuối Cùng* này, ngoài việc vinh danh một văn hào của dân tộc Việt Nam, còn là một kỷ

10 Xin đọc tài liệu «Một thoáng mong manh còn nhớ mãi! Cụ Lý Thái Như ghi lại quãng thời gian Khái Hưng vừa từ Trung Hoa về nước, tiếp đến việc các lãnh tụ Quốc Dân Đảng đã cứu Lý Thụy tức Hồ Chí Minh ra khỏi nhà tù của Trương Phát Khuê dưới lòng hang Độc Đăng Sơn ở Liễu Châu như thế nào.

vật gửi đến toàn thể bạn đọc và giới trẻ, nhất là các thế hệ tương lai, để các bạn được hiểu tường tận về sự nghiệp Văn Học của Khải Hưng, nhà văn, nhà báo, và là một chiến sĩ cách mạng... cho thật đầy đủ và trọn vẹn.

Santa Ana, California

26 tháng 10-1997

NGUYỄN THẠCH KIÊN

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ
NHÀ VĂN KHÁI HƯNG
TRẦN KHÁNH GIU
(1896-1947)

1896: Ông sinh năm 1896, không rõ ngày tháng, là con cụ Trần Thế Mỹ, làm quan Tuần Phủ và là con rể cụ Lê Văn Đính làm quan đến chức Tổng Đốc. Ông thi đỗ tú tài phần thứ nhất rồi ra dạy ở trường tư thực Thăng Long - Hà Nội.

1932: Ông cộng tác với Nhất Linh xuất bản tờ tuần báo “Phong Hóa” (Customs)

1935: Xuất bản tờ “Ngày Nay” (Today)

1939: Bắt đầu hoạt động chống Pháp.

1940: Sang Trung Hoa.

1941: Bị Pháp bắt giam sau khi ở Trung Hoa về.

1943: Xuất bản tờ “Ngày Nay - Kỷ Nguyên

1945: Điều hành tờ “Chính Nghĩa và tờ Việt Nam”, cơ quan tranh đấu của VNQDD; nội dung cả hai tờ đều chống Cộng và chống thực dân Pháp.

1946 - 1947: Bị cộng sản giam ở Lạc Quần (Nam Định) và sau đó bị hạ sát ở bến đò Cựa Gà (gần Cổ Lễ Nam Định).

TÁC PHẨM CỦA KHÁI HÙNG

1933: Hồn Bướm Mơ Tiên

1934: Nửa Chừng Xuân

1936: Trống Mái

Cả ba đều là tiểu thuyết có khuynh hướng lý tưởng.

1940: Thừa Tự, Thoát Ly, Gia Đình:
Tất cả đều là tiểu thuyết phong tục.

1940: Hạnh - 1941: Đẹp, Những Ngày Vui: Cả ba quyển đều là tâm lý tiểu thuyết.

LINH TINH.

1940: Tiêu Sơn Tráng Sĩ (lịch sử tiểu thuyết)

Truyện Ngắn: Dọc Đường Gió Bụi (1936), Tiếng Suối Reo, Cái Ve...

Viết Chung Với Nhất Linh: Gánh Hàng Hoa (1934), Đời Mưa Gió (1934), Anh Phải Sống (1934).

Kịch: Tục Lụy (1937), Đồng Bệnh (1940), Đội Mũ Lệnh...

Viết sau 1945 trước khi bị thủ tiêu: Bóng Giai Nhân và Khúc Tiêu Ai Oán.

Loại Sách Hồng: Ông Đồ Bể, Cóc Tía, Quyển Sách Ước, Bông Cúc Huyền, Cái Ấm Đất... Tác phẩm dịch chưa xuất bản: Liêu Trai Chí Dị toàn tập, nguyên văn của Bồ Tùng Linh. Bản thảo đã mất. Thấy quảng cáo sẽ xuất bản hồi năm 1943 - 1944 trên bìa sau cuốn tiểu thuyết Thanh Đức (tức Tội Lỗi).

Khái Hưng bắt đầu viết tiểu thuyết có khuynh hướng lý tưởng. Rồi ông quay sang viết tiểu thuyết phong tục. Sau

cùng là tiểu thuyết tâm lý. Ông là một tiểu thuyết gia viết rất phong phú của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Trong “Nửa Chừng Xuân” Khải Hưng đã, cũng như Nhất Linh trong “Đoạn Tuyệt”, công kích những phong tục lỗi thời của xã hội Việt Nam thời đó. Đặc biệt là sự xung đột giữa phái mới Tây học với phái cựu học chịu ảnh hưởng của Nho giáo chung quanh vấn đề tự do trong hôn nhân. Về phương diện hình thức lời văn của ông có lúc giản dị, trong sáng, có lúc điêu luyện, giàu nhạc tính như thơ.

Khải Hưng cũng là người viết truyện nhi đồng rất hay. Những tập truyện nhỏ “Sách Hồng” như Cái Ấm Đất, Ông Đồ Bể... đã được nhiều người cho là những kiệt tác. Ngoài ra ta cũng nên biết thêm là ông cũng đã là một nghệ sĩ rất có hồn thơ. Bằng cố là ông đã là dịch giả một số bài thơ chữ Hán nổi tiếng của Lý Bạch. Nhưng giá trị hơn hết trong số thơ dịch

của ông chính là bản dịch bài Sonnet d'Arvers, cho tới nay vẫn còn nhiều người nhớ và cũng chưa có ai dịch hơn ông được.

Ông mất đi là cả một thiệt thòi lớn cho nền văn học Việt Nam.

HOÀI CHÂU

KHÁI HÙNG
TRONG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

HỒN BƯỚM
MƠ TIÊN

Tiểu thuyết

TỰA CỦA NHẤT LINH

Minh họa: Tạ Tỵ, Vũ Hối, Hương Kiều
Loan, Nguyễn Thanh Thu, Đinh Hiễn,
Mùi Quý Bông, Hồ Thành Đức



ĐỜI NAY



Nhà văn quá cô'
KHÁI HƯNG
qua nét vẽ
TẠ T.Y
1979 - USA

Phụ bản mẫu Hồn Bướm Mơ Tiên

Phi Lộc

TỰA

Quyển HỒN BƯỚM MƠ TIÊN là quyển truyện thứ nhất của Tự Lực Văn Đoàn và là quyển truyện thứ nhất của ông Khải Hưng.

Lối viết truyện này có hai đặc sắc khác những lối viết truyện xưa nay.

Tác giả không tả cảnh rườm rà, chỉ một vài nét chấm phá thanh đậm như những bức thủy họa của Tàu; cảnh tượng truyện nhiếp vẽ nào là tùy theo tâm hồn của người trong truyện; cảnh đối với người có liên lạc nhịp nhàng và linh động.

Tác giả không bàn luận lời thôi: ông khéo đem một vài nhận xét tinh vi, một vài việc thích đáng để phô diễn tâm lý những nhân vật trong truyện.

Vì hai lẽ đó nên truyện HỒN BUỐM MƠ TIÊN có vẻ hoạt động, xem ham mê từ đầu tới cuối; độc giả tưởng như được cùng với người trong truyện cùng sống quãng đời diễn trong truyện.

Vì hai lẽ đó.

HỒN BUỐM MƠ TIÊN là một truyện tình dưới bóng Tủ bi, một truyện tình cao thượng và trong sạch của đôi thanh niên yêu nhau “yêu nhau trong linh hồn trong lý tưởng” như lời tác giả nói. Tác giả đặt câu truyện vào trong một cảnh chùa ở miền trung du Bắc Việt và khéo phô diễn những vẻ đẹp thiên nhiên của miền ấy khiến ta đem lòng yêu những

cảnh đồi núi nó khác hẳn cái cảnh “bùn lầy nước đọng” miền hạ du phẳng lý và buồn tẻ.

Lại thêm được lối văn giản dị, nhanh nhẹn, tuy vui vẻ mà làm cho người ta cảm động vô ngần. Cái cảm ấy là một cái cảm nhẹ nhàng, phảng phất vui buồn tựa như những ngày thu nắng nhạt điểm mưa thưa.

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 1933

NHẤT LINH

I.

Tên con đường Bắc Ninh – Đông Triều chiếc ô xe ô tô hàng bon bon chạy. Bỗng một người hành khách vận âu phục thò đầu ra cửa ngơ ngác nhìn rồi kêu:

– Cho tôi xuống đây!

Sau một tiếng còi lạnh lạnh, xe từ từ đỗ. Người hành khách xuống xe, đi rẽ sang tay phải theo con đường đất gồ ghề, cong queo.

Tuy lúc đó đã vào quãng năm giờ chiều, mà lửa thắp năm hầy còn gay gắt. Mặt trời xiên ánh sáng xuống cái lạch nước phía bên đường, rồi phản chiếu lên, khiến người lữ hành phải đội nghiêng cái mũ dạ về bên trái để che cho khỏi chói mắt.

Hai bên đường, lúa chiêm vàng ối. Từng bọn vừa đàn ông, đàn bà, con gái, cúi khom lưng cầm liềm nhỏ cắt lúa trông dáng vội vàng chăm chỉ lắm, như sợ trời sắp tối không đủ thời giờ mà gặt xong thửa ruộng. Một bọn nữa phần đông lực lưỡng, người thì lấy sức rít dây lạt bó các lượm lúa lại thành từng bó, người thì cầm đòn sóc xuống đất đứng bắt chéo chân, nhìn vợ vắn.

Trong một thửa ruộng ngay sát chân đồi, một đám hơn mười người con gái, công việc đã xong, ngồi nghỉ trên những

bó lúa xếp thành từng đống ở bên vệ đường để chờ bọn đàn ông trở lại gánh nốt.

Thấy người lũ hành một cô trở bạn:

– Chị em ôi, nhà tôi đã về kia kìa...

Mọi người cười rộ. Một cô nữa hát ví:

Hỡi anh đi đường cái quan

Dừng chân đứng lại em than đôi lời

Đi đâu vội mấy anh ơi?

Công việc đã có chị tôi ở nhà.

Các cô vỗ tay, cười rũ rượi. Lũ khách như đã biết tiếng con gái vùng Bắc đão để, cảm đầu rào bước trên đường, không ngảnh cổ lại. Thì cô hát ví lại đứng dậy như muốn chạy đuổi theo và gọi:



– Này anh, anh đưa va-li đây em xách cho. Khốn nạn, thương hại! Nhà tôi đi đường mệt nhọc, mồ hôi, mồ kê thế kia kìa...

Lữ khách đi đã xa, còn nghe văng vẳng sau lưng câu hát gheo:

*Anh về kéo tối, anh ơi,
Kéo bác mẹ mắng rằng tôi dễ dàng.*

Qua cánh đồng lúa, lữ khách đi vào một con đường tối, giữa hai đồi cây cối um tùm. Đường đã gồ ghề lại phải lên

dốc, nên lũ khách mệt nhoài, đặt va-li xuống, ngồi thở.

Lúc bấy giờ, ở vườn sản bên đồi một chú tiểu quần nâu áo nâu, chân đi đôi dép quai ngang sơ sài, đầu đội cái thúng đầy sản, đương lần từng bước leo xuống con đường hẻm. Thốt gặp người lạ, chú bẽn lẽn, hai má đỏ bừng. Có lẽ vì chú tu hành ở vùng quê, không trông thấy người vận tây mấy khi, nên chú sợ hãi chẳng?

Người kia thấy chú giật lùi lại một bước, thì mỉm cười ngả mũ chào, rồi hỏi:

– Thưa chú, chú làm ơn bảo giùm cho từ đây vào chùa Long Giác đường còn xa hay gần?

Chú tiểu tò mò nhìn lũ khách, hỏi lại:

– Thưa ông, ông có phải là ông Ngọc không?

– Vâng chính phải tôi là Ngọc, nhưng sao chú biết?

Chú tiểu hai má càng đỏ ửng, cúi đầu trả lời:

– Thưa ông, vì mấy hôm nay cụ thường nhắc đến ông, cụ nói ông sắp lên chơi văn cảnh chùa.

– Vậy ra chú cũng ở chùa Long Giác?

– Vâng.

– Thế chú cũng về chùa?

– Vâng.

– Gần đến nơi chưa, chú?

– Đi hết con đường đôi này thì trông thấy chùa.

Ngọc đứng dậy xách va-li nói:

– Vậy ta cùng về chùa?

Ngọc đi bên cạnh chú tiểu liếc mắt nhìn trộm, nghĩ thầm:

«Quái lạ! Sao ở vùng nhà quê lại có người đẹp trai đến thế, nước da trắng mát, tiếng nói dịu dàng trong trẻo như tiếng con gái.»

Rồi chàng quay lại hỏi chú tiểu:

– Chú tu ở chùa này từ bao lâu?

– Thưa ông, mới hơn hai năm nay.

Chú tiểu chùng muốn đổi sang câu chuyện khác thốt nhiên hỏi Ngọc:

– Thưa ông, ông là cháu cụ Long Giáng tôi?

– Phải.

– Cháu gọi bằng bác.

– Phải.

– Ông học trường Canh Nông?

– Phải, chú biết tường tận lắm nhỉ?

Chú tiểu cười gượng:

– Ấy, cụ tôi vẫn nói chuyện đến ông luôn.

Lúc hai người ở con đường hẻm đi ra, thì mặt trời đã khuất sau đồi. Gió chiều hây hây đã mát, mùa lúa chín bốc lên thơm phức, khiến Ngọc ngắm cảnh nơi thôn dã êm đềm, trong lòng xiết bao tình cảm.

– Chú tu ở vùng này thú nhỉ?

– Thừa ông, đã xa nơi trần tục mà
mến cảnh chiến am thì không còn lấy gì
làm vui thú nữa.

Nghe câu nói có vẻ con nhà có học,
Ngọc mỉm cười hỏi chú tiểu:

– Chú biết chữ nho?

– Vâng, nhờ ơn cụ dạy bảo, tôi cũng
võ vẽ đọc được kinh kệ.

– Thế thì đi tu sướng lắm, chú ạ. Có
cảnh đẹp... Lại có sách kinh Phật mà đọc
để quên cuộc đời náo nhiệt phiền phức...
Hay tôi xin phép cụ ở lại chùa, tu với chú
nhé?

Chú tiểu quay mặt nhìn sang phía
bên đường rồi giơ tay trở bảo Ngọc, như
muốn nói lảng:

– Thưa ông, chùa Long Giáng kia rồi.

Hai người đứng lại ngắm chùa. Lưng chừng một trái đồi cao, mái ngói mốc rêu chen lẫn trong đám cây rậm rịt, bốn góc gác chuông vượt lên trên từng lá xanh um.

– Chùa đẹp quá, chú nhĩ?

– Vâng, Long Giáng là một danh lam thắng cảnh ở vùng Bắc. Cụ tôi thường thuật cho tôi nghe rằng chùa này dựng lên đời Lý Nhân Tôn. Trước chỉ là một cái am nhỏ lợp gianh, sau vì có một bà công chúa đến xin nương nhờ cửa Phật, nên nhà vua mới sửa sang nguy nga như thế. Câu chuyện thụ pháp của công chúa thực tỏ ra rằng phép Phật huyền diệu biết bao.

– Chú làm ơn kể lại cho tôi nghe có được không?

– Vâng, tôi xin thuật hầu ông nghe những lời cụ tôi đã kể. Chắc ông cũng biết đức Thái Tổ nhà Lý, khi còn hàn vi, nhờ đạo Phật rất nhiều nên lúc Ngài lên ngôi rồi, Ngài dốc lòng chăm chỉ sửa sang các chùa chiền. Đến đức Nhân Tôn vì bận việc chinh phục Chiêm Thành và chống chọi với nước Tàu nên trễ nãi đạo Phật.

“Ngọc Hoàng Thượng đế muốn giúp nhà vua tỉnh ngộ, liền cho một nàng tiên nga giáng thế đầu thai, tức là Văn Khôi công chúa. Công chúa nhan sắc diễm lệ một thời, nhưng khi lớn lên, chỉ ngày đêm học đạo tu hành. Sau vì nhà vua cố ý kén phò mã, công chúa liền đương đêm lén bước trốn đi, nhờ có các thần

tiên đưa đường tới nơi này xin thụ pháp đức Cao Huyền hòa thượng.

“Về sau có thám tử báo tin, đức vua mấy phen cho quan quân đến chùa đón công chúa về triều. Công chúa nhất định không nghe. Nhà vua nổi giận, truyền quan quân phóng hỏa đốt chùa. Ngọn lửa vừa nhóm, bỗng một con rồng vàng hiện lên phun nước tắt ngay. Vì thế chùa này mới lấy tên Long Giáng tử thuở ấy. Nhà vua nghe tin cả sợ. Từ đó Ngài dốc lòng tin theo phép mầu nhiệm của đức Thích Ca Mâu Ni và lập tức cho sửa sang chùa để công chúa ở lại tu hành. Chùa này vì thế bắt đầu trùng tu từ thời ấy, đã bao phen tu bổ lại, nhưng kiểu chùa vẫn y nguyên như cũ.

Ngọc mỉm cười:

– Chú biết rộng lắm nhỉ?

Chú tiểu cúi mặt nhìn xuống đất, se sẽ đáp:

– Thưa ông, đây là cụ tôi kể cho nghe, tôi chỉ thuật lại mà thôi.

– Nhưng chú thuật khéo lắm. Lại thêm chú có cái giọng dịu dàng êm ái quá.

Lần này là lần thứ ba, chú tiểu nói lảng:

– Chết chữa, nói mãi. Nay đến phiên tôi thỉnh chuông. Ta đi thôi, không về trễ cụ quở...

– Ở chùa không còn ai?

– Có chú Mộc nhưng nay đến phiên tôi.

– Cụ chưa thấy chú về, chắc cũng bảo chú Mộc đánh chuông thay chứ gì?

Nói dứt thời thì ngẫu nhiên chuông đầu như đáp lại, khoan thai đồng dục buông tiếng. Ngọc mỉm cười:

– Đấy, chú coi, tôi nói có sai đâu.

Phía tây, sau dãy đồi cỏ biếc, sắc trời đỏ ửng, lấp loáng qua các khe đám lá xanh đen. Mái chùa rêu phong đã lẫn màu cùng đất, cùng cây, cùng cỏ. Khoảnh khắc, mấy bức tường và mấy cái cột gạch quét vôi chỉ còn lơ mờ in hình trong cảnh nhuộm đồng một màu tím thẫm.

Trong làn không khí yên tĩnh, tiếng chuông thông thả ngân nga như đem mùi thiền làm tăng vẻ đẹp cảnh thiên nhiên. Lá cây rung động, ngọn khói thướt tha, bông lúa sột soạt, như cảm tiếng gọi của Mâu Ni muốn theo về nơi hư không tịch mịch.

Ngọc liếc mắt nhìn chú tiểu, thấy chú vừa đi, miệng vừa lâm râm cầu nguyện, nét mặt có vẻ mặt tưởng trầm tư.

Cái buồn rất hay lây. Đi cùng đường với một người, hình dung cho chí tâm hồn phải đều nhuộm một vẻ ủ ê chán ngán, Ngọc cảm thấy trong lòng nảy ra mối sầu vắn vơ, man mác và đoái nghĩ tới cảnh náo nhiệt phiền phức ở Hà Thành.

Nhưng tuổi thanh niên dễ buồn mà cũng dễ vui. Lúc ấy lên đồi, đường đi khắp khảnh, đá sỏi thì trơn, lại thêm trời nhá nhem sắp tối, nên Ngọc trượt chân suýt ngã, văng cái va-li xuống sườn đồi. Chú tiểu vội kêu:

- Chết chúa! Ông có can gì không?
- Không.

Ngọc toan trèo xuống dốc nhặt va-li thì chú tiểu đã vội đặt thúng sẵn, thoăn thoắt chạy xách lên.

– Cảm ơn chú.

Hai người cười ồ. Chú tiểu nói:

– Ông nên cẩn thận, gần đến chùa rồi có cái giếng cạn ở bên đường khéo mà ngã xuống đấy thì khốn. Để tôi đi trước dẫn đường cho.

– Cảm ơn chú. À quên, tôi chưa hỏi tên chú gì?

– Tôi là Lan.

Rồi chú trở tay bảo Ngọc:

– Tam quan đây rồi.

Tam quan chùa Long Giáng cũng như nhiều tam quan các chùa vùng Bắc, cách kiến trúc rất sơ sài. Trông như cái

quán, có ba gian hẹp, trên nóc làm dô lên một cái mái nhỏ giống hệt cái miếu con. Vả tam quan không có cánh cửa mà hình như chỉ một cảnh để bài trí cho đẹp mắt chứ không dùng để ra vào. Vì thế tam quan xây ngay trên sườn đồi đứng thẳng như bức tường không ai leo lên được. Còn ra vào đã có cái cổng con.

Chú tiểu Lan đưa Ngọc đi qua một cái vườn sắn, rồi vòng quanh một bức tường hoa. Một người điền tốt, cởi trần, quần nâu ống xoắn lên qua gối ở trong bếp chạy ra. Anh ta chưa kịp trông thấy Ngọc, vội vã gặp với chú tiểu:

– Kìa chú Lan, cụ vừa quở chú đấy.

– Cụ đâu?

– Cụ đương làm lễ ở trên chùa. Sao hôm nay chú về muộn thế?

Chú tiểu vừa nói vừa trở Ngọc đứng cách đây mấy bước:

– Tôi gặp ông Ngọc là cháu cụ đến văn cảnh chùa nên đi hơi chậm, chú bảo chú Mộc lấy gạo tám thổi cơm nhé, để ông Ngọc xơi cơm.

Ngọc đỡ lời:

– Thôi đi, chú cho tự nhiên, tôi ăn cùng một thứ cơm với các chú cũng được mà.

Anh điên tốt cười:

– Thưa ông, chúng tôi ăn cơm hẩm với dưa, ông xơi sao được.

Chú tiểu Lan mỉm cười:

– Vâng, ông nói rất phải. Đã đến cảnh chùa thì cũng phải ăn kham khổ. Trước cụ tôi cũng chỉ xơi cơm hẩm. Mấy

năm nay, vì cụ tuổi tác, yếu đuối mà xơi mỗi bữa có một chén, nên nhà chùa cấy riêng một mẫu tám để cụ dùng. Nhưng mời ông hãy vào nghỉ trong nhà tổ để đợi cụ xuống.

Ngọc theo chú tiểu đi vào một tòa nhà gỗ thấp lợp ngói, bên trong bài trí rất sơ sài. Ở gian giữa sau cái bệ đất trên giải chiếc chiếu đã cũ là bàn thờ Tổ đặt trong một cái hậu cung xây thùng ra như cái miếu. Ngọc vén bức màn vải tây đỏ lên thấy bày xếp hàng đến hai chục pho tượng, liền hỏi chú tiểu:

– Đây là các vị sư tổ có phải không, chú?

Không nghe tiếng trả lời, Ngọc quay lại thì chú tiểu đã đi từ bao giờ. Ngồi đợi một lúc lâu, Ngọc vẫn không thấy ai ra vào.

Trời dần dần tối. Một lát sau, trông không rõ các thứ bày trong nữa. Lại thêm ngoài sân lò mờ có bóng trắng, nên ở chỗ tối nhìn ra, thấy như mình ngồi trong một cái hang sâu vậy.



Tranh điêu khắc của Hoàng Hoán

Ngọc vừa mệt, vừa khát đương mong có người nào để xin chén nước thì qua

cái giai che hiên thấp thoáng có ánh đèn từ dưới bếp đi lên. Rồi tiếng người nói:

– Này chú Mộc, tôi đã bạch cụ rồi. Cụ sắp xuống đấy. À, trong khi tôi bận làm đèn thì chú đã lấy nước để ông Ngọc rửa mặt chưa?

Tiếng trả lời:

– Chưa, tôi đang bận giã vừng.

– Thế bà Hộ đâu? Nhưng thôi, tôi đem đèn lên rồi tôi lấy cũng được.

Chú Lan bước vào. Cây đèn dầu hỏa hình búp măng chiếu sáng lên, mặt chú trông càng xinh lắm. Ngọc ngắm chú lại tưởng đến bức tranh người con gái Nhật cầm chiếc đèn xếp của họa sĩ Utamaro. Nụ cười tự nhiên trở trên môi Ngọc khiến chú tiểu ngược mắt trông thấy, ngượng

nghe lúng túng, đặt cây đèn xuống án thư rồi vội bước ra ngoài.

– Này chú Lan, chú làm ơn cho tôi xin ấm nước nhé.

Chú tiểu, chân trong chân ngoài, quay cổ lại trả lời:

– Vâng, mời ông ngồi chơi, rồi nhát nữa xuống nhà trai xơi nước và xơi cơm.

– Thì chú đi đâu vội thế? Hãy vào đây tôi hỏi câu chuyện đã.

Chú Lan ngần ngừ bước vào:

– Thưa ông, đây là nhà tổ; sư Tổ thụ trai, nghĩa là xơi cơm ở buồng bên. Còn khách thập phương thì xơi cơm nước ở nhà trai, cũng như nhà khách của các ông.

– Phải đấy, chú giảng nghĩa cho tôi

biết ít nhiều phong tục nhà chùa. Này chú, ở nhà Tổ thì thờ các sư Tổ, nhưng hai gian bên cạnh này thì thờ ai thế?

– Đây là các hậu. Nghĩa là những người không có thừa tự, bầu hậu ở chùa thì nhà chùa cúng cho.

Có tiếng guốc lộp cộp ở ngoài hiên. Ngọc nhìn ra: Một vị hòa thượng mình mặt áo vải nâu rộng, chân đi đôi guốc gổ tre già, tay chống cái gậy trúc, ung dung bước vào.

Ngọc đứng dậy chấp tay vái:

– Lạy bác ạ.

– Cháu đấy à? Cháu đã được nghỉ hè rồi?

– Vâng.

– Me cháu được mạnh chứ?

– Cảm ơn bác, me cháu nhờ giời vẫn mạnh.

Chú Lan nghe Ngọc nói, tủm tủm cười, đi ra. Mấy phút sau chú bung lên thau nước, Ngọc trông thấy vội vàng đứng ra hiên:

– Cám ơn chú, chú để đấy cho tôi.

Sư cụ nói tiếp:

– Sao không lấy ghế đẩu? Chú không thấy thấy ấy vận quần áo tây à?

Ngọc đỡ lời:

– Được, bác để mặc cháu.

Rồi trở vào cái khăn mặt vải ta nhuộm màu nâu còn mới, hỏi chú tiểu:

– Khăn của chú đấy chú, chú Lan?

– Thưa ông, khăn mới lấy ở hòm ra đấy ạ.

Sứ cụ mắng:

– Sao không lấy khăn mặc bông để thầy ấy dùng?

Rồi quay lại hỏi Ngọc:

– Cháu mới đến nhà chùa mà đã biết tên chú ấy là Lan?

– Thưa bác, cháu gặp chú Lan hỏi chuyện nên biết.

Lúc đó Ngọc lại thấy chú tiểu cười. Liên hỏi thăm:

– Sao chú cười tôi?

Lan khẽ đáp:

– Vì thấy ông xưng cụ là bác. Ông nên bạch cụ. Đã xuất gia tu hành thì

người nhà dẫu thân đến đâu cũng không nhận được họ.

Ngọc mỉm cười:

– Thế à? Cảm ơn chú, nhé. Xưa nay tôi không hỏi tường tận nên không biết.

Một lát, chú Mộc lên mời Ngọc xuống nhà trai ăn cơm. Ngọc đứng lên xin phép sử cụ rồi theo chú tiểu đi qua sân, tới một nếp nhà ngang dài đến mười gian, nhưng chỉ để ba gian làm nhà tiếp khách thập phương, còn thì ngăn ra từng buồng làm phòng ngủ. Ở đây bài trí có phần lịch sự hơn ở nhà Tổ: gian giữa, giáp cái sạp gỗ mít, kê một cái bàn, và đôi tràng kỷ lim lâu ngày đã đen bóng. Trên xà treo một cái đèn ba dây, có chụp thủy tinh men trắng. Hai bên kê sát từ tường ra tới ngưỡng cửa ba bộ ghế ngựa quang dầu ghép liền với nhau.

Ngọc nhác nhìn mâm cơm đặt trên bàn mუმ mუმ cười. Buổi tối thấy nhà chùa có vẻ náo nhiệt, nhộn nhịp, kẻ lên người xuống, lách cách bát đĩa, nôi mâm, chàng vẫn tưởng các chú tiểu sửa soạn một bữa tiệc sang để thết khách quý. Ai ngờ trên chiếc mâm gỗ vuông chỉ lòng chông có đĩa dưa, đĩa cà và đĩa muối vùng.

Lúc đó chú Lan bưng lên một bát đậu phụ kho tương, khói bay nghi ngút. Chú hơi cau mặt, hỏi chú Mộc:

- Sao chú không bảo bà Hộ rán đậu?
- Dầu lạc hết rồi, mai mới mua được.

Chú Lan quay lại nói với Ngọc:

- Thưa ông, bữa nay ông hãy xơi tạm. Nếu mai ông muốn dùng cơm mặn, xin bảo bà Hộ làm riêng để ông dùng.

Ngọc tươi cười đáp:

– Cảm ơn chú, nhưng tôi thích ăn cơm chay.

– Ông quen ăn mặn nên dùng vài bữa cho biết mùi, chứ ông ăn mãi cơm chay thế nào được.

– Được chứ. Bên tây cũng có người chỉ ăn rau cùng hoa quả quanh năm mà lại khỏe mạnh hơn là ăn thịt.

– Thế à, thưa ông? Nếu vậy càng hay.

– Không những tôi thích ăn chay, tôi lại muốn xin phép cụ được cùng ăn với hai chú cho vui.

Chú Lan cười:

– Thế không được.

– Sao vậy? Tôi chỉ muốn nếm mọi

sự tham khổ của đạo Phật, vì tôi thấy tôi yêu đạo Phật lắm, nhất từ ngày tôi bị....

Nói đến đây, Ngọc ngừng ngay lại. Suýt nữa chàng đem chuyện riêng của mình ra thổ lộ với chú tiểu. Ngọc không hiểu vì đâu lúc mới gặp chú Lan chàng đã có lòng quyến luyến, và, như người gặp bạn thân, muốn đem hết những sự đau đớn phiền muộn của mình cùng chú chia xẻ.

Ngọc ngồi âm thầm nghĩ ngợi, hình như đương ôn lại một quãng đời dĩ vãng thì chú Lan đã xới bát cơm đặt lên mâm, nói:

- Mời ông xới cơm.
- Cảm ơn chú. Sao chú bảo tôi không thể ngồi ăn với các chú được?
- Thưa ông, có hai cơ: một là, như

thế người ta cười, hai là, chúng ta đã tu hành, thì không phải ăn kham khổ, mà lại không được ngồi cùng mâm với...

– Với người trần tục, phải không?

– Nghĩa là người không tu hành. Như đến mai có dọn cơm ông ngồi xơi hầu cụ cũng phải bưng hai mâm, chứ không được ngồi cùng mâm với cụ.

– Lạ nhỉ? Nhưng nếu như tôi cũng đi tu thì được chứ?

Chú Lan mỉm cười:

– Vâng, nếu ông thụ giới, nhưng khi nào ông lên chức sư cụ thì mới được, nghĩa là ít ra cũng ba mươi năm nữa.

Lúc đó nghe có tiếng mõ. Chú Lan vội vàng chạy lên nhà tổ. Ngọc cũng bắt đầu ăn cơm. Quay ra phía bên thấy chú

Mộc đứng khoanh tay, Ngọc liền hỏi:

– Sao chú Lan nghe tiếng mõ lại chạy hấp tấp đi đâu thế?

– Bẩm, sư tổ gọi.

– Cụ gõ mõ gọi à?

– Vâng. Nếu có hiệu lệnh mà không thừa khiến cụ đánh đến tiếng thứ tư thì chúng tôi phải ra ngay sân quỳ để chịu tội.

– Luật nhà chùa uy nghiêm nhỉ?

– Chả cứ chúng tôi, đến sư bác, sư ông cũng vậy. Năm ngoái sư ông đến đây cũng quỳ đến nửa ngày.

– Thế à? Vậy bây giờ sư ông đâu?

– Bẩm, cụ cho đi trụ trì ở chùa gần đây.

– Vậy ở đây chỉ có chú với chú Lan?

– Vâng.

– Chắc rồi hai chú cũng lên sư bác chú gì?

– Thưa ông, tôi thì còn lâu lắm. Nhưng chú Lan rất sáng dạ. Mới thụ giới hai năm nay kinh kệ đã thông lắm. Có lẽ ít nữa thế nào cũng được lên sư bác.

– Phải, tôi cũng nhận ra như vậy, nhưng chú có biết quê quán chú ấy ở đâu không?

– Bẩm nghe đâu chú ấy ở Ninh Bình, cha mẹ mất cả.

– Nhưng kìa, sao chú không đi ăn cơm?

– Thưa ông, ở chùa chỉ ăn có hai bữa, một bữa sáng sớm, một bữa đúng Ngọ.

– Thế không đói à?

– Khổ hạnh lâu ngày quen đi chứ. Chính phép nhà chùa, thì chỉ dùng được một bữa cơm trưa mà thôi.

– Nhưng tôi chắc đó chỉ là luật pháp nhà chùa, đã dễ ai tuân theo.

– Ấy, những người không tu hành vẫn đều tưởng thế. Có người lại ngờ chúng tôi ăn thịt, ăn cá nữa, nhưng chẳng bao giờ có thế. Nhất là ở đây sư tổ tôi lại nghiêm giới lắm. Sai một tí là cụ phạt ngay.

Ngọc phân thì đói, phần thì cơm chay lạ miệng, nên ăn ngon lắm. Chàng nghĩ bụng: cứ bảo ở chùa kham khổ, nhưng đậu, vừng cùng dưa, cà chẳng kém gì thịt cá. Tự nhiên trong trí Ngọc nảy sinh ra cái ý tưởng muốn xa lánh chốn phồn hoa.

Ngoài sân ánh trăng chiếu lờ mờ, rặng tường hoa lồng bóng xuống lối đi lát gạch, mấy cây đại không lá ẻo lả, uốn thân trong vườn sân um tươi. Vạn vật có vẻ dịu dàng như muôn màu thiên êm đêm tịch mịch....



Sáng hôm sau, Ngọc đương ngủ say, bỗng tiếng chuông chùa inh ỏi đánh thức. Ngọc giật mình, mở choàng mắt, ngơ ngác, không nhớ mình nằm ở đâu. Thấy chú tiểu Mộc bưng đặt thau nước trên chiếc ghế đầu, Ngọc chợt nhớ ra và hỏi:

- Máy giờ rồi chú?
- Thừa ông, vào khoảng cuối giờ dần, sang đầu giờ Mão.

Ngọc nghe nói, mỉm cười, sủng sính bộ quần áo “pijama” ra hiên rửa mặt. Trong vườn trước sân, các lá sắn hình hoa thị còn đọng giọt sương lóng lánh. Dưới chân đồi một dòng nước bạc thấp thoáng lượn trong sương mù.

Mặc xong quần áo, Ngọc vội vàng lên chùa.

Trên chiếc bực gỗ, trái chiếu đậu, sư cụ ngồi tụng kinh, mắt đăm đăm nhìn thẳng vào quyển sách có chữ to đặt trên cái kỷ nhỏ gỗ mộc. Tay phải sư cụ gõ mõ như để chấm câu, cứ đọc bốn chữ lại đánh một tiếng. Tay trái sư cụ đặt trên quyển Kinh, thỉnh thoảng lại rời trang giấy, nhắc chiếc dùi gõ vào thành cái chuông con hình dáng như cái lon sành.

Sư cụ có vẻ tôn nghiêm lắm. Bao nhiêu tâm trí thu cả vào quyển Kinh,

không hề thấy cụ liếc mắt ra chỗ khác. Các pho tượng ngồi trên bệ gạch như đương lắng tai nghe, có vẻ trầm tư mặc tưởng.

Tiếng kinh du dương, mùi trầm ngào ngạt, Ngọc tưởng tượng sống trong một thế giới khác, thế giới mộng ảo thần tiên... Bỗng một tiếng chuông. Ngọc giật mình ngoảnh lại. Theo tiếng ngân, chàng lần tới một cái bậc gạch bên tả, rón rén lần từng bước leo lên cái gác chuông con. Tới bậc thượng cùng, vừa nhô đầu lên, chàng nghe có tiếng “đà Phật” rồi kế tiếp một tiếng chuông. Ngược mắt nhìn, chàng gặp chú Lan tay cầm chiếc võ gỗ.

Thấy Ngọc, Lan hơi đỏ má, mỉm cười ngả đầu chào.

Đôi bạn mới gặp nhau hôm qua nay đã như có chiều thân mật. Song chú tiểu

vẫn chăm chú vào phạn sự: đọc dứt một câu lại đánh chuông. Những câu niệm Phật ấy dần dần ngắn bớt, và những tiếng chuông kế tiếp một lúc một thêm gần nhau cho tới khi đổ hồi.

Ngọc đứng chờ đến mười lăm phút cho chú tiểu đánh xong hồi chuông cuối cùng, đặt võ xuống gác.

– Sao chú phải cầu kinh thế mới đánh được chuông?

Lan cười:

– Đánh chuông phải đọc thần chú, chú.

– Thần chú! Hay nhỉ?

– Nghĩa là mười câu niệm Phật, ba hồi, một trăm hăm ba tiếng.

– Vậy nhớ được cũng khó lắm nhỉ?

– Phải học thuộc lòng chứ.

– Những ba hồi, một trăm hăm ba tiếng! Thảo nào mãi bây giờ mới dứt hồi. Tiếng chuông thứ nhất của chú làm tôi thức giấc. tôi tiếc quá, vì đương giờ cái chiêm bao.

Lan dịu dàng hỏi:

– Thưa ông, chiêm bao lành hay dữ?

– Chiêm bao thú lắm. Tôi thấy tôi đi với một người sư trẻ tuổi, chỉ vào trạc tuổi chú mà thôi. Chúng tôi đi trên con đường quanh co ngoắt ngoéo, ở giữa hai trái đồi. Cây cối um tùm, ánh trăng chiếu sáng qua những khe lá, bóng in xuống đất như gấm như hoa. Một lát sau chúng tôi đến một cảnh bồng lai. Dưới chân một ngọn núi, dòng nước chảy róc rách như tiếng gõ mõ, trên cành, chim hót véo

von, bên mình, ai cười khanh khách. Tôi quay đầu lại, thì lạ quá! Bạn tôi đã biến thành một trang tuyệt thế giai nhân... Ấy chính lúc đó, tiếng chuông của chú làm tôi thức giấc.

Chú Lan bẽn lễn:

– Mộng mị của ông đầu ngô, mình sờ đến buồn cười!

– Lạ nhất là người con gái ấy lại là chú.

Chú tiểu hai má ửng đỏ. Chú cười sảng sặc như muốn giấu hổ thẹn rồi đáp lại:

– Nam mô A di đà Phật! Kẻ đã quả quyết xuất gia tu hành thì trai cũng thế mà gái cũng thế, có khác chi. Vậy bây giờ giá đức Thích già có dùng phép mầu nhiệm bắt tiểu này hóa ra làm gái, cũng

không có gì thay đổi cả, kia mà. Tôi còn nhớ một hôm sư tổ giảng sự tích Phật, có dạy rằng:

“Phật bình sinh đối với đàn bà, con gái vẫn có bụng nghi ngờ, cho rằng bọn họ không những không đủ tư cách để tu hành được trọn vẹn mà lại thường làm sự ngăn trở sự tu hành của những kẻ thành tâm mộ đạo. Cho nên ngài thường dạy các môn đồ đối đãi với đàn bà con gái rất nên cẩn thận, phải xa lánh họ và ra công ngăn ngừa cho khỏi mắc vào lưới dục tình.”

Sư tổ lại theo gương Phật mà dạy chúng tôi rằng: “Đối với đàn bà con gái phải coi họ như mẹ mình, khi họ hơn tuổi, hay bằng tuổi mình, và nếu họ kém tuổi mình thì nên coi như em ruột mình, lúc nào cũng phải yên tâm yên trí như thế mới mong tránh được sự cám dỗ.”

Tôi đã hết sức luyện tâm trí tôi được như lời sư tổ dạy, nên tôi coi đàn ông hay đàn bà không khác nhau chút nào, và ví phỏng bây giờ tôi hóa ra làm con gái, tôi cũng không biết là trai hay gái, chỉ nhớ rằng mình là người xuất gia tu hành mà thôi.”

Ngọc ngờ Lan là gái, nên bịa đặt ra câu chuyện chiêm bao để dò ý tứ. Khi nghe Lan cố lấy giọng tự nhiên, diễn lời Phật dạy, Ngọc lại càng ngờ lắm. Chàng vừa cười vừa bảo chú tiểu:

– Chú cứ dốc lòng cầu nguyện được cái nam vi nữ đi, đức Thích già sẽ chuẩn y cho sự ước vọng của chú được thành sự thật đấy.

Lan có vẻ ngấm ngấm, rồi đột nhiên hỏi Ngọc:

– Đời nay có thể có bậc Quan Âm Thị Kính không nhỉ?

Ngọc ngơ ngác hỏi lại:

– Thị Kính là ai thế, chú?

Lan mỉm cười:

– Vậy ra về đạo Phật ông kém cỏi lắm nhỉ? Thế mà muốn đi tu sao được! Bà Thị Kính tức Quan Âm, là một người Triều Tiên cải dạng nam trang để xuất gia đầu Phật... Chắc nay trong đám phụ nữ chả ai có gan dám cải dạng như thế.

Ngọc ngăn người ra, nghĩ vợ nghĩ vẫn có ý buồn rầu. Quay lại thì Lan đã bước xuống thang.

– Chú xuống đấy à?

– Vâng, tôi đi thắp hương.





NGỌC nấn ná ở chơi chùa Long
Giáng đã mười hôm, tình thân
mật đối với chú tiểu Lan một ngày một
thêm khăng khít, đến nỗi cả chùa sư cụ
cho chí ông Thiện, bà Hộ, đều biết rằng
hai người là một cặp tri kỷ, ý hợp tâm
đầu.

Từ hôm nói chuyện với chú tiểu ở
trên gác chuông, mối hoài nghi của Ngọc
một ngày một tăng. Trí nghĩ lúc nào cũng
nhắc tới câu hỏi:

– Gái hay trai?

Hỏi rồi lại tự trả lời:

– Chả có lẽ là gái, những lời bàn về đạo Phật của chú tiểu có ý khinh bỉ cánh phụ nữ... Nhưng ta cũng ngốc tộ! Phải, nếu hăn là gái thì hăn càng cần phải làm thế để giấu ta chứ... Đích rồi, chính hăn là gái.

Hôm ấy Ngọc hai tay chấp sau lưng, thung thăng đi bách bộ dưới rặng thông già.

– Ta hẹn cho ta mười hôm nữa là cùng, phải tìm ra sự bí mật này.

Lúc ấy có tiếng ai gọi:

– Thầy phán!

Ngọc quay đầu lại. Một bà lão cắp rổ chè tươi rào bước đi tới.

– Bà cụ gọi tôi?

– Thầy có phải ở chùa Long Giác không?

– Phải, cụ hỏi điều gì? Hay cụ muốn bán chè?

– Tôi nhờ thầy bảo giùm chú Lan cho rằng đừng chờn vờn đến nhà tôi nữa mà có ngày què cẳng.

– Sao vậy cụ?

Bà lão mặt hầm hầm tức giận:

– Ai lại đã tu hành còn gheo gái...

– Cụ lầm đấy? Chẳng khi nào chú Lan lại bậy thế.

– Chả khi nào! Con cháu nhà tôi từ ngày nó gặp chú ấy nó sinh ốm, sinh đau, mất ăn, mất ngủ.

Ngọc cười:

– Thế thì lỗi ở cháu cụ, chứ ở đâu chú Lan! Đừng ngờ cho người ta tội nghiệp, cụ ạ.

– Nếu nhìn nó, chú ấy không cười cợt nhí nhảnh thì đâu nên nổi.

– Được, cụ để tôi về bảo chú ấy cho.

Bà lão vui vẻ:

– Vâng, thầy giúp cho. Tôi chào thầy ạ.

– Không dám, chào cụ.

Ngọc chau mày, lo lắng tự hỏi:

– Lạ nhỉ, có lẽ hẳn là trai thật sự ư?... Mà sao hẳn lại không phải là trai? Trí ta tiêm nhiễm tiểu thuyết quá, hóa quần mất rồi.

Ngọc loay hoay suy nghĩ vừa đi vừa nhìn xuống đất. Bỗng nghe tiếng sột soạt trong vườn chè bên con đường hẻm. Kiễng chân nhìn qua hàng rào, thấy chú Mộc đương buộc bó cành khô, Ngọc chào:

– Kìa, chú tiểu.

Chú Mộc chưa kịp đáp lại, chàng đã lấy tay rẽ một lối bước vào vườn:

– Chú đã nhặt đủ hai ôm rồi à? Đưa lạt tôi bó giúp cho một bó.

– Thôi, ông để mặt tôi, không bán áo.

Ngọc ngắm chú Mộc từ chân đến đầu, mუმ mუმ cười. Chú Mộc ngược mặt thấy chàng cười chẳng hiểu chi cũng cười, có biết đâu rằng Ngọc đang so sánh chú với chú Lan, một người quê mùa cục

mịch, một người trắng trẻo xinh xắn.
Ngọc thốt nhiên hỏi:

– Sao tên chú ấy lại là Lan nhỉ? Như tên con gái ấy.

Mộc giảng nghĩa:

– Lan là tên cụ đặt cho. Tên chú ấy chính là Thận kia.

– Sao cụ lại đổi tên cho chú ấy thế nhỉ? Tên Thận cũng hay chứ.

– Vì ai mới tu hành cũng phải bỏ tên cũ, rồi sư tổ đặt cho một tên mới, chọn trong các giống huê, chẳng hạn huê lan, huê quỳ, huê hồng...

Ngọc nghĩ thầm:

– Ra ta lầm to, ta cứ tưởng Lan là tên con gái, té ra chỉ là một tên sư cụ đặt cho.

Khen thay sử cụ cũng khéo tìm được cái tên xứng đáng...

Chú tiểu lại nói:

– Cụ đặt cho chú ấy cái tên Lan là vì chú ấy tới chùa vào đầu mùa xuân.

Ngọc muốn gợi chuyện:

– Nghe đâu chú ấy không được đứng đắn thì phải.

– Không, chú ấy đứng đắn lắm, mộ đạo lắm.

Ngọc lần thẩn hỏi:

– Chú ngủ cùng buồng với chú Lan chứ?

– Không tôi vẫn ngủ ở nhà trai. Còn chú Lan, cụ tin yêu giao cho giữ buồng kho, nên hôm nào cũng ngủ trong buồng

kho, cài then kỹ lưỡng lắm. Nhiều hôm đêm khuya gọi, lay thức gì rất khó khăn.

Một tia ngờ nẩy trong trí Ngọc: làm gì mà cẩn thận quá thế? Thôi, chắc hẳn là con gái rồi.

IV.

NGỌC ở nường chè vể, dáng điệu buồn rầu đứng tựa cột hiên chùa, nhìn vợ vắn. Dưới chân đồi, thẳng cửa Tam Quan trông ra, con đường đất đỏ ngònng ngoè đi tít về phía rặng tre xanh biếc, bao bọc mấy xóm xa xa. Bên đường lạch nước phẳng lặng phản chiếu ánh mặt trời lấp lánh như tấm kính dài.

Cảnh đẹp bỗng gợi lòng thích hội họa của Ngọc.

Xưa nay chàng đi chơi đâu cũng thường đem theo giấy cùng hộp màu thủy họa. Chàng liền xuống nhà trai mở va li lấy các họa cụ lên ngồi vẽ.

Đương hý hoáy trộn pha màu, nghe có tiếng cười khúc khích sau lưng, Ngọc quay lại và kêu: «Chú Lan!» Đương buồn, gặp chú tiểu, chàng lại thấy lòng vui. Chàng cũng chẳng hiểu vì sao cứ vắng chú lâu lâu, là cảm thấy mình nhớ vợ, nhớ vẫn như thiếu cái gì mà không nhận ra. Song ở nơi hẻo lánh không mấy ai biết nói câu chuyện cho ra câu chuyện thì hai người trí thức làm gì mà chẳng chóng thành một cặp tri kỷ. Cái đó có chi lạ!

Chú Lan nghiêng đầu ngắm nghía bức tranh rồi bình phẩm:

– Cây đại ông vẽ sao không có ngọn?

– Không cần có ngọn.

– Vẽ thế sai.

Ngọc mỉm cười:

– Nhưng gần quá thì trông sao đủ toàn thân cây được?

– Thêm vào chứ! Mà cảnh của ông không có người.

– Ấy tôi cũng biết thế, chính tôi đương muốn tìm một người làm kiểu mẫu hộ. Hay chú đứng cho tôi vẽ nhé?

– Cứ nghĩ ra mà vẽ không được à?

– Cũng được, nhưng không đẹp, vì không giống hệt dáng bộ... Đi, chú làm ơn ra đứng tựa gốc cây đại cho một lát.

– Vâng, thì ra. Nhưng ông vẽ mau lên nhé.

Ngọc đặt cái bìa cứng lên hai đùi, cầm bút chì ngồi nghĩ ngợi:

– Chú nhìn ngang về phía rặng đồi bên tả. Được đấy. Chú đứng yên cho.

Độ mười lăm phút sau, Ngọc hai tay cầm giờ bức tranh. Nhắm một mắt lại ngắm nghĩa rồi mủm mỉm cười:

– Xong rồi, cảm ơn chú.

Lan vội vàng bước lại gần ngưỡng cửa, chỗ Ngọc ngồi. Thoạt nhìn, chú kinh ngạc:

– Chết! Sao lại vẽ tôi mặc áo tứ thân như con gái thế?

– Không hề chi. Tôi chỉ mượn chú làm mẫu để vẽ một người con gái đẹp thôi mà.

Chú Lan có dáng không bằng lòng,

ngây ngây quay đi. Ngọc vội giật lại:

– Này chú, chú giận tôi đấy à?

Lạnh lùng, chú tiểu đáp:

– Ông khinh tôi quá. Lần này không biết là lần thứ mấy, ông chế riều tôi, ông coi tôi như một người con gái.

– Không phải là tôi dám khinh chú. Chỉ vì chú đẹp trai lắm kia. Mọi lần, tôi không nhớ, nhưng lần này thì tôi xin lỗi chú, quả thực tôi không có ý gì chế riều chú, tôi chỉ muốn vẽ bức tranh cổ tích.

Chú Lan tuy giận mà cũng không nhận được bật cười:

– Tranh cổ tích thì cần gì có hình tôi?

– Ấy thế mới vẽ chú ra một người con gái... Chính tôi muốn thuật lại bằng nét bút sự tích bà công chúa đời đức Nhân

Tôn xuất gia đầu Phật, câu chuyện chú kể cho nghe bữa nọ ấy mà...

– À ra thế.

– Đây chú coi: công chúa vừa tới chùa, đứng tựa gốc đại già, nhìn về phía Thăng Long, nghĩ tới đức vua cha cùng hoàng hậu, rầu rầu giọt lệ rơi trên má...

– Thế thì ông vẽ sai rồi. Công chúa quả quyết đi tu, mới tới chùa là vui đạo Phật ngay...

– Truyện thực tế vẫn thế. Nhưng tôi muốn tả cái tâm tình công chúa lúc bấy giờ đương phân vân nửa muốn quay về nơi đế đô vì sợ cha mẹ nhớ thương, nửa muốn ở lại mà tu thành quả phúc.

Lan mỉm cười, Ngọc thấy Lan cười cũng cười theo, rồi nói luôn:

– Lúc bấy giờ có tiếng chuông chùa ngân nga như để đánh tỉnh cơn mê, như để gột rửa linh hồn trần tục của công chúa...

Lan lại cười:

– Ông vẽ sao được tiếng chuông?

– Vẽ được. Nghĩa là vẽ công chúa, con mắt lơ lơ ngược nhìn trời như đương nghe chuông chùa mà cầu khẩn đức Thích già Mâu ni, xin ngài cứu vớt cho thoát được chốn trầm luân.

– Nếu ông vẽ được thế thì khéo lắm. Còn vẽ công chúa mặc áo tứ thân thì chắc ông theo sự tích Phật và Phật tổ khi đã rời bỏ cung điện, liền cởi bộ gấm đổi lấy áo cà sa của một vị hòa thượng...

Ngọc tuy không hiểu sự tích Phật cũng trả lời liều:

– Ấy chính thế.

Một lúc lâu, hai người ngồi im lặng trên thềm hiên chùa, mỗi người như đương theo đuổi một ý tưởng riêng.

Về phía đông nam mấy trái đồi phản chiếu ánh chiều tà nhuộm một sắc da cam. Nền trời xanh nhạt, lơ thơ mấy áng mây hồng. In trên cánh đồng lúa chín, màu vàng thẫm, con cò trắng thông thả bay về phía tây, đôi cánh lờ lờ cất lên đập xuống loang loáng ánh mặt trời. Bên cái quán gạch cũ, ẩn núp dưới đám mây đen, trên con đường hẻm, vài ba đứa mục đồng cười trâu hát ngêu ngao trở về trong xóm.

Ngọc cất tiếng hỏi Lan:

– Trong cảnh này tôi tưởng tượng như còn thiếu một thứ gì.

– Ấy là ông tưởng tượng thể thôi.

– Phải. Cái cảnh đẹp thể kia, êm đềm thể kia, dịu dàng thể kia, tôi coi vẫn như không có linh hồn. Cũng như lúc nãy chú bình phẩm bức tranh của tôi, chê rằng thiếu vẻ hoạt động vì không có vẽ người...

Lan cười hỏi:

– Vậy thiếu cái gì?

– Thiếu ái tình... vì cảnh yên lặng, diễm lệ này. Tạo hóa chỉ để riêng cho những người biết yêu thương thức.

Lãnh đạm Lan trả lời:

– Không phải. Thiếu tiếng chuông, vì đến giờ thỉnh chuông rồi mà tí nữa tôi quên bấm.

Dứt lời Lan vội vàng cầm đầu chạy.
Ngọc gọi:

– Đợi tôi với!

Rồi cũng chạy theo sau.

Khi lên đến đầu thang gác chuông, bỗng Lan kêu rú lên một tiếng, lùi lại. Ngọc vừa bước tới, thành thử Lan ngã ngay vào lòng chàng. Ngọc ôm bạn lim dim cặp mắt:

– Cái gì thế?

Câu hỏi như đánh thức linh hồn chú tiểu. Chú giật mình ẩy mạnh Ngọc ra rồi chạy tuột xuống chân thang. Ngọc theo xuống:

– Cái gì mà chú sợ hãi quá thế?

Lan thở hồng hộc ngồi xếp xuống bậc thang, nói không ra tiếng:

– Con... rần!

Ngọc ngơ ngác:

– Con rần à? Chú trông thấy ở đâu?
To hay bé?

Lan, mặt còn tái như gà cắt tiết, nhưng đã hơi hoàn hồn, mỉm cười gượng, trả lời:

– Bằng cái đĩa cả ấy. Nó có đốm hoa... Giờ ời! Hú vía!

– Chú để nó đấy cho tôi.

Ngọc quay đi tìm khí giới. Mấy phút sau chàng trở lại đem theo một cây đòn sóc. Lan đã hết sợ, ngăn lại:

– Thôi, ông đừng đánh người phải tội. Ở nhà chùa không được sát sinh.

– Thế nó cắn mình nó có phải tội không?

Vừa nói chàng vừa xăm xăm chạy lên thang. Khi chàng gần tới nơi, Lan ngửa mặt trông, lo lắng:

– Ông hãy đứng lại nhìn quanh xem nó nằm ở chỗ nào đã, chẳng nhớ vô ý dẫm phải nó, nó cắn thì khổ.

Ngọc theo lời, kiễng chân nhìn khắp một lượt rồi cúi xuống gọi:

– Chú Lan! Cúi lên. Nó chạy rồi, không thấy nó đâu nữa.

Chàng rón rén bước lên rồi xem xét lại một lượt khắp các xó góc chuồng. Chú Lan cũng đã tới, nhón nhác nhìn chung quanh chưa hết sợ.

– Bây giờ thì chú cứ yên tâm niệm Phật thỉnh chuông. Rắn có trở lại đã có tôi tiếp chiến.

Câu nói khôi hài đã khiến hai người cười ran.

Rồi Lan bắt đầu thỉnh chuông. Còn Ngọc thì chống đòn sóc tựa vào tường, đứng khoanh tay, phưỡn ngực hút thuốc lá, trông ra dáng một tay hào hiệp và có vẻ tự phụ bênh vực được một người yếu đuối đã sẵn lòng ký thác sự bảo hộ cho mình.

Đêm hôm ấy, Ngọc trần trọc loay hoay trên chiếc giường tre, không sao ngủ được, trong lòng nghĩ vẩn, nghĩ vơ. Vì lúc chú tiểu sợ hãi ôm chầm lấy Ngọc, Ngọc có một cảm giác khác thường. Cảm giác ấy vẫn còn man mác trong lòng. Ngọc tự hỏi: “Sao khi anh em bạn ta đùa ôm ta như thế, ta không thấy tim hồi hộp?... À phải rồi, chỉ vì ta yên trí rằng chú Lan là con gái”.

Ngọc bỗng bật cười, cười sảng sặc. Đêm khuya thanh vắng, Ngọc tự nghe tiếng cười của mình khanh khách giữa khoảng im lặng thì rùng mình ghê sợ.

Nằm mãi không ngủ được, Ngọc liền dậy mặc quần áo đi bách bộ ngoài hiên. Hôm ấy vào hạ tuần, trăng vừa mọc, trông như cặp sừng trâu treo ngược trên đỉnh đồi. Cũng là trăng khuyết nhưng đối với trí tưởng tượng của Ngọc thì trăng thượng tuần trông dịu dàng âu yếm mà trăng hạ tuần trông lạnh lẽo buồn tẻ.

Ngọc đi đi lại lại không biết bao nhiêu lượt trên hiên nhà trai. Khi tới phòng chứa là chỗ chú Lan ngủ thì như có sức mạnh thiêng liêng gì giữ chàng lại. Chàng dừng bước đứng lắng tai nghe. Không một tiếng gì lạ, chàng lại đi.

Một lần, Ngọc áp má vào cánh cửa

buồng. Bỗng cánh cửa mở tung ra, làm Ngọc suýt té nhào. Thì ra buồng kho không có ai. Ngọc đứng nhìn quanh khắp một lượt, nghĩ thầm: “Quái! chú này đêm khuya đi đâu thế? Được, ta cứ thung thăng bách bộ, thế nào hắn cũng trở về buồng.”

Khi đến đầu hiên bên kia, Ngọc trông lên chùa trên, nhác thấy ở chỗ khe cửa tò vò có một vật đen đen vừa đi vụt qua. Liền lần tới, se sẽ ẩy cửa bước vào.

Trong chùa lờ mờ tối. Trên bàn thờ, ngọn đèn dầu lạc leo lét chiếu ánh. Một cái bóng đen với bó hương tỏa khói.

Ngọc trệt giấy rơm, rón rén lại gần, thì thấy chú Lan cắm hương vào bát hương, rồi quỳ trên bực gỗ, chấp tay lâm râm cầu khẩn. Ngọc tuy núp sau cái cột ngay bên cạnh, nhưng vì Lan khẩn nhỏ

quá, không nghe rõ; chỉ thỉnh thoảng lọt vào tai Ngọc những mẩu câu, đại khái “Phù hộ cho đệ tử... đủ nghị lực... xa chốn trầm luân...” Lạ nhất là luôn luôn Ngọc nghe rõ Lan nhắc đến tên mình đi liền với một tên khác, hình như Thi thì phải.

Ngọc liền ở chỗ ẩn núp đi ra, định đến vỗ vai chú tiểu. Nhưng bấy giờ tâm trí để cả vào sự cầu nguyện, Lan không biết rằng Ngọc lại gần, thành thử chàng đứng ngay sau lưng mà chú vẫn không ngờ. Ngọc bỗng giật mình kinh sợ, vì chàng vừa nghe chú tiểu khấn một câu ghê gớm:

“Đệ tử đã dốc lòng tin mộ đạo, không ngờ nay mới biết lòng trần tục vẫn chưa rũ sạch. Nhưng đệ tử xin thể ở trước mặt đức Từ bi...”

Nghe tới đó, Ngọc rón rén lui về phía cửa, rồi lẳng lặng bước ra.

V.

Trong chùa Long Giác kẻ tới, người lui, có vẻ tấp nập nhộn nhịp.

Dưới nhà ngang đối diện với nhà trai, ông Hộ và ba, bốn người làng đến giúp việc đứng bên chiếc bàn dài, kẻ lau lá mít kẻ đóng oản, tiếng kêu chí chát. Chốc chốc lại thấy có người đội voi giấy, ngựa giấy và những hình nhân đến.

Ngọc tuy lần đầu được mục kích quang cảnh ấy ở chùa, nhưng cũng chẳng lưu ý tới. Lòng chàng đương bận khoản về câu chuyện tối hôm qua, nên nhớn nhác chàng đi tìm Lan để dò cho ra bí mật.

Lên trên chùa chàng gặp chú Lan đương cầm phất trần phẩy bụi ở các pho tượng, còn chú Mộc thì lúi húi lau các cây đèn nến và bình hương, ống hoa. Ngọc lại gần hỏi:

– Chùa ta sắp có việc gì mà có vẻ náo nhiệt thế?

Chú Mộc quay lại trả lời:

– Hôm nay bắt đầu làm chay cho vong linh ông Hàn.

– Thảo nào ở nhà tổ thấy nhiều đồ mã thế.

Ngọc chỉ hỏi, chỉ nói cho qua quýt, nhưng bao tinh thần đều chăm chú cả vào Lan, mong cho chú Mộc bỏ đi để được ở lại một mình với Lan. Im một lúc lâu, chàng lại vợ vẫn hỏi Mộc:

– Chú không xuống nhà giúp việc đóng oản?

– Không phải việc của tôi.

Câu trả lời cộc lốc khiến Ngọc khó chịu. May sao, chú Lan như giúp nguyện vọng của chàng, bỗng bảo chú Mộc chạy qua xuống nhà tổ xem sự cụ có truyền điều gì không, vì hai người cầm cúi suốt từ sáng sớm đến giờ ở trên chùa. Ngọc nghĩ thầm: “Hắn vô tình hay hắn muốn ở lại một mình với ta?”

Song tuy được như lòng ước mong

mà chàng cũng chẳng biết hỏi câu gì? Quái lạ, trước chàng mới ngỡ bạn là gái thì đứng trước mặt bạn, cử chỉ ngôn ngữ còn được tự nhiên. Nay đoán chắc bạn là gái rồi thì lại thấy mình bẽn lễn, ngượng ngịu. Có lẽ đó là tính nhút nhát của con người có giáo dục, có lương tâm. Hay đó chính là ái tình?

Ngọc mủm mím cười. Trong lòng sung sướng, chàng đương tìm cách khai mào câu chuyện. Bỗng có tiếng guốc lộp cộp. Ngoảnh lại, thì sư cụ đã đến gần, cười bảo Ngọc:

– Cháu lên đây để nghỉ ngơi, cần được yên tĩnh mà gặp tuần chay thế này chắc phiền cho cháu lắm nhỉ?

– Bạch cụ, cũng không sao ạ. Nhưng cháu ở chùa làm phiền cụ và làm khó

nhọc cho các chú tiểu, tới nay đã hơn nửa tháng, nên cháu muốn xin phép cụ mai cháu về Hà Nội.

Ngọc vừa nói vừa nhìn Lan xem Lan có tỏ ra vẻ mặt vui, buồn chẳng, nhưng vẫn thấy Lan điềm nhiên đứng cầm phất trần phẩy bụi, không hề lưu ý đến mình.

Sư cụ ngẫm nghĩ một lát, rồi trả lời:

– Nếu cháu sợ chuông trống âm ỹ thì bác chả dám giữ.

– Bạch cụ, không phải thế.

– Hay cháu sợ ngăn trở việc học của cháu. Nếu chỉ có thế thì cháu cứ kê các tên sách cháu cần dùng, vài hôm nữa bác bảo chú Lan về Hà Nội lấy lên cho cháu.

Ngọc ngỏ lời xin về là chỉ để dò ý tứ Lan, nên thấy sư cụ giữ thì đứng im. Sư

cụ biết Ngọc thuận ở lại quay ra bảo Lan:

– Xong việc làm chay, chú về Hà Nội...

Ngọc vội đỡ lời:

– Bạch cụ, cháu đã đem đủ các sách rồi.

– Thế thì càng hay. À, này cháu, bác nghe nói Tây người ta cũng dịch kinh Phật, có phải không?

– Bạch cụ, vâng. Nhất là một quyển của người Đức, cháu nghe nói có giá trị lắm, nhưng cháu chưa đọc.

– Cháu biết tiếng Đức à?

– Bạch cụ không, nhưng sách ấy có bản dịch chữ Pháp.

– Vậy thì cháu nên mua mà xem để biết qua đạo Phật.

Ngọc nhìn Lan mỉm cười:

– Bạch cụ, để rồi cháu nhờ chú Lan giảng cho cũng đủ.

– Chú ấy đã biết gì. Nhưng cháu còn bận bao nhiêu thứ. Khi nào thi đỗ đã rồi hãy khảo cứu về đạo Phật cũng được. Cháu chỉ nên biết rằng đạo Phật huyền bí lắm, chứ những điều trông thấy ở trước mắt không phải là điều cốt yếu của đạo Phật đâu. Cho chí những việc lễ bái, đàn chay cũng là phải có để khuyên đàn bà và những kẻ vô học làm điều thiện đó thôi.

Sư cụ đứng nhìn quanh một lượt rồi hỏi chú Lan:

– Chú Mộc đâu?

– Bạch cụ, chú Mộc vừa xuống nhà Tổ.

– Chú ấy chưa đi mời các sư ông chùa Long Vân, Hàm Long đến dự lễ à?

– Bạch cụ, chưa.

– Thôi chú ở lại sửa soạn, quét tước để ta bảo chú Mộc đi ngay kéo muện.

Sư cụ vội vàng đi ra.

Ngọc đứng ngắm chú Lan làm việc, cố tìm cách gợi câu chuyện bí mật. Chàng đến gần nói:

– Tôi xin về, cụ chưa cho về, chán quá!

Lan không quay lại, trả lời:

– Ông quen ở nơi đô hội náo nhiệt, lên đây thấy cảnh chùa chiền tịch mịch chắc buồn lắm.

– Không phải thế. Tôi chỉ sợ tôi ở

đây lâu làm phiền chú, mà lại phiền cả cho tôi.

– Sao lại phiền đến tôi được, thưa ông? Còn như ở đây có ai làm phiền ông thì ông cứ lên bạch cụ.

Nghe câu trả lời giống giảng. Ngọc mủm mủm cười, rồi bạo dạn nhìn thẳng vào mắt chú Lan và nói:

– Có gì phiền đâu, chỉ vì trước kia tôi yêu một người hình dung, diện mạo như hệt chú...

Chú Lan điềm nhiên nói tiếp:

– Nèn nay ông gặp tôi lại nhớ tới, A di đà Phật, người tình nhân của ông, phải không?

– Chính thế! Tình nhân của tôi tên là Thi.

Lan khẽ hỏi:

– Tên là Thi?

Chú mặt ngăm ngăm, rồi ngẩng phắt lên mạnh bạo nhắc lại:

– Tên là Thi, thưa ông?

– Phải, tên là Thi. Chú cho là lạ chẳng?

– Cũng hơi lạ.

– Chú có thể cho tôi biết được vì có gì chú cho là lạ?

Lan chỉ mỉm cười không trả lời. Ngọc càng ngờ lắm giả vờ kể lể chuyện riêng:

– Tôi yêu cô Thi, sắp sửa hỏi làm vợ thì bỗng cô ấy đi đâu mất. Đáng chùng chú cũng quen biết cô ta nên cho là một sự lạ chứ gì? Có người bảo tôi rằng cô ấy

đi tu, nên tôi cứ lần mò các chùa chiền để đi tìm...

Lan nghe tới đó cười khanh khách nói tiếp theo:

– Vậy ra ông tới chùa Long Giác chỉ có một mục đích ấy? Nhưng cô Thi tôi quen biết chắc không phải là cô Thi của ông đâu, xin ông đừng vội mừng. Đáng lẽ ở trước cửa từ bi chẳng nên nói tới câu chuyện nhăng nhít, nhưng xin Ngài cũng thấu nỗi khổ tâm của kẻ tu hành này mà tha thứ cho. Ông nghe câu chuyện của tôi sắp kể đây xin giữ bí mật cho, nhé!

– Được, tôi xin giữ bí mật.

– Có gì đâu! Gần đây, một người thiếu nữ hơi có chút nhan sắc, hễ gặp tôi là thả lời chòng ghẹo, tôi van thế nào cũng không được. Tên cô ấy là Thi. Vì

thế thường thường đêm khuya tôi vẫn lên Chùa cầu nguyện đức Thích ca phù hộ và giáng phép mầu nhiệm cho cô ta tỉnh ngộ mà buông tha cho kẻ tu hành này ra.

Ngọc nghe câu chuyện, ngẫm nghĩ: «Có lẽ nào lại thế? Hay hẩn biết ta đã khám phá được sự bí mật của hẩn nên hẩn bịa ra câu chuyện ấy?» Đã toan hỏi căn vặn, thì bỗng chú Lan nói một mình:

– Chết chữa! Chưa bảo ông Hộ đi mượn bàn.

Rồi chú hấp tấp chạy xuống nhà.

Lan tưởng làm thế để đánh trống lảng, nhưng ngờ đâu càng khiến Ngọc đoán chắc chú là gái. Vì Ngọc nhận ra rằng hễ khi nào câu chuyện đến chỗ nguy hiểm là Lan tìm có nọ có kia để xa lánh.

Ngọc mừng thầm nói một mình: «Có tài thánh cũng không giấu nổi ta».

Vừa nói dứt câu đã thấy Lan ở dưới chạy lên, nét mặt thản nhiên tươi cười. Ngọc ồm ồm hỏi:

– Chắc tối hôm nay làm chay có chạy đàn, thì thế nào cô Thi cũng đến xem nhỉ?

Lan vô tình không hiểu:

– Cô Thi nào?

– Cô Thi của chú, chú đã quên rồi.

– Nam mô A di đà Phật! Ông chớ nói đùa, nhớ đến tai cụ thì còn ra sao?

– Nhưng chuyện có thực đâu mà chú sợ... Chú ạ, cô Thi của chú yêu chú, mà chú không thể yêu được, còn cô Thi của tôi, thì tôi yêu mà cô lại không thể yêu

được tôi, hay cô không muốn yêu tôi.

Chú Lan nghiêm sắc mặt trả lời:

– Nếu ông còn muốn tôi nói chuyện với ông thì xin từ nay ông đừng đem những chuyện bậy bạ kể cho tôi nghe nữa.

– Xin vâng. Chỉ vì tôi coi chú là người bạn thân của tôi nên mới dám ngỏ tâm sự với chú. Nhưng chú không muốn nghe thì thôi, can chi mà chú phải giận.

Lan, mặt đỏ bừng, trách Ngọc:

– Xin ông biết cho rằng vì tôi thấy ông là người có lễ độ, có học vấn nên thỉnh thoảng muốn đem đạo Phật ra bàn cùng ông, cho rộng kiến thức. Nhưng nếu chỉ là câu chuyện bất chính, phạm tới tám điều răn thì xin từ nay ông tha cho.

Ngọc cười gượng:

– Thôi, xin lỗi chú.

VI.

Luôn hai tối các nhà sư ở những chùa lân cận tiếp được giấy mời của sư cụ Long Giáng về tề tựu đến dự lễ rất đông.

Ngoài sân chùa, ở giữa bày ba tầng án thư chồng lên nhau theo hình bậc thang. Hai bên cũng đều có án thư. Nền thấp linh tinh, ánh sáng phản chiếu vào những mặt kính tròn ở các mũ giấy bày la liệt, trong lấp lánh tựa những ngôi sao.

Đêm nào các nhà sư cũng cắt lượt nhau tụng kinh đến tận hai, ba giờ sáng, hoặc ngồi ở chiếu giữa, hoặc đứng sát các án thư bên. Cứ xong một lần tụng niệm lại có đánh trống lớn, trống con, thanh la, náo bạt, nghe rất inh ỏi.

Đêm thứ ba vào đàn giải kết.

Sư cụ chùa Long Giác vì già yếu, mà việc đàn chay lại khó nhọc, nên một đồ đệ của cụ là sư ông chùa Long Vân đứng chủ trương. Sư ông ngồi ở chiếu giữa, tụng kinh một lúc lại chạy vòng quanh đàn vài vòng, nhanh hay chậm tùy theo nhịp trống. Sau lưng sư ông gần hai chục người chạy theo, nào tiểu, nào vãi, nào thiện nam, tín nữ cùng là những người nhà sự chủ.

Đứng ngắm một tràng người, tay chấp ngực chạy lượn quanh co, khi tiến, khi lui rất nhẹ nhàng, ăn nhịp, như lăn trên đôi bánh xe nhỏ, Ngọc tưởng tượng đến những người bằng giấy trong chiếc đèn kéo quân đêm hôm rằm tháng tám.

Chạy xong một tuần, sư ông lại vào chiếu giữa múa mệnh quyết ấn trông rất dẻo tay, rồi cầm kéo cắt những đồng tiền kết giấy thành hình người và treo lủng lẳng ở ba hàng dây chằng quanh bàn. Mỗi lần cắt bốn, năm đồng kỳ cho hết là tan đàn.

Trong khi ấy thì những người tùy tòng hoặc ngồi lễ ở sau lưng sư ông, hoặc đứng sang một bên, lẩn vào chỗ người đi xem.

Ngọc đứng chờ ở một xó, hễ thấy chạy xong một lần lại vẫy gọi chú Lan nhờ giảng nghĩa hộ. Đến lần thứ ba, thứ tư, Ngọc chỉ gật sẽ một cái, Lan đã vội chạy lại.

Ngọc cười, hỏi Lan:

– Này chú, sao lại có cả hai người kia cũng chạy đàn?

– Hai người nào?

– Một người gánh một gánh cỏ và một người buộc con ngựa giấy vào mình trông như cưỡi ngựa vậy, nhất nghe tiếng nhạc kêu càng thấy hết lắm.

– Đây là người giữ ngựa và người cắt cỏ cho ngựa ăn, đi theo hầu thầy Đường Tăng sang Tây Trúc thỉnh kinh. Đàn này tức là ôn những sự tích đi lấy kinh.

Bấy giờ có tiếng ai the thé trả lời ở sau lưng:

– Sự tích ấy tôi cũng biết, chép trong chuyện Tây Du chứ gì?

Ngọc quay lại thấy một cô xinh xắn, nước da bánh mật, con mắt ti hí, vận gọn gàng như phần nhiều các cô gái quê vùng Bắc. Chàng nói đùa một câu:

– Cô bảo cô biết sự tích thì cô thử kể lại cho tôi nghe xem nào?

Cô kia cho là Ngọc chế nhạo, cúi đầu không trả lời. Ngọc đoán ngay là cô con gái phải lòng chú, liền lại hỏi:

– Có phải cô Thi của chú đây không?

– Nam mô A di đà Phật!

Ngọc chưa kịp hỏi câu thứ ba, chú Lan đã vội vã vào trong đàn, vì lúc bấy

giờ cắt kết xong, sư ông đã trở ra sân để chạy. Ngọc nhìn theo thấy người con gái ban nãy cũng chạy, liền ngay đằng sau chú Lan, nét mặt hớn hở, khiến chàng không thể nhìn cười được.

Đàn vừa tạm nghỉ, Ngọc lại ngay chỗ hai người, mỉm cười và khen ngợi:

– Chú chạy đẹp quá, nhất có cô... Cô gì, à cô Thi, chạy theo sau càng đẹp lắm.

Người con gái nghe gọi đến tên Thi thì ngơ ngác nhìn Ngọc rồi lại nhìn chú Lan. Ngọc thấy thế nhớ ngay đến câu chuyện khẩn khứa đêm hôm nào. Chàng nghĩ thầm: “Thôi đích rồi, hẩn bịa ra câu chuyện để chống chế chứ gì.” Tuy biết vậy chàng vẫn vờ như không lưu ý đến vẻ mặt ngạc nhiên của cô gái quê. Không những thế, chàng còn cố làm lạc hẩn câu chuyện đi và vẫn vờ hỏi cô kia:

– Cô biết chuyện Tây Du à?

– Vâng, tôi biết! Em tôi vẫn mượn sách của con ông Bá về nhà đọc, tôi được nghe... Truyện vui lắm kia... nhỉ, chú Lan nhỉ?

Lan nghiêm nghị trả lời:

– Tôi không biết mà tôi xin cô đừng nói chuyện với tôi nữa, tôi không nghe chuyện cô đâu.

Cô ả cười, ngả nghiêng cái đầu và cất giọng nũng nịu:

– Không nghe tôi cũng cứ nói.

Chú tiểu càng giận:

– Mà tôi bảo cho cô hay, cô không được phép vào trong đàn. Chỉ các sư, các tiểu, các vãi, cùng người nhà sự chủ là được phép chạy đàn mà thôi.

Cô kia vẫn nhoèn cặp môi đỏ thắm quết trầu:

– Tôi cứ chạy... Tôi sắp xin làm vãi kia.

Ngọc thấy cô ả động đánh quá cũng phải ngượng và dâm cấu:

– Rõ khéo cô này, người ta đã xuất gia tu hành lại còn cứ trêu chọc người ta mãi.

Cô gái quê xấu hổ đứng im. Lan mỉm cười nhìn Ngọc như để cảm ơn, rồi nói luôn:

– Phải không, ông? Người ta đã xuất gia tu hành thì không nên trêu ghẹo người ta nữa chứ?

– Phải lắm.

Ngọc trả lời ngớ ngẩn như vậy vì trí chàng đương bận tới câu hỏi của Lan. Chàng cho câu hỏi rất đáng ngờ và có một ý nghĩa trực tiếp đối với mình, chứ không liên can gì đến cô kia. Tuy đoán chắc thế, chàng vẫn tảng lờ như không biết gì hết, vì chàng đã nghĩ ra được một kế rất diệu sắp đem thi hành.

Đến đàn thứ năm, chú Lan mỉm cười gật chào Ngọc ở lại để vào chạy đàn. Nhưng Ngọc giữ vẻ mặt lãnh đạm, rồi quay sang phía cô gái quê, ghé mồm vào tận tai, thì thầm:

– Cô ở lại, đừng vào trong đàn nữa, tôi nói cho cô nghe một câu chuyện hay.

Cô ả đỏ bừng mặt không trả lời, nhìn theo Lan. Còn chú tiểu thì có dáng tức giận lắm.

Trong khi chạy đàn, hễ chú Lan đến gần chỗ hai người đứng thì Ngọc lại làm bộ ghé gần vào cô lảng giềng chuyện trò thân mật. Ngọc hỏi:

– Tên cô là Thi, phải không?

– Không, tên em có là Thi đâu? Em là Vân kia mà. Ban nãy em thấy ông gọi em là Thi, em buồn cười quá....

– À, ra là cô Vân. Nhưng cô chớ nói với chú Lan rằng tôi biết tên cô là Vân nhé, chú ấy ghen đấy. Vậy, này cô Vân, sao chú Lan tu hành mà cô cứ trêu ghẹo chú ấy thế?

Vân giả vờ không nghe rõ, nhìn đi nơi khác.

Ngọc nói lại:

– Quyển rũ người tu hành, tội chết!

Câu chuyện đến đây thì chú Lan ở trong đàn đi ra, mặt hầm hầm, đứng gần lại chỗ hai người. Ngọc làm bộ như không trông thấy chú, vẫn cứ nghiêm nhiên thì thầm với Vân.

Lan cười gằn:

– Này cô... kia, khuya rồi đi về chứ, chẳng mai bà cô chửi chết.

Ngọc không để Vân kịp trả lời, nói đỡ ngay:

– Thì việc gì đến chú đấy, để mặc cô ấy xem chứ.

Nhưng Vân nói khẽ với Ngọc:

– Thôi để em về, không chú Lan giận.

Ngọc cũng hỏi khẽ:

– Cô sợ chú Lan giận à?

Rồi chàng nói to cốt để Lan nghe tiếng:

– Chốc nữa, có sợ tối thì tôi đưa về tận nhà.

Lan nguẩy một cái quay đi nơi khác. Vân tưởng chú giận mình đứng nói chuyện với trai, liền từ biệt Ngọc ra về.

Nàng vừa đi khỏi, Ngọc đã thấy Lan lại gần, ôn tồn bảo bạn:

– Tính ông trai lơ lăm.

– Việc gì đến chú đấy.

– Nhỡ cụ biết, cụ quả chết.

– Ai dám mách mà cụ biết? Vả cụ biết cũng chẳng sao. Cụ đi tu chứ tôi có đi tu đâu. Nhưng chú thì chú vô ơn lăm.

– Thế nào là vô ơn?

– Cô... Thi phải lòng chú, tôi có ý giúp việc tu hành của chú thành chánh quả, nên vì chú tôi muốn quyến rũ cô ta để cô ta buông tha chú ra...

Lan đỏ mặt:

– Đứng trước người tu hành mà ông ăn nói tự do quá.

Ngọc lạnh lùng đáp:

– Xin chú đại xá cho.

Nói xong quay lưng đi thẳng. Lan gọi với:

– Ông đi đâu đấy?

Ngọc ngoái cổ lại, cười gằn:

– Tôi đi đâu thì can gì đến chú?

– Lại đi...

Lan như tắc họng không nói được,
hai giọt nước mắt long lanh dưới cặp mi
đen quầng.

VII.

Sáng hôm sau cảnh chùa Long
Giáng trở lại yên lặng như mọi
ngày thường, vì việc đàn chay đã kết thúc.

Mãi hơn bảy giờ, Ngọc mới thức
giác, mắt nhắm mắt mở nhìn qua cửa sổ
ra ngoài, thấy ngổn ngang các án thư bỏ
lỏng chổng ở giữa sân. Gân tường hoa,
một đồng tro tàn cao ngất, đó là đồ mã
đốt tối hôm qua.

Sau mấy buổi huyên náo, sự tĩnh mịch của nơi tam thanh càng thấy rõ rệt hơn trước.

Ngắm cảnh tẻ ngắt, Ngọc có cảm tưởng buồn rầu, như sau mấy ngày tết Nguyên Đán. Chùa Long Giác ử rữ chẳng khác một cô con gái thôn quê trong ba hôm tết thăng bộ cánh đẹp, rồi hết tết lại cởi ra mà mặc bộ quần áo nâu sồng.

Ngọc ngồi nghĩ vợ nghĩ vắn, hồi nhớ đến câu chuyện tối hôm qua. Sau khi rời chỗ đàn chay, chàng ra đường, đi lang thang mãi đến một hai giờ sáng mới trở về chùa. Đi đâu? Chàng cũng chẳng biết đi đâu, và cũng chẳng định đi đâu, chỉ cốt vắng chùa trong một thời gian khá lâu để chú Lan ngờ vực mà thôi. Vì nay chàng đã yên trí, chàng đã chắc chắn rằng chú là gái cải nam trang.

Ôn lại các việc xảy ra, những sự mắt thấy tai nghe, từ dáng điệu, nước da, lời nói, cho tới những ý tứ giữ gìn, khép nép, Ngọc không còn thể nào cho rằng chú tiểu xinh xắn kia là trai được nữa.

Chàng mừng thầm mỉm cười, sung sướng, chứa chan hy vọng.

Cánh cửa khẽ đẩy, chú Lan rón rén bước vào phòng, nét mặt nghiêm trang. Chú đặt một bao chè tàu xuống bàn, nói:

– Cụ truyền biểu ống bao chè để ông xơi nước. Chè này của bà Hàn cúng cụ hôm qua.

– Chú bạch cụ hộ tôi rằng tôi xin đa tạ cụ nhé. Ý hản cụ cũng biết tôi có cái ấm cồn đun nước.

– Ông để chúng tôi hầu cũng được, can chi lại phải đun lấy.

Ngọc mỉm cười nhìn Lan:

– Ấy vì tôi sợ làm phiền chú, nên tôi viết giấy về nhà xin gửi lên cho đủ thứ.

– À, ra bữa nọ anh người nhà mang lên ở trong bồ đấy?

– Chính phải.

– Tôi thấy có cả quyển Kiều và quyển Phật Giáo Đại Quan nữa.

Ngọc mừng rỡ vội hỏi:

– Chú biết quốc ngữ?

Lan điềm nhiên:

– Vâng. Chữ quốc ngữ học dễ, học chỉ độ mười hôm là đọc được. Làm gì mà không biết.

– Ô, thế thì hay quá nhỉ?

Ngọc nghĩ đến việc đương dự định, buột miệng nói ra câu ấy, nhưng Lan lại hiểu theo một cách khác, nên trả lời:

– Đời bây giờ, ai không biết quốc ngữ? Lạ! Sao ông cứ nhìn tôi, ông cười vậy?

– Chú ạ, tôi đương nghĩ đến chú thì thấy chú vào. Tôi cho rằng tư tưởng đôi ta có liên lạc với nhau nên chúng ta mới có thể viễn cảm tới nhau như vậy. Vì thế nên tôi cười, chú đừng vội giận.

– Ông nói những gì, tôi không hiểu.

Lan đứng đưa mắt nhìn quanh phòng, rồi mỉm cười khen:

– Cái buồng này ông mới bài trí lại trông đẹp nhỉ.

– Phải, tôi trang hoàng thế để khi chú có bước chân vào trông đỡ bề bộn, chướng mắt.

Lan, hai má đỏ bừng, cúi mặt trả lời.

– Ông cứ dạy quá lời, tôi chỉ đáng là đầy tớ ông.

Ngọc nói đùa: «A di đà phật!» Rồi cười khanh khách, khiến Lan xấu hổ cảm đầu chạy thẳng.

Rửa mặt xong, Ngọc đem ấm cồn ra đun nước. Ngắm lại phòng một lượt, và nhớ tới câu khen ngợi của Lan, Ngọc lại mỉm mỉm ngời cười.

– Thực ra cái phòng của ta giống như phòng riêng của một sinh viên trường Đại học.

Mà thực vậy, cái giường mắc màn

ren, cái bàn thờ dùng làm án sách, cái án thư trên phủ lá cờ dạ xanh dùng làm bàn viết trông đều sáng sủa, sạch sẽ. Khác hẳn hôm mới tới, trong phòng trơ trọi cái giường buông chiếc màn nâu. Các tranh ảnh cùng những bức thủy họa của chàng treo ở tường càng tôn vẻ nhã nhặn, âu yếm của gian nhà trai con con.

Ngọc tự hỏi: Trang hoàng như thế để làm gì?

Chàng tự hỏi rồi nhách một nụ cười:

– Thôi, ta yêu mất rồi!

Mà chính thế. Phải tay thần Ái tình mới có cho bày trí một cảnh u ám, buồn rầu nên cảnh dịu dàng âu yếm được. Ngọc lại cười: nhưng mà ta cũng ngộ nghĩnh thật. Lên ở chùa mới biết yêu, mới biết yêu là có thú vị... Song chẳng lẽ

ta cứ yêu sông, yêu bóng mãi? Thế thì cũng uống, thà chả yêu cho xong.

Liên tưởng của ý nghĩa tự nhiên nhắc Ngọc ôn lại một câu Kiều, chàng buột miệng ngâm nga:

Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau.

– Ừ phải, người ta tu hành. Tội nghiệp!

Muốn cố giữ cho khỏi nghĩ vợ vẩn, Ngọc lấy quyển sách bàn về đạo Phật của David mà chàng vừa mua tuần lễ trước ra coi. Nhưng mới đọc được vài trang đã chán ngắt, chàng lại gấp sách lại. Bỗng chàng giật mình, mấy giọt nước nóng bắn vào tay. Thì ra ấm nước đặt trên bếp cồn sôi từ bao giờ mà chàng vẫn không biết. Đến cả tiếng nước reo, chàng cũng không nghe thấy.

Ngọc xoa tay mỉm cười, lấy ấm ra pha chè. Uống mấy chén liên tâm, chàng thấy tinh thần tỉnh táo, tâm trí hơn hờ và ngắm cuộc đời, chàng có rất nhiều tư tưởng lạc quan. Rồi nghĩ chuyện nọ nhảy sang chuyện kia, lần nữa chàng tự đặt mình vào địa vị Từ Thức sống trong cảnh động Phi Lai.

Bấy giờ nhìn qua cửa sổ, ngắm cảnh đôi thoai thoải sau chùa, chàng thấy hiện ra nhiều vẻ xinh đẹp, những vẻ xinh đẹp huyền bí. Chàng tưởng tượng dưới đám lá chè lấp lánh, rung động bởi ngọn gió dịu dàng mơn trớn, một cô tiên yếu điệu đương ngồi mơ màng thầm nhớ tới ai.

Chàng mỉm cười, mỉm cười với cảnh vật, mỉm cười với làn không khí bao bọc người yêu...

Cúi nhìn xuống cái vườn con bên cạnh cửa sổ, bỗng chàng chú ý, và mắt chàng đăm đăm không chớp: Trong hai khoảng tròn đất mới xới, bên cây đại cảnh khô khan, da mốc thối, có hai cây ngọc lan nhỏ mềm mại, ai vừa trồng, mỗi cây ngọn nở một bông hoa trắng muốt.

Chàng chú ý đến là vì tâm trí đương bị cái tên Lan đẹp dễ ám ảnh... Chàng ngây ngất người ngẫm nghĩ:

«Ngọc Lan! Có lẽ thế chẳng? Âu yếm mà kín đáo lắm!

Chàng thấy lòng phấn khởi, mạnh bạo, và chàng chép miệng nói một mình: Chà, thì ta cứ thử liều một chuyến xem nào! Không vào hang hổ sao bắt được hổ con?

Câu nói có vẻ «tuồng» khiến chàng cũng phải phì cười. Mà vào hang hổ thì đã lấy gì làm nguy hiểm. Chỉ có việc đem giấy bút ra viết một bức thư.

Bức thư ấy, trước kia, đã ba bốn lần Ngọc viết rồi, nhưng mỗi lần viết xong, chàng lại xé nhỏ vứt đi, vì một là chàng sợ Lan không biết quốc ngữ, hai là chàng sợ bị cự tuyệt. Lần này thì chàng nhất định quả quyết. Liền mở hộp giấy viết thư màu tím lấy một tờ ngói viết:

Chú Lan

Mới được hai chữ, Ngọc đã chau mày tắc lưỡi xóa đi.

– Không được. Chẳng chú nữa.

Chàng liền lấy tờ giấy khác viết lại:

Cô Thi

Nam mô A di đà Phật! Tôi bắt đầu bức thư của tôi bằng một câu niệm Phật, để xin Phật độ trì cho kẻ khổ sở này, như Phật đã độ trì cho hết thảy các chúng sinh. Vì tôi chỉ là một người lạc lối trong rừng người, như một hạt cát bị vùi trong bãi cát sông Hằng Hà.

Nhưng cô cũng là một người, cũng chỉ là một người. Dù cô muốn xa lánh cõi tục, rút bỏ trần duyên, song cái bản tính của con người dễ một lúc mà cô xóa bỏ nổi được. Cái bản tính ấy là Tình, là... A di đà Phật! Là Ái tình.

Ái tình là bản tính của loài người, mà là hạnh phúc của chúng ta. Tôi yêu cô, và nếu tôi đoán không lầm thì cô cũng chẳng ghét tôi, vậy can chi ta lại làm trái hạnh phúc của ta?

Đức Thích Ca Mâu ni xuất thế để đưa

linh hồn chúng sinh tới cõi Nát Bàn mà hưởng hạnh phúc bất vong bất diệt.

Nhưng... hạnh phúc của chúng ta chỉ ở ái tình. Đó là... A di đà Phật! đó là Nát Bàn của chúng ta.

Mấy hôm nay tôi đọc quyển Phật giáo, tôi thấy tôi yêu đạo Phật. Tôi yêu đạo Phật thì tôi lại càng yêu cô, tôi yêu một cách chân thành, tôi yêu trong linh hồn, trong lý tưởng. Cô tha thứ cho tôi, tôi không thể cứ yêu mãi chú Lan, phải cho phép tôi yêu cái linh hồn thực của chú Lan mới được: cái linh hồn ấy, là cô Thi.

Cô xem thư mà xét thấu lòng này, thì tức là cô vâng ý Phật cứu vớt được một linh hồn đương bị đăm đuổi ở cõi nhân gian.

NGỌC

Ngọc y phục chỉnh tề, rồi gấp thư cho vào phong bì, bỏ túi ra đi. Lên chùa trên, gặp chú Mộc, Ngọc đột nhiên hỏi:

– Chú Lan đâu?

Chú Mộc thấy Ngọc ngỡ ngác, tưởng mới xảy ra sự gì:

– Chú Lan ở vườn sản sau chùa. Có chuyện gì đấy ông?

Ngọc chỉ kịp trả lời một tiếng: «không», rồi lật đật đi thẳng, khiến chú Mộc ngạc nhiên đứng nhìn theo.

Ra tới vườn sản, vì sản lá cao mà lại trồng bên sườn đồi, chỗ hiện, chỗ khuất, nên đến năm phút sau, Ngọc lại nghe rõ tiếng sột sạt, mới tìm thấy nơi Lan đứng. Bên cạnh chú ngổn ngang một đồng cây sản nhỏ lên còn để nguyên củ, cành và lá.

Ý chừng Lan làm việc nhiều mệt nhọc, đứng thở, một tay để vào ngực. Ngọc rón rén đến sau lưng, ôm ờ chào:

– Kìa, cô Thi!

Lan thông thả quay mặt lại, điềm nhiên trả lời:

– Không, tôi đây mà. Cô Thi nào dám vào vườn sân của nhà chùa?

Nói xong chú cười rũ rượi, chảy cả nước mắt, đỏ ửng cả hai má. Rồi lại nói tiếp:

– A di đà Phật! Ông muốn gặp cô Thi thì ra nhà cô ấy chứ.

– Không, cô Thi khác, cô Thi của tôi kia.

Lan không để ý đến câu trả lời của Ngọc, nhìn trời, nói:

– Mặt giòi đã lên cao, phải mang sản về mới được, chẳng cụ quở.

Chú liền lấy dây lạt buộc qua quýt lại bó sản. Còn Ngọc thì thò tay vào túi rút bức thư ra, lại ấn bức thư vào, như thế đến ba bốn lượt.

Lan vác bó sản lên vai chào:

– Thôi ông ở lại, tôi về chùa.

Ngọc nói lúng túng:

– Được... này... tôi... à! Sao chú không bẻ lấy sản đem về, còn cành lá thì bỏ đi có nhẹ việc không?

– Cành để giống và đun chứ.

Lan vừa trả lời, vừa bước xuống đồi.

Ngọc đi theo như toan níu lại:

– Thì hãy ở lại, chờ tôi rồi cùng về một thể.

Lan sợ hãi, đặt vội bó sản xuống đất:

– Vâng, thì ở lại. Nhưng ở lại làm gì mới được chứ?

– Ở lại ngắm cảnh.

– Giời nắng còn ngắm cảnh gì?

– Nắng thì ta ngồi xuống dưới bóng lá sản. Này cô... Ngọc vừa nói vừa rút bức thư, này chú...

– Ông dạy?

– Hôm nay chắc mát giời...

– Vâng, chắc mát giời...

Hai người lại nhìn vớ vẩn. Ngọc toan đưa bức thư.

– Chú... ạ.

– Dạ.

– Sắn ăn ngon đấy chứ?

– Vâng ngon. Nhưng ông để tôi đội về chẳng cụt kìa.

– Chú để tôi mang đỡ.

Lan không trả lời, đội bó sắn chạy vùn vụt xuống đồi, để trơ Ngọc đứng lại một mình, băng khuâng.

Ngọc chép miệng thở dài. Rồi quả quyết lấy bức thư ra xé làm tư, vứt xuống đất.

Về đến cổng chùa, Ngọc gặp chú Lan đi ra, có dáng vội vàng, hấp tấp. Chàng buồn rầu, chẳng thềm chào hỏi.

Lan chạy một mạch lên đồi vắng. Đến chỗ ban này, chú vui cười, nói:

– Đây rồi!

Thì ra chú bỏ quên con dao nhọn dùng để đào và chặt sắn. Bỗng chú dăm dăm cúi nhìn, nói một mình: «Không biết giấy gì của ông ấy thế này?»

Ngắm kỹ Lan nhận ra cái phong bì bì xé làm bốn mảnh. Trên một mảnh thấy có hai chữ:

Cô Thi

Thốt nhiên Lan buột ra câu hỏi: «Cô Thi nào? «

Lan ngồi cặm cụi chấp lại các mảnh thư ở trong phong bì.

Bên mình gió thổi xô sát lá sắn, tiếng kêu lạt sạt. Những mảnh giấy tím chỉ

chức bay. Lan phải lấy những viên gạch chặn lên trên.

Một lát sau, khi đã đọc xong bức thư, Lan còn thơ thẩn trên đồi.

Gió càng thổi dữ, các tà áo Lan bay phấp phới mà tim Lan đập mạnh như cũng bị sức gió làm xao xuyến.

Lan buồn rầu nghĩ ngợi, hai má có ngấn hai hàng lệ.

Bỗng tiếng mõ tụng kinh ở chùa đưa tới. Một nụ cười kín đáo nở trên môi, Lan thông thả trở về.

Qua dãy phòng nhà trai, Lan liếc mắt thấy Ngọc ngồi ngưỡng cửa tay tì vào má có dáng tư lự. Thoáng thấy Lan, Ngọc khẽ gật chào, nhưng Lan yên lặng, rảo bước đi thẳng lên chùa trên.

Lan khẽ ẩy cửa rón rén đến gần bàn thờ nhìn trước nhìn sau, như người mới phạm một trọng tội mà có kẻ biết sắp đem tố giác.

Người thấy mùi trầm ngào ngạt, nghe thấy tiếng tụng kinh dịu dàng, Lan tươi cười thở dài, như kẻ ngã xuống sông vừa ngoi lên được mặt nước.

Làn không khí êm đềm tịch mịch bao bọc những pho bụi khổng lồ, nét mặt thản nhiên. Trên bực gỗ, sư cụ khoác áo cà sa ngồi ngay thẳng như một pho tượng, chỉ hơi mấp máy cặp môi, và động đậy cánh tay gõ mõ.

Lan đứng sững hồi lâu, mắt nhắm lim dim hai tay chấp ngực, rồi thông thả, nhẹ nhàng như cái bóng, mon men lại sau lưng sư cụ, ngồi xếp xuống đất lâm râm khấn...

VIII.

Trưa hôm ấy sư cụ gọi chú Lan bảo:

– Thôi, chú đừng đi hái chè nữa, ta nhờ mang bánh với chè sang tạ sư ông bên chùa Long Vân.

Ngọc tiến lên nói:

– Bạch cụ, cho phép cháu cùng đi với chú Lan sang Long Vân. Cháu nghe nói chùa Long Vân có cái giếng thờ, nước uống mát lắm.

Sư cụ ngân ngại:

– Đường nhiều dốc, sợ cháu đi mệt nhọc.

Ngọc cười:

– Bạch cụ, cháu học ở trường Canh nông, cấy ruộng còn được nữa là trèo dốc, đã lấy gì làm khó nhọc.

– Cái đó tùy cháu.

Khi xuống nhà trai, Ngọc vui sướng chạy lại hỏi chú Lan:

– Chú có bằng lòng để tôi cùng đi không?

Lan cười gượng:

– Càng hay cho tôi, đi đường xa đỡ buồn chứ sao?

Rồi chú lẳng lẳng xếp các thức vào trong chiếc tay nải nâu, thắt miệng lại. Ngọc đứng sát gần khiến Lan né người xích ra. Ngọc nhắc cái tay nải vắt lên vai một cách gọn gàng.

Lan cười nói:

– Ông vác nhện, nhĩ!

Ngọc nói đùa:

– Đi làm phu gạo mãi lại chẳng vác nhện.

Lan cố giữ nét mặt lãnh đạm, cắn môi, chau mày, ngóanh nhìn ra ngoài sân. Nhưng lần nào chỉ giữ nghiêm khắc được một lúc, rồi thấy Ngọc vui vẻ nói bông đùa, chú lại quên bẵng đi mà cùng cười, cũng nói bông đùa với bạn:

– Ông phu gạo này, nghe chừng yếu ớt lắm. Hôm mới đến chùa xách có cái va-li còn thở hồng hộc, leo lên dốc khó khăn nặng nhọc là thế, nữa là vai vác bao gạo.

– Chú nhớ lâu nhỉ?

Ngọc, nét mặt tươi cười sung sướng, hồi tưởng lại hôm mới tới chùa. Chàng nghĩ thầm: «Hắn không có cảm tình với ta thì sao hắn nhớ kỹ càng cái buổi mới gặp nhau như thế? «

Chàng chợt nhớ đến hai cây ngọc lan, liền quay lại hỏi:

– Hai cây ngọc lan, ở bên cửa sổ buồng tôi, chú giống đấy, phải không?

Lan luống cuống, không trả lời. Ngọc lại nói:

– Cảm ơn chú nhé! Tên cái cây ấy hay nhỉ, chú nhỉ? Mà có ý nghĩa lắm.

Lan đáp:

– Vâng, rất có ý nghĩa: sắc trắng như Ngọc, hương thơm như Lan.

Ngọc cười:

– Còn ý nghĩa khác nữa kia. Chắc chú cũng biết chuyện Nhị Độ Mai?

Lan quay nhìn ra sân đáp:

– Không.

– Chú ạ, đối với hai cây ngọc lan của chú, tôi sẽ là chàng Mai Sinh trong truyện Nhị Độ Mai, sáng chiều nào cũng xin chăm nom vun tưới, cho chóng nảy nở hoa thơm.

Lan hai má hồng hồng, ngượng
ngịu vắt tay nải lên vai giục bạn:

– Thưa ông, ta đi thôi.

Hai người lẳng lặng cùng đi, không
ai nói năng chi nữa...

Ở một ngọn đồi xuống phía bên kia,
phong cảnh khác hẳn, không còn thấy
cánh đồng chân rạ, mà chỉ nhan nhản
thấy nương khoai, cùng vườn mía. Hai
người không bảo nhau mà cùng đứng lại
ngắm cảnh, vì gặp chỗ có bóng mát.

Đi một quãng nữa, bỗng phải dừng
lại ở trước một cái suối, dưới có vạch
nước chảy róc rách trong veo, giữa lòng
cát trắng. Bên bờ suối mấy gốc cây thông
già gió chiều hiu hắt, lá thông khô lác đác
rơi xuống suối rồi theo giòng nước trong
trôi đi.

Lan bảo bạn:

– Thôi nguy rồi. Ta đi nhầm đường rồi.

Ngọc ngơ ngác hỏi:

– Bây giờ làm thế nào?

– Chỉ có một cách là đi vòng lại, chứ qua sao được cái suối này?

Ngọc vừa nói, vừa nhảy sang bờ bên kia, rất nhẹ nhàng. Lan cười:

– Ông nhảy giỏi quá!

Nói chưa dứt lời thì Ngọc lại đã nhảy sang bờ bên này. Ngọc bảo Lan:

– Chú đưa tay nải cho tôi.

– Đưa làm gì?

– Chú cứ đưa đây.

– Thì đây.

Ngọc đỡ tay nải nhảy ngoắt sang bên kia đặt xuống, đứng nhìn Lan, cười. Lan ngạc nhiên hỏi:

– Thế còn tôi?

Ngọc cố nhin cười:

– Hay chú để tôi công.

Lan giã nầy:

– Ấy chết, sao lại thế?

Ngọc nghiêm nhiên:

– Được mà, không hề gì mà.

Lan làm mặt điềm tĩnh:

– Thôi ông đợi đấy, nghỉ chân, để tôi đi vòng sang đồi kia.

Lan miệng nói, chân bước. Ngọc vội nhảy sang, giữ lại:

– Tôi nghĩ ra cách này rồi.

– Cách gì?

– Tôi sang bên kia đưa tay cho chú nắm, để kéo chú sang.

Lan ngấm nghĩ một lát rồi tắc lưỡi:

– Thôi cũng liều, ngã chết thôi.

– Không hề gì đâu chú đừng sợ.

Ngọc nhảy sang bên kia, nghiêng mình trên dòng nước. Lan ngần ngừ một lúc mới nắm tay chàng. Ngọc nói:

– Chú giữ chặt... Nào... hấp!...

Lan nhắm mắt nhảy liều. Ngọc kéo mạnh quá khiến chú tiểu mất thăng bằng ôm lấy chàng, Lan bèn lên vội cúi xuống

cầm tay nải đặt lên vai đi liền. Ngọc cười mủm mỉm, như nói một mình:

– Tay chú xinh quá, nhỏ và mát như tay con gái.

Lan không trả lời, giơ tay trở về phía trái bảo Ngọc:

– Chùa Long Vân kia rồi.

Hai người đi quanh co, vòng hai đôi cỏ nữa và nửa giờ sau trèo tới chùa. Lan thuộc lối đưa Ngọc đi thẳng vào nhà trai, mời chàng ngồi ở trường kỷ, bày các phẩm vật lên bàn, rồi vội vàng xuống nhà tổ. Một lát, Lan theo sư ông đi lên. Sư ông đã gặp Ngọc ở Long Giáng hôm đàn chay nên vui mừng chào hỏi:

– Nam mô A di đà Phật! Quý hóa quá. Xa xôi thế mà quan tham cũng chịu khó sang thăm.

Nói chuyện một lát, sư ông quay lại hỏi Lan:

– Chú xuống nhà xem cơm nước chú Quỳ chú ấy làm có ăn được không.



Ngọc đỡ lời:

– Thôi, sư cho chúng tôi về kéo tối.

– Không được. Chả mấy khi quan đến văn cảnh bản am, thế nào cũng phải mời quan xơi bữa cơm chay. Lúc khác thì thực không dám giữ quan ở lại vì cơm nhà chùa muối dưa thanh đạm chả có gì. Nhưng hôm nay vừa có bà Cửu biểu mâm cỗ chay, nên mới dám mời quan...

Ngọc nhìn Lan, hỏi:

– Sư ông cho ăn cơm, chú nghĩ sao?

Lan ngượng nghịu mãi mới ấp úng trả lời:

– Thưa quan, sư ông tôi đã có lòng quý mến giữ quan xơi cơm thì quan nên nhận lời, giờ hãy còn sớm.

Ngọc thấy Lan gọi mình là quan thì không nhin cười được, khiến sư ông ngơ ngác nhìn không hiểu. Rồi sư ông cũng cười, cho rằng cánh tây học họ vẫn trẻ con như thế.

Một lúc lâu chú Quỳ bưng lên một mâm cỗ vuông sơn son, trong có hai cái bát nấu có giò, nem chay, trông rất long trọng.

Ngọc và sư ông ngồi xuống ghế ngựa sắp sửa cầm đũa thì bỗng trời tối sập lại, gió thổi dữ dội, mây đen kéo đến rất mau, cát sỏi bay tứ tung, ầm ầm như phá phách. Sư ông vội vàng đứng dậy cùng hai chú tiểu đóng hết các cửa lại, rồi thắp đèn lên: Nhà trai như đương ở vào trong cảnh ban đêm vậy.

Bên ngoài gió thổi càng mạnh, rồi mưa đổ xuống như trút nước, sấm sét

vang động tựa hồ trời long đất lở, làm át hẳn câu chuyện của Ngọc, và sư ông. Chú Lan đứng hầu cơm, ngắm hai người chuyện trò, tưởng tượng họ nói thầm với nhau.

Cơm nước xong, thì trời đã nhá nhem tối. Mưa vẫn không ngớt. Lúc bấy giờ sư ông ở nhà tổ đi vòng hiên, đem lên một cây đèn dầu hỏa, và nói với Ngọc:

– Chả mấy khi quan tham đến chơi trời lại đổ mưa xuống để giữ hộ, thực là may mắn cho bản tăng quá. Thôi, xin mời quan đi nghỉ để mai dậy sớm về Long Giáng cho mát.

Rồi quay lại bảo Lan:

– Chú Lan làm ơn sang phòng khách bên cạnh giải chiếu, buông màn để quan tham đi nghỉ.

Lan vâng lời vào buồng sửa soạn, trong khi Ngọc thở dài, đứng nhìn trời.

Mãi khuya mưa mới tạnh.

Cả chùa đã yên giấc, mà Ngọc và Lan vẫn ngồi thơ thẩn ở hiên trai, buồn rầu nghĩ ngợi.

Đa trời như gội lượt nước, trong vắt một màu. Trăng thượng tuần tươi sáng trên đỉnh đồi. Những vũng nước đọng ở sân phản chiếu ánh trăng lấp lánh như những mảnh gương lớn vỡ vút rải rác.

Thốt nhiên, Ngọc hỏi Lan: Chú có buồn không?

– Thưa ông, không.

– Còn tôi thì tôi buồn lắm, buồn vợ buồn vẫn như nhớ ai. Cũng nhớ vợ nhớ vẫn. Có lẽ vì tôi xa cách chùa của chúng ta chăng?

Dưới ánh trăng, hai người ngồi cạnh nhau... Lan rung mình. Ngọc lại nói:

– Chú ạ, cái cảnh xa lạ gợi trong tâm trí tới những tư tưởng từ biệt, chia rẽ... khiến tôi nghĩ tới ngày tôi rời chùa, phải xa chú.

Lan im lặng, hé cặp môi cười với bóng trăng trong. Một con cóc nhảy vào vũng nước, Lan giật mình đứng dậy bảo Ngọc:

– Thôi, mời ông đi nghỉ.

Ngọc cũng đứng dậy. Nhìn quanh mình cũng không thấy ai, từ nhà trai đến nhà tổ im phắc. Chàng liền như điên cuồng, nắm lấy tay Lan:

– Ủ, phải đấy. Chúng ta đi ngủ, mai dậy sớm chắc hết buồn.

Lan tuy sợ hãi, nhưng cố làm ra bình tĩnh, thông thả nói:

– Vâng mời ông vào buồng, an nghỉ. Tôi xin ngủ ở ngoài nhà trai này.

– Vẽ! Đi có hai người, ở nơi xa lạ, nằm cả một giường nói chuyện cho vui, ngủ ở ngoài muỗi nó tha đi.

– Thưa ông, không tiện, sư ông biết, ngài quả chết.

Lúc ấy hai người tới chỗ có ánh trăng. Liếc nhìn nét mặt Ngọc thấy dữ tợn, Lan kinh hoảng giật tay toan chạy. Chẳng may Ngọc nắm chặt quá, vì thế người lúi đi kẻ lúi lại, áo dài, áo ngắn của Lan đều tuột cúc, trễ vạt ra. Ngọc bỗng kêu rú lên một tiếng, buông tay Lan ra. Chàng thoáng trông thấy ngực Lan quần vải nâu.

Lan đứng lại thở, cười gượng:

– Gớm quan trẻ con quá. Làm gì mà lôi kéo kẻ tu hành này thế?

Ngọc hồi hận cố trấn tĩnh. Chàng vờ như không biết gì, trả lời:

– Chú cũng trẻ con quá. Cứ gọi mãi người ta là quan. Nhưng thôi, đừng đùa nữa, ta đi ngủ chẳng khuya quá rồi.

– Vâng, xin mời ông đi ngủ trước, tôi xuống dưới nhà dọn chú Quý điều này đã.

Miệng nói, chân đi, Lan vùn vụt qua sân.

Ngọc ngồi chờ Lan, băn khoăn mong ngóng. Vào khoảng mười lăm phút sau, vẫn không thấy Lan trở lại, Ngọc liền cũng xuống sân theo lối Lan đi ban nãy,

lang thang tới một cái cổng chống. Nghĩ ngợi thế nào, chàng cúi xuống nhìn, thì cái chốt có dây buộc rời ra ngoài mà cả cây tre dùng để chống cũng không đặt vào cọc. Ngắm kỹ cánh cổng rào khô thì quả ai vừa lách để ra ngoài.

Ngọc không còn ngờ gì nữa: Lan sợ hãi vừa đi trốn. Lúc bấy giờ chàng hồi hận vô cùng, nói một mình: «Đó, cố tìm cho biết hắn là gái, phỏng có ích lợi gì? Để vậy còn thú, chứ thế này thì không biết chừng... Không biết sao lúc ấy mình lại hung tợn đến thế? Thôi mỗi cái ta theo giữ hắn ở lại, thế với hắn rằng giữ bí mật cho hắn rồi mai về Hà Nội, cố quên câu chuyện, câu chuyện cảm động... đau đớn».

Bóng trăng đã xế về tây, chiếu ánh mờ mờ.

Các cây cỏ hãy còn đầm đìa nước mưa ban chiều. Những đôi xa, trông như đàn rùa khổng lồ nằm vọng nguyệt. Nhưng Ngọc chẳng nghĩ gì tới phong cảnh, cứ cắm cổ bước mau như một tên ăn trộm sợ có người đuổi chạy trốn.

Đi một quãng dài, Ngọc nhìn đằng trước mặt ngay trên đỉnh một trái đồi, thấp thoáng có bóng người in lên nền trời. Chàng chắc chắn lắm rồi, cắm đầu chạy một mạch tới nơi. Quả cái bóng ấy là Lan. Nghe có tiếng người chạy thình thịch sau lưng. Lan ngoái cổ lại. Gặp Ngọc chú kêu rú lên một tiếng, rồi ngất người ngã gục xuống gốc cây thông bên đường. Ngọc vội quỳ xuống nâng dậy và ngọt ngào nói:

– Lan không sợ, tôi xin viện lòng từ bi của đức Quan Âm, tôi thể với Lan rằng tôi không phải là hạng gió trăng bậy

bạ. Lan tỉnh dậy, tôi nói câu chuyện, rồi mai tôi xin từ biệt Lan, tôi về Hà Nội.

Lan mở bừng mắt nhìn, rơm rớm hai giọt lệ lấp lánh dưới ánh trăng. Ngọc lại nói đùa:

– Thôi, xin ni cô tha cho.

Lan lúc ấy đã tỉnh hẳn, ngồi dậy lau nước mắt nói:

– Vâng, tôi là gái. Tôi biết thế nào chẳng giấu nổi ông. Nhưng còn câu chuyện vì sao tôi phải cải trang, thì tôi chưa thể thổ lộ cùng ông được. Chỉ xin ông buông tha kẻ tu hành này, kẻ tu hành khổ khổ này ra mà thôi.



Ngọc thở dài:

– Thừa ni cô, ni cô không ngại. Tôi xin thú thật với ni cô rằng tôi yêu ni cô, tôi yêu ngay từ lúc còn tưởng ni cô là trai. Ni cô là một người thông minh đỉnh ngộ, xinh đẹp như thế thì ai lại không yêu được... Mà lạ Phật tha tội cho, có lẽ ni cô cũng đôi lần cảm động.

Ngọc vừa nói vừa nhìn Lan. Lan nước nở:

– Tôi chỉ còn... có một cái chết. Nếu tôi có thể thổ lộ can trường cho ông biết vì sao tôi phải cải trang, vì sao tôi phải quy y đầu Phật... Nhưng sự bí mật ấy, tôi nhất định sống để dạ, chết mang theo.

– Ni cô chả nên nghĩ ngợi, ni cô nên coi tôi như một người bạn thành thực có thể vì ni cô hy sinh hết mọi sự, cho đến cả hạnh phúc của tôi, cho đến cả ái tình của tôi, ái tình có lẽ tuyệt vọng của tôi.

– Vâng, nếu ông có lòng quân tử như thế thì còn gì sung sướng cho tôi hơn nữa. Phải biết hy sinh thì đời ta mới có ý nghĩa cao thượng.

– Thưa, ni cô...

– Thưa ông, xin ông cứ gọi tôi là chú như trước, vì tôi đã thưa cùng ông nhiều lần rằng người xuất gia đầu Phật chỉ là một kẻ tu hành, dù là gái hay trai cũng vậy. Vả nếu ông cứ gọi đùa tôi là ni cô như thế, sợ khi trở về Long Giáng ông quen mồm đi... Ông đã hứa rằng đối với kẻ tu hành này, ông chỉ là một người bạn từ bi, thì xin ông giữ lời cho, đừng để xảy ra sự không may cho....

Ngọc nói luôn:

– Cho đôi ta.

Lan chau mày, trách:

– Ấy đấy, ông lại cợt nhả rồi, thưa ông bạn từ bi.

– Thưa ni cô, thưa chú... Xin chú tha thứ cho, tôi sung sướng quá, nên tôi lỡ lời. Hạnh phúc của tôi... Nếu mục đích

đời người là tìm hạnh phúc thì tôi đã tới mục đích rồi.

– Nhưng đã tới rồi thì nên dừng lại, chớ bước thêm một bước nữa.

– Mà nếu đức Thích Ca xuất thế để tìm hạnh phúc cho nhân loại và đưa linh hồn chúng sinh tới cõi Nát Bàn, thì tôi cũng xin dừng chân ở gốc cây thông này, chớ chẳng muốn đi đến Nát Bàn làm gì.

Lan đứng phắt dậy, nghiêm trang đáp lại:

– Người quân tử phải giữ lời hứa, nhất khi lời hứa ấy lại là một lời thề.

Ngọc cũng đứng dậy. Hai người nhìn nhau. Bóng trăng khuyết rọi đầu cành, lá thông thưa nhạt, cỏ xơ xác mặt đồi lấp lánh giọt sương. Hai người nhìn nhau....

Dưới chân đồi làng mạc ngủ yên.
 Cây cối lơ mờ đen, dòng sông con thấp
 thoáng dưới bóng trắng như một giải
 lụa trắng, rồi ra xa lẫn trong sương mù.
 Bỗng có tiếng gà gáy nửa đêm dưới xóm.
 Lan giật mình lẩm bẩm:

– Giá gặp nhau hai năm trước...

– Vậy bây giờ muộn quá rồi hay sao?

– Muộn quá rồi. Vì tôi thề trước Phật
 tổ thì đến chết tôi cũng phải giữ lời thề.
 Đời còn chả tiếc, tiếc gì một sự còn con...
 nhỏ nhen.

– Ái tình mà... chú cho là nhỏ nhen?

– Nhỏ nhen, nếu đem ví với lòng bác
 ái. Vì lòng bác ái mà Phật tổ xa vợ, xa
 con, xa cha, xa mẹ, lang thang khắp bốn
 phương giới đã tìm phương giải thoát
 cho chúng sinh. Vậy xin ông cũng vì bác

ái mà xóa bỏ trong lòng những tên chú Lan, cô Thi, như thế, ông sẽ cứu sống một nhân mạng, cứu vớt được một linh hồn. Trên đời chỉ có lòng bác ái là đáng kể.

Ngọc ngẫm nghĩ rồi quả quyết nói:

– Vâng, tôi xin thuận theo những lời vàng ngọc của chú. Vậy bây giờ muốn tránh khỏi sự ngờ vực thì ta trở lại Long Vân. Tôi xin cam đoan rằng ngoài tôi ra không ai biết rõ được sự bí mật của chú.

Hai người yên lặng cùng trở lại chùa. Đêm khuya trăng lặn, gió réo cảnh thông, vạn vật chìm đắm trong cõi hư vô tịch mịch.

Tiếng côn trùng rì rì dưới cỏ liên miên không dứt càng làm rõ rệt sự yên lặng của một cảnh đời hoang vắng.

Ngọc bỗng giật mình quay lại. Chàng vừa nghe thấy một tiếng thở dài, mà trong lúc mơ màng, chàng tưởng tượng ra một làn hơi nhẹ ở sườn đồi sương ướt bốc lên. Nhưng sau lưng chàng Lan vẫn dịu dàng đều đều đặt bước, như bộ máy êm lặng nhẹ nhàng.

Về tới chùa, Ngọc rón rén vào buồng, còn Lan thì ngồi tựa án phòng trai, băn khoăn suốt đêm không ngủ.

IX.

Tên sườn đồi, nhìn về phía tây, nương chè nằm phơi dưới nắng gay gắt mùa hè. Sau trận mưa hôm qua, các lá sạch hết bụi, như có người lấy khăn lau đi một lượt, lóng lánh phản chiếu ánh thái dương, bóng loáng tựa trăm nghìn chiếc gương bầu dục.

Dựa lưng vào gốc một cây chè cổ, cành lá rườm rà, bên cạnh cái rễ không, Lan ngồi ngẫm nghĩ đến những sự xảy ra

từ tối hôm trước, vẻ lo buồn in trên nét mặt rầu rầu. Lan đăm đăm nhìn trời, lâm lâm khẩn Phật tổ, xin ngài xuống cứu vớt tấm linh hồn sắp đắm đuối. Bỗng có tiếng động bên mình. Lan giật mình quay lại: Con vành khuyên đương lách tách nhảy trên cành lá rậm. Lan ngắm nghía con chim nhỏ, xinh xắn mượt lông, rồi giơ bàn tay ra vẫy. Con chim sợ hãi bay vụt, tiếng khẽ sột soạt trong lá. Lan thở dài, nói một mình:

– Trốn, thế nào cũng phải trốn.

Sáng hôm ấy ở chùa Long Vân về, hai người cùng nhau chỉ trao đổi một vài câu vờ vẩn. Lan chưa hiểu ý bạn định xử trí ra sao, chẳng biết bạn có về Hà Nội ngay như đã hứa lời không? Ngọc có lòng quân tử, nhưng đứng trước Ái tình, bạn có giữ mãi lòng quân tử ấy không?

Hay là bí mật kia sẽ bị khám phá? Cái đó cũng chưa biết chừng. Lòng người... Ai hiểu được lòng người!

Lan đưa mắt ngắm phong cảnh quanh mình. Lòng hoài nghi man mác đến cả cỏ, cây, mây, nước. Cúi nhìn dòng nước bạc lấp lánh dưới chân đồi quanh co uốn khúc, rì rì lướt giữa dọc cát vàng: trong cảnh êm đềm ấy, biết đâu không ẩn núp những loài rắn độc hại người. Cho chí đám mây dịu dàng theo chiều gió thổi, làn khói lơ lơ bay lẫn lá xanh, biết đâu không trở nên sức mạnh phá phách của con Tào vô tình...

Vô tình! Luồng gió khẽ thoảng động cành chèo như phản thanh của ý nghĩ. Lan buồn rầu nói một mình: Vô tình! Ước gì ta được vô tình như vạn vật vô tri vô giác!

Tư tưởng của Lan lúc đó lại rời bỏ cảnh ngoại vật mà thu vào trong tâm trí. Những lý thuyết «Tứ diệu đế», «Thập nhị nhân duyên» cùng là cái đời cao thượng của Phật tổ lộn xộn trong trí nhớ Lan.

Rồi nghĩ điều nọ nhảy sang điều kia, Lan lại ôn tồn tới cái đời ký vãng. Lan con nhà giòng dõi, bẩm tính thông minh, thừa bé được theo học chữ nho. Ông thầy học lại là một người mộ đạo Phật thường đem Phật giáo ra giảng, khiến Lan yêu mến cái đạo rất dịu dàng êm ái. Rồi cha mẹ Lan mất, Lan ở với chú, chú muốn ép gả Lan vào nơi phú quý. Linh hồn trong sạch đã tiêm nhiễm những tư tưởng cao thượng của Phật giáo nên Lan cho thế là nhỏ nhen. Nhất Lan lại nhớ tới lời thề cùng mẹ trong khi mẹ hấp hối. Lan liền bỏ nhà đi trốn, cải nam trang để thụ giới tại chùa Long Giác. Lan không

khéo để lại nhiều tang vật trên bờ sông, khiến nhà yên trí rằng Lan tự vận.

Nường nấu cửa từ bi hơn hai năm nay, được sư tổ quý mến truyền giáo đạo Phật, Lan dốc lòng ngày đêm dùi mài kinh kệ, đã tưởng dứt bỏ được trần duyên. Ai ngờ...

Lan giật mình ngược mắt ngơ ngác nhìn. Trên cành cây trấu, con chim gáy đương gặt đầu, xù lông cổ, gù ở bên con mái. Lan nhắm mắt rồi đi phía khác, thì kia trên cành xoan khô khan, hai con quạ khoang đương rửa lông cho nhau. Lan lại nhắm mắt, thở dài cuốn quýt, như bị vây vào trong cảnh chết mà khó tìm được lối ra: «Ước gì ông ấy đi...»

Bỗng có tiếng chú Mộc gọi ở chân đồi:

– Chú Lan!

Lan sợ hãi đứng phắt dậy đáp:

– Cái gì đấy chú?

Chú Mộc vẫn đứng ở chân đồi nói lên:

– Cụ cho tìm chú đấy.

– Tôi về đây, chú cứ về trước đi.

Lan vội vàng hái chè đây rồi, rồi hấp tấp xuống đồi trở về chùa, đi thẳng vào buồng kho đóng cửa ngồi núp một xó, như sợ ai. Sau, vì ở mãi ngoài nắng nên thấy nhức đầu, Lan liền ngả lưng xuống giường, thiu thiu ngủ lúc nào không biết.

Tiếng chuông chiều đánh thức Lan dậy. Mở bừng mắt trông ra sân, Lan thấy trời đã nhá nhem tối. Chợt nhớ đến giờ làm đèn, nghĩa là đèn ở buồng Ngọc, vì ở

nhà tổ chỉ thấp có ngọn đèn dầu lạc. Lan lo sợ, run lẩy bẩy bước vào phòng chàng, nhưng may không nghe thấy ai lên tiếng. Lan liền cầm vội cây đèn búp măng đem xuống bếp rót dầu.

Khi mang đèn lên, ánh sáng rọi khắp gian buồng con con. Liếc mắt nhìn không thấy Ngọc đâu, trong lòng sinh bạo dạn, Lan đứng lại ngắm kỹ các vật: trên bàn trơ trọi cái bếp cồn cùng cái ấm sắt nhẹ. Vứt trên chiếc giường không màn, quyển Phật giáo và hai ba cuốn tiểu thuyết tây. Mà cái va-li, Lan không thấy đâu hết.

Lan nhìn quanh ngẫm nghĩ. Bỗng chú hấp tấp chạy xuống nhà ngang hỏi chú Mộc:

– Này chú, ông Ngọc đâu?

– Ông Ngọc về Hà Nội từ sáng kia mà.

Lan hoảng hốt:

– Về lúc nào?

– Lúc chú ở vườn chè. Ông ấy nhắn nhời chào chú đấy. Tôi quên bằng mất.

Lan vợ vắn, mắt lơ đờ, ngớ ngẩn hỏi:

– Sao lại về Hà Nội?

– Rõ chú lẫn thần lắm. Còn ai biết tại sao ông ấy lại về Hà Nội nữa. Muốn biết thì hỏi ông ấy.

– Sao lại về Hà Nội? Về rồi à?

– À, ông Ngọc cho chú quyển sách để ở trên buồng ấy.

– Được, để tôi lên lấy.

Lan lại có cơ lên buồng Ngọc. Vào buồng, Lan khép cửa rồi mở lấy quyển sách ra xem, vì chắc thế nào Ngọc về Hà Nội cũng có một vài lời từ biệt. Quả Lan đoán không sai: Một tờ giấy viết thư gấp trong quyển Phật giáo có mấy hàng văn tắt.

«Giữ lời hứa hôm qua, tôi xin kính chào chú ở lại tu cho thành chánh quả... Chú có còn tưởng nhớ tới tôi, tới người bạn khốn khổ này, tôi xin chú cầu nguyện cho linh hồn tôi chóng lên cõi Nát Bàn».

Lan cầm mảnh giấy ghé gần đèn, đọc đi đọc lại ba, bốn lượt, rồi tắc lưỡi cuộn nhỏ lại thò vào trong thông phong châm lửa đốt. Nét mặt rầu rầu, Lan nhìn ngọn lửa cháy cho đến khi tờ giấy thành than.

Bỗng Lan ngồi phịch xuống giường lấy tay bưng mặt khóc nức nở không ra

tiếng. Nỗi sầu muộn trong lòng như theo hai hàng lệ dần dần tiêu tán. Lan thấy đỡ thốn thức, tim bớt đập mạnh, rồi Lan như người sực tỉnh:

– Thôi, ta điên mất rồi! Chẳng lẽ...

Lan đứng phắt dậy, tắt đèn rồi lau nước mắt, quả quyết lên chùa trên, vừa đi vừa lẩm bẩm: «Quên, phải quên! Lời thề trước linh hồn mẹ, ta hãy còn nhớ định ninh trong trí. Đó là cái bùa để trừ bỏ những sự cảm dỗ của tình ái nhỏ nhen nơi dương thế.»

Nhưng con người ta vẫn thế. Bao nhiêu cũng phải trái với sự thực. Một người hay do dự, luôn luôn nghĩ tới sự quả quyết, hoặc nói mình phải quả quyết. Người nhút nhát đêm đi đường vắng một mình thường hay huýt sáo làm ra bộ mạnh bạo lắm, nhưng kỳ thực trong

lòng lo sợ, chân tay run lẩy bẩy. Lan cũng vậy luôn mồm nói phải quên. Nhưng đó là cái triệu chứng của sự nhớ.

Thật ra, cái tình mà Lan cố ra tưởng tượng nhỏ nhen, nó to tát, nó đầy rẫy, nó chứa chan khắp linh hồn Lan: Câu nói, dáng đi, điệu nhìn, giọng cười, ý nghĩ đều là hình ảnh của ái tình.

Lan lẩm bẩm: «Ta rất có tội với đức Phật tổ.»

Lúc đó Lan thoáng ngửi thấy mùi trầm. Thì ra lên tới chùa trên từ bao giờ mà Lan không biết, vẫn tưởng còn ngồi ở buồng Ngọc. Ngược nhìn thấy các tượng thấp thoáng trong bóng đèn lù mù dầu lạc: Tuy không trông rõ, Lan cũng tưởng tượng ra các vẻ mặt tươi cười, khoan dung mà lãnh đạm. Từ từ, Lan cúi đầu như người ta vừa bị quả măng, rồi rón

rén tới bụi gỗ quỳ xuống, thì thầm khẩn
khứa....



X.

Chùa Long Giáng vắng Ngọc như thiếu hẳn vẻ hoạt động. Một tháng Ngọc ở chùa làm biến cải hẳn các sinh hoạt của mấy người tu hành. Sự cụ, trước kia ngoài giờ tụng kinh, niệm Phật, thường chỉ tĩnh tọa để trầm tư mặc tưởng tới những vấn đề giải thoát linh hồn. Chú Mộc ngoài việc chú dọn dẹp, quét trước, rót nước, bưng cơm, chỉ ngồi lì ở nhà ngang trò chuyện cùng ông Thiện và bà Hộ. Còn chú Lan thì ngày

đêm chỉ biết chăm nom việc trên chùa, thấp nhang, đốt đèn, thỉnh chuông và học tập kinh kệ. Các công việc nhắc lại hằng ngày đã khiến năm linh hồn kia trở nên năm cái máy, giờ nào làm việc nào, ngày ngày, tháng tháng, năm năm không hề thay đổi.

Từ ngày có Ngọc ở chùa thì năm bộ máy khi mau khi chạy sai lạc đi nhiều. Tuy công việc vẫn có thể, song những giờ tĩnh tọa của sư cụ nhiều khi đã đổi thành những cuộc nói chuyện về đạo Phật, về sự tích Phật tổ. Sư cụ bản tính thâm trầm nghiêm khắc, mà có lần cũng phải cười về những câu hỏi ngớ ngẩn, những ý tưởng ngộ nghĩnh của Ngọc.

Nhất là khi có chú Lan đứng hầu bên cạnh, Ngọc càng thấy phấn khởi tâm hồn, và cuộc đàm luận càng có vẻ náo nhiệt lắm. Những thuyết đề thái tây,

những tư tưởng triết lý của Ngọc không thể lọt tai nhà tu hành được, nhất Ngọc lại đem những ý tưởng trong các sách của phái Tiểu thừa mà bàn tới đạo Phật ở nước ta theo về phái Đại thừa, nên hai bên thực không thể nào hợp ý nhau được. Có những cuộc đàm đạo ấy, sư cụ cũng thấy vui vui. Và cụ cũng lo tới ngày cùng Ngọc biệt ly.

Đến cả bà Hộ, ông Thiện, chú Mộc trong khi có Ngọc, cũng bận suốt ngày, nhưng tuy bận bịu, rộn rịp hơn xưa mà vẫn lấy làm vui thích. Nào hai bữa cơm sữa sang cho lịch sự, nào hầu hạ pha nước, lấy thau. Chú Mộc thấy Ngọc tính rất dễ dãi lại càng hay lên gẫu chuyện.

Nay Ngọc về Hà Nội, năm người cùng thấy những công việc hằng ngày buồn tẻ. Máy cái máy uế ỏi nay càng uế ỏi hơn xưa.

Nhưng người thấy buồn tẻ nhất là chú Lan.

Ba, bốn ngày sau hôm Ngọc đi, chú chẳng biết làm gì, chẳng muốn ăn uống gì. Đến nỗi sư cụ và chú Mộc phải lấy làm lạ rằng cái tình bằng hữu của chú đối với Ngọc không ngờ th ân mật đến thế.

Chiều hôm ấy, mặt trời đã lặn sau rặng đồi tây, Lan còn thơ thẩn ở vườn sảo sau chùa. Ngồi trên là cành lẩn lá để ngổn ngang chưa buộc, Lan dăm dăm nhìn về phía xa. Linh hồn Lan như đang theo áng mây hồng bay vào nơi hư vô tịch mịch. Lan thở dài, buột miệng thông thả nói: «Nát bàn! Bồng lai!»

Hai ý tưởng «tôn giáo» và «ái tình» hình như đương công kích nhau trong tâm trí.

Bống Lan giật mình tỉnh bằng giấc mộng. Tiếng chuông chùa như cất vọng từ bi vỗ về an ủi, dỗ dành. Lan mỉm cười lẩm bẩm: «Thế nào cũng phải lánh xa nơi trần tục!»

Tiếng chuông đổ hồi như vui mừng, cười reo vì đã giải thoát được linh hồn Lan.

Lan cười theo hồi chuông, tiếng cười lạnh lạnh trong làn không khí yên lặng dưới ánh lò mờ thảm đạm buổi chiều tà.

XI.

Ánh nắng thảng chập trong vắt
chiếu qua rặng lim um tùm.
Mấy cây trầu chung quanh vườn sắn xơ
xác cành khô. Luồng gió thoảng qua, lá
vàng rơi lác đác...

Lan ngồi sưởi thì thầm đọc kinh,
thỉnh thoảng lại đặt quyển sách xuống,
ngơ ngác nhìn. Tiếng lá rụng trên vườn
sắn như có mãnh lực khiến Lan ôn lại
những mẩu đời ký vãng, Lan nhắm mắt,
trí lại tưởng tượng ra cái cảnh lá rụng

khi sang chùa Long Vân, cái cảnh bên bờ suối mấy gốc thông già gió chiều hiu hắt, lá thông khô, theo dòng suối trôi đi...

Lá rụng!

Từ đó đến nay đã qua sáu tháng. Lan trải bao buồn, nhớ, mừng, lo.

Trong khoảng mười hôm đầu, Lan ủ rũ âu sầu. Rồi dần dần ngày đêm vui đạo Phật, lòng cũng nguôi nguôi.

Tuy những khi chiều tà gió thổi, đêm khuya thức giấc, trăng mọc đầu non, dung nhan người bạn cũng còn phảng phất trong tâm hồn, nhưng đạo từ bi vẫn thắng nổi ái tình. Chỉ ít lâu là ảnh ai đã mờ hẳn trong trí nghĩ. Rồi buồn nhớ đổi ra mừng vui. Lan hớn hởi rằng đã qua được một bước khó khăn trên con đường tu hành.

Lá rụng!

Tiếng lá tí tách trên bờ rào khô bồng gợn tới chuyện cũ đã hầu quên. Lan nghĩ mà lo, lo một ngày kia bí mật của mình sẽ bị khám phá. Biết đâu trong khi vui anh em, chàng chẳng thuật câu chuyện gặp gỡ. Nếu chàng quên, nhưng nào chàng có quên được! Đã có một lần chàng đi xe đạp đến gần chùa, rồi nghỉ ở quán một lúc rồi lại quay xe trở về Bắc. Tuy Lan cho là Lan trông lầm, nhưng tâm trí Lan vẫn thì thầm với Lan rằng đó là chuyện thực.

Mặt trời đã xế về tây. Một luồng gió lạnh.

Lá rụng!

Lan rùng mình ngơ ngác nhìn quanh, như sợ có người đứng nghe trộm

được nhưng ý nghĩ bất chính của mình. Lan cố không tư tưởng nữa, muốn theo gương sử cụ ngồi tĩnh tọa để tìm chân lý.

Bỗng có một tiếng sột soạt sau lưng. Lan quay lại. Ngọc đương rón rén đi tới. Lan mừng quýnh thốt nhiên kêu rú lên:

– Ông Ngọc!

Ngọc khẽ gật, không trả lời. Lan sực tỉnh, bẽn lẽn, trách bạn:

– Ông đã hứa với tôi rằng ông quên, sao ông còn lên?

Ngọc mỉm cười, đáp:

– Tôi vẫn cố quên, nhưng nào có quên được!

Rồi Ngọc buồn rầu, kể lễ:

– Nếu chú thấu nỗi đau đớn, khổ sở của tôi thì chú cũng sẵn lòng tha thứ cho tôi.

– Mời ông hãy vào chùa chào cụ, cụ nhắc đến ông luôn... Cụ nhớ ông lắm.

Ngọc vội gạt:

– Không, không. Tôi không lên thăm cụ. Tôi chỉ lên thăm chú một lát rồi lại về ngay bây giờ.

Lan đỏ bừng mặt, Ngọc tưởng Lan xấu hổ, nhưng chính Lan sung sướng quá.

Ngọc nói tiếp:

– Tôi lên thăm chú, vẫn biết đối với lời hứa, đối với lời thề, tôi rất có lỗi, mà nhất đối với đời tu hành của chú, tôi rất là người có tội. Nhưng chắc Phật tổ cũng

thấu lòng chân thành, rõ nỗi đau đớn của tôi mà xá tội cho tôi.

Lan mắt lơ đãng nhìn phía xa:

– Nhưng gần tối rồi, ông về bằng gì?

– Tôi về bằng xe đạp. Xe tôi để tựa ngoài hàng rào kia.

– Nhưng... Từ đây về Bắc cũng đã xa rồi, lại còn từ Bắc về đến Hà Nội, ông đạp sao nổi?

– Cũng phải nổi. Lần này là lần thứ ba rồi, hai lần trước tôi cũng đã lên, nhưng lại về ngay, sợ hãi, không dám vào thăm chú.

– Giá lần này ông cũng về ngay thì phải.

Ngọc không để ý đến câu trả lời của Lan, lại gần đứng tựa vào cây trầu, ngay

chỗ Lan ngồi, nhìn Lan, không nói.

Lá rụng!

Lan giật mình bảo bạn:

– Nhỡ cụ biết...

Ngọc vẫn nhìn Lan, đôi mắt âu yếm, nồng nàn:

– Cụ biết thì ta thú tội với cụ là cùng chứ gì.

Lan cười nhạt, nói:

– Tôi tưởng ông là bậc quân tử đáng kính, đáng tôn. Ai ngờ thắm thoát mới sáu tháng giờ, ông đã quên được lời thề.

Ngọc nghiêm sắc mặt trả lời:

– Chỉ vì tôi không quên được lời thề, nên tôi mới khổ. Bản tính con người là quên. Mà muốn đi tới hạnh phúc thì càng

phải quên. Nếu tôi quên được hết, quên lời thề, quên cái đêm trăng rọi trên đôi, quên lời ăn tiếng nói của chú, quên sự gặp gỡ của đôi ta, quên chú, quên hết, thì đâu đến nỗi... Nhưng trái lại, tôi nhớ, tôi tưởng tượng như mọi sự vừa mới xảy ra hôm qua, nào phải chẳng tôi sống trong cảnh mộng?

Lan ngồi nghe, cặp môi hơi hé mỉm cười, mắt lim dim như đương thiu thiu trong giấc mộng.

Ngọc nói, lời rầu rầu, se sẽ, như người ru em.

Mặt trời đã gần lặn sau đồi, mặt trời lạnh lẽo mùa đông. Gió chiều thoảng qua.

Lá rụng!

Lan mở bừng mắt, thở dài:

– Không, không bao giờ thế.

Ngọc vẫn như người mê man, nói luôn:

– Phải, nào phải đâu tôi sống trong cảnh mộng, sáu tháng tôi ở xa chú, tôi coi như sáu năm...

Lan giọng hơi run run:

– Ông điên mất rồi, ông tha lỗi cho tôi, nhưng thực ra ông điên mất rồi, ông nên cưỡi xe đạp trở về ngay không cụ biết thì bí mật đến tiết lộ mất, vì ông điên mất rồi.

Ngọc cười gằn:

– Tôi về ngay đây, nhưng tôi thú thực với chú rằng không bao giờ trí tôi lại sáng suốt như bây giờ. Những lời tôi nói với chú, tôi nguyện có Phật tổ chứng minh,

thật ở tận đáy tâm can mà ra. Tôi vẫn biết lòng chân thành của tôi không thể cảm được linh hồn chú, nên hôm nay tôi chỉ lên để từ biệt chú một lần cuối cùng mà thôi. Từ nay kẻ bắc người nam, xin không gặp mặt nhau nữa.

Lan hai tay bưng mặt, nước mắt ràn rụa ướt cả vạt áo. Lan cố giữ linh hồn lãnh đạm, nhưng chỉ giữ được đến thế.

Ngọc vội cúi xuống đỡ tay Lan, kêu van:

– Ngọc xin lỗi Lan. Đấy Lan nghĩ mà xem. Lan có thể không yêu Ngọc được đâu. Cặp linh hồn đôi ta như một điệu âm nhạc, không cảm động nhau sao được?

Dưới chân đôi, mấy đứa trẻ mục đồng cười trâu về chuồng, cười đùa vui

vẽ. Trên cây trầu, đàn chim sẻ đuổi nhau tiếng kêu chiếp chiếp.

Lá rụng!

Lan đứng phất dậy, khẽ ẩy bạn ra:

– Không, không bao giờ như thế được!

Ngọc lắc đầu, thở dài:

– Tôi thương hại chú quá. Tôi cũng đáng thương, nhưng chú còn đáng thương gấp trăm, gấp nghìn lần. Linh hồn chú bị ái tình và tôn giáo, hai bên lôi kéo, mà lạy Trời, lạy Phật, hai cái mãnh lực ấy lại tương đương, nên tâm trí chú càng bị thắt chặt vào hai tròng...

Lan nhúu đôi lông mày lúi lại một bước:

– Thôi, ông đừng nói nữa, mỗi lời nói của ông như đốt xé ruột gan kẻ tu hành này. Ông nên về ngay đi.

Ngọc dịu dàng:

– Vâng thì tôi về. Xin kính chào chú ở lại nhé.

Nói xong, Ngọc quay đi. Lan ngồi xuống bưng mặt khóc. Ngọc rón rén trở lại, yên lặng đứng ngắm Lan.

Mặt trời đã lặn sau dãy đồi tây. Vạn vật nhuộm màu ảm đạm.

Lá rụng!

Lan mở choàng mắt, ngơ ngác nhìn. Rồi mỉm cười:

– Ông vẫn chưa về?

– Lan coi, Lan đuổi Ngọc về, mà Lan

vẫn còn mừng Ngọc ở lại. Trí Lan đi một đường, tâm Lan đi một lối. Ngọc thương Lan, Ngọc muốn hy sinh vì Lan, nhưng chẳng biết xử trí ra sao bây giờ.

Lan đăm đăm nhìn về phía chùa, se sẽ nói:

- Quên, phải quên.
- Nhưng nào quên được?
- Nếu thế thì chỉ có một cách bỏ chùa đi trốn.

Lan sợ Ngọc hiểu lầm, nói tiếp luôn:

- Bỏ chùa đi trốn, đến tu một chùa khác, một ngôi chùa trên thượng du.

Ngọc có vẻ sợ hãi, vội gạt:

- Không nên. Nếu Lan đi thì Ngọc sẽ chết khô héo mất. Ngọc chẳng dám mơ

màng nọ kia, chỉ ao ước thỉnh thoảng lên chùa nhìn thấy mặt Lan đủ rồi. Vậy xin Lan cứ ở đây tu hành, rồi ngày Ngọc được nghỉ, lại cho phép Ngọc phóng xe đạp lên chùa thăm Lan, Lan có ưng như thế không?

Lan mỉm cười:

– Nếu được mãi như thế?

– Tôi xin thề với Lan rằng tôi giữ được mãi như thế. Tôi xin viện Phật tổ tôi thề với Lan rằng suốt một đời, tôi sẽ chân thành thờ trong tâm trí cái linh hồn dịu dàng của Lan.

– Thế nghĩa là thế nào?

– Nghĩa là suốt đời tôi, tôi không lấy ai, chỉ sống trong cái thế giới mộng ảo của cái tình lý tưởng, của ái tình bất vong bất diệt.

Lan hai dòng nước mắt đầm đìa, dịu dàng bảo bạn:

– Không được. Còn gia đình ông?

Ngọc lạnh lùng:

– Gia đình? Tôi không có gia đình nữa. Đại gia đình của tôi nay là nhân loại, là vũ trụ, mà tiểu gia đình của tôi là... Hai linh hồn đôi ta, ẩn núp dưới bóng từ bi Phật tổ.

Lan tươi cười, ôn tồn bảo bạn:

– Tôi không ngờ Phật giáo đã cảm hóa ông đến như thế! Ngọc vui vẻ:

– Yêu là một luật chung của vạn vật, là bản tính của Phật giáo. Ta yêu nhau, ta yêu nhau trong linh hồn, trong lý tưởng, Phật tổ cũng chẳng cấm đoán đôi ta yêu nhau như thế.

Lan đưa vạt áo lau nước mắt:

– Tôi hiểu ông lắm rồi. Tôi xin ông lại nhà kéo giờ sắp tối.

Ngọc vui vẻ:

– Vậy chào Lan ở lại nhé. Ngày khác sẽ gặp nhau...

Lan nghĩ ngợi nhìn Ngọc, khẽ gật đầu mỉm cười không nói.

Ngọc từ giả Lan, dắt xe đạp xuống đồi.

Bây giờ sắc trời dịu dịu, vạn vật như theo tiếng chuông chiều thông thả rơi vào quăng êm đêm, tịch mịch.

Lan đứng chấp tay tụng niệm, mắt lơ đãng nhìn xuống con đường đất quanh co, lượn khúc dưới chân đồi.

Gió chiều hiu hiu...

Lá rụng!

HẾT

KHÁI HƯNG

TÁC PHẨM VÀ CUỘC ĐỜI

**CUỘC CÁCH MẠNG VĂN HỌC
VIỆT NAM 1930 – 1945:**

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

✱

**NHIỀU TÁC GIẢ NHẬN ĐỊNH –
PHÊ BÌNH VĂN HỌC**

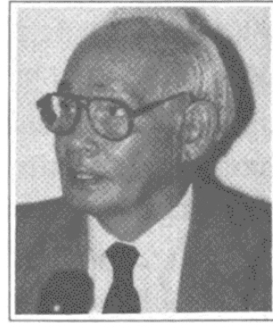
**TƯỞNG NIỆM 50 NĂM NGÀY VĂN
HÀO KHÁI HƯNG TỬ TRẦN**

✱



PHƯỢNG HOÀNG

TƯỞNG NHỚ KHÁI HƯNG
NGƯỜI BẠN, NGƯỜI ANH
THÂN MẾN
NHÀ VĂN, CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG
Viễn Sơn NGUYỄN TƯỜNG BÁCH



I.

Cuộc đời có nhiều sự không ngờ đến.

65 năm trước đây, khi còn là một học sinh Trung Học, tôi đã được may mắn và vinh hạnh gặp mặt anh Khái Hưng ở tòa báo Phong Hóa, phố Quan Thánh, Hà Nội. Từ đó, suốt 15 năm, anh đã là người anh, người bạn thân thiết của tôi trong sự nghiệp văn học cũng như trong công cuộc chống đế quốc thực dân. Anh là một nhà văn lỗi lạc, tiên phong trong nền tiểu thuyết Việt Nam, đồng thời lại là một chiến sĩ đấu tranh trung thành và gan dạ.

Anh xứng đáng là một nhân tài xuất sắc của đất nước, một “Kẻ Sĩ” hiếm có trong thời đại. Hình ảnh anh đã ghi sâu trong tâm hồn của tất cả những người Việt Nam chân chính.

Nhưng, cuộc đời của anh cũng đã gặp những tai họa, những thử thách nghiêm trọng. Anh đã bị bọn thực dân Pháp khủng bố, giải đi an trí tại Hòa Bình, vì

đã gia nhập Đại Việt Dân Chính. Sau đó, được thả về, anh đã cùng với mọi anh em, đã vào Việt Nam Quốc Dân Đảng, chống đối Việt Minh độc tài, trải qua biết bao khó khăn, nguy hiểm.

Lúc đó, có ai có thể ngờ rằng những nhà văn lương thiện, những người yêu nước lại có thể bị chính người Việt mình khủng bố, uy hiếp.

Ai có thể ngờ rằng chúng tôi phải rời bỏ tổ quốc để sang nước ngoài. Nhất Linh, Hoàng Đạo và tôi đều phải lánh sang Trung Quốc. Và từ ngày đó, tôi không còn được trông thấy mặt anh Khải Hưng nữa.

Sau đó, trong cảnh lưu vong và hoạt động bận rộn chúng tôi chỉ được nghe tin anh đã rời Hà Nội, rồi về sau ra sao, không rõ. Anh em ở ngoài chỉ biết nhìn nhau, im lặng trong thương cảm.

Trong cuộc sống gian truân, chúng tôi đã trải qua biết bao cảnh ly biệt, tang tóc trong lúc loạn ly. Trái tim hầu như đã cứng lại. Bao nhiêu bạn hữu đã ngã xuống, hay mất tích. Riêng đối với chúng tôi, lại phải chịu đựng sự ra đi vĩnh viễn của anh Hoàng Đạo tại một nhà ga nhỏ gần thành phố Quảng Châu, rồi 15 năm sau, anh Nhất Linh tự rời bỏ cuộc đời tại miền Nam.

Số phận không may của anh em chồng chất lên nhau trong vận mệnh điêu tàn của cả dân tộc. Nếu còn nước mắt, tất cả chúng ta đều cần phải khóc cho những người đã qua, và đều nên cầu cho một tương lai sáng sủa hơn.

Nếu không ngờ đến việc mất tích đau thương của một tài hoa đất nước, thì cũng không ngờ đến là, 50 năm sau, tôi vẫn còn sống, ngồi trong một căn nhà nhỏ tại một quận Cam đầy nắng chói ở

tận Hoa Kỳ, cách xa quê hương hàng vạn dặm, và hoài niệm Khái Hưng — nay đương yên nghỉ giấc trường miên ở đâu?

Nửa thế kỷ rồi, cái chết của anh vẫn chưa được làm sáng tỏ, niềm uất hận hàm oan vẫn chưa tan. Chúng tôi vẫn còn sống để ngậm ngùi và tiếc thương vô hạn.

Con người Việt Nam, bao giờ mới thoát khỏi đau khổ?

Vì thế, nhắc đến Khái Hưng, ta không thể, và không nên lạnh lùng như một nhà giải phẫu để mổ xẻ từng trang, từng chữ tác phẩm, hay làm việc một nhà phê bình gia khen điểm này, chê điểm kia. Chúng ta nên mang cả một tấm lòng thành với tình thương mến sâu xa để nhìn vào Khái Hưng và tác phẩm của anh.

Nhân vật Khái Hưng không phải là ngẫu nhiên mà có mà là do ảnh hưởng của cả một thời kỳ sôi động trong lịch sử Việt Nam, và cả trên tầm mức nhân loại.

Tiếng bom nổ ở Sa Điện, Quảng Châu năm 1924 do liệt sĩ Phạm Hồng Thái ném vào viên toàn quyền Merlin, đã đẩy động cả một trào lưu hoạt động chống đế quốc, mà cao triều là cuộc Tổng Khởi Nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng năm 1930. Khái Hưng cũng đã chịu ảnh hưởng của trào lưu chung đó.

Sự xung đột cũ mới trong một xã hội đương vươn lên đương đòi hỏi cải cách truyền thống, phong tục gò bó, lỗi thời. Một nền văn hóa phóng khoáng, nhân bản hơn đã dần dần lớn mạnh. Với nhà văn Nguyễn Tường Tam làm tiên phong, một số tài năng có chí khí đã tự nhiên tập hợp lại. Cuộc gặp gỡ giữa Nhất Linh

và Tú Mỡ, giữa Nhất Linh và Khái Hưng là một cuộc gặp gỡ lịch sử, và cùng với Hoàng Đạo, Thạch Lam – đã tạo nên một trào lưu văn học độc đáo, tạo nên Tự Lực Văn Đoàn, với những sáng tác có giá trị cả về nội dung lẫn hình thức.

Cũng như mọi anh em, Khái Hưng không những là muốn viết văn, mà viết để gạt bỏ những cái lạc hậu, xấu xa, nêu lên những cái tiến bộ, tốt đẹp. Anh đồng tình với những kẻ yếu nghèo, gặp trắc trở, khó khăn, tạo nên những hình tượng lý tưởng, đưa người ta đến chỗ hy vọng. Có hiểu con người Khái Hưng, mới có thể thưởng thức đến nơi đến chốn văn chương của anh.

Mặt khác, trào lưu văn hóa mới, cũng như trào lưu chính trị tự do, dân chủ, không phải chỉ xuất hiện tại Việt Nam, mà trên toàn thế giới. Chỉ cần nhìn tới nền văn học Trung Quốc bên cạnh, hay

của Nhật Bản, nước Xiêm, là thấy rõ điều này.

Sự nghiệp của Khái Hưng, cũng như của các nhà văn khác trong Tự Lực Văn Đoàn, hay nhiều văn nghệ sĩ Việt Nam đi tiên phong trong thời kỳ đó, vừa mang đặc tính dân tộc lại mang đặc tính thời đại.

II.

Sự tiếp xúc và cộng tác giữa tôi và Khái Hưng, như đã nói trên, kéo dài gần 15 năm và bao gồm nhiều mặt, không thể thuật lại hết trong phạm vi một bài viết. Chỉ xin trích vài đoạn để độc giả có ấn tượng về giai đoạn ấy, trong cuốn Hồi Ký của tôi sẽ ra đời nay mai.

1932. Sau những năm sôi động 30 – 31, xã hội Việt Nam đã lắng đọng hơn

sau những cuộc đàn áp tàn bạo của Pháp. Bọn thực dân cũng cảm thấy cần phải nói tay một chút để dẹp bớt bất mãn của dân chúng. Chúng còn bày trò khuyến khích buôn bán làm ăn, chơi thể thao, đua thi ngựa, mở hội chợ, và ca nhạc, điện ảnh để hấp dẫn thanh niên, học sinh.

Khi Nguyễn Tường Tam từ Pháp du học về nước, đã có nguyện vọng làm một cái gì để cải tiến đất nước. Anh không màng đi kiếm công việc tốt, lương cao, mà chọn đi dạy học ở trường tư thực Thăng Long. Cũng như Nguyễn Tường Long, tốt nghiệp trường Cao đẳng Luật, đã từ chối không ra làm quan, mà vẫn đi làm tham tá lục sự ở Tòa án để đủ sống và làm báo. Một điểm chung nữa là mấy anh em, gồm cả Nguyễn Tường Vinh, đều rất thích viết, và đều rất có khiếu về viết.

Thêm vào đó, gặp hai người bạn cùng chí hướng, cùng tỏ ra có tài viết văn, đó là anh Hồ Trọng Hiếu và anh Trần Khánh Giu. Một nhóm văn chương nòng cốt năm người này tự nhiên đã hình thành. Sự tập hợp này là một sự kiện ít có trong lịch sử Việt Nam, và có lẽ trên thế giới cũng không nhiều. Với một lực lượng như vậy, hoàn toàn có thể ra một tờ báo có giá trị và có ảnh hưởng đối với độc giả...

Tài hoa viết văn và nguyện vọng cao cả về cải cách xã hội là tinh thần đã tạo thành sự tập hợp này – bước đầu của Tự Lực Văn Đoàn. Cuộc kỳ ngộ may mắn trong tiến trình văn học, dưới sự tổ chức của Nhất Linh, đã tạo nên một trào lưu nổi tiếng nhất, và duy trì được mười mấy năm.

Cuộc đời của Khái Hưng Trần Khánh Giu có thể gọi là kỳ lạ. Anh đã

đậu Tú Tài ban Triết học, độ ấy còn rất hiếm, nhưng không ra làm quan hay một công chức cao cấp nào, một việc rất dễ cho anh – ông thân sinh là Tuần Phủ, và nhạc phụ là Tổng Đốc. Tại sao không chạy một chân tri huyện, mà lại xoay sang làm nghề dạy học và nghề làm báo nghèo kiệt bấp bênh? Một lần, tôi có gạn hỏi thì anh chỉ cười đáp:

– Cũng chẳng hiểu tại sao cả. Thích làm báo thì làm báo chớ sao?

Đó cũng là câu trả lời chung của mấy anh em.

Nghe nói, nhà tiểu thuyết xã hội, lãng mạn trước kia đã từng đi... buôn... làm đại lý; cho một hãng dầu xăng, chắc muốn giàu to. Song chắc đầu óc nghệ sĩ không thích hợp lắm với lối buôn bán quắt quéo, nên chỉ thua lỗ (cũng may, vì nếu phát tài thì Việt Nam đã không có nhà văn Khái Hưng!). Từ Ninh Giang

anh lên Hà Nội, làm giáo sư trường tư thực Thăng Long. Ngay hồi đó, anh đã viết cho tờ Duy Tân những truyện vui hay xã thuyết, cùng với nhà văn Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, nhà văn Tchya (Tôi chẳng yêu ai?) Đái Đức Tuấn, một số bài nữa đăng trên tờ Phong Hóa, (cũ, trước khi sang tay Nhất Linh quản lý) và tờ Văn Học tạp chí của anh em Dương Bá Trạc.

Nhất Linh sau đó lại vào dạy trường Thăng Long. Hai người hiểu nhau rất nhanh, rất tâm đắc, có cái nhìn chung về xã hội; về văn học.

Mấy người bạn bàn nhau ra một tờ báo. Xin giấy phép ra tờ Tiếng Cười, nhưng bị bọn thực dân bác. Theo lời Tú Mỡ “anh Tam đâu có chịu bó tay. Anh xoay và xoay rất cừ... bây giờ nhân có tờ báo Phong Hóa của Phạm Hữu Ninh đương gặp khó khăn, anh Tam đề nghị

nhường cho mình làm chủ bút”. Thế là tờ Phong Hóa ra đời.

Khác với những tờ báo đã có, tờ Phong Hóa là tờ đầu tiên đưa ra tôn chỉ rõ ràng, tỏ ra nhóm chủ trương có mục đích, đường lối đảng hoàng, như:

– Hăng hái theo con đường mới, lý tưởng mới.

– Không chịu khuất phục thành kiến.

– Không làm nô lệ ai, không xu phụng một quyền thế nào.

– Lấy thành thực làm căn bản.

– Lấy trào phúng làm phương pháp.

Đây giống như một tuyên ngôn, thể hiện ý chí quật cường. Tinh thần này đến tận bây giờ, cũng còn có giá trị.

Anh Khái Hưng, với một bút hiệu nữa là Nhị Linh, trong suốt cuộc đời

văn học, đã cố gắng phát huy tinh thần ấy, trong tác phẩm, cũng như trong đời sống, cho đến tận cùng.

Tờ Phong Hóa bộ mới ra đời, đã được độc giả hoan nghênh vượt bậc.

III.

Vào cuối năm 1932.

Một tòa nhà hai tầng, nằm giữa sân rộng, có tường bao bọc, ở giữa phố Quan Thánh và phố hàng Bún.

Lần đầu, từ quê, trại Cẩm Giàng, tôi tới thăm tòa báo Phong Hóa. Cùng với anh Thạch Lam, chúng tôi qua cổng, rẽ vào đằng sau, qua một khóm tre Đằng Ngà, rồi lên gác.

Tầng lầu rất rộng. Bên trái, là phòng

của hai vợ chồng Khái Hưng, ở giữa là tòa soạn, một bên là phòng khách. Trong cùng, còn có nơi để tài liệu, máy móc cần thiết.

Tôi chưa gặp anh Khái Hưng bao giờ, vì lúc đó tôi mới là một chàng học sinh Trung Học chưa tới 17 tuổi, cũng chưa viết báo. Khi bước vào phòng khách, một người thấp, gầy, da mặt ngăm ngăm đen đương ngồi, quay ra nhìn.

Thạch Lam – anh Sáu, giới thiệu với tôi:

– Đây là anh Khái Hưng.

Anh đứng dậy, miệng cười nhiệt tình và hiền hậu; chúng tôi bắt tay nhau, anh bắt tay rất chặt, tỏ ra con người có cảm tình. Tôi cảm thấy xúc động trước thái độ của anh đối với một người bạn nhỏ.

Và từ đó, tự nhiên chúng tôi đã trở nên một đôi bạn hữu thân thiết, tuy cách xa nhau về tuổi.

Tôi nhìn kỹ hơn, khi ngồi xuống. Anh nhanh nhẹn lấy ấm nước pha trà cho mọi người uống. Anh mặc một bộ Âu phục bằng dạ, màu xanh, thường thường anh chỉ mặc bộ này. Đôi mắt anh sáng và lạnh lẹn, mũi không cao lắm, đôi môi hơi đầy, môi dưới hay trễ xuống khi nói chuyện. Thoạt trông, cũng biết anh là người nhanh nhẩu, nói chuyện rất có duyên. Vì gầy, môi lại hơi thâm, nên có người nói anh nghiện thuốc phiện, thực là oan cho anh quá.

Nhưng anh lại nghiện thuốc lá, luôn luôn môi ngậm một cái tẩu màu xám.

Không khí dễ chịu như trong anh em một gia đình. Để khoản đãi đặc biệt tôi từ xa tới, anh đề nghị pha cà phê uống. Một

thứ cà phê đen đặc, anh pha rất nồng, vị rất ngon.

Có khách đến thêm, mọi người giở bàn cờ tướng ra sát phạt. Thói quen ở đây là lúc rỗi, đánh cờ và đánh bài tây. Khái Hưng hỏi tôi có thích đánh cờ tướng không.

– Cú thử xem, anh chơi một ván với nó xem. – anh Thạch Lam nói.

Xem ra Khái Hưng có vẻ khinh địch, vừa đi nước vừa truyện gẫu; nhưng đi rầm nước rồi mới thấy mình hớ, lâm vào thế yếu. Sau khó nhọc lắm, phải thí quân, anh mới gỡ được hòa.

– “Hậu sinh khả úy” anh gật đầu.

Anh không biết rằng, tuy còn ít tuổi, tôi đã đọc qua cuốn “Quất Trung Bí” chuyên giảng về các thế trận.

Một đặc điểm chung cho các nhà văn lúc đó – như Khái Hưng, Tú Mỡ, Thạch Lam, Thế Lữ, như Nguyễn Tuân thường rêu rao – là đều có bộ ngực Omega cả. Có nghĩa là lép kẹp như chiếc đồng hồ Omega mỏng dính.

Nhưng điều này đâu phải là đặc quyền của mấy anh đó? Cứ nhìn vào ngực Vũ Trọng Phụng, Vũ Hoàng Chương là biết. Đủ rõ đời sống các văn sĩ thời ấy thế nào rồi.

Gia đình Khái Hưng ở ngay bên tòa soạn cho tiện công việc. Vô hình chung, anh cũng như một vị ‘Tổng Thư Ký tòa soạn’ tuy không có chức vụ đó. Mỗi ngày, bài vở thư từ chồng chất trên các bàn giấy. Hai anh Khái Hưng và Thạch Lam có nhiệm vụ giải quyết, một công việc phiền phức và khô khan. Sau này, khi rồi, tôi cũng có khi đến giúp vào nhiệm vụ này.

Chị Khái Hưng, một phụ nữ mẫu mực. Người mảnh khảnh, ít nói, chị chú trọng vào việc nội trợ; rất ít khi bước sang tòa soạn. Hai vợ chồng không có con, sau nhận một con trai của anh Tam làm con nuôi.

Gia đình chúng tôi từ Cẩm Giàng dọn lên Hà Nội ở cho tiện, và cũng vì tôi phải dự thi bằng Tú Tài phần thứ nhất. Do đó, tôi thường tới tòa soạn, và cũng bắt đầu viết báo, làm thơ.

Bầu không khí sáng tác kích thích tôi cầm bút. Hai anh Khái Hưng, Thế Lữ thường khuyến khích tôi. Lúc đó, Thế Lữ đã có một số bài thơ đăng trên Phong Hóa, được hoan nghênh là khai sáng luồng thơ mới. Ngoài viết một số bài tùy bút, truyện ngắn, tôi cũng làm mấy bài thơ chuyên tả cảnh thiên nhiên, được độc giả thưởng thức – có người gọi là “tiểu Leconte de Lisle – một nhà thơ

chuyên về cảnh của Pháp”. Khái Hưng chính là người cổ võ tôi nhiều nhất. Về sau, vì bận rộn học và đầu óc khô khan, không còn thi hứng nữa, Khái Hưng thường ngỏ ý tiếc cho tôi.

IV.

Mặc dầu có nhiều trắc trở, như tờ Phong Hóa thường bị đình bản, tờ Ngày Nay cũng gặp nhiều khó khăn, nhưng sáng tác của Khái Hưng vẫn đều đặn với nhiều tác phẩm mới. Trong đó, cuốn *Nửa Chừng Xuân* có lẽ được độc giả thưởng thức nhất.

Thời kỳ từ 1933 đến 1938, là thời kỳ toàn thịnh của Tự Lực Văn Đoàn, mà mọi người đều biết. Song từ 1938 trở đi, thời cục đã biến chuyển mau lẹ. Tuy sáng tác văn nghệ vẫn còn tiếp tục, nhưng một số anh em đã bước vào một con đường

khác: con đường hoạt động cách mạng.

Với tấm lòng yêu nước sâu sắc và mong mỏi cho dân tộc được độc lập, tự do, đời sống được tốt đẹp hơn, nhiều văn nghệ sĩ đã nghe theo tiếng gọi của non sông, tham gia vào những phong trào chống đế quốc thực dân khác nhau. Trên thực chất, đảng phái V.N. gồm hai phái chính: phe Quốc gia và phe Cộng sản.

Phe cộng sản rút lại, cũng chỉ có một đảng ấy mà thôi. Nhưng về phe quốc gia, thì lại xuất hiện nhiều đảng phái khác nhau, trong đó có Đại Việt Dân Chính, do anh Nguyễn Tường Tam khởi xướng. Anh Khái Hưng và tôi cùng ở trong một chi bộ, và tôi nhận công việc phát triển trong giới sinh viên.

Những chuyển động lớn đã tới với Đông Dương. Năm 1941, quân Nhật tiến vào Việt Nam và cấu kết với thực

dân Pháp. Được rảnh tay, thực dân Pháp khùng bố các đảng phái Việt Nam. Khái Hưng, Hoàng Đạo, Nguyễn Gia Trí bị bắt, bị tra tấn, rồi bị tù đầy tại Vụ Bản, tỉnh Hòa Bình. Chúng tôi phải tạm lánh ra ngoài Hà Nội một thời gian, mới trở về học. Anh Tam tôi phải chạy sang Trung Quốc. Anh Thạch Lam lúc đó phải cáng đáng công việc nhà xuất bản và nhà in Đời Nay. Còn tôi thì ứng phó với việc học, thi ra trường Thuốc, nhưng họa vô đơn chí, một ngày tháng 7 năm 1942, Thạch Lam đã đi tận con đường của mình vì bệnh phổi.

Còn là sinh viên, tôi phải ra gánh vác việc nhà xuất bản, cùng lúc với sự duy trì những hoạt động bí mật. Đây là một thời kỳ đen tối, gian nan nhất cho chúng tôi.

Một điều may: năm 1943, các anh Khái Hưng, Hoàng Đạo, Gia Trí và một số anh em khác được thả về, song bị quản

thúc. Tuy bị cấm không được hoạt động chính trị, song hồi đó, do tin tức anh Tam gửi về, đã có đề nghị hợp nhất Việt Nam Quốc Dân Đảng với Đại Việt Dân Chính. Các anh em hai bên trong nước đều chấp thuận, và từ đó, Đại Việt Dân Chính đã sát nhập vào Việt Nam Quốc Dân Đảng. Sau đó, lại có việc kết hợp giữa Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt Quốc Dân Đảng do anh Trương Tử Anh lãnh đạo. Khái Hưng là một thành viên trong ban Trung Ương.

Tháng 4 – 1945, sau cuộc đảo chính của Nhật, chúng tôi cho ra tờ Ngày Nay (bộ mới) để tuyên truyền tư tưởng ái quốc và cải cách xã hội. Tờ báo do tôi làm Giám đốc, Khái Hưng đảm nhiệm tòa soạn, Nguyễn Trọng Trạc giữ việc trị sự. Tờ báo rất được hoan nghênh, và đã góp công vào việc thức tỉnh, đẩy động lòng yêu nước, ý chí cải cách của mọi tầng lớp quần chúng. Trong điều kiện hạn hẹp

và khó khăn, chúng tôi làm việc hết sức mình. Đặc biệt là anh Khải Hưng, nhiều tuổi hơn cả và sức yếu, nhiều khi ngồi soạn bài và sắp đặt bài vở cho tới khuya, mà không bao giờ có một lời phàn nàn. Hai chúng tôi hợp tác với nhau rất thân thiết; từ Ngày Nay thành công vượt bậc không thể không ghi đến công sức anh đã bỏ ra. Có khi tranh cãi về nội dung một bài bình luận rất gay gắt, anh vẫn tỏ ra điềm tĩnh và khiêm tốn, sẵn sàng đi tới kết luận chung để giải quyết vấn đề.

Anh cũng điềm tĩnh và kiên quyết trong việc tranh luận với những phái khác. Một lần, tôi cùng anh đi gặp đại biểu của Mặt Trận Việt Minh, Dương Đức Hiền, Tổng Thư Ký đảng Dân Chủ. Dương vốn là thành viên cũ trong Đại Việt Dân Chính.

Cuộc gặp gỡ diễn ra trên bờ sông Nhuệ, Hà Đông. Anh Hiền có vẻ coi

thường các lực lượng quốc gia, vừa khuyến chúng tôi tham gia Việt Minh vừa tỏ ý đe dọa. Song, hồi đó, chúng tôi sát nhập với Việt Nam Quốc Dân Đảng. Đâu có thể gia nhập Việt Minh? Anh Khái Hưng đã bày tỏ ý kiến là vì công cuộc chung, hai bên có thể hợp tác chống Pháp, nhưng không có vấn đề chúng tôi tham dự Việt Minh. Dương Đức Hiền tỏ vẻ thất vọng.

V.

Tình thế biến đổi quá nhanh chóng, không thể ngờ tới. Ngày 15 tháng 8 năm 1945, quân Nhật đầu hàng. Ngày 19 tháng 8, Việt Minh cướp chính quyền tại Hà Nội và thành lập Chính phủ ngày 2 tháng 9.

Bị dồn vào thế thụ động, các đảng phái Quốc Gia phải tạm rút vào bí mật, trừ tại một số địa phương. Tuy vậy, để duy

trì tiếng nói của mình trước dân chúng, chúng tôi xuất bản một tờ báo hàng ngày, Việt Nam Thời Báo. Vẫn do tôi và Khái Hưng chủ trách, trong lúc anh Hoàng Đạo đương phải điều trị bệnh thương hàn. Làm tờ báo này, tuy nội dung trung lập, nhưng sự đe dọa không ngừng của Việt Minh vẫn treo trên đầu, với những câu hiệu triệu như:

“Những kẻ lầm đường lạc lối hãy sớm tỉnh ngộ, quay về với tổ quốc!”

Bọn cộng sản cầm quyền bao giờ cũng tự hóa mình với tổ quốc, với dân tộc. Và ai làm trái với họ cũng bị gán là phản quốc, phản dân tộc.

Từ đó trở đi, cuộc chiến đấu giữa người Quốc Gia và người Cộng Sản đã ngày càng khốc liệt.

Với sự về nước của một số chiến sĩ lưu lạc ở hải ngoại, như Nguyễn Hải

Thần, Vũ Hồng Khanh. Việt Nam Quốc Dân Đảng và Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội đã ra công khai hoạt động. Cùng lúc đó, quân đội Tưởng Giới Thạch cũng kéo vào miền Bắc Việt Nam để tiếp quản thay quân đội Nhật Bản. Tháng 11. 45, anh Nguyễn Tường Tam cũng trở về Việt Nam.

Lịch sử đã nói nhiều về thời kỳ cực kỳ quan trọng này. Riêng chúng tôi giữ công việc tuyên truyền, đã đổi tờ Việt Nam Thời Báo sang tờ Việt Nam, một tờ báo tranh đấu. Đây là một hành động cách mạng đúng ý nghĩa của nó, vì là lần đầu tiên có một tờ báo công khai chống lại với chính quyền Việt Minh.

Sự ra đời của tờ Việt Nam cũng là một việc kỳ lạ, hiếm có. Lấy danh nghĩa công khai là “cơ quan ngôn luận của Việt Nam Quốc Dân Đảng”.

Tờ báo này không cần giấy phép của nhà đương cục. Việc ra báo tất gặp sự phản đối và phá hoại kịch liệt về phía chính quyền.

Tờ báo này kể cũng ngộ thực, chính tôi cũng không thể tưởng tượng được là mình phụ trách một tờ báo đặc biệt trên thế giới, có vệ binh đứng gác. Thi hành việc kiểm soát cả nhà in, nhà xuất bản. Tất cả các nhân viên đều không được ra ngoài nếu không có giấy phép của ban chỉ huy. Trung Ương cử tôi làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, chuyên trách về phần bình luận chính trị. Anh Khái Hưng quản lý tòa soạn, còn anh Hoàng Đạo vì bận việc đảng, chỉ có nhiệm vụ viết bài và cố vấn về mặt đường lối.

Cũng may là tuyệt đại đa số nhân viên đều tự nguyện tuân theo kỷ luật. Chỉ có một người thừa tối, nhẩy qua hàng rào bỏ đi.

Việc sinh sống trong tòa báo cũng thực là cách mạng. Làm việc không phân ngày đêm, có khi nhiều đêm không ngủ, để cho ra bài kịp thời. Ăn uống thì rất kham khổ, thường chỉ có rau đậu, thỉnh thoảng mới có thịt cá, theo đúng tiêu chuẩn của tất cả các anh em tại mọi trụ sở khác. Bận rộn đến nỗi ai nấy đều để mặc tóc mọc dài, râu ria tua tủa, sẫm soàm trông gần như Robinson Crusoe tại hải đảo. Có khi nhìn nhau không biết nên cười hay nên khóc...

Anh Khái Hưng làm việc say sưa cùng mọi bạn trẻ. Anh phải lượm lật tin tức, bài vở, phải lên bản in. May mà anh ở tại chỗ nên cũng còn dễ chịu một chút. Còn chúng tôi khi có công việc cần ra ngoài hay về chỗ ở, bao giờ cũng cần có anh em đi kèm!

Các anh em đều rất mến phục ý chí và sức làm việc của Khái Hưng. Vì riêng

tôi sau đó, còn có nhiệm vụ đi họp những cuộc họp nội bộ Trung Ương và họp với các đảng phái khác, nên trách nhiệm của anh càng ngày càng nặng. Người anh đã gầy nay càng còm cõi hơn, đôi mắt sâu xuống.

Nhưng anh vẫn nỗ lực không nói điều gì có thể ảnh hưởng tới tinh thần của mọi người. Trong lúc đó, chung quanh, nguy hiểm đầy rẫy. Xung đột luôn luôn xảy ra tại Hà Nội. Chiến sự đã bắt đầu giữa phe Quốc Gia và phe Việt Minh. Mặc dầu, có cái gọi là “Chính phủ Liên Hiệp Kháng Chiến” do sự thỏa hiệp giữa các đảng phái, nguy cơ càng ngày càng gần.

Tháng 2 năm 1946, tôi bị đẩy sang bên Trung Ương làm việc tổ chức. Từ đó anh Khái Hưng phải giữ trọng trách bộ tuyên truyền kiêm tờ báo, và sau đó, anh được cử vào làm Ủy Viên Trung Ương.

Vì công việc quá bận rộn, quá khẩn trương, nên anh và tôi ít có dịp gặp nhau nữa. Tháng 5 – 1946, tôi có nhiệm vụ lên Đệ Tam Khu của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Thế rồi, như mọi người đều biết, chiến sự liên miên. Phe Quốc Gia đã thất bại. Và do đó, Việt Minh trực tiếp tấn công vào các cơ sở của các phái Quốc Gia tại Hà Nội, bắt đầu một cuộc khủng bố tàn bạo và toàn diện.

Ở xa, được tin chánh quyền tấn công vào tòa báo Việt Nam, chúng tôi lo ngại cho mệnh vận các anh em còn lại, trong đó có Khái Hưng. Nhưng mãi về sau, khi đã sang bên Trung Quốc, chúng tôi mới được nghe tin anh mất tích tại quê nhà ngoại. Vì tin tức không rõ rệt, nên cũng chỉ biết ước đoán và ngậm ngùi. Và lúc đó, cũng biết bao nhiêu người thân, bạn hữu cũng đã mất tích.

Trên con đường lưu lạc và vật lộn, chúng tôi cũng không còn nước mắt để tưởng niệm những người bạn thân mến đã ra đi.

VI.

Ngày nay, có lẽ chỉ có tôi cùng với ít bạn là còn sống trên đời, trong số những người đã từng góp sức vào văn nghệ, vào công cuộc đấu tranh cho dân tộc những năm kỳ diệu và bi đát xưa kia.

Tôi kính xin viết mấy giòng thô thiển này để thành kính và tiếc thương vô hạn đối với Khái Hưng, người anh lớn, và người bạn thân thiết của tôi, đã từng chung sống và cổ vũ tôi trong những năm khó quên của lịch sử dân tộc.

Tôi tin rằng tinh thần cao cả, tài hoa xuất chúng của Khái Hưng, một nhà văn

lớn, một chiến sĩ cách mạng kiên trinh,
sẽ sống mãi trong lòng mỗi người Việt
Nam chúng ta.

Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách

GAJ NGỘ GIỮA MÙA XUÂN

HỒN BƯỚM MƠ TIÊN

Hương Giang THÁI VĂN KIỂM



I — Lời Dẫn Nhập.

Hồn Bướm Mơ Tiên là tên cuốn tiểu thuyết đầu tay của Khái Hưng, một truyện tình tương đối giản dị và trong

sạch, không có những tình tiết éo le, gay cấn đến mức độ bi đát như những truyện tình huyết lệ đã xảy ra trên đời này.

Hồn Bướm Mơ Tiên là một truyện tình đượm mùi trầm hương và thiền vị, không thể kéo dài nơi chốn thiền môn, vì lẽ vấp phải sự thể nguyên năm xưa với người quá cố, rốt cuộc phải giải quyết bằng sự chia ly mà vẫn giữ được tình yêu trong sạch, nhờ sự cảm thông sâu sắc về mặt tinh thần và tôn giáo.

Cốt truyện *Hồn Bướm Mơ Tiên* như sau:

Ngọc vốn là sinh viên Trường Cao Đẳng Canh Nông Hà Nội, đi nghỉ hè tại chùa Long Giáng, mà vị sư cụ trụ trì là bác ruột của Ngọc. Nơi đây Ngọc làm quen với một thanh niên tu hành tên Lan mới qui y. Nhưng Ngọc để ý thấy hình dáng

và bộ điệu của Lan có vẻ thiếu nữ. Khuôn mặt trái xoan, hai má ửng hồng, đôi mắt phượng mờ màng như liễu rủ trên mặt nước hồ thu, khiến ta nhớ tới đoạn văn sau đây của Kinh Thánh: “Comme la lumière, sur le chandelier, telle est la beauté du visage dans l'âge épanoui” (L'Ecclésiastique, XXVI, 17). Đâm nghi, Ngọc bèn hỏi vặn Lan một cách khéo léo khiến hơn một lần Lan vẫn khéo léo lẩn sang chuyện khác được. Nhưng rồi một ngày Lan và Ngọc theo lời sư cụ, sang chùa Long Vân tạ ơn, thì chuyện bí mật của Lan đã bị Ngọc khám phá, khiến Lan phải thú nhận mình là thiếu nữ giả trai, để tiện bề tu hành tại chùa này. Mỗi tình giữa hai người nảy nở trong sự tinh khiết; vì đã lỡ thề nguyện với mẹ là sẽ không lấy chồng trọn đời, nên Lan đành chấm dứt mối tình đang chớm nở với Ngọc, để sống trọn trong tình thương đạo lý

nhiệm mầu và vĩnh cửu.

Truyện của Lan, có phần tương tự truyện Quan Âm Thị Kính, vốn là đàn bà con gái mà giả dạng đàn ông đi tu, rồi bị vu oan cáo vạ... v...v... Chuyện này ai ai cũng biết, chẳng cần phải kể lại. Truyện Hồn Bướm Mơ Tiên cũng khiến ta nhớ đến truyện Trang Tử nằm mơ thấy mình hóa ra bướm, bay nhớn nhoe hoan lạc giữa vườn hoa. Lúc tỉnh dậy, Trang Tử tự hỏi: “Ta thật sự là gì? Một con bướm mơ thấy mình là Trang Tử, hay là Trang Tử tưởng tượng rằng mình đã là con bướm? Trong trường hợp của ta, phải chăng có hai sự vật khác nhau? Phải chăng đã có sự biến hóa của một vật này ra một vật khác?”

Hình ảnh xinh đẹp này đã được vua Lê Thánh Tông (1442 – 1497) nhắc lại trong một bài thơ, mà Ngài đã cảm tác

trong trường hợp có thể gọi là “giai ngộ giữa mùa xuân”, được văn học sử ghi lại như sau:

II — Bồi Liễn Tiên Nương.

Căn cứ trên văn phẩm “Công Dư Tiệp Ký” của Vũ Phương Đề (thế kỷ XVIII) và quyển Lê Thánh Tông của Chu Thiên (do Hàn Thuyên xuất bản, Hà Nội 1943), thì vua Lê Thánh Tông đã chọn một ngày hoàng đạo đầu xuân để ngao du sơn thủy.

Thoạt tiên, Ngài đi thăm nhà Thái Học (Văn miếu); trên đường về qua chùa Ngọc Hồ¹¹ ở thôn Thanh Ngô gần đấy, Ngài thấy một vị ni cô trẻ đẹp, liễn rẽ vào vãn cảnh. Ni cô biết ý nhà vua vào tìm hoa hơn là lễ Phật, liễn ra một bài thơ tức cảnh, với cái đề có vẻ khuyên răn rằng:

11 Nay là chùa Bà Ngô ở phố Sinh Từ, Thăng Long (Hà Nội)

*Vào chùa mến cảnh, mến thầy,
Tuy vui đạo Phật chưa khuây lòng người.*

Ngài liền làm một bài bát cú, sai ông Thân Nhân Trung viết đưa lại cho Ni cô. Thơ rằng:

*Ngẫm sự trần duyên khéo nực cười,
Sắc, không tuy bọt, vẫn lòng người.*

Chầy kinh mấy tiếng tan niềm tục,

Hồn bướm ba canh lẫn sự đời!

Bể sở nghìn trùng khôn tát cạn,

Nguồn cơn mấy trượng hãy khơi vơi

Nào nào cực lạc là đâu tá?

Cực lạc là đây, chín rõ mười.

Ni cô xem xong, chê hai câu tam tử và chữa lại là:

Gió thông đưa kệ tan niềm tục,

Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.

Ngài phục ni cô có thi tài, liền vò lên xe cùng về cung. Đi đến cửa Đại Hưng (cửa Nam bây giờ), ni cô biến đâu mất! Lúc ấy Ngài mới biết mình gặp tiên, liền sai làm một cái lầu ở trong vườn ngự uyển¹², gọi là Vọng tiên lâu¹³, để hằng nhớ đến cuộc giai ngộ ấy¹⁴.

III – Lời Tựa Của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam.

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, chủ biên “Phong Hóa”, “Ngày Nay” và nhà

12 Ta nên theo sách cũ chép là Vọng Tiên Lâu, được xây dựng ở gần cửa Đại Hưng.

13 Ngày nay ở Hà Nội, về phố Hàng Bông hãy còn một ngôi đền trên địa điểm cũ trong địa vực hoàng thành xưa gọi là Vọng Tiên Quán.

14 Người ta không biết rõ ràng nàng Tiên này nên mới nhân sự tích nàng theo vua về cung mà gọi là “Bồi liên tiên nương” (có nghĩa: Nàng Tiên theo hầu xe nhà vua).

xuất bản “Đời Nay”, đã viết lời tựa tiểu thuyết “Hồn Bướm Mơ Tiên” như sau:

Quyển HỒN BƯỚM MƠ TIÊN là quyển truyện thứ nhất của Tự Lực Văn Đoàn và lại là quyển truyện thứ nhất của Khái Hưng.

Lối viết truyện này có hai đặc sắc khác những lối viết truyện xưa nay.

Tác giả không tả cảnh rườm rà, chỉ một vài nét chấm phá thanh đậm như những bức thủy họa của Tàu; cảnh trong truyện nhiếp vẽ nào là tùy theo tâm hồn của người trong truyện; cảnh đối với người có liên lạc nhịp nhàng và linh động.

Tác giả không bàn luận lời thôi: ông khéo đem một vài nhận xét tinh vi, một vài việc xảy ra thích đáng để phô diễn tâm lý những nhân vật trong truyện.

Vì hai lẽ đó nên truyện HỒN BUỐM MƠ TIÊN có vẻ hoạt động, xem ham mê từ đầu tới cuối: độc giả tưởng như được cùng với người trong truyện cùng sống quãng đời diễn trong truyện.

HỒN BUỐM MƠ TIÊN là một truyện tình dưới bóng Tử Bi, một truyện tình cao thượng và trong sạch của đôi thanh niên yêu nhau, “Yêu nhau trong linh hồn, trong lý tưởng” như lời tác giả nói. Tác giả đặt câu truyện vào trong một cảnh chùa ở miền trung du Bắc Việt và khéo phô diễn những vẻ đẹp thiên nhiên của miền ấy, khiến ta đem lòng yêu những cảnh đồi núi, nó khác hẳn cái cảnh “bùn lầy nước đọng” miền hạ du phẳng lý và buồn tẻ.

Lại thêm được lối văn giản dị, nhanh nhẹn, tuy vui vẻ mà làm cho người ta cảm động vô ngần. Cát cảm ấy là một cái cảm nhẹ nhàng, phảng phất vui lẫn buồn, tựa

như những ngày thu nắng nhạt điểm mưa thưa”.

(Nhất Linh, Hà Nội, ngày 27 tháng 5
năm 1933).

IV - Văn Chương Trong Hồn Bướm Mơ Tiên.

Khái Hưng là một cây bút điêu luyện của thời tiền chiến; lời văn tả tình tả cảnh cùng với những sự nhận xét tinh tường của ông về cuộc sống hằng ngày và tâm lý của các nhân vật là những mẫu văn chương đáng được ta ghi nhớ:

“Tuy lúc đó đã vào quãng năm giờ chiều, mà lửa tháng năm hãy còn gay gắt. Mặt trời siên ánh sáng xuống cái lạch nước phía bên đường, rồi phản chiếu lên, khiến người lữ hành phải đội

ngiêng chiếc mũ dạ về bên trái để che cho khỏi chói mắt.

Hai bên đường, lúa chiêm vàng ối. Từng bọn vừa đàn ông, đàn bà, con gái, cúi khom lưng cầm liềm nhỏ cắt lúa trông ra dáng vội vàng chăm chỉ lắm như sợ trời sắp tối không đủ thời giờ mà gặt xong thửa ruộng. Một bọn nữa phần đông lực lưỡng người thì lấy sức rút giây lạt bó các lượm lúa lại thành từng bó, người thì cầm đòn xóc xuống đất, đứng chéo chân, nhìn vợ vắn (Hồn Bướm Mơ Tiên, tr 9-10).

Về phía đông nam mấy trái đồi phản chiếu ánh chiều tà nhuộm một sắc da cam. Nền trời xanh nhạt, lơ thơ mấy áng mây hồng. In trên cánh đồng lúa chín, mầu vàng thẫm, con cò trắng thông thả bay về phía tây, đôi cánh lơ dờ cất lên đập xuống loang loáng ánh mặt trời”. (Hồn Bướm Mơ Tiên, tr 37 - 38).

Và Hồn Bướm Mơ Tiên đã kết thúc như sau:

“Bấy giờ trời dịu dịu, vạn vật như theo tiếng chuông chiều thong thả rơi vào quang êm đềm tịch mịch.

Lan đứng chấp tay tụng niệm mắt lơ dờ nhìn xuống con đường đất quanh co lượn khúc dưới chân đồi.

Gió chiều hiu hiu...

Lá rụng”.

Lá rụng thì về cội, người rụng thì về trong lòng đất, để chuẩn bị một cuộc tái sinh thiên hình vạn trạng giữa vũ trụ bao la, ba nghìn thế giới...

V - Triết Lý Trong Hồn Bướm Mơ Tiên.

Hồn Bướm Mơ Tiên, với những nhân

vật đơn giản trong truyện đã diễn ra trong một khung cảnh trang nghiêm, đượm màu sắc tôn giáo, với kinh kệ, hương trầm, hồi chuông cảnh giác và phảng phất mùi hoa Ngọc Lan¹⁵ thanh khiết của chùa đền Việt Nam.

Linh mục Gras của Tu Viện Xuân Bích (Saint Sulpice, Thị Nghè), giảng sư Đại Học Văn Khoa Saigon năm xưa, đã từng nghiên cứu thấu đáo truyện Hồn Bướm Mơ Tiên, và đã kết luận thiên khảo cứu của ông như sau:

“Tình yêu nhân vị khác hẳn át tình điên cuồng của những kẻ chiều theo bản năng, thoát nhượng quyền tự do mà quy thuận chế độ tất nhiên của vũ trụ tự nội. Tình yêu đó để ràng buộc những tâm hồn của hai người tự do không phải làm nô lệ tình mê”.

15 Tên khoa học là: *Michelia champaca odoratissimus*, họ Magnoliacees, vốn là quốc - hoa của Chiêm Thành (Champa).

(Nhân vị trong “Hồn Bướm Mơ Tiên”, Đại Học số 4 - 5 sept. 1958, trang 119).

Để chứng minh điều đó, chúng ta sẽ trích ra đây những câu Lan trả lời Ngọc, để khuyên nhủ Ngọc nên trở về Hà Nội tiếp tục sự học hành, và nên sớm quên Lan, cho trọn vẹn tình yêu tinh khiết và lý tưởng theo kiểu Platon:

(...) “Nhỏ nhen, nếu đem ví với lòng bác ái. Vì lòng bác ái mà Phật tổ xa vợ, xa con, xa cha, xa mẹ lang thang khắp bốn phương giới để tìm phương giải thoát cho chúng sinh. Vậy xin ông cũng vì bác ái mà xóa bỏ trong lòng những tên chú Lan, cô Thị, như thế, ông sẽ cứu được một nhân mạng, cứu vớt được một linh hồn. Trên đời chỉ có lòng bác ái là đáng kể” (Hồn Bướm Mơ Tiên, Nhà xuất bản Đời Nay, Hà Nội, 1933, tr 80).

“Vâng, tôi là gái. Tôi biết thế nào cũng chẳng giấu nổi ông. Nhưng còn câu

chuyện vì sao tôi phải cải trang, thì tôi chưa thể thổ lộ cùng ông được. Chỉ xin ông buông tha kẻ tu hành này, kẻ tu hành khổ khổ này mà thôi”. (Hồn Bướm Mơ Tiên, tr. 77).

Và đây là những câu khuyến dụ của Ngọc, nhằm xiêu lòng và lôi cuốn Lan:

“Lên ở chùa mới biết yêu, mới biết yêu là có thú vị.... Song chẳng lẽ ta cứ yêu suông, yêu bóng mãi? Thế thì cũng uổng, thà chả yêu cho xong” (Hồn Bướm Mơ Tiên, tr. 60).

(...) “tôi yêu một cách chân thành, tôi yêu trong linh hồn, trong lý tưởng. Cô tha thứ cho, tôi không thể yêu mãi chú Lan, phải cho phép tôi yêu cái linh hồn thực của chú Lan mới được: cái linh hồn ấy là cô Thi”. (Hồn Bướm Mơ Tiên, trang 63).

“Mấy hôm nay tôi đọc quyển Phật

giáo, tôi thấy yêu đạo Phật. Tôi yêu đạo Phật thì tôi lại càng yêu cô” (...) (Hồn Bướm Mơ Tiên, tr. 63).

Những lời khuyến dụ của Ngọc khiến ta liên tưởng những câu thơ sau đây trích truyện *Trình Thử* (con chuột trình tiết) của Hồ Huyền Quý, một thi phẩm thời Trần, có tác dụng châm biếm Hồ Quý Ly đã làm điều bất chính là tiếm vị ngôi báu nhà Trần:

Chữ rằng: Xuân bất tái lai,

Một ngày là mấy sớm mai hồi nàng.

Tối lui đôi lẽ cho tường,

Tình về xử biến hơn bề kiên trinh.

Kết làm phu phụ chỉ tình

*Chẳng lo thuyền bách lênh đênh giữa
giòng.*

Lòng xuân tường đối cũng buồn,

*Chẳng nghe câu ví phương ngôn thường
lê:*

Chơi Xuân Kẻo Hết Xuân Đi

Cái Già Xông Xộc Nó Thì Theo Sau.

Mặc dầu hùng biện đến mấy, Ngọc cũng không thể thuyết phục và làm xiêu lòng được Lan. Và đấy cũng là lập trường dứt khoát của Lan, nhứt định không chịu theo ý muốn của Ngọc, để hoàn toàn dẫn thân vào con đường tu hành trọn kiếp. Và Ngọc đã phải nhượng bộ:

“Gia đình? Tôi không có gia đình nữa. Đại gia đình của tôi nay là nhân loại, là vũ trụ, mà tiểu gia đình của tôi là... hai linh hồn đôi ta, ẩn núp dưới bóng tử bi Phật tổ. (Hồn Bướm Mơ Tiên, tr. 97).

Từ đấy, Lan sẽ cố quên hình ảnh của Ngọc; trong nội tâm đã diễn ra một cuộc dằng co dai dẳng giữa tình yêu và

tôn giáo; để đi tới sự toàn thắng của tôn giáo, như được diễn tả trong mấy câu thơ đượm Lão giáo và Phật giáo sau đây:

Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,

Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên;

Thoát trần một cõi thiên nhiên,

Cái thân ngoại vật là tiên trên đời.

(Ôn Như Hầu: Cung Oán Ngâm Khúc).

VI – Thân Thế Và Văn Nghiệp Của Khái Hưng (1896-1947).

Chúng tôi nghĩ rằng khi nói tới một văn phẩm có giá trị như Hồn Bướm Mơ Tiên, chúng ta nên biết qua về thân thế và sự nghiệp của tác giả.

1 – Thân Thế

Khái Hưng là bút hiệu của Trần

Khánh Giu¹⁶. Ông sinh năm 1896 ở làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương. Thân phụ là ông Trần Mỹ, một nhà cự nho, làm Tuần Phủ Phú Thọ. Còn nhạc phụ là ông Lê Văn Định, Tổng Đốc Bắc Ninh. Văn sĩ có ba anh em trai, trong đó có một người em là Trần Tiêu tác giả các tập truyện: Con Trâu, Chồng Con, và Truyện Quê.

Khái Hưng theo học ban trung học ở trường Albert Sarraut, nổi tiếng tinh nghịch và giỏi Pháp văn, nhưng chỉ đỗ tú tài Pháp phần thứ nhất, ban cổ điển, còn phần hai thì bốn năm vẫn trượt luôn. Ngoài căn bản Pháp văn, ông còn hiểu biết cả Nho học nữa. Ông từ giả trường Albert Sarraut rồi bước vào nghề dạy tư ở trường Thăng Long. Theo dư luận học trò học ông, thì ông là một “giáo sư thông minh, ngôn luận có duyên, thường pha

16 Khái Hưng là những chữ ghép tréo lại những chữ Khánh Giu (Tây thường gọi là anagramme).

điểm ít nhiều về hoài nghi dí dỏm giữa lời nói. Trong sự giao thiệp, bạn bè rất luyện mẫn, ông tính tình phóng khoáng, vui vẻ, khéo pha trò làm nông thắm câu chuyện”.

Năm 1930, Trần Khánh Giư bước vào đời văn với những bài xã thuyết, hoặc chuyện vui đăng trên tờ báo của Chu Mậu. Năm 1931, Trần Khánh Giư gặp Nguyễn Tường Tam, tìm thấy ở vị giáo sư cử nhân khoa học dạy cùng trường ấy một người bạn tri kỷ.

Ngày 22 tháng 9 năm 1932, Nguyễn Tường Tam (bút hiệu Nhất Linh) đứng ra giám đốc tờ Phong Hóa của Phạm Hữu Ninh vào đời đã được 13 số, với sự cộng tác đặc lực của Trần Khánh Giư (bút hiệu Khái Hưng hoặc Nhị Linh), Nguyễn Thứ Lễ (bút hiệu Thế Lữ), Nguyễn Tường Long (bút hiệu trước là Tú Ly, sau cải gọi là Hoàng Đạo), Hồ Trọng Hiếu (bút hiệu

Tú Mỡ), Nguyễn Tường Lân (bút hiệu Thạch Lam). Cũng từ năm 1932 trở đi, bắt đầu trên tờ Phong Hóa, Khái Hưng theo lời khuyên của Nhất Linh lại chuyên viết về tiểu thuyết, và giữ mục “câu chuyện hàng tuần”. Các tác phẩm của ông đều do nhà xuất bản Đời Nay ấn hành, từ tác phẩm đầu tay Hồn Bướm Mơ Tiên ra đời ngày 27 tháng 7 năm 1933 đến tập Cái Ve (*), ra ngày 7 tháng 6 năm 1944, cả thảy 21 quyển văn có giá trị, đã làm cho ông nổi tiếng là một tiểu thuyết gia lỗi lạc của tiền bán thế kỷ XX. Những văn phẩm này chứng tỏ cả một kỹ năng hành văn hấp dẫn kiêm bị, nói lên một bộ óc thông minh, một tâm hồn phong phú, một nguồn mỹ cảm dạt dào.

Ngoài những hoạt động báo chí văn nghệ ra, Khái Hưng còn là một chiến sĩ yêu nước hăng hái hoạt động chánh trị nữa, cũng như đa số các nhà văn khác của nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Theo Phạm Trường Sơn cho biết thì trong giai đoạn tranh đấu chính trị ác liệt những năm 1940 - 1945, Khái Hưng là một chiến hữu thân tín của Nhất Linh trong đảng Đại Việt Dân Chính. Ông đã cùng với Hoàng Đạo trốn sang Trung Hoa năm 1940, qua năm sau lại trở về thì bị thực dân bắt cùng với một số đồng chí, và đều bị đưa đi an trí ở Vụ Bản, châu Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Về thời kỳ này, ông vẫn tiếp tục sáng tác những tác phẩm mà sau đó không thể xuất bản được. Năm 1943, Khái Hưng và các bạn lại được đưa về quản thúc ở Hà Nội. Sau cuộc đảo chính Nhật ngày 9 - 3 - 1945, ông giữ việc biên tập tờ Ngày Nay kỷ nguyên mới (1945). Rồi khi Nhất Linh ở Trung Hoa trở về nước, lại cộng tác đặc lực làm tờ báo Việt Nam, cơ quan ngôn luận của Việt Nam Quốc Dân Đảng, tích cực chống đối phái Việt Minh. Khi chiến tranh Việt – Pháp bùng nổ ông tản cư về

quê ngoại ở Nam Định, thì bị Việt Minh bắt giam ở Lạc Quần (Trực Ninh); được ít lâu thì bị họ sát hại bằng súng lục giữa một đêm tối gần bến đò Cựa Gà thuộc phủ Xuân Trường giữa mùa Xuân năm Đinh Hợi (1947).

2 – Văn Nghiệp.

Khái Hưng là một kiện tướng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, đã sáng tác rất đều đặn, xuất bản nhiều tác phẩm, và đã chiếm cảm tình độc giả rất nhiều, vượt bỏ tài năng tất cả các tiểu thuyết gia nhóm này cũng như các văn gia khác ngoài nhóm. Ông là nhà văn đa tài, viết đủ loại văn. Không kể những chuyện ngắn chỉ đăng mà chưa in, ta có thể xếp loại và kê dẫn như sau:

a. Truyện Dài

1./ Tiểu Thuyết lý tưởng, có tính cách luận đề: Hồn Bướm Mơ Tiên (27

-7-1933), Nửa Chừng Xuân (13-2- 1943),
Trống Mái (1936).

2./ Tiểu thuyết phong tục: Gia Đình
(15-4-1938), Thoát Ly (31-12-1938),
Thừa Tự (4-1-1940).

3./ Tiểu thuyết tâm lý: Hạnh (1940),
Những Ngày Vui (25-1-1941), Đẹp
(1940).

b. Truyện Ngắn:

Giọc Đường Gió Bụi (1936), Tiếng
Suối Reo (1937), Đợi Chờ (1939), Đội
Mũ Lệnh (6-11-1941).

c. Kịch.

Tục Lụy (15-3-1937), Đồng Bệnh
(11-5-1942).

d. Truyện Nhi Đồng.

Ông Đồ Bể, Quyển Sách Ước, Cây
Tre Trăm Đốt, Bông Cúc Huyền...v.. v.,

(trong “Loại Sách Hồng” – Đời Nay).

đ. Tác phẩm viết chung với Nhất Linh:

Anh Phải Sống (1934), Gánh Hàng Hoa (1934), Đời Mưa Gió (1934).

VII - Chung Luận.

Nhìn chung về sự nghiệp văn chương của Khái Hưng, nhà văn học Phạm Trường Sơn đã có lời phê bình như sau:

“Ông là một tiểu thuyết gia có biệt tài, luôn luôn cầu tiến trong nghệ thuật, lúc ban đầu nặng về tiểu thuyết lý tưởng, dần dần chú trọng loại tiểu thuyết tâm lý. Tuy nhiên, bất kỳ ở thể loại nào, ông cũng vẫn tỏ ra là một nhà văn rất am tường tính tình của tuổi trẻ. Các văn phẩm của ông phản ánh đầy đủ những băn khoăn hoài vọng trong tâm hồn nam

nữ thanh niên ta. Về phương diện văn, sự tiến hóa vẫn thấy rõ không kém, từ những tác phẩm đầu tay cho đến những tập văn sau cùng, nếu văn ông trước kia giọng điệu bay bướm, thường dài lời bao nhiêu, thì đến giai đoạn về cuối văn lại giản dị, nhanh nhẹn trong suốt, già dặn bấy nhiêu. Bảo rằng Khải Hưng là một ngòi bút tài hoa, mê luyện nghệ thuật, một trí tuệ thông minh, một linh hồn dào dạt, luôn luôn nặng lòng với những chuyện vui buồn của đời người và người đời, thì cũng không phải là quá đáng vậy.

Đúng vào thời đại mà nhìn một cách tổng quát, chúng ta có thể nói rằng: với văn phẩm đầu tay «Hồn Bướm Mơ Tiên», Khải Hưng nói riêng và nhà xuất bản Đời Nay nói chung, đã mở đầu một kỷ nguyên mới lạ và phong phú cho nền văn chương Việt Nam cận đại.

Nay nhân dịp Xuân về nơi hải ngoại,

trong lúc mọi người đều hướng tâm tư về quốc nội đang mong chờ một mùa Xuân Dân Tộc tràn đầy tình thương và hy vọng, chúng tôi xin kết thúc bài tiểu luận này bằng một bài thơ Đường Luật gọi là:

*Cảm Đề Hồn Bướm Mơ Tiên.
Hoa lan từ thuở khép tường mơ,
Lầu ngọc vùng trăng luống đợi chờ;
Mấy độ Ngân Giang vờn sóng nhạc,
Bao giờ Ô Thước bắc cầu thơ?
Mặt vừa giáp mặt đà duyên nợ,
Người dẫu xa người vẫn tóc tơ;
Đã trót thề nguyên nương cửa Phật,
Nâu sông kinh kệ lãnh thời cơ.*

Hương Giang THÁI VĂN KIỂM

HOÀNG ĐẠO VÀ MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM

1 - Lời Dẫn Nhập.

Trước hết, chúng ta tìm hiểu ý nghĩa hai chữ “Hoàng Đạo”: con đường vàng, nhờ có mặt trời chiếu sáng, làm cho rực rỡ, huy hoàng. Đó là con đường quang minh chính đại, con đường của lẽ phải, của chính nghĩa, mà mọi người nên đi theo để tự rèn luyện thành người gương mẫu, có ích cho xã hội và nhân quần.

“Ngày hoàng đạo” là ngày lành tháng tốt, được chọn để khai hội, dựng nhà, xây thành trì, cung điện; cho nên người

xưa đã chọn ngày hoàng đạo để dựng cột nhà, đúng như lời căn dặn của tiên nhân:

Lập trụ hỷ phùng hoàng đạo nhật,

Thượng lương hạnh ngộ tử vi tinh.

Dựng cột nhà nhằm ngày lành tháng tốt,

Cất đòn dông gặp được ngôi sao tử vi.

Đó là điều hi hữu mà ai nấy đều cầu mong.

Trong môn Thiên văn, hoàng đạo là cái vòng tròn gồm có 12 cung, gọi là 12 tinh quân, mặt trời chuyển xoay theo cái vòng tròn đó. Tây gọi là Zodiac; mỗi cung có biểu tượng gọi là signes du Zodiaque.

Từ hoàng đạo đó tỏa ra một luồng ánh sáng kỳ lạ, hiện ra không trung, nhằm lúc mặt trời lặn và mặt trời mọc, gồm những chất lưu tinh (phosphore)

tản ra ngoài quỹ đạo địa cầu (elliptique), cũng gọi là thiên nhãn khai (lumière zodiacale).

Trong Hán Việt, chữ đạo 道 là đường, mà lộ 路 cũng là đường; thường thường người ta dùng như nhau. Trong một bài thơ Đường danh tiếng, chúng ta thấy Ôn Đình Quân, tự là Phi Khanh, dòng dõi Tể Tướng Ôn Ngạc Bác, đời vua Thái Tông (627 - 650), đã dùng chữ lộ thay cho chữ đạo:

Tam xuân nguyệt chiếu thiên sơn lộ,

Thập nhật khai hoa nhất dạ phong,

mà thi sĩ Võ Tùng Chi đã dịch thơ như sau:

Một đêm gió lộng hoa tươi tả,

Ba tiết trăng soi núi trập trùng.

Người thi đỗ ví như là vành trăng

vằng vặc, ba tháng xuân soi sáng các nẻo núi non trùng điệp.

Còn kẻ thi không đỗ, hay là không kịp thi, mong mười ngày hoa nở, thì một đêm gặp một trận gió lồng toir bởi hoa lá!

Ngoài hoàng đạo còn có «vương đạo» là con đường của thánh nhân, trượng phu, quân tử, lấy đức mà trị. Nhà văn hào André Malraux¹⁷, người đã từ chối vào Hàn Lâm Viện Pháp, và đã từ chối giải thưởng Nobel, đã viết một quyển tiểu thuyết ký sự Á Đông, nhan đề «La Voie

17 Đại văn hào André Malraux của Pháp, lúc sang Đông Dương quan sát tình hình, vào những năm 1925 – 1928, đã từng nói: «Je ne peux concevoir un Annamite courageux autrement que révolutionnaire» (Tôi không thể quan niệm một người dân An Nam can đảm mà không làm Cách mạng), để nói lên sự căm hờn của ông đối với chính sách thực dân ở Đông Dương đặc biệt là ở Việt Nam.

Ngày 23/11/1996, thi hài của André Maraux đã được long trọng chuyển táng vào Điện Pantheon ở Paris, là đền thờ các Vĩ nhân Pháp quốc. Chúng ta tự hỏi: «Ngày nào chúng ta sẽ có cơ hội tốt để xây dựng một Đền đài tôn thờ các bậc Vĩ nhân của Tổ Quốc Việt Nam?

Royale», có nghĩa là Vương Đạo. Trái với Vương Đạo là «Bá Đạo», chuyên dùng mưu mô xảo quyệt của kẻ tiểu nhân, đồ điều, thành công nhứt thời, lưu xú ngàn năm, không hiểu rằng:

Khi ra sân khấu không hò hét,

Lúc hạ vai tuồng ít hổ người!

(Ứng Trình).

Lại còn có «ám đạo» là con đường hầm bí mật, và «sạn đạo» là con đường nổi, mà ngày xưa Khổng Minh đã truyền cho công binh xây đắp gấp rút; tức là con đường leo núi, băng đồi, có cầu khỉ, một loại «téléphérique», thời xưa, con đường từ Tứ Xuyên ra Hán Trung mà bộ Tam Quốc còn nhắc lại trong hai câu:

Minh tu sạn đạo,

Ám độ Trần Thương.

Sửa sang con đường treo cho sáng sửa,

Làm cho tâm tối cái ngả Trần Thương.

Đây là chiến thuật “dương đông kích tây” của Tôn Tử, mà nhà chiến thuật Tây Phương Clautzewitz gọi là “manœuvre de diversion”. Là vì con đường đang sửa chữa, cho mọi người, nhất là quân địch, đều trông thấy, thì sẽ không dùng tới; mà trái lại, sẽ dùng một con đường bí mật khác, để khỏi bị quân địch phục kích bất ngờ!

Trong khi đó, địch quân không vào được sào huyệt, thì phải cố gắng “điều hổ ly sơn”, dụ cộp ra khỏi núi sâu rừng rậm, thì may ra mới bắt được cộp. Người Anh Mỹ gọi chiến thuật này là “hook tactic”, chiến thuật lưỡi câu, móc mỗi nhử cá ra khỏi hố hang thì mới câu được.

Khi so sánh những chiến thuật giữa Âu và Á, chúng ta nhận thấy nhiều điểm

tương đồng; nhưng bây giờ chúng ta chỉ nhắc sơ qua, để sớm trở về với Hoàng Đạo, một chiến sĩ, kiêm văn sĩ, đã tận tụy phục vụ đại nghĩa quốc gia cho tới hơi thở cuối cùng.

II - Thân Thế Và Sự Nghiệp Hoàng Đạo.

Hoàng Đạo, tên thật là Nguyễn Tường Long, là em ruột nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, sinh năm 1906 tại phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, trước Thạch Lam 5 năm, sau Nhất Linh 1 năm, sau Khái Hưng 10 năm. Ông thời bé học ban tiểu học ở Cẩm Giàng, sau lên Hà Nội học ban trung học, chỉ 2 năm đỗ bằng cao tiểu, rồi 2 năm kế đó đậu tú tài vừa mới 17 tuổi. Ông quay ra tìm việc làm, thi đỗ tham tá kho bạc, vừa đi làm vừa đọc sách, vừa học Hán văn, vừa viết văn. Năm 1930, Hoàng Đạo thi vào học

Trường luật Hànội. Khi đỗ cử nhân luật khoa, ông được bổ làm tham tá lục sự ở tòa án Đà Nẵng, rồi sau đổi ra Hà Nội, nhưng vẫn tích cực hoạt động cho nghề văn.

Từ năm 1932, văn sĩ cộng tác cùng anh là Nhất Linh, với các ông Khái Hưng, Thế Lữ, Tú Mỡ viết báo Phong Hóa, lấy tên là Tú Ly. Năm 1935, nhóm này lại ra một tờ thứ hai nữa là tờ Ngày Nay, chủ trương tiến bộ và mới mẻ hơn. Trong hai tờ báo này, Hoàng Đạo vẫn là cây bút sắc sảo già dặn, chủ trì những mục bài đả kích phong kiến và thực dân, đã gây nên xúc động mạnh mẽ trong quốc dân, nhất là giới thanh niên và trí thức. Năm 1937, tờ Phong Hóa bị đình bản chỉ vì một bài phóng sự đặc sắc của Hoàng Đạo về Hoàng Trọng Phu. Từ 1937 trở đi, Hoàng Đạo lần lượt cho ra đời những bài về xã hội, kinh tế, chính trị rất có giá trị, tính cách phản phong, phản đế

thực cao: Trước Vành Móng Ngựa, Mười Điều Tâm Niệm, Bùn Lầy Nước Động, Vấn Đề Thuộc Địa, Vấn Đề Cần Lao. Ngoài ra, trong mục “Người và Việc” hằng tuần, Hoàng Đạo luôn luôn bênh vực cho đám dân quê, mạnh dạn tố cáo bọn tham quan ô lại. Ông cũng là tác giả một cuốn văn đả kích Bảo Đại và Nam Triều; ông thực xứng đáng là một chiến sĩ tiên phong. Ta có thể nói rằng những tác phẩm vừa kể trên đây, đã làm cho tên tuổi văn sĩ trở thành một thời danh, làm vẻ vang cho ông, cho cả nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Năm 1939, Hoàng Đạo cho đăng tiểu thuyết Con Đường Sáng, là một truyện dài ông đã cùng viết chung với Nhất Linh.

Năm 1940, Hoàng Đạo, cũng như số đông các nhà văn nhóm Tự Lực Văn Đoàn, tích cực hoạt động trong đảng Đại Việt Dân Chính của Nhất Linh. Sự việc bại lộ, ông bị Mật thám Pháp bắt đưa

đi an trí ở Vụ Bản, Hòa Bình, cho đến năm 1943 thì tha về Hà Nội. Năm 1945, Hoàng Đạo giúp em là Nguyễn Tường Bách khôi phục tờ báo Ngày Nay, và đeo đuổi công cuộc vận động cứu quốc. Tháng 6 năm 1945, ông đi Việt Trì rồi lên Lào Kay, thì được thư Võ Nguyên Giáp mời gia nhập Tổng Bộ Việt Minh. Nhưng vì chính kiến bất đồng, ông bèn từ khước. Sau này, khi Nguyễn Tường Tam giữ chức bộ trưởng bộ Ngoại giao trong Chính phủ Liên Hiệp kháng chiến ngày 24. 2. 1946, thì Hoàng Đạo bấy giờ thỏa thuận tham gia Hội Liên Việt với tư cách ủy viên, đại diện cho Việt Nam Quốc Dân Đảng. Nhưng từ sau Hội nghị Đà Lạt ngày 17. 4. 1946 thất bại, trong khi Nguyễn Tường Tam âm thầm rút lui ra khỏi chính phủ, thì Hoàng Đạo cũng từ giả Hội Liên Việt giả hiệu mà bôn ba sang hoạt động bên Trung Quốc. Tháng 8 năm 1948, Hoàng Đạo chẳng may lại

bị đứt mạch máu chết trên chuyến xe lửa Hồng Kông - Quảng Châu, khi xe ngang qua trấn Thạch Long, thọ được 42 tuổi.

III. Đại Cương Văn Nghiệp Hoàng Đạo.

Trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn, Hoàng Đạo là nhà văn lý luận, có lập trường đấu tranh rõ ràng và tích cực hơn cả. Các tác phẩm của ông đều bày tỏ điều này. Về chính trị, văn sĩ hăng hái tranh đấu cho nền độc lập, dân chủ, mà bài xích chế độ phong kiến, thực dân. Về xã hội, ông mạnh dạn chủ trương bênh vực giới bình dân lao khổ. Về kinh tế, ông thiết tha đề xướng một nền kinh tế tự do, và chống đối mọi độc quyền vô lý. Về gia đình, ông thẳng thắn đả kích chế độ đại gia đình cổ hủ, hoan nghênh sự giải phóng phụ nữ. Về tôn giáo, ông cương quyết đả phá óc mê tín, mà chủ

trường sự lý tín, tôn thờ khoa học. Nói chung, ông nhiệt liệt hô hào bãi bỏ nền văn cũ kỹ lỗi thời, và nỗ lực cổ vũ cho nền văn hóa mới theo Tây Phương, cũng như nhất thiết từ chối cái thái độ dung hòa chiết trung của các nhà cựu học có óc tân tiến.

Khảo về văn nghiệp của ông, ta có thể phân chia các tác phẩm ông ra làm ba loại, như sau:

1 – Loại Đã In Thành Sách:

a. Trước Vành Móng Ngựa (phóng sự) 1938.

b. Mười Điều Tâm Niệm (tiểu luận) 1939.

c. Bùn Lầy Nước Động (khảo luận về chính trị và xã hội) 1939.

d. Con Đường Sáng (tiểu thuyết luận đề viết chung với Nhất Linh) 1940.

d. Tiếng Đàn (truyện ngắn) 1941.

2 – Loại Văn Đã Được Đăng Báo:

a. Vấn Đề Thuộc Địa (có tính cách phản đế).

b. Vấn Đề Cần Lao (bênh vực giới bình dân lao động).

c. Hậu Tây Du (truyện dài, chủ đích phản phong).

d. Người Và Việc (bình luận thời sự).

3 – Những tác Phẩm Tranh Đấu Chính Trị Chưa Được Ấn Hành.

Trong loại này, ta có thể kể bức thư của Hoàng Đạo trả lời Võ Nguyên Giáp, và những bài bình luận chính trị phổ biến ở Trung Quốc thời ông lưu vong bên ấy. Đây là những tài liệu bộc bạch đầy đủ, những tư tưởng và hoạt động chính trị của tác giả về giai đoạn cuối đời. Tiếc

rằng các tác phẩm ấy, hiện nay hoặc chưa được công bố, hoặc bị thất truyền.

Xét về Hoàng Đạo, những tác phẩm nổi bật và làm cho tên tuổi ông lừng danh vẫn chiếm đa số trong văn nghiệp của ông, càng xác nhận cho cái đặc tài ấy. Ông lập luận rất già dặn xác đáng, phê phán vững vàng, lời văn sắc bén hùng hồn, làm cho văn chương ông có một sức kêu gọi lôi cuốn người ta thực mãnh liệt. Trong văn ông, người đọc vẫn thấy rõ cái sức mạnh của một tư tưởng dồi dào ở nơi chính mình. Sự khảo xét các tác phẩm nghị luận của ông, ngoài ra, còn giúp cho ta thông cảm hơn cái lý tưởng mà ông đeo đuổi trong khi sáng tác tiểu thuyết và truyện ngắn là một loại văn mà ông vẫn thường lưu ý.

Trong những truyện ngắn cũng như truyện dài của ông, ta thấy ông trình bày rất rõ cái khuynh hướng thiết tha với việc

cải tạo xã hội và ngả hẳn về phái bình dân. Ấy là điểm dị biệt của ông sánh với Nhất Linh và các nhà văn khác trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Tuy nhiên, xét về vấn đề kỹ thuật văn chương, thì ông lại không thành công bằng Nhất Linh hoặc Khái Hưng. Văn ông tuy sáng sủa, duyên dáng, nhưng bố cục và tình tiết các truyện lại ít biến hóa, nhân vật thường có thái độ trầm ngâm, suy tư, làm vẻ kiêu cách, thiếu hẳn bề sâu, nên không làm mê luyến nhiều người như văn Nhất Linh và Khái Hưng.

Tổng chi, Hoàng Đạo chủ yếu chỉ là một nhà văn thuyết chính trị có giá trị, hơn là một tiểu thuyết gia có đặc tài. Về phương diện chính trị, ông là nhà văn duy nhất của thế hệ mới đã tiếp tục cái phong cách văn chương hùng kiện bình giản của Phan Chu Trinh vậy.

Về Hoàng Đạo, chương trình giáo

khoa quốc gia chỉ ghi có một tác phẩm là Mười Điều Tâm Niệm. Sau đây, ta sẽ riêng xét về tác phẩm này.

IV - Lược Luận Về Mười Điều Tâm Niệm

1 – Lai Lịch Tác Phẩm

Năm 1936, cuộc tuyển cử ở Pháp được kết thúc bằng sự thắng lợi của Mặt Trận Bình Dân và các đảng tả khuynh. Léon Blum, một lãnh tụ xã hội hữu danh, đứng ra thành lập nội các. Sự thắng lợi này, cũng đã ảnh hưởng tốt đến các thuộc địa. Ở nước ta, phong trào xã hội bùng bùng dậy như một luồng gió mới dạt dào. Các cơ quan ngôn luận bấy giờ đua nhau khảo cứu những vấn đề chính trị và xã hội, nói lên cái yêu cầu cải tạo lại đất nước của những tầng lớp nhân dân bị áp bức.

Trong dịp này, nhà lý luận xuất sắc nhất của nhóm Tự Lực Văn Đoàn là Hoàng Đạo bắt đầu đăng trên Ngày Nay từ số 25 ngày 13. 9. 1936 trở đi cho đến số 41, mỗi tuần một điều tâm niệm, tất cả có 10 điều, về sau được in thành sách Mười Điều Tâm Niệm ra ngày 2. 3. 1939 trong loại “Năng Mới” của Tự Lực Văn Đoàn là một “Loại sách bàn luận khảo cứu để trình bày những trào lưu tư tưởng của nước ngoài, những nguyện vọng thiết tha của đời sống nước nhà” (Ngày Nay, Kỷ Nguyên Mới, số 3, ngày 19. 5. 1945). Ngoài tác phẩm Mười Điều Tâm Niệm của Hoàng Đạo ra, hai nhà văn Nhất Linh và Khái Hưng hồi này cũng đã góp phần xây dựng cho phong trào bằng tác phẩm Bùn Lầy Nước Động, bắt đầu đăng trên Ngày Nay từ số 27 ngày 27. 9. 1936 trở đi, rồi về sau khi in thành sách thì lại đổi nhan đề lại là Tối Tăm, và cũng chỉ mang một tên tác giả Nhất Linh mà thôi.

2 – Phân Tích Nội Dung.

Mười Điều Tâm Niệm có thể xem như là tôn chỉ và chủ trương của Tự Lực Văn Đoàn về đời sống mới, về nền văn hóa mới, phản ánh đúng đắn tinh thần bất khuất và lòng ái quốc, thiết tha vì việc dân việc nước của những phần tử trí thức ưu tú thuộc thế hệ thanh niên 1936. Sách gồm 10 bài tiểu luận, có thể coi như là một loại văn dạy tu nhân, dạy đạo làm người theo một tinh thần mới. Ta có thể cho rằng nội dung sách, là 10 cái khẩu hiệu cổ vũ thanh niên hăng hái thể hiện cuộc cách mạng bản thân và cuộc cách mạng gia đình xã hội để tự cứu, cứu quốc, và kiến quốc.

Sau đây là phần tóm lược, và giới thiệu 10 điều tâm niệm ấy:

1.- Điều tâm niệm thứ nhất: Theo mới, hoàn toàn theo mới không chút do dự.

Mục này chủ đích đả phá triệt để những tập quán, phong tục lễ nghi, và tư tưởng xưa cũ, mà cổ xúy cho một sự xây dựng hoàn toàn theo phương tây: ấy là con đường duy nhất để tiến. Trong sự kiến thiết này, tinh thần mạnh mẽ của dân tộc sẽ đào thải những yếu tố văn hóa không thích hợp.

2.- Điều tâm niệm thứ hai: Tin ở sự tiến bộ, một ngày có thể một hơn.

Bài này nhằm mục tiêu công kích óc bảo thủ và sự tin tưởng mù quáng ở các khuôn vàng thước ngọc xưa, đã làm cho nước Việt đình trệ lâu dài trong một tình trạng thô sơ hủ lậu. Tính cách xây dựng của bài văn là đã đề ra một niềm vững tin vào sự tiến bộ; vì ngày nay đâu đâu cũng bày rõ sự tiến bộ ấy, tự mình cố gắng học tập tiến bộ; và khích lệ dắt dẫn kẻ khác cùng tiến với mình.

3.- Điều tâm niệm thứ ba: Sống theo một lý tưởng.

Phần này mục đích chỉ trích thái độ sống thụ động, thói mù quáng tin tưởng theo người xưa của cha ông ta, và cổ vũ thanh niên ngày nay cần sống có lý tưởng, vì lý tưởng sẽ soi sáng đời ta, làm cho đời ta có ý nghĩa, có hạnh phúc.

4.- Điều tâm niệm thứ tư: Làm việc xã hội.

Tác giả đả phá cái xã hội đóng kín thuở xưa, trong đó các phần tử sống cô lập chỉ biết có thân mình, gia đình, và làng xóm, hẹp hòi, thiếu hẳn tính cách xã hội rộng rãi. Phần xây dựng là phần xác nhận rằng thời đại ngày nay không phải là thời đại của quỷ thần, của họ mạc, mà là của cá nhân, của đoàn thể. Tác giả kết thúc bằng sự kêu gọi sự kết đoàn để làm việc cải cách xã hội, và với công tác này

các bạn trẻ ắt có thể tìm thấy vinh quang, hạnh phúc.

5.- Điều tâm niệm thứ năm: Luyện tính khí.

Đây là phần tác giả bày giải rằng học thức có sâu rộng mà không có một ý chí mạnh mẽ vững chắc, thì tư cách con người vẫn nhu nhược, hèn hạ. Tác giả vin vào xét nhận ấy mà đề ra sự cần thiết phải bồi bổ học thức bằng cách luyện tập tính khí để lấy sức mạnh cho tâm hồn, thêm nghị lực cho ý chí, mà nâng cao nhân phẩm của mình.

6.- Điều tâm niệm thứ sáu: Phụ nữ ra ngoài xã hội.

Ở đây, tác giả xác nhận sự tiến bộ của phụ nữ ngày nay, nhưng lại cho rằng đó chỉ là một sự tiến bộ nặng về phần hình thức (y phục, điểm trang), mà thiếu

sót rất nhiều về phần tinh thần. Như thế là đã thực hành sai lệch cái chủ nghĩa bình quyền. Tác giả chủ trương bổ khuyết sự ấy mà cho rằng phụ nữ bình đẳng với phái nam không những trong quyền lợi mà cả trong nghĩa vụ, bốn phận nữa. Được thế, phụ nữ mới có thể phát huy được tài năng, và làm nẩy nở tấm lòng bác ái vị tha của mình bấy lâu bị vùi giấu trong gia đình.

7.- Điều tâm niệm thứ bảy: Luyện lấy bộ óc khoa học.

Tác giả cực lực đả phá sự ám ảnh của quỷ thần ngự trị trong đầu óc người mình xưa nay, và vạch rõ những họa hại trầm trọng của thói mê tín dị đoan. Phần xây dựng là ở trong sự khuyến khích nên rèn luyện lấy tinh thần khoa học, gây lấy một phong trào phổ biến khoa học, vì khoa học rất đắc lực trong việc phục vụ cho

nhân sinh, làm cho đời sống con người sáng sủa tươi đẹp hơn. Vậy nên không thể mê tín được nữa, và chỉ có lý tín, tin phục ở chân lý khoa học mà thôi.

8.- Điều tâm niệm thứ tám: Cần sự nghiệp, không cần công danh.

Hoàng Đạo trình bày quan niệm xưa về công danh, theo đó thì công danh chỉ thu gồm lại trong chức tước, địa vị, thê phong, tử ấm, vinh thân phì gia, và suốt đời không hề đem lại được lợi ích thiết thực gì cho ai cả. Công danh như thế tức là hư danh, và không phải là sự nghiệp. Sự nghiệp thực ra lớn rộng hơn, bao quát những thành tích hoạt động lợi ích cho mình, ích cho người, lợi cho hậu thế, tiếng thơm còn mãi. Tác giả, trong khi biện luận, xác nhận rằng đời văn của Phạm Quỳnh là đẹp đẽ, và đó là sự nghiệp của ông. Trái lại, giai đoạn ông vào

Huế ra làm quan lớn rồi thì lại không ích chi cho sự nghiệp của ông cả. Công danh đâu đáng kể gì, duy có sự nghiệp mới là đáng quý thôi. Tuy nhiên, ta vẫn có thể mộng công danh, song không nên bao giờ đặt công danh ở trên nhân phẩm, lên trên sự nghiệp.

9.- Điều tâm niệm thứ chín: Luyện tập thân thể cường tráng.

Mục này có chủ đích đả phá quan niệm trọng văn khinh võ, bác bỏ cái tinh thần văn nhược của các nhà nho xưa. Quan niệm và tinh thần ấy, cũng đã đưa lại những kết quả tai hại nặng nề, làm cho dân ta suy vi trong tinh thần cũng như trong thể chất. Tác giả kêu gọi sự luyện tập thân thể cho thường xuyên. Thân thể khỏe mạnh sẽ làm cho ta dũng cảm, chí thêm kiên nhẫn, tin tưởng càng vững chắc. Vậy giới thanh niên phải có

bốn phận kết đoàn, phát động phong trào khỏe trong toàn quốc, mỗi ngày cần tự luyện tập thân thể, và lôi kéo người chung quanh cùng hưởng ứng, cùng luyện tập.

10.- Điều tâm niệm thứ mười: Cần có óc tổ chức, trí xếp đặt.

Tác giả chỉ trích cái thói luộm thuộm cầu thả, không chịu xếp vào khuôn phép, không biết tổ chức, khiến cho các công việc dễ hư hỏng và thất bại. Điều tâm niệm cuối cùng tức là nhắm vào việc bài trừ cái tinh thần luộm thuộm cầu thả này, và đề ra cái tầm quan trọng của óc tổ chức, sự làm việc có phương pháp, mà khuyên ta nên quan tâm học lấy.

3 – Tổng Luận.

Nhìn chung, sự phân tích Mười Điều Tâm Niệm sẽ giúp cho ta hiểu biết nhà văn Hoàng Đạo rất rõ về tính phản phong, và lập trường của ông về đời sống mới, về cải cách xã hội. Phản phong, ông mạnh dạn đả phá cái xã hội phong kiến đóng kín với những ông đồ nho cổ chấp, tự mãn, vị kỷ, hẹp hòi, với cái óc mê tín dị đoan, cái tính háo danh phù phiếm với cả cái nếp sống nô lệ đốn hèn. Tiến thủ và tích cực đối với những sự cải cách xã hội tốt đẹp, tác giả kêu gọi thanh niên hãy đoạn tuyệt cùng dĩ vãng, mở rộng tâm trí cho tư tưởng vị tha, nhất quyết theo mới hoàn toàn, nuôi chí phấn đấu bền bỉ, tôn thờ khoa học, hết lòng hoạt động để kiến thiết một tương lai mới cho mình và cho đất nước.

Nội dung rất xúc tích mạnh mẽ, đã được trình bày bằng nghệ thuật ngôn

ngữ điều độ khéo léo, chỉ nói những điều cần nói mà nói một cách súc tích văn tắt; từ ngữ và hành văn thì bao giờ cũng chủ ở sự giản dị sáng sủa. Tác dụng của áng văn nhờ đó mà càng thêm hùng hồn nên càng thấm sâu trong lòng người, khả dĩ kích thích độc giả một cách thiết tha bền bỉ.

Trải qua 45 năm rồi mà chúng ta vẫn thấy Mười Điều Tâm Niệm còn có giá trị thực tiễn, phần lớn còn có thể áp dụng trong đời sống hằng ngày, nhằm tạo nên một mẫu người có ích cho xã hội và nhân loại.

THÁI VĂN KIỂM

PHẠM TRƯỜNG SƠN

MỘT THOÁNG MONG MẠNH CÒN NHỚ MÃI!

* Tưởng Niệm 50 Năm (1947 - 1997)
Ngày Mất Của Nhà Văn KHÁI HÙNG

LÝ THÁI NHƯ



Được mời đóng góp viết bài cho tác phẩm Tưởng Niệm Văn Hào Khải Hùng, quả thực tôi thấy khó so với thời gian tôi tham chiến trên các

chiến tuyến Trung Hoa trong kỳ Đệ Nhị Thế Chiến Kháng Nhật, cũng như sau này trên các chiến trường chống cộng sản, bảo vệ Tự Do tại Việt Nam.

Tuy nhiên tôi đã phải cố gắng, vì anh em sở cậy, vì các thế hệ mai sau cần thấu hiểu minh bạch lịch sử cận đại Việt Nam, tôi đã cố gắng nhớ lại khung trời tuổi trẻ trên sáu chục năm trước để ghi lại đôi điều được biết về Cách Mạng Việt Nam hoạt động trên đất Trung Hoa, kể từ năm nhà văn Khái Hưng bôn ba ra hải ngoại góp khả năng với cách mạng cũng như khuyến khích đề cao tinh thần cách mạng của các anh em đồng chí.

Trong dịp này Khái Hưng đã nhiều lần tiếp xúc với các vị lãnh đạo tiền bối như cụ Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần và các ông Lý Đông A, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm

Kế Tổ... cũng như các thanh niên (ở lớp tuổi chúng tôi), đang thụ huấn tại Quân Trường Võ Bị Hoàng Phố (Tây Cán Ban) và Trường Đào Tạo Cán Bộ của Cách Mạng Việt Nam đặt tại Đại Kiều, Quảng Tây. Vì lý do chiến tranh ngày càng lan rộng nên Trường được di chuyển và đặt chi nhánh tạm tại Tân Biên Dinh, huyện Liễu Châu với danh hiệu là Tây Cán Tân Biên Dinh.

Ở Liễu Châu một thời gian ngắn, Khái Hưng nghe lời khuyên của các đồng chí, nhận công tác, vui vẻ gấp trở về Việt Nam. Nhưng vừa về tới Hà Nội, ông đã bị thực dân Pháp bắt giam, đưa đi quản thúc ở Vụ Bản, tỉnh Hòa Bình.

Phục Quốc Quân Nổi Dậy Ở Lạng Sơn..

Hồi tưởng lại cái năm 1940 ấy, khi quân phát xít Nhật lấn le vào Việt Nam hất cẳng thực dân Pháp, thì ở Lạng Sơn một chiến sĩ cách mạng tên là Trần Trung Lập đứng ra hô hào đồng bào sốt sắng tham gia phong trào Phục Quốc Quân. Thanh niên nam nữ tham gia rất đông. Lạng Sơn, Cao Bằng hầu như ở trong tay Quân Phục Quốc dưới quyền lãnh đạo của chiến sĩ Trần Trung Lập.

Thanh niên nam nữ Phục Quốc có tinh thần rất cao. Họ được phiên chế vào các đơn vị từ Tổ, Ban và Đội để được cấp tốc huấn luyện cách sử dụng vũ khí các loại đã có, huấn luyện chiến thuật đánh du kích...v. v...

Thời gian huấn luyện quân sự rất là ngắn và gấp rút. Tuy nhiên sau những buổi tập luyện, nam nữ thanh niên cũng được thực hành. Mục đích là công phá

các đồn binh Pháp, chiếm đóng các mục tiêu chiến lược, chặn đường tiếp tế của địch quân.

Dưới quyền chỉ huy lãnh đạo của ông Trần Trung Lập, đội ngũ du kích cách mạng Phục Quốc có tinh thần yêu nước cao độ, kỷ luật rất nghiêm minh, và gần như chủ động ở Lạng Sơn và khắp vùng biên giới Hoa Việt.

Dẫu vậy, phần vì thiếu vũ khí và lương thực, phần vì chưa quen với cuộc chiến du kích trường kỳ, chỉ một thời gian sau đành phải tập trung rút sang Trung Quốc để bảo toàn lực lượng.

Khi đã tạm ổn định, toàn thể anh em được tái tổ chức, tham gia các lớp huấn luyện do Đoàn Thể phiên chế để tiếp tục mọi sinh hoạt của Cách Mạng.

Năm 1941, qua các kỳ sát hạch tuyển chọn nam nữ thanh niên có đủ điều kiện về khả năng Văn Hóa cũng như về nhiệt tình yêu nước, đều được giới thiệu vào quân trường Võ Bị Hoàng Phố khóa 19.

Tôi may mắn được thụ huấn khóa này. Bởi trường Võ Bị Hoàng Phố là một quân trường nổi danh hàng đầu của khu vực Đông Nam Châu Á. Và trường cũng có Khóa Học Cấp Tốc, đáp ứng nhu cầu các học viên cách mạng. Có 4 môn chính yếu:

1 - Chính trị

2 - Quân sự

3 - Truyền tin, và

4 - Bạo phá¹⁸

¹⁸ Khóa học này chúng tôi có một người bạn thân tên là Trần Đình Hội tức Trần Trúc Ngọc bí danh Trần Hồng Việt, học môn bạo phá (chất nổ) ra trường đứng hạng 3. Mất tại Hà

Trong giai đoạn học tập, việc huấn luyện và việc thực hành rất cam go, căng thẳng từ tinh thần đến thể xác. Tuy nhiên với lòng yêu nước, các học viên ai nấy đều hăng say, phấn khởi.

Tới năm 1943, trong lễ mãn khóa, chúng tôi càng vui hơn nữa.

Ra trường là bắt đầu cuộc đời mới, một nếp sống mới. Và mai đây, một ước mong chung của anh em chúng tôi “sẽ là những quân nhân tương xứng phục vụ Quê Hương Xứ Sở Việt Nam”.

Rời khỏi Trường Võ Bị Hoàng Phố, chúng tôi được lệnh chuyển “tạm thời phục vụ ở Bộ Tư Lệnh Quân Khu 4”.

Quân Khu 4 do Đại Tướng Trương Phát Khuê, Tư Lệnh Trưởng. Ông Đại Tướng này được giới quân nhân Trung

Quốc tặng cho danh hiệu Thiết Tướng Quân. Cũng như tại Quân Khu I, do Đại Tướng Hà Ứng Khâm là Tư Lệnh cũng được phong tặng danh “Quân Gang Tướng”.

Chúng tôi được phiên chế thành Đại đội với danh hiệu Biên Chính, tức Biên - Khu Chính - Trị Công - Tác Đội. Một thời gian sau lại được điều về Phủ Tỉnh Tây thuộc tỉnh Quảng Tây, gần với biên giới tỉnh Cao Bằng, Việt Nam. Nơi đây có Nhiệm Trang, là trạm công tác mà tôi được chỉ định làm Trạm Trưởng, cùng với 3 cộng sự viên, cũng là bạn đồng học với tôi tại Trường Võ Bị Hoàng Phố từ mấy năm trước.

Nhiệm vụ chính của chúng tôi ở Nhiệm Trang là:

1 - Điều tra để có những tin tức thiết yếu về tình hình quân đội Nhật và Pháp ở Việt Nam. (Tin tức phải cập nhật và trình ngay lên thượng cấp).

2 - Lấy tin tức, thu nhập cũng như động viên người Việt Nam tham gia vào Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội.
- Mở lớp huấn luyện về sinh hoạt cách mạng. Báo cáo thường xuyên về Tổng Hội VNCMĐM Hội.

Gặp Lý Thụy Và Đinh Chương Dương

Có một kỷ niệm khi tôi phục vụ tại Quân Khu 4 mà cho đến nay tôi vẫn còn nhớ. Các lãnh tụ VNCMĐM Hội, quý anh em trong VNQDD cũng như Đại Việt Dân Chính Đảng và Đại Việt Duy Dân Đảng hoạt động trên đất Trung Hoa lúc bấy giờ (1940 - 1945) chắc chắn chẳng bao giờ quên được. Đây là một kỷ

niệm, một ơn cứu sống hai người Việt Nam bị quân đội Tàu bắt giam, đẩy ải nơi lòng hang Độc Đăng Sơn ở Liễu Châu.

Cũng đều do Trời Phật khiến sui, chứ nếu không thì hai người kia sẽ rục xương trong lòng núi, ai mà biết đến! Và lịch sử Việt Nam sẽ phải khác kể từ 1945? Tôi xin tuân tự kể lại như sau:

Thời gian phục vụ tại Quân Khu 4 để phiên chế công tác, vào những ngày nghỉ chủ nhật, tôi thường đến thăm các anh em đang thụ huấn tại trường Việt - Cán - Ban ở Đại Kiều. Đây là trường đặc biệt huấn luyện, đào tạo các cán bộ để mai này cử về quốc nội phục vụ non sông Việt và đồng bào mình.

Cũng tại nơi đây, tôi còn có những người bạn thân thiết từ hồi còn thiếu niên nên rất quyến luyến nhau và thương

nhau như tình ruột thịt. Ra trường, phục vụ tại bất cứ đâu, tôi vẫn hằng nhớ đến các bạn và đến thăm, là điều tất yếu.

Trong một dịp đến trường thăm bạn, tình cờ có hai sĩ quan người Trung Hoa cùng chuyện vãn với chúng tôi. Họ cho chúng tôi biết là ở trong lòng núi Độc Đăng, hiện đang câu lưu người Việt Nam làm cách mạng. Và quay mặt về phía tôi, viên sĩ quan nói:

– Nếu tiên sinh có muốn đến thăm họ, để coi xem có phải là người quen hay không thì tiên sinh thử đến tham quan một chuyến. Tuy việc thăm viếng có khó khăn nhưng thiết nghĩ tiên sinh là người chuyên nghiệp và có trách nhiệm phải rõ nên việc đến đấy cũng dễ thôi...

Ở Đại Kiều về, một người bạn tháp tùng cùng tôi đi rẽ vào một con đường

hơi hẹp và loanh quanh dẫn vào hang núi. Một khắc sau chúng tôi thấy có một tấm biển dựng bên lề đường, ghi rõ:

Độc Đảng Sơn

Khu Vực Cấm!

Mặc, chúng tôi cứ tiến về phía trạm gác. Sau trạm là cửa ra vào lòng núi cấm.

Gặp người lính gác, tôi yêu cầu được tiếp xúc với vị sĩ quan có thẩm quyền. Vài phút sau, một thượng sĩ ra hỏi. Tôi xuất trình giấy tờ cần thiết và nói rõ lý do. Viên thượng sĩ này vui vẻ, hướng dẫn chúng tôi đến gặp vị Đại Úy chúa ngục Độc Đảng Sơn.

Một lát thì chúng tôi được diện kiến. Chúa ngục nghe chúng tôi trình bày, xem các giấy tờ hành sự của tôi và thấu hiểu, bèn rất vui vẻ giúp liền. Y nhanh nhẹn

hướng dẫn chúng tôi vào nơi giam tù. Y nói:

– Các ông chỉ được phép đến phòng giam này mà thôi, ngoài ra không được phép di chuyển đến những nơi nào khác.

Chúng tôi cười, vui vẻ cảm ơn. Nghe vị chủ ngục nói vậy, tận đáy lòng, tôi hiểu rõ nơi chúng tôi đang hiện diện là một lòng hang lớn, được ngăn ra nhiều phòng. Có phòng lớn, phòng nhỏ. Phòng giam người, phòng tra tấn tội phạm, phòng chứa các vật dụng cần và linh tinh đủ thứ của một cơ quan tình báo mật... tôi nghĩ thế.

Tuy nhiên nơi lòng hang Độc Đăng Sơn này thật yên, thật tĩnh. Ở ngoài xa, chỉ hơi xa một chút thôi mà nhìn vào thì mọi người tưởng đấy chỉ là một núi đá thông thường, chứ có ngờ đâu lại là một

“sào huyệt” của chính quyền tạo dựng. Người bị giam vào đây, có chấp cánh cũng không thể bay lốt ra ngoài.

Vị Đại Ủy chúa ngục đưa chúng tôi vào một phòng bao quanh bằng phen tre ghép lại thành vách tường. Y trở hai người đang nằm dài trên nệm rơm và bảo:

– Đây, hai ông Việt Nam, đồng bào của các ông đấy.

Y cười, nháy mắt với tôi.

Chúng tôi tiến vào phòng. Trên nền đất phòng giam đều được giải rơm ken lại. Tôi chỉ thấy hai người tù nằm chổng gọng, tro tro với hai cái túi vải nhỏ đựng bộ quần áo kẻ bên.

Thấy có tiếng nói và tiếng động của tiếng chân người bước vào phòng, hai

người tù tội nhóm dậy, run rẩy.

Một người có râu lơ thơ tợ râu dê, mặt choắt, tai chuột, tác ngoài ngũ tuần, cao gầy vẻ còm nhom. Còn người kia, tuy có bề thế hơn nhưng cũng cùng một dáng vẻ ốm yếu, tiều tụy.

Viên chủ ngục dặng hắng chỉ vào từng người:

– Xin giới thiệu với quý tiên sinh, đây là Lý Thụy, bị chính phủ bắt về tội làm gián điệp, cho Nga hay cho Nhật, còn đang tra xét. Y chỉ vào người có râu lơ thơ. Còn anh này, y khai tên Đinh Chương Dương. Điều tra kỹ thì y sang đây để hoạt động cho cộng sản...

Té ra là thế. Phàm là người Việt Nam sang Trung Hoa làm ăn hay hoạt động cách mạng đều phải có người bảo lãnh,

giới thiệu với chính quyền địa phương, còn họ... lên lút... cư trú bất hợp pháp...

Chưa nghĩ hết câu thì chúng tôi cũng được viên chủ ngục giới thiệu cho hai người tù rõ lý do chúng tôi vào thăm. Cả hai đều ứa nước mắt, ôm lấy chúng tôi như ôm lấy ánh sáng, niềm tin và hy vọng của cuộc đời tưởng như vô vọng: vĩnh viễn chẳng bao giờ có thể thoát khỏi thân cá chậu chim lồng!

Cả hai người tù nói với chúng tôi rằng họ bị bắt giam cũng chỉ vì chính phủ Trung Hoa nghi ngờ họ là cộng sản, hơn thế còn gán cho họ làm gián điệp cho Nhật... Họ bị câu lưu để chờ điều tra xem hư thực ra sao... Và cuộc điều tra đang còn được tiến hành, vẫn còn đang tiếp tục... không biết đến bao giờ...

Tôi nói đôi câu an ủi họ và hứa với họ là sẽ trình lên cấp trên:

– Chủ tịch Trương Bội Công và cụ Nguyễn Hải Thần... đang là những vị lãnh đạo Tổng Hội (VNCMĐMH) hiện tọa lạc tại đường Ngư Phong, Liễu Châu, để xin hai cụ giúp đỡ, can thiệp với chính phủ Trung Hoa cho các ông.

Được lời như cởi tấm lòng, Lý Thụy mừng rỡ, tha thiết cầu khẩn chúng tôi «vì tình đồng hương, đồng bào ruột thịt» năn nỉ với Tổng Hội can thiệp dùm, vì trong chiến tranh Hoa - Nhật, chính phủ Trung Quốc có quyền nghi ngờ hết thảy và gán cho mọi người là cộng sản hoặc làm gian điệp... Vậy quý ông trình bày giùm cho. Ở ấy chúng tôi chẳng bao giờ dám quên...

Trước thảm cảnh khóc, nói tha thiết của người tù đồng hương, ai có thể dửng dưng cho được! Do đấy khi về tới trụ sở Tổng Hội, tôi đã trình bày hết tự sự lên cụ Trương Bội Công và Nguyễn Hải Thần. Hai cụ nghe xong, đều hứa là sẽ triệu tập một phiên họp để mổ xẻ vấn đề, và nếu xét thấy cần thì sẽ lấy danh nghĩa Tổng Hội can thiệp với chính phủ Trung Hoa cứu xét tha cho các đương sự.

Đại Tướng Trương Phát Khuê

Toàn Quyền Quyết Định...

Một hội nghị do chủ tịch Trương Bội Công và Nguyễn Hải Thần triệu tập, trong số có các ông Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam, Nghiêm Kế Tổ, Nguyễn Ngọc Thanh¹⁹ ... cùng các anh em chúng tôi...

19 Tên thực của lãnh tụ Duy Dân Đảng Lý Đông A lúc bấy giờ. (N.T.K)

Thảo luận, mổ xẻ vấn đề của hai người Việt Nam bị cầm tù trong hang Độc Đăng Sơn thật suôn sẻ, không gặp một chống đối nào cả. Nguyên do những người hoạt động cách mạng cho Quốc Gia – Dân Tộc lúc bấy giờ không câu nệ, không có thành kiến phe nhóm, chủ nghĩa, chủ thuyết nào. Chỉ cần lật đổ ách thống trị của Thực dân, Phong kiến đem lại độc lập cho nước nhà và sự tự do, dân chủ, dân quyền cho toàn thể đồng bào là mãn nguyện.

Do đấy một tờ trình đã được đúc kết. Mọi người hiện diện đều ký tên bảo lãnh cho Lý Thụy và Đinh Chương Dương, đề đệ trình lên chính quyền Trung Ương là Thống Chế Tưởng Giới Thạch ở Trùng Khánh, thông qua Đại Tướng Trương Phát Khuê, tư lệnh Quân Khu 4 đặt bản doanh ở Quảng Tây.

Thiết Tướng Quân nhận được văn thư bảo lãnh của Tổng Hội Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội bèn một mặt làm văn thư gửi về Trung Ương thỉnh thị Tưởng Thống Chế, một mặt cho hai cụ Trương - Nguyễn rõ là phải chờ lệnh trên.

Cái khó khăn là ở chỗ trận chiến Hoa – Nhật ngày càng quyết liệt. Chính quyền Trung Ương đang phải bù đầu đối phó về nhiều mặt, kể cả giặc ngoài lẫn thù trong. Quân phiệt Nhật có hùng mạnh thật nhưng chỉ nhất thời so với tinh thần chịu đựng của người Hoa trong trường kỳ kháng chiến mà Tưởng Tổng Tài phát động. Riêng chỉ đáng ngại là kẻ nội thù họ Mao sẽ lợi dụng sự hòa hoãn để kháng Nhật, bành trướng thế lực cộng sản tiêu diệt lại mình mà thôi. Tưởng Giới Thạch

và các Tướng lãnh các Quân Khu đều quan niệm như vậy²⁰.

Tuy nhiên “sự khó khăn chờ đợi” cũng không lâu mấy. Trung Ương hoàn lại bản thỉnh thị với lời phê: “Việc này Đại Tướng Tư Lệnh Quân Khu được toàn quyền quyết định».

Thế là Trương Phát Khuê “vốn thân với Tổng Hội” bèn quyết định tha Lý Thụy và Đinh Chương Dương “thể theo sự bảo lãnh của Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội” và kêu Tổng Hội đến đón hai tù nhân về.

Bữa Cơm Tổng Hội Thết Đãi

Và Kết Nạp Hai Đồng Chí Mới

20 Tướng Giới Thạch tiên liệu rất đúng: chỉ vì nhà học giả kiêm chiến lược Trương Học Lương của Trung Hoa Quốc Dân Đảng chủ trương đoàn kết với CS Mao để diệt thủ ngoại (là quân phiệt Nhật) nên mới dẫn tới việc mất cả lục địa Trung Hoa vào tay Mao Trạch đông năm 1949 (N.T.K)

Ông Hoàng Kim Thanh, trên 40 tuổi, nguyên là cán bộ của Trường đào tạo Cán Bộ Việt Cán Ban, được biệt phái về phục vụ tại trụ sở VNCMĐMH, đặc trách về hỏa thực cho Tổng Hội.

Sau khi đã thu nhận và làm lễ tuyên thệ cho hai đoàn viên gia nhập VNC-MĐMH, bữa cơm chiều ngày hôm ấy để mừng hai đồng chí mới, Hoàng Kim Thanh đã thết mọi người một bữa ăn thật ngon.

Trước khi dùng cơm, Hoàng Kim Thanh long trọng sôi cơm cho hai đồng chí mới và nói:

– Thế là từ nay các ông đã là đồng chí của chúng mình và dùng bữa cơm đầu tiên của Cách Mạng Quốc Gia Việt Nam tại đây đấy nhé!

Theo thường lệ mọi người đều đứng lên hô lớn khẩu hiệu:

– Nỗ lực: phục quốc! Cách mạng: bảo tồn! Tinh thần: phấn đấu.

Rồi cùng ngồi xuống, cùng mời nhau ăn uống vui vẻ. Nếu tôi nhớ không lầm thì đây là thời gian ở vào giữa năm 1943, cuối Hạ.

Như trên đã kể, tôi được chuyển về Tỉnh Tây, điều ra Nhiệm Trang vùng biên giới Hoa – Việt thực hiện công tác xâm nhập Việt Nam.

Riêng Lý Thụy và Đinh Chương Dương thì vẫn làm việc tại Tổng Hội. Lạnh và tháo vát lại nhiều mưu kế, thủ đoạn, Lý Thụy chỉ trong thời gian ngắn được hai cụ Trương, Nguyễn tin dùng. Còn Đinh Chương Dương thì ít lâu sau

tôi không còn được tin tức gì nữa.

Lý Thụy: Ủy Viên Hậu Bổ

Của VNCMĐM Hội

Tin tức bay sang đến tai các nhà Cách Mạng Việt Nam sinh hoạt tại Trung Hoa: “Cần phải cử người về Nước, sửa soạn nắm lấy các guồng máy chính quyền!”

Đấy là khoảng thời gian giữa năm Quý Mùi (1943) trước những năm Giáp Thân (1944) và năm Ất Dậu (1945).

Ngay khi lượng giá tình hình trong nước Việt “một cổ mà hai tròng” Tổng Hội đã quyết nghị cử người lãnh đạo và các cán bộ gấp trở về hầu đáp ứng nhu cầu Cách Mạng. Bởi lẽ Nhật đã dùng sức mạnh vào được Đông Dương đặt nhà cầm quyền Pháp ở vào cái thế bị động, sớm chầy sẽ bị hất cẳng.

Thế nên, khi triệu tập Đại hội để cử người lãnh đạo cùng phái đoàn về Nước, trước tiên Tổng Hội nêu lên câu hỏi:

– Có ai xung phong về Việt Nam bí mật định đặt mọi cơ sở cho Cách Mạng không?

Thì Lý Thụy nhiệt tình giơ tay và đứng lên:

– Có. Tôi xin xung phong về Nước sinh hoạt dưới lá cờ của Tổng Hội!

Cụ Trương Bội Công và cụ Nguyễn Hải Thần cùng cười, khen:

– Tốt! Có ai có ý kiến về sự xung phong của đồng chí Lý Thụy không?

Cả hội trường im phắc. Mấy phút sau mới có tiếng nói:

– Hoan nghênh tinh thần vì Cách Mạng của đồng chí Lý Thụy!

Tôi không kịp nhận ra ai là người tán thành sự xung phong của Lý Thụy. Chỉ biết là Lý Thụy được phong chức Ủy Viên Hậu Bỏ của Tổng Hội Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội được cử về Nước hoạt động. Sở dĩ gọi là Ủy Viên Hậu Bỏ là vì rằng các ủy viên khác đều đã có từ trước do Tổng Hội chỉ định rồi. Ấu cũng là cách ban ân huệ trước, một hứa hẹn của Cách Mạng đối với Lý Thụy vậy.

Tháp tùng phái đoàn về nước, có Đỗ Thị Lạc nguyên là cán bộ của Phục Quốc Quân, Nam Long (sau 1945 lên cấp Tướng) và một số đồng chí khác đều thuộc sắc tộc Nùng, Thổ ở vùng Cao Bằng. Lý Thụy cử Đỗ Thị Lạc²¹ làm bí thư.

21 Khi về tới Việt Nam thì Đỗ Thị Lạc có thai nên Lý Thụy cho lệnh đi cùng Hồ Quốc Tuyền hoạt động công tác ở vùng biên giới Lào Việt.

Máu Chảy Vào Trong Mối Sợ!

Sau bữa cơm chiều, trước khi tiễn phái đoàn về Nước, chúng tôi có một phiên họp với Lý Thụy để thảo luận về những công tác phải làm. Và tôi cũng có hỏi Lý Thụy:

– Xin chú cho biết ý kiến về những sinh hoạt của các anh em ở Liễu Châu?

Lý Thụy ấm ớ:

– À, ở Liễu Châu thì một đồng hai... một quả trứng (tiền quốc tệ).

Tôi cải chính:

– Không phải. Đây là nói về sinh hoạt của Tổng Hội chứ đâu phải sinh hoạt về ẩm thực!

– À, thì anh phải nói rõ là sinh hoạt của Đoàn thể, chú mấy phân tách để trả lời chứ.

Đây là một trong những luận điệu của Lý Thụy.

Và trong chuyến hành trình về Quê Hương, có một cán bộ tháp tùng tên V.N.L (sau là một tướng lãnh V.C, vóc dáng cao lớn dềnh dàng nên tôi vẫn gọi đùa là con ngựa Ê - tà - lỏng²² nước hai. Một buổi anh ta gánh theo 2 ba lô, một của Lý Thụy và một của y, cùng đi trên con đường vòng vèo đồi núi với phái đoàn. Lý Thụy chân đi đôi hài sảo (dép rơm, quai bằng dây thừng mới tinh) lại leo dốc xuống đèo nhiều nên dây đeo cọ

22 Tại Cao Bằng nơi vùng Cao Bình, có cơ sở chuyên nuôi ngựa cho quân đội Pháp. Một bác sĩ Việt Nam được mời phụ trách việc nuôi dưỡng giống ngựa Ả Rập này nên ngựa rất cao lớn và khỏe mạnh.

sát vào da thịt khiến chảy máu. Y bèn nói với Lý Thụy:

– Chú ơi, chân chú chảy máu đấy!

Lý Thụy quay lại, nhìn chân rồi cười:

– Không sao đâu! Máu ứa ra ngoài thì không hề gì. Chú nếu nó chảy vào trong thì mới sợ!

Về chuyến đi này của phái đoàn, ở Nhiệm Trang, tôi nhận được báo cáo đầy đủ, kể cả những mẫu chuyện ấm ở ghi trên.

Ảo Hóa Khôn Lường:

Mặt Trận Việt Minh Và Hồ Chí Minh

Từ năm 1943 trở về sau, tại quốc nội chợt dấy lên Mặt Trận Việt Minh, quy

tự nhiều thành phần yêu nước, sửa soạn cho công cuộc diệt Thực dân Pháp, đuổi Phát xít Nhật, khôi phục toàn nền độc lập tự chủ Việt Nam.

Không ai được rõ lãnh tụ của Mặt Trận Việt Minh là ai? Mọi người chỉ được biết có một điều là phải sẵn sàng đứng lên phục vụ Tổ Quốc. Và đứng trong hàng ngũ Mặt Trận Việt Minh tức là phục vụ Tổ Quốc Việt Nam vậy.

Từng địa phương “Mặt Trận Việt Minh” cố dựng lên một tổ – gọi là chi bộ - tuyên truyền, kích động lòng yêu nước của mọi người rồi cứ thế nhân lên thành nhiều tổ – hay nhiều chi bộ. Mục đích chính: điều tra xem nhà nào có súng, làm công việc gì để sống – Phủ hay Huyện có bao nhiêu lính, súng ống, tạc đạn nhiều ít, cơ đội chúng tổ chức ra sao, canh gác thay đổi như thế nào? Ở thôn

xã thì những ai cường hào ác bá, ai thân Tây thân Nhật...v.v... Ai đã tham gia các đảng phái chính trị hoặc các Hội đoàn nào? Lương - Giáo (tôn giáo) của họ ra sao?

Đặc biệt là những tổ – hay những chi bộ – ở cùng một địa phương (làng, xã) đều không có sự trực tiếp hay gián tiếp liên hệ. Mỗi tháng «có người phương xa» về khai hội, kiểm điểm tình hình và nhận những báo cáo mới. Làm quà cho đồng chí là những tờ báo Cứu Quốc màu xanh chủ nhiệm là Xuân Thủy, hoặc tờ Cờ Giải Phóng in trên giấy mỏng, trắng mịn với lời dặn: Báo bí mật. Đừng để lọt vào tay địch!

Chỉ một thời gian hai năm (1943 - 1945) Mặt Trận Việt Minh đã thành một phong trào. Người ta rỉ tai nhau: “Lãnh tụ là một nhà ái quốc. Việt Minh là tên gọi

tất của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội²³ đấy”.

Trong năm 1944 và Ất Dậu 1945, mọi người hầu như chỉ lo quân Đồng minh đến bỏ bom, đánh phá các cầu cống giao thông giữa các Tỉnh và triệt hạ các cơ sở của Nhật cũng như chỉ lo việc cứu đói, chống đói mà thôi. Người chết vì đói như ngã rạ. Và cơ hội thật sự Độc Lập, Tự Chủ của Việt Nam đã chín mùi sau 2 quả bom nguyên tử nổ trên đất Phù Tang khiến Nhật Hoàng phải ra lệnh cho toàn thể quân binh chủng Nhật Bản phải buông súng, đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện, tháng 8 - 1945.

Toàn thể đồng bào Việt Nam khát khao nền độc lập bấy lâu, gặp cơ hội cùng vùng lên chiếm lấy các Phủ, Huyện

23 Lý Thụy thêm vào 2 chữ Độc Lập thay cho 2 chữ Cách mạng làm ảo thuật, nhập nhằng với VNCMĐMH của cụ Nguyễn Hải Thần.

và Tỉnh, đặt cơ quan hành chánh, bất kể xu hướng chính trị và chủ thuyết cách mạng nào.

Riêng thủ đô Hà Nội thì biến cuộc biểu tình công chức ở Nhà Hát Lớn ngày 19. 8. 1945 sang cuộc khởi nghĩa, đòi Khâm sai Phan Kế Toại phải từ chức để giao lại quyền hành cho người dân.

Cho tới lúc ấy Mặt Trận Việt Minh mới chính thức ra mặt. Vài lá cờ đỏ sao vàng thập thò giờ cao rồi lại rụt xuống. Như trắc nghiệm tâm lý quần chúng. Như dò xem phản ứng của đồng bào. Cho tới khi biết rõ rằng mọi người hiện diện như chẳng quan tâm tới lá cờ xa lạ ấy, chỉ chăm chú “vào việc đòi chủ quyền”, mấy cán bộ VM mới chính thức lên tiếng, lúc cương lúc nhu thúc đẩy, khích động, lợi dụng sức mạnh quần chúng trấn áp... khiến Bác Sĩ Nguyễn Xuân Chũ cũng

như Thị Trưởng Trần Văn Lai phải bó tay, khuất phục. Còn Khâm Sai Phan Kế Toại, con trai nhà văn Phan Kế Bính, vì đã được tuyên truyền, rỉ tai trước, nên sẵn sàng rút lui, giao chính quyền lại cho nhân dân đồng bào mà đại biểu chỉ vịn vịn có mười cán bộ VM có tài ảo hóa.

Đây là cuộc «Cách mạng mùa Thu 1945», ngắn gọn, mà tôi được tở trình. Có lẽ ở những nơi khác cũng thế.

Hai tuần lễ sau, ngày 2 tháng 9, lãnh tụ Việt Minh ra mắt quần chúng đồng bào ở khán đài vườn hoa Sở Thú – mà họ đặt tên lại là Ba Đình. Ra mắt đồng bào với bản Tuyên ngôn Độc Lập của Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc.

Tin tức bay sang Côn Minh. “Thì ra là thế!” Tôi trầm nghĩ và hơi băn khoăn.

Lúc bấy giờ các Đảng phái Cách Mạng Việt Nam đang sửa soạn rời Trung Hoa về nước. Tư Lệnh Quân Khu 4 là Tướng Trương Phát Khuê, bạn thân của anh em Cách Mạng thì lại bị Tưởng Giới Thạch điều đi nơi khác. Thay vào đó lại cử Tướng Lư Hán và Tiêu Văn sang giải giới quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở ra. Tôi theo đoàn quân của Tướng Lư Hán, trong nhiệm vụ liên lạc, giải quyết các vấn đề nếu có giữa người Việt Nam với đoàn quân Tàu rất phức tạp này.

Và tôi đã về tới Việt Nam, ở Hà Nội.

Xa giang sơn ruột thịt khá lâu, nhìn Tháp Rùa rêu phong giữa lòng một Hồ Gươm xanh biếc, đối cảnh cũ, mắt tôi dường ứa lệ.

Và tôi đã gặp lại Lý Thụy, không chỉ một lần với cả một huyền thoại sử tích

rất có lớp lang và “lô-gíc” được truyền tai truyền miệng đầy bí ẩn.

Vậy Lý Thụy là ai? há chẳng phải là một trong hai “tử tội” mà chúng tôi – Tổng Hội Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội đã bảo lãnh cứu ra khỏi lòng hang núi Độc Đăng ở Liễu Châu ngày nào? Há chẳng phải là cái anh được Tổng Hội phong cho chức Ủy Viên Hậu Bổ, cử về nước theo dõi tình hình, sửa soạn cho Một Ngày Trọng Đại của Dân Tộc? Và anh ta đã lợi dụng danh nghĩa, thâm vào một tay, nắm lấy chính quyền cho phe nhóm, đặt toàn thể anh em Cách mạng Quốc Gia Việt Nam trước chuyện đã rồi? Và thực sự Nguyễn Ái Quốc là ai, Hồ Chí Minh thực sự là ai, một đoạn hồi ký nhỏ này không thể dài dòng kể lại một quá trình lịch sử từ đầu thế kỷ với những nhà Cách Mạng Phan Bội Châu

qua những lần sang Tàu, sang Nhật rồi bị kẻ chỉ điểm cho Thực dân, bán đứng cụ ở Hồng Kông; cũng không thể tẩy mỹ ghi lại những ngày các cụ Tây Hồ Phan Châu Trinh, Nguyễn Thế Truyền... hoạt động ở Pháp, đã hết lòng chỉ dẫn cho “boy Nguyễn Tất Thành” sa cơ lỡ vận sau khi thôi chân “bồi tàu” từ Marseilles về Paris xin tá túc.

Cả trang sử dài ấy nhiều người đã biết. Ở đây tôi chỉ xin nhắc sơ những gì liên hệ với Tổng Hội kể từ năm 1940 khi nhà văn Khái Hưng sang Trung Hoa rồi lại vội vã về Nước, tiếp đến cảnh Lý Thụy bị câu lưu được Tổng Hội chúng tôi cứu ra. Chỉ một thoáng mong manh ấy thôi mà ngày nay đây tôi vẫn còn nhớ mãi!

Vậy Lý Thụy tên thực là Nguyễn Tất Thành, nguyên quán Nghệ Tĩnh. Làm bồi tàu để sang Pháp. Tá túc và được

hướng dẫn cách mạng nơi các cụ Phan Châu Trinh, Nguyễn Thế Truyền... Tên dưới những bài báo tranh đấu cho nền Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền Việt Nam được ký dưới một bút danh chung là Nguyễn Ái Quốc đã được Lý Thụy sau đấy mạo nhận là của mình. Rồi Pháp, Lý Thụy sang Nga học nghề tình báo, gián điệp rồi làm việc với Bồ Rô Đin, lập cơ sở Đông Phương Hồng ở Hồng Kông.

Chính Lý Thụy đã chỉ điểm bán cho Pháp cụ Phan Bội Châu để lấy số tiền một trăm ngàn Đông Dương, khiến cụ Phan bị bắt giải về Huế...

Lò dò sang Côn Minh, Lý Thụy bị câu lưu về tội làm gián điệp cho cộng sản Nga. Và vì tình đồng hương, rất nhiều tình cảm và nhân đạo của người Quốc Gia hoạt động cách mạng nơi Quê

người, cụ Nguyễn Hải Thần và Trương Bội Công đã giúp đỡ... cứu sống Lý Thụy trong tay ngoại nhân là lẽ tất nhiên vậy.

Hồ Chí Minh Đến Đó!...

Làm việc với cấp bậc sĩ quan cạnh Tướng Lữ Hán, trong thời gian nửa năm 1945 và năm 1946, tôi đã gặp lại Lý Thụy tức Hồ Chí Minh, dầu chỉ thoáng qua, khi một lần ông đến thăm xã giao vị Tướng Tàu này.

Hồ Chí Minh nói tiếng Trung Hoa khá lưu loát, khỏi cần người thông ngôn, sau Tuần Lễ Vàng ông phát động quyền góp nơi đồng bào Việt Nam “để mua súng đạn bảo vệ Tổ Quốc!” Sự thực chỉ là một mưu đồ bất chính: hối lộ cho Lữ Hán và Tiêu Văn kể cả việc cung phụng đầy đủ

số bạch phiến cần của hai ông Tướng này. Mục đích chính là làm sao vô hiệu hóa sự giúp đỡ cho phe Quốc Dân Đảng Việt Nam mà Tưởng Giới Thạch, nhân danh Trung Hoa Quốc Dân Đảng và là người lãnh đạo toàn dân Trung Quốc, đã ra lệnh.

Vào cuối năm 1945, Hồ Chí Minh lại dùng xảo thuật tình cảm, đích thân xin gặp cụ Nguyễn Hải Thần tại trụ sở VNC-MĐM Hội.

Cụ Nguyễn nhận tiếp. Tôi và một số nhân vật của Tổng Hội Việt Nam hoạt động tại Côn Minh ngày nào, lại có dịp trực diện với Lý Thụy tức Hồ Chí Minh.

Lần này Hồ Chí Minh đã ôm lấy cụ Nguyễn và khóc nói:

– Thực dân Pháp đã vào Sài Gòn. Cả

Nam Bộ lại lọt vào tay Thực dân Pháp. Vậy tha thiết mong Cụ và các anh em Quốc Dân Đảng hãy vì Tổ Quốc Việt Nam, gánh vác trách nhiệm chung với chúng tôi...

Cụ Nguyễn Hải Thần hỏi:

– Gánh vác như thế nào?

Hồ Chí Minh ngồi vào ghế, rành rẽ trình bày kế hoạch “đoàn kết tất cả các Đảng phái Quốc Gia, thành lập chính phủ Liên Hiệp, bầu cử Quốc Hội vào ngày 6. 1. 1946. Mục đích chính: xây dựng đất nước – chống lại mọi mưu đồ trở lại VN của Thực dân...v.v...”

Sau một lúc thảo luận, cụ Nguyễn và các anh em Quốc Gia thỏa thuận trên nguyên tắc, sẽ trả lời chính thức sau một phiên họp.

Khi tiến, tôi hỏi nhỏ:

– Chú còn nhớ viên sĩ quan đã tới hang đá Độc Đăng Sơn ở Liễu Châu thăm chú và ông Đinh Chương Dương cùng bị câu lưu ở đấy không? Ông Đinh Chương Dương bây giờ ra sao, chú?

Hồ Chí Minh chớp chớp đôi mắt rồi gật đầu:

– Nhớ nhớ! Cảm ơn!

Ông vội bắt tay tôi rồi ra sân, quên không nói cho tôi rõ về cái ông Đinh Chương Dương thuở ấy, hiện giờ ở đâu...

Thủ Đoạn Lùi Một Mà Tiến Ba

Sau lời khẩn cầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Cụ Nguyễn Hải Thần triệu tập một hội nghị gồm toàn thể các lãnh

tụ các Đảng phái Quốc Gia để tham khảo ý kiến.

Trong khi thảo luận, mỗi xẻ vấn đề, từ ông Vũ Hồng Khanh đến ông Nguyễn Tường Tam đều có cân nhắc đến cái giờ G đã truyền xuống các người có trách nhiệm tại các cơ sở, địa phương các Tỉnh và kết luận: “Nếu đối phương đã tha thiết đến vấn đề đoàn kết, thành lập một chính phủ Liên Hiệp để cùng phụng sự đất nước chống ngoại xâm thì mình không thể không nhận lời. Khước từ, cố lật họ thì chỉ làm khổ anh em đồng chí đồng bào thôi và còn bị mang tiếng là tranh giành ngôi vị... Lịch sử sẽ kết tội”.

Kết luận: Ngày giờ G của cuộc đổ máu lấy lại chính quyền trong tay Hồ Chí Minh (được chính quyền Trung Hoa Dân Quốc thôi thúc tích cực yểm trợ) đã bị hủy bỏ. Các người hiện diện đều tán

thành giải pháp liên hiệp, lập chính phủ Liên Hiệp do Hồ Chí Minh khẩn cầu. Được tin, các Tướng Lữ Hán và Tiêu Văn đều thở phào, nhẹ nhõm.

Chính phủ liên hiệp được thành lập. Dân chúng vui mừng, dễ thở hơn. Các cuộc hội nghị với đại diện chính phủ Pháp được diễn ra tại Đà Lạt, Fontainebleau... Và rồi quân đội viễn chinh Pháp được vào Hà Nội cũng như ở các Thành phố quan trọng khác. Quân đội của Tưởng Giới Thạch sang giải giới quân phiệt Nhật phải trở về nước nhường cho quân Pháp vào thay thế.

Chỉ trong vòng không đầy nửa năm, Hồ Chí Minh đã đổi hẳn vị thế: từ lép vế, cố hòa hoãn chịu nhục... đến thế chủ động và mạnh hẳn với mọi guồng máy từ Trung Ương đến địa phương đã được củng cố, bền vững “không thể đảo ng-

hịch lại nổi”. Và quân đội Pháp Thực dân, vô hình chung, lại là “đồng minh của họ Hồ” trong ván bài “bọn Quốc Dân Đảng không thích có sự hiện diện của người Pháp tại Việt Nam. Yêu cầu Pháp trợ giúp nếu một khi Chính phủ VN tảo thanh họ...”

Dĩ nhiên là người Pháp bằng lòng.

Hồ Chí Minh cùng Phạm Văn Đồng hướng dẫn phái đoàn sang Pháp họp với Bộ Trưởng thuộc Địa Marius Moutet về vấn đề Việt Nam thuộc khối Liên Hiệp Pháp, cùng vấn đề Nam Bộ... và linh tinh các vấn đề liên hệ thay cho Ngoại Trưởng Nguyễn Tường Tam trước đó đã hướng dẫn Cựu hoàng Bảo Đại sang Trung Hoa gặp Tưởng Giới Thạch – để thảo luận về việc xin viện trợ (?) Và bí mật «bật đèn xanh» cho các đàn em có trách nhiệm, hành động.

Tuy nhiên qua một số dữ kiện, biết bị họ Hồ lừa gạt, các lãnh tụ các Đảng phái Quốc Dân Đảng, người thì rút sang Tàu cùng với đoàn quân Lữ Hán, như Cụ Nguyễn Hải Thần, người sang Trung Khánh rồi tá túc tại Hồng Kông như Cụ hoàng Bảo Đại, Nguyễn Tường Tam, Nghiêm Kế Tổ, Trần Văn Tuyên, người rút về chiến khu Vĩnh Phúc Yên và Yên Bái như các ông Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Bách, Trần Trung Dung... người thì tự giấu mình giữa lòng Hà Nội... Phan Châu Nguyễn Tiến Hỷ thì tá túc tạ nạn tại Tòa Đại Sứ Trung Hoa. Kỳ dư một số lớn bị bắt, giết tại số 23 Quan Thánh, là trụ sở của VNCMĐMH, hoặc đem đi các nơi khác thủ tiêu, như các ông Trương Tử Anh, lãnh tụ Đại Việt Q.D.Đ và rất nhiều anh em khác tôi không còn nhớ tên. Các trụ sở VNQDĐ ở Lò Lợn, Cửa Nam, Đỗ Hữu Vị, Ôn Như Hầu... tại Hà

Nội cũng bị quét sạch. Nhân viên cán bộ Đảng bị bắt được giải vào Hà Đông hoặc lên Sơn Tây để điều tra cặn kẽ mọi chi tiết rồi cho đem đi thủ tiêu, chôn sống hoặc trầm hà.

Ở các Tỉnh cũng thế. Việt Cộng không bỏ sót một ai khi chúng nghi ngờ mình thuộc “thành phần phản động” vì khác chính kiến cũng như lòng yêu nước.

Trường Hợp Nhà Văn Khái Hưng...

Trụ sở nhật báo Việt Nam, cơ quan tuyên truyền của VNQDDĐ, ở 80 phố Quan Thánh - Hà Nội, cũng lại là nơi gia đình nhà văn Khái Hưng trú ngụ từ xưa, khi làm tờ báo Phong Hóa, Ngày Nay và nhà xuất bản Đời Nay của Tự Lực Văn Đoàn. Sau khi sang Trung Hoa về

nước, bị nhà đương cuộc Pháp an trí ở Hòa Bình tới năm 1943 mới được trả tự do, nhà văn Khái Hưng lại cùng với ông Nguyễn Tường Bách, em ruột nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, tiếp tục làm báo phục vụ Cách Mạng.

Khi các lãnh tụ Quốc Dân Đảng và một số nhân vật khá quan trọng đã rời khỏi Việt Nam ra nước ngoài kể từ cuối tháng 6 - 1946, toàn thể các đảng viên các chính đảng ở các địa phương từ Thanh Hóa trở ra đều bị cộng sản càn quét bắt giam, tra tấn cực kỳ tàn nhẫn rồi đem đi thủ tiêu ở bất cứ nơi đâu chúng thấy tiện.

Mọi người Việt Nam đã lớn tuổi, ngày hôm nay hẳn còn nhớ đến tấn thảm kịch kinh hoàng ấy.

Riêng nhà văn Khái Hưng thì vẫn ngang nhiên cho xuất bản đều đặn tờ

Tuần báo Chính Nghĩa tới đầu tháng 12 - 1946 mặc dầu trước đó Tòa Soạn bị bao vây, đàn áp. Nhưng ông và các đồng chí còn lại đã dũng liệt chống trả. Việt Cộng võ trang đành phải rút lui. Và một lần khác, trong tháng 8 - 1946 thì phải, công an lại võ trang đầy đủ, kèm cả một cam - nhông lính với súng ống, đột nhập vào Tòa Soạn khám xét, bắt cả gia đình nhà văn về sở công an Hà Nội, giam giữ điều tra trong hai ngày rồi trả lại tự do cho gia đình ông.

Bước tiến thứ nhất của ông Hồ và Đảng CSVN là nhượng bộ các Đảng phái Quốc Gia để mời họ vào một chính phủ liên hiệp, ký với Thực dân Pháp các hiệp ước kể cả hiệp ước mong 6 tháng 3 cho quân đội Pháp vào trấn đóng V.N. thay thế quân đội của hai Tướng Lư Hán – Tiêu Văn rút về nước.

Bước thứ hai là cùng với Thực dân diệt trừ hết các Đảng phái Quốc Gia, kẻ nội thù vốn có truyền thống diệt Pháp, chống cộng sản.

Và bước quan trọng thứ ba trong sách lược cộng sản: gây hấn với Thực dân Pháp, dùng chiêu bài “cứu quốc” giành lấy chính nghĩa phát động cuộc tiêu thổ kháng chiến và độc quyền lãnh đạo cuộc chiến chống Thực dân Pháp kể từ nửa đêm ngày 19 tháng 12 - 1946.

Hà Nội rung động kể từ tháng 10. 1946 khi mọi nhà trong các dãy phố được lệnh đục phía sau làm giao thông hào sửa soạn kháng chiến.

Kế sách của Hồ và Đảng CSVN phục vụ cho quyền lợi Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế tinh vi đến thế mà phàm ai ở trong giai đoạn ấy cũng phải lằm lằm tin theo.

Khi cuộc chiến bắt đầu khởi sự tại phố Hàng Bún gần trường Hàng Than thì gia đình nhà văn Khái Hưng tản cư về Nam Định “để tránh mọi phiền lụy giữa Nhà cầm quyền và Thực dân Pháp”.

Thế nhưng khi về tới quê bà Khái Hưng, chưa được bao lâu, nhà văn đã bị công an địa phương mời lên Huyện. Rồi sau đó bắt tin kể từ ngày Tết Nguyên Đán năm Đinh Hợi - 1947.

Năm mươi năm đã trôi qua (1947 - 1997). Hôm nay với tất cả tấm lòng ngưỡng mộ, viết tưởng niệm Khái Hưng – một nhà văn lớn của Dân Tộc – tôi không khỏi bồi ngùi, xúc động.

Lý Thụy tức Nguyễn Tất Thành và Nguyễn Ái Quốc hay Hồ Chí Minh cho đến ngày hôm nay (1997) ai cũng đều rõ chỉ là một người đẩy thủ đoạn và xảo trá. Hơn thế, còn là tên phản quốc nữa!

Các anh em đồng chí của Trường Võ Bị Hoàng Phố và Việt Cán Ban ngày nào vẫn hàng tưởng nhớ đến Khái Hưng, đến những phút giờ hiếm quý khi Khái Hưng đến thăm Trường khích lệ anh em, trong thời gian Khái Hưng quyết sang Liễu Châu cố công đi theo tiếng gọi của Cách Mạng...

Dẫu chỉ trong khoảng thời gian rất ngắn. Dẫu chỉ là một thoáng mong manh. Nhưng so cuộc sống đời người, đã dễ mấy ai có được một cuộc sống lòng

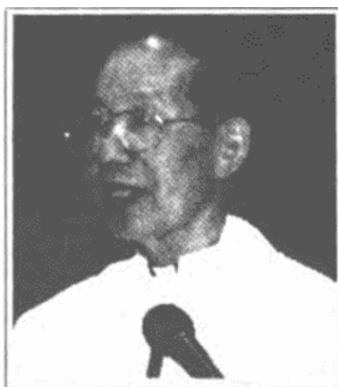
lấy về Văn Học và sáng chói trong Cách
Mạng được như Khái Hưng?

LÝ THÁI NHƯ

KHÁI HÙNG XÂM NHẬP

HÀNG NGŨ TU TRÌ

Hán Chương VŨ ĐÌNH TRÁC



Khoảng thập niên 1940 các tư tưởng mới về khoa học kỹ thuật bắt đầu rung động cả biên giới tu

trì. Năm đó hậu bối mới 14 tuổi đời, bắt đầu vào tiểu chủng viện theo chương trình trung học thời tiền chiến. Luồng gió mới canh tân Việt Nam cũng đang thổi bùng lên tại Bắc Việt. Học sinh sinh viên tu sĩ nhiều giáo phận bắt đầu đi vào đời sống mới cởi mở hơn. Chương trình lúc đó theo Tây học, nhưng nhiều đầu óc bắt đầu rờ rẫm đi vào Việt học. Một số giáo sư và sinh viên học sinh đi vào chương trình khoa cử cho kịp đà tiến của dân tộc. Một chiến sĩ văn học đến giữa chúng tôi tại Tiểu Chủng Viện Bùi Chu ở Ninh Cường... đó là Đức Giám Mục Hồ Ngọc Cẩn. Ngài tinh thông Tây học, Hán học và cả Việt học. Ngài cử một linh mục khoa cử tu muện là linh mục Phạm Châu Diên đến dạy Pháp văn và văn chương Việt Nam cho học sinh. Chủng viện bắt đầu đi vào chương trình khoa cử. Dĩ nhiên chúng tôi đi vào quỹ

đạo của Tự Lực Văn Đoàn từ lúc ấy. Các tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn đi vào chương trình khoa cử, chúng tôi bắt đầu đọc Khái Hưng, Nhất Linh và Hoàng Đạo.

Vào đại chủng viện Quần Phương, Bùi Chu năm 1945, chúng tôi bắt đầu đi vào con đường canh tân về hết mọi mặt, cách riêng đi vào đường văn học. Lúc ấy đàn anh của chúng tôi là Bùi Chu Thi, một sinh viên sắp ra làm linh mục, khuyến khích và dẫn đầu cho đàn em, thành lập một nhóm văn hóa, mệnh danh là Nhóm Duc in Altum, sau này gọi là Ra Khơi²⁴. Bắt đầu chỉ có hai người anh lớn là Nguyễn Duy Tôn và Nguyễn Quang Lãm và bốn đàn em là Đình Cao

24 Nhóm Ra Khơi này không phải là Học Hội Ra Khơi của đại chủng viện Quần Phương do Đức Giám Mục Hồ Ngọc Cẩn thành lập năm 1940. Linh Mục Nguyễn Duy Tôn tác giả các cuốn tiểu thuyết Hai Trái Cam Mầu, Hai Tầm Hồn..v.v... Nguyễn Quang Lãm là nhạc sĩ trong Nhạc Đoàn Sao Mai.

Thuấn, Trần Thái Hiệp, Vũ Đình Trác và Lê Thế Kha

Chúng tôi bắt đầu làm việc và tuyên truyền trong hàng ngũ chủng sinh về khuynh hướng canh tân của Nhóm *Tự Lực Văn Đoàn*, nổi nhất vẫn là Khái Hưng. Chính tôi được chỉ định nghiên cứu đường lối cải cách của Khái Hưng.

Đường Lối Văn Nghệ Của Khái Hưng.

Tác phẩm đầu tay của Khái Hưng, cuốn truyện *Hồn Bướm Mơ Tiên* (1933) như một làn gió mới lạ thổi vào chủng viện miền Bắc. Sinh viên tu sĩ đón nhận nó như một cảm dỗ và một hiện tượng tâm lý đầy hấp lực, vì tâm lý các vai truyện rất phù hợp và khuynh hướng lý

tưởng rất đặc ý. Rồi Nửa Chừng Xuân và Gánh Hàng Hoa, tất cả là những bông hoa văn nghệ mới lạ và đẹp màu đối với hàng ngũ tu trì. Chung quy nghệ thuật tiểu thuyết của Khải Hưng quy về mấy điểm son dưới đây.

1.- Về Tư tưởng – Chủ trương duy tân và cấp tiến của Tự Lực Văn Đoàn nói chung và của Khải Hưng nói riêng đáp ứng đúng với khuynh hướng canh tân của giới công giáo Việt Nam cũng bắt đầu mở màn sau thông điệp *Rerum Ecclesiae* (Nội Vụ Giáo Hội) và thông điệp *Ad Catholici Sacerdotti* (Chức Linh Mục Công Giáo) của Đức Giáo Hoàng Piô XI. Canh tân giáo hội, xã hội và gia đình, mà gia đình là đơn vị căn bản. Canh tân để thăng tiến con người Việt Nam về mọi mặt. Canh tân với mục đích đem những cái hay về khoa học kỹ thuật của thế giới

văn minh tô điểm cho dân tộc Việt Nam, đồng thời phát huy những điểm hay đẹp của văn hóa Việt Nam đóng góp với thế giới. Cần phát huy những tư tưởng nhân đạo, từ bi bác ái, tương thân tương trợ, tự trọng đoàn kết, trọng nhân nghĩa, tỉnh thần bất vụ lợi, vị tha vị công ích... v.v...

Đàng khác, không đả phá một hệ thống tư tưởng nào, không kinh chống một tôn giáo nào, như chống Nho giáo, chê xuất thế của Lão Trang, tuy nhiên không chấp nhận mê tín dị đoan.

2.- Phong tục – Phong tục là những thói quen cao đẹp tô điểm cho con người trong hoàn cảnh thiên thời địa lợi nhân hòa. Bây giờ là lúc đi vào quỹ đạo chung của thế giới, mỗi dân tộc cũng phải hòa mình phần nào với đại cuộc thế giới. Vì thế cần bảo toàn những gì cao quý tốt đẹp của mình và thải bỏ những gì không

phù hợp với con người thăng tiến ngày nay. Cả đạo cả đời cần phải thận trọng khôn ngoan sống cho mình và cả cho người khác nữa. Vấn đề thải bỏ những thủ tục gò bó và những ràng buộc câu nệ không hợp với thời gian với đà tự do tiến bộ của văn minh thế giới, cũng là điều cần thiết và có lợi. Như những tục của dân gian: ăn thuê khóc mướn, cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy, búi tóc răng đen... v.v... Và cả trong đạo, như thói quen: đi đạo kiếm ăn, kéo bè kéo cánh, cố chấp câu nệ, ố nhân thắng kỷ, ích kỷ hại nhân... v.v... Cần phải phát huy những phong tục tương thân tương kính, đẹp ta đẹp người, đẹp người đẹp nết, tương giao đồng tiến...v.v...

3.- Văn học – Lời giảng huấn của nhà truyền giáo hành đạo cũng cần phải trôi chảy bình dị và sáng sủa, có đủ sức hấp

dẫn người nghe. Có thể coi Khái Hưng là mô phạm.

Văn loại – Để dễ bề giáo dục, các nhà truyền giáo mới nên chú ý tới văn kể chuyện, nhất là với giới trẻ. Nhóm Ra Khơi được khuyến cáo đi vào văn loại tiểu thuyết truyện ngắn. Vì thế Tự Lực Văn Đoàn được coi như mô phạm và Khái Hưng như người Đại Ca đáng mến.

Văn thể – Anh em trong nhóm cố gắng đi vào lối văn bình dị, sáng sủa, nhiều hình ảnh dễ hiểu. Về phương diện này Nhóm đề cao chủ trương Tự Lực Văn Đoàn: bỏ lối từ chương, dài lời, điển cố khó hiểu và kinh điển; bắt chước lối hành văn tây phương ngắn gọn, đủ ý, lời lẽ đơn sơ bình dị, sáng sủa và mới mẻ, tuy nhiên cũng giữ vẻ Việt Nam qua các kiểu nói khiêm nhu, dễ cảm, thành thực mà không giả tạo, tự nhiên mà không ngây

ngô, mới mẻ mà không lối bịch, kính cần mà không câu nệ.

Khái Hưng Trở Thành Mô Phạm.

Mấy điều tạm gọi là đường lối và cương lĩnh được anh em trong nhóm chấp nhận và quyết tâm thi hành. Bùi Chu Thi trưởng nhóm, Nguyễn Duy Tôn, Trần Thái Hiệp (Hồ Khanh), Đinh Cao Thuấn, Vũ Đình Trác (Võ Thanh) đi về VĂN, Nguyễn Quang Lâm (Hồ Chương), Lê Thế Kha (Thanh Hương) đi về NHẠC. Sau này Bùi Chu Thi lãnh đạo Học Hội Dục in Altum của đại chủng viện, chuyên về diễn thuyết, trình bày các vấn đề Văn học, Thần học, Triết học và Khoa học cho Đại Chủng Viện.

Đúng 10 năm sau, Nguyễn Duy Tôn xuất bản tập truyện dài Hai Trái Cam Máu (Saigon: Ra Khơi, 1955). Truyện dài Hai Tâm Hồn. (Saigon, Ra Khơi, 1959). Hồ Chương, Võ Thanh, Thanh Hương ra mắt tập nhạc Học Sinh Ca. (Saigon: Ra Khơi, 1956). Năm 1955 là Chủ Bút Tuần báo Đường Sống, Võ Thanh đăng truyện dài Dưới Bức Màn Tre suốt 2 năm. Năm 1957 cho đăng tập tiểu thuyết Đời Anh, được một năm tờ báo đóng cửa vì chính biến. Mãi năm 1968 Đời Anh mới được xuất bản. Cuốn tiểu thuyết này được giới trẻ tu sĩ và thanh niên Công Giáo coi như hóa thân của Hồn Bướm Mơ Tiên. Trần Thái Hiệp du học tại Roma, năm 1956 hoàn thành luận án Tiến Sĩ Thần Học Việt Nam, nhan đề Đạo Thờ Trời tại Việt Nam, chưa được xuất bản.

Tôi viết lại những dòng này, để kỷ niệm Khái Hưng, mà chúng tôi nhóm Ra Khơi coi như bậc đàn anh mô phạm trong nghề viết văn. Tiên sinh đã xâm nhập vào nội vi tu trì và ngày nay vẫn còn là mô phạm cho lớp đàn em chúng tôi tại các Chứng Viện, Tu Viện và Tu Hội. Tôi cũng không quên nhắc lại kỷ niệm văn học của nhóm Ra Khơi, mà ngày nay kẻ còn người mất, nhưng dư âm dư ảnh vẫn còn mãi mãi trong tâm hồn văn nghệ. Bùi Chu Thi ngày nay là một Giáo Sư về hưu trong Tu Hội Saint Sulpice, Linh mục Nguyễn Duy Tôn, Hồ Chương Nguyễn Quang Lãm và Trần Thái Hiệp đã về với Đấng Nghệ Sĩ Ngàn Đời. Còn lại Đinh Cao Thuấn, cựu Tổng Giám Đốc Nha Tuyên Ủy Quân Đội Cộng Hòa, giờ đây hiện thân là một Mục Tử tại đồng quê Chí Hòa, Gia Định. Nhạc sĩ Thanh Hương cũng đang sống những ngày

ngoại thất tuần với âm thanh và đạo lý tại Hoa Kỳ. Vũ Đình Trác suốt đời sống với kỷ niệm, giờ đây cũng “thoát trần một gót thiên nhiên” để tưởng vọng những gì là kỷ niệm muôn đời.

Hán Chương VŨ ĐÌNH TRÁC

VĂN HỌC TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

NGUYỄN THỊ VINH



Thư Gửi Hai Người Đàn Bà Nổi
Tiếng: Cô Mai Và Cô Loan
Của Tự Lực Văn Đoàn.

Cô Mai và Cô Loan thân mến,

Từ lâu tôi đã có ý muốn viết một lá thư chung cho hai cô, dù hai cô chưa một lần sống ở ngoài đời, nhưng hai cô vẫn mãi mãi sống trong lòng tôi, ít nhất là cho đến khi tôi không còn có mặt trong cuộc sống này nữa.

Đã có một thời mà người ta gọi là Thời Tiền Chiến, hai cô được mọi người yêu mến suốt từ ngoài Bắc vào tới trong Nam. Người này bảo hai cô là nhân vật tiểu thuyết lý tưởng và tiểu thuyết luận đề, người khác lại bảo là tiểu thuyết lãng mạn. Tôi thì tôi nghĩ khác, đành rằng cô Mai có mặt trong cuốn tiểu thuyết của nhà văn Khái Hưng, mang tên Nửa Chừng Xuân, in năm 1934, và cô Loan xuất hiện trong cuốn tiểu thuyết Đoạn Tuyệt của nhà văn Nhất Linh, in năm 1938, nhưng hai cô thật sự được sinh ra từ đời sống.

Như hai cô biết, dân tộc ta vốn là một dân tộc vô cùng nhân ái, từ cô tiểu thư cành vàng lá ngọc cho tới cô gái nhà quê chân lấm tay bùn, đều có một tình thương yêu vô bờ bến đối với con người, đến độ không cần phân biệt đâu là người ngoài đời với người trong sách vở. Chúng ta thương yêu nàng Kiều không phải vì nàng Kiều có thật trong đời mà vì nỗi đau khổ mà đời đem tới cho nàng Kiều là có thật. Nên tôi có yêu mến hai cô cũng là chuyện thường tình. Ba trăm năm trước, ba trăm năm sau, mỗi khi đọc hoặc nói về Đoạn Trường Tân Thanh, người ta vẫn gọi Kiều là cô Kiều và gọi mẹ cô là bà Vương bởi những người trong sách không bị thời gian chi phối. Mai và Loan cũng vậy, trẻ mãi không già, lúc nào cũng được gọi là cô.

Chính tôi từ nhỏ tới giờ, trong ý nghĩ vẫn cứ đinh ninh có một cô Mai và một cô Loan, bằng xương bằng thịt. Lúc này, hai cô đang sống ở đâu đó quanh hoặc trong lòng thành phố Hà Nội, nếu là người ngoài đời, có thể đã già lắm rồi hoặc biết đâu đã chết trên đường đi tản cư trong chín năm đánh Pháp, di cư, hai mươi năm đất nước chia đôi và từ 1975 đến nay, di dân, di tản, người mình càng có thêm nhiều cách chết.

Ông Khải Hưng in Nửa Chừng Xuân năm 1934, năm tôi mới lên mười tuổi, tính đến năm 1994, tuổi của cuốn Nửa Chừng Xuân được sáu chục. Nhưng ông Khải Hưng thì đã mất lâu rồi. Người ta đã giam ông tại Trại Hối Thất Chính Trị Phạm Liên Khu 3 ở Lạc Quân (Trực Ninh) rồi sau đó giết ông ở bến đò Cửa Gà thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam

Định năm 1947. Người ta kết tội và thủ tiêu ông Khải Hưng chỉ vì giữa ông với người ta khác nhau cái lối chống Pháp, chỉ vì ông biết người ta mượn tiếng Quốc Gia Dân Tộc ngay từ những năm đầu cuộc Cách Mạng Mùa Thu. Giết một nhà văn lớn của đất nước xong, khi cầm được quyền, họ còn cấm cả cô Mai không được đi đến với bạn đọc. Hai mươi bảy năm sau, 1992, người ta lại cho quay phim Nửa Chừng Xuân, bán cả ra ngoài này và tôi cũng đã được xem, vừa xem vừa buồn.

Tôi thấy rõ ràng con người trong sách vở cũng có số phận như con người ngoài đời. Những tang thương của cuộc sống làm cho con người ngoài đời thăng trầm. Thân phận trôi nổi của một cuốn sách kéo theo bao đổi dời của những nhân vật trong nó.

Lạ lòng thay, một trong những cuốn truyện dài của tôi được xuất bản năm 1971 lại mang tên Cô Mai mà mãi cho đến bây giờ, 23 năm sau, trong lúc ngồi đánh máy lá thư này tôi mới nhận ra. Khi viết và đặt tên cho cuốn truyện ấy, tôi chỉ nghĩ đến người chị của tôi, một người có cái tên cũng thuộc vần M. Tôi không muốn dùng tên thật của chị tôi nên đã đặt tên sách là Cô Mai. Đây không hẳn là một sự trùng hợp, cô Mai trong Nửa Chừng Xuân, vẫn đâu đó, sống cùng với tôi ở ngoài đời. Một Cô Mai lúc nào cũng nhớ lời cha “ân cần dặn các con phải giữ lòng được vui vẻ, giữ gìn linh hồn được trong sạch và đem nghị lực ra làm việc”.

Tôi ngờ như đó là lời của Khải Hưng muốn nói với chính mình, rồi gửi tới những người trẻ tuổi cùng thời với tôi. Xưa nay nhiều người cầm bút không

sống theo được những điều tốt đẹp mà họ viết ra, nhưng với phần lớn các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn lớp trước, họ viết ra những điều tốt đẹp mà chính bản thân họ đã sống.

Ngay việc đặt tên Tự Lực cho văn đoàn, ra đời đầu mùa xuân năm 1933, cũng quy tụ toàn những con người có tinh thần tự lực: Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Khái Hưng (Trần Khánh Giư), Hoàng Đạo (Tú Ly Nguyễn Tường Long), Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu), Thế Lữ (Nguyễn Thứ Lễ)... Tất cả đều tốt nghiệp Tây học trong thời Tây mà không ai chịu ra làm việc cho Tây. Làm việc cho Tây, lúc ấy mà có bằng cấp, có nghĩa là đi làm quan, vinh thân phì gia.

Thậm chí Khái Hưng, tốt nghiệp trường Albert Sarraut Hà Nội (Ban Cổ Điển) và Nhất Linh, cử nhân khoa học

Paris (Ban Lý Hóa), mà chỉ thích đi dạy học ở trường tư, trường Trung Học Thăng Long Hà Nội, nhất định không đi dạy cho trường nhà nước Bảo Hộ.

Cô Mai và Cô Loan còn nhớ không? Thời mà “trong mỗi người Việt có một ông quan”, Nhất Linh và Khái Hưng lại không muốn làm quan. Khái Hưng vừa dạy học vừa viết các bài xã thuyết và chuyện vui hàng tuần cho tờ báo của Chu Mậu để kiếm sống, trong khi Khái Hưng là con rể của Tổng Đốc Bắc Ninh Lê Văn Đính, tự lực cánh sinh ngay trong đời sống áo cơm hàng ngày. Năm 1923, Nhất Linh, đậu bằng Thành Chung rồi ra làm thông phán sở Tài Chánh, không đầy hai năm, ông bỏ sở rồi quay ra theo học trường Y Khoa, rồi lại bỏ sang trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội. Chưa hết, từ 1926 đến 1930, Nhất Linh học vật lý và hóa học ở

Pháp nhưng vẫn lo nghiên cứu thêm về chính trị, ấn loát, báo chí và hội họa. Là con trai của ông tri huyện Cẩm Giàng, song Nhất Linh suốt một đời chống thực dân và phong kiến.

Tự Lực Văn Đoàn được sáng lập bởi những người như thế, nên mới chỉ trong ngót mười năm trời, từ 1933 đến 1939, Tự Lực Văn Đoàn đã gây được một cao trào Dân Tộc Tự Lực trong cả hai đời sống văn học và xã hội. Dừng ý niệm canh tân xứ sở để làm giàu cho văn chương và dùng văn chương trong sáng để truyền lòng yêu nước. Rất cần thiết những tiểu thuyết mà người ta gọi là tiểu thuyết luận đề trong bối cảnh nô lệ, mất nước, trình độ dân trí còn thấp, các sĩ phu của thời đại mới không thể nêu cao tinh thần trên lá cờ bằng thơ chữ Hán, giống như Cao Bá Quát: «Bình Dương

Bồ Bản vô Nghiêu Thuấn, Mục dã, thanh điền hữu Võ Thang». Phải bằng tiếng Mẹ Đẻ, dù ký hiệu ngôn ngữ dựa vào Hán tự (chữ Nôm) hay La Tinh (chữ Quốc Ngữ).

Con đường dễ nhất để xóa nạn mù chữ cho cả một dân tộc vẫn là “chữ Quốc Ngữ chữ nước ta, con cái nhà đều phải học”.

Nhưng chữ Quốc Ngữ như hai cô Mai và Loan thấy đó, nó có mặt ở trang giấy qua bao công sức của những nhà truyền giáo Tây phương, hết Bồ Đào Nha tới Phú Lang Sa, chập chững lên đường trong “Phép Giảng Đạo Tám Ngày” với sự ghi âm và phát âm, cúng lưởi, của người ngoại quốc nói tiếng Việt, “tở tuồng”, khiến người chưa mấy ai tỏ tuồng.

Tới đầu thế kỷ này, sau bao gian nan

đeo gót của nhiều thế hệ, với những người như Huỳnh Tịnh Của, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Trọng Thuật... đã làm cho tiếng Việt, ký âm La tinh, tuy gợn gàng phép tắc, song vẫn chưa lên hàng nghệ thuật như thời cô Mai và cô Loan, tung hoành trên mọi dòng tư tưởng.

Chính Tự Lực Văn Đoàn, trước hết phải kể đến Khái Hưng, ngay trong tác phẩm đầu tay Hồn Bướm Mơ Tiên (Hà Nội tháng 5 năm 1933), cũng là cuốn truyện thứ nhất của Tự Lực Văn Đoàn, đã như áng thơ xuôi. Nhưng phải tới Nửa Chừng Xuân (Hà Nội 1934), sau tiểu thuyết văn vần Truyện Kiều của Nguyễn Du, hết sức thành công, tiểu thuyết văn xuôi Việt Nam mới thật sự đứng vững và hướng đến một chân trời văn học rộng rãi và trong sáng. Khái Hưng, theo Vũ

Ngọc Phan đã viết trong Nhà Văn Hiện Đại, thì: “Hiện nay, nhà văn mà được nam nữ thanh niên ưa chuộng, được họ coi là người hiểu tâm hồn họ hơn cả, có lẽ chỉ có Khái Hưng. Độc giả của ông không phải chị thợ máy diêm hay anh tài vận ô-tô như một vài nhà tiểu thuyết chủ trương những thuyết cạn hẹp và thông thường, độc giả của ông thuộc hẳn hạng thanh niên trí thức, mà trong ấy phần đông là bạn gái. Khái Hưng là văn sĩ của thanh niên Việt Nam cũng như Alfred de Musset là thi sĩ của thanh niên Pháp xưa”.

Cô Mai và cô Loan thấy hình như ở đây có một điều gì đó mang tính chất mâu thuẫn phải không? Tiểu thuyết lý tưởng là gì? Chính ông Vũ Ngọc Phan đã bảo: “Một tiểu thuyết mà tác giả dựng lên những cái cao quá, người ở thế gian này

không thể nào có được”. Trong khi Nửa Chừng Xuân cũng lại được ông Vũ Ngọc Phan và nhiều người khác xếp vào loại tiểu thuyết lý tưởng. Vậy mà đối với đám đông thanh niên nam nữ, ít nhất suốt hai thập niên 30, 40, đã coi Khái Hưng “là người hiểu tâm hồn họ hơn cả”.

Phải chăng tuổi trẻ thời trước, cách đây trên nửa thế kỷ, sống với những tâm hồn đầy lý tưởng? Lý tưởng thường nằm trong ước mơ muôn thuở của con người về những gì tươi sáng đẹp đẽ, đạo đức và cao thượng, đôi khi tưởng chừng như không tưởng, khó có thể hoặc không có thể xảy ra trong cuộc sống.

Những người yêu nhau trong tiểu thuyết lý tưởng thường không giống những cặp tình nhân yêu nhau trong tiểu thuyết tả chân xã hội. Loại sau được người ta xem là gần gũi hoặc giống như

ngoài đời. Người ta nói Cô Mai là một người đàn bà lý tưởng, từ đầu cho tới cuối cuốn *Nửa Chừng Xuân*, cô sống theo lời cha dặn «phải giữ lòng được vui vẻ, giữ gìn linh hồn trong sạch và đem nghị lực ra làm việc».

Cô Mai không sống cho mình, ai giúp cho em trai của cô Mai tiếp tục ăn học, người đó là ân nhân của cô và cô có bốn phận phải trả ơn. Lộc còn cứu Mai thoát khỏi gã cường hào Hàn Thanh ở thôn Xuân Đình. Cô Mai đã lấy Lộc, lúc đó anh đang làm Tham Tá ở Hà Nội và cũng là bạn thời thơ ấu của Mai. Sau đó, dù hết lòng yêu quý chồng, ngay trong lúc bụng mang dạ chứa cô cũng bỏ ra đi trong hoàn cảnh không một xu dính túi. Vì sao? Không muốn để cho bà Án, mẹ của Lộc, xúc phạm hơn nữa tới danh dự gia đình nhà mình. Ngay khi cụ Tú vừa

mới mất, cảnh nhà sa sút, thà phải bán ngôi nhà ở Thạch Lỗi, chứ không chịu nhờ vả họ hàng, để ra làng Bưởi Hà Nội thuê một căn nhà lá cho Huy, em trai của cô Mai được ở gần trường học. Huy tính thôi học, kiếm việc làm, có tiền giúp chị nhưng trước sau cô Mai đều gạt đi.

Trong Nửa Chừng Xuân, cô Mai là người tốt, và những người cô gặp cũng đều tốt: Người cha tốt, người em ngoan, người lão bộc vui buồn theo nỗi vui buồn của cô tiểu chủ, người bà con là ông bà Phán ở phố Huế cũng sẵn lòng giúp đỡ, bà Cán vui lòng nhường cả gánh quà bánh mà bà đang bán trước cổng trường Bưởi cho Mai để chị em cô kiếm sống, bác sĩ Minh ân cần săn sóc thuốc men cho Huy mà không lấy tiền, họa sĩ Bạch Hải bị Mai khước từ tình yêu, vì đời Mai chỉ yêu có một người. Khi gặp

Lộc, họa sĩ Bạch Hải thành thật nói tốt về Mai. Vây quanh cô Mai chỉ vài người xấu: Hàn Thanh, bà Ân, và Lộc.

Nhưng dưới ngòi bút của Khải Hưng, ngay cả những con người xấu nhất trong truyện cũng được ông nung tay: Lộc nhờ người giả làm mẹ mình đến hỏi cưới Mai vì quá yêu Mai và biết chắc rằng bà Ân, mẹ của Lộc, chẳng bao giờ chấp thuận một cuộc hôn nhân không «Môn đăng hộ đối». Lộc còn biết sợ chị em Mai khinh mình nên đã về nhà nói hết cho bà Ân biết. Lộc không đòi bắt con về theo như ý mẹ anh muốn. Sau cùng, Lộc xin Mai tha thứ và sẵn sàng bỏ công danh sự nghiệp, bỏ cả vợ là con gái cụ Tuấn. Bà Ân từng làm khổ bao người khác trong Nửa Chừng Xuân, nhiều lần dùng “kế ly gián” khiến cho cả Lộc lẫn Mai đều hiểu lầm và nghi ngờ nhau, cũng được tác giả

coi như là nạn nhân của những tập quán cổ truyền mà việc bảo vệ gia phong là hệ trọng. Bà Án muốn bắt cóc Ái, con của Mai và Lộc, cũng chỉ vì muốn có cháu nối dõi tông đường. Tình yêu của hai người, ở cuối cuốn sách, trở nên lý tưởng cao thượng: Lộc say sưa với những công việc xã hội. Mai bằng lòng ở vậy dù tuổi đang độ Nửa Chừng Xuân dù trong lòng cô vẫn yêu anh Lộc tha thiết. Cô sợ hai người trốn đi xây dựng hạnh phúc riêng sẽ làm khổ thêm những người thân của Lộc và cô.

Cô Mai thân yêu, người đọc thuộc giới bạn gái có học bây giờ khó có ai khóc theo từng trang sách Nửa Chừng Xuân, thương cảm theo từng bước chân thăng trầm của cô và cô Loan trong Đoạn Tuyệt như thời tôi mới lớn. Thời mà ngay trong các thành phố vẫn nhiều nhà

không muốn cho con gái đi học sợ biết chữ rồi sẽ viết thư cho trai. Đánh răng trắng, uốn tóc, mặc áo dài Lơ Muya của họa sĩ Cát Tường, đã trở thành cô “gái tân thời”, còn xa lạ với đám đông. Con trai ở nhiều vùng quanh Hà Nội còn rụt rè khi phải cắt tóc ngắn.

Những hủ tục của bao đời phong kiến lạc hậu, tới thập niên 30, không chỉ ở trong lũy tre xanh mà còn tung hoành mọi ngõ ngách ngoài thành phố. Nơi nào thì vai trò của chị em bạn gái chúng ta cũng bị xem thường bởi quan niệm trọng nam khinh nữ. Càng bị khinh hơn nữa nếu là con gái nhà nghèo. Thân phận người đàn bà suốt đời lệ thuộc, phục tùng đàn ông: Cha, chồng và con trai, tùy theo lúc còn ở nhà, đi lấy chồng hay khi chồng chết.

Văn học Tự Lực Văn Đoàn, thời Pháp thuộc, cuốn hút thanh niên nam nữ vào vòng say mê không phải với mục đích cốt chứng tỏ tài năng văn chương, thi ca của các nhà văn và nhà thơ cộng tác, cũng không nhằm viết làm sao cho sách bán chạy bằng những tác phẩm mà sau này người ta gọi là “lãng mạn thời tiền chiến”. Văn Học Tự Lực Văn Đoàn chính là cơn bão táp dục dằng, từ tốn quét dần những rác rưởi vây quanh đời người phụ nữ Việt Nam, giúp cho họ nhận ra và đòi lại quyền làm người bình đẳng. Văn Học Tự Lực Văn Đoàn chính là cơn sóng ngầm, lặng lẽ dưới mặt nước xã hội êm ả, bất ngờ hất tung lên sức mạnh của lòng ái quốc, làm chòng chành hoặc lật úp những con thuyền cầu an, mà trên đó bao thế hệ thanh niên đang bị ru ngủ bởi trường Bảo Hộ và trường Hậu Bố,

sống nô lệ: cố học thành tài chỉ để ra làm quan, làm tay sai cho giặc.

Người nữ trong văn chương Khái Hưng, cô Mai, tiêu biểu cho một lực lượng yếu thế vùng đứng dậy, sống tự lập với những phẩm chất tốt đẹp của con người nói chung, nam hay nữ cũng là người như nhau. Qua Nửa Chùng Xuân, người nữ sống thành kiến, hẹp hòi và cố chấp chỉ có mình bà Án, điển hình cho nếp sống cũ. Những người nữ nhân hậu, đảm đang, ngoài cô Mai ra, còn có cô Diên, chị Trọng, bà Cán.

Cuộc tranh chấp trong Nửa Chùng Xuân không chỉ giữa mới với cũ mà cao hơn thế: Giữa đúng với sai, tốt và xấu, thiện và ác, ích kỷ và vị tha, sự thật và dối trá. Mai chống lại việc một người đàn bà phải đi làm lẽ, ngay trong lòng

một xã hội phụ quyền và đa thê, mà biết bao người phụ nữ khác cũng đồng ý “tài trai năm thê bảy thiếp”. Trước sau cô vẫn nói với bà Án: “Bẩm bà Lớn, nhà con không có mả đi lấy lẽ”. Huy ghét Lộc vì Lộc nhờ người giả làm bà Án để lừa dối Mai. Mai đã khiến cho Lộc nhận ra trách nhiệm của một người có học đối với đất nước, đối với nhân quần xã hội. Một người thanh niên mất nước không thể sống chỉ biết có thân mình, gia đình mình. Nếu không, bao vốn liếng học thức cũng chỉ trở thành những phương tiện tốt nhất trong việc mưu cầu địa vị, áo cơm. Huống hồ càng cao địa vị trên đường hợp tác với Tây, càng nặng tội phản dân, hại nước.

Dũng hay Lộc, Nhất Linh hay Khái Hưng? Nhân vật tiểu thuyết hay tiểu thuyết gia? Sách vở hay cuộc đời? Cô Mai

và cô Loan ạ, tôi chưa thấy có sự tách biệt nào cả. Tất cả đều trộn vào nhau, trong một giai đoạn lịch sử từ trong bóng tối lần ra ánh sáng, thành loại văn học mở mang dân trí.

Khi đất nước được sống trong tự chủ và hòa bình, dân tộc ta có thể sẽ đòi hỏi một dòng văn học khác, không giống như dòng văn học Tự Lực Văn Đoàn đã thể hiện. Cô Mai và cô Loan chắc sẽ buồn nếu biết chuyện này: Giờ đây, 60 năm sau ngày Tự Lực Văn Đoàn ra đời, có một số nhà phê bình văn học, chuyên nghiệp hoặc tài tử, lại có ý tiếc rằng văn chương Tự Lực Văn Đoàn hiền lành, dung dị quá và tiểu thuyết luận đề, tiểu thuyết lý tưởng là chiếc khung, chiếc lồng chật hẹp khiến các nhà văn không thả sức tung hoành được.

Nhưng từ thập niên 50 tới nay, 40 năm qua, nhiều trường phái văn học ra đời ở nước ta với mọi khuynh hướng, trào lưu... nếu thành công cũng chỉ có thể thành công trong địa hạt sáng tạo và thưởng ngoạn hoặc đánh dấu những khúc quanh trong văn học sử. Văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa kiểu cộng sản trên thực tế, không những làm triệt tiêu tài năng sáng tạo mà còn làm cho nhà văn và người đọc chìm đắm trong chính sách ngu dân. Phần khác, chỉ là bản sao vụng về của văn học phương Tây. Cuối cùng, những dòng văn học nêu trên không thuyết phục được cảm quan «dân tộc tính» vốn rất bén nhạy của người đọc. Chúng phải dùng đến sự cưỡng bách chính trị hoặc tha hóa để có đám đông người đọc nhất thời.

Ngoài Bắc, họ phải đọc những loại như Ruồi Trâu và Thép Đã Tôi Thế Đây... Trong Nam, họ thường đọc các tác giả ngoại quốc, phổ biến như Mùa Thu Lá Bay cùng Tiểu Ngạo Giang Hồ. Dòng văn chương ngoại nhập ấy nếu có hay cũng không phải là cái hay của văn học nước mình. Chưa kể nhiều nội dung của những cuốn sách khác, do lựa chọn sai và dịch vội vàng, còn làm hại cho tinh thần yêu nước của thanh niên nam nữ. Khi văn học dân tộc suy đồi, đất nước ắt phải suy vong, nếu không thế, đấy mới là điều chúng ta đáng ngạc nhiên, cô Mai và cô Loan nghĩ có đúng không?

Ngay từ khi nhận tờ Phong Hóa do Phạm Hữu Ninh giao lại, năm 1932, với tư cách là Giám Đốc kiêm Quản Lý, Nhất Linh đã tính tới việc tập hợp một số nhà văn, nhà thơ cùng chí hướng

chống phong kiến, chống thực dân, phổ biến những quan niệm nhân quyền và dân quyền, trình bày những kinh nghiệm về tiến bộ cá nhân, gia đình và xã hội, đặc biệt là khơi dậy lòng yêu nước của người mình. Năm 1936, Phong Hóa bị đóng cửa, tờ Ngày Nay do Nguyễn Tường Cẩm điều khiển lại nhanh chóng ra đời, tờ nào cũng đông bạn đọc khiến cho thực dân Pháp lo sợ trước tầm ảnh hưởng ngày càng lan rộng của Tự Lực Văn Đoàn. Nên tới năm 1939 thực dân Pháp lại ra lệnh đóng cửa nốt tờ Ngày Nay.

Tám năm, hai tờ báo, một nhóm người mà âm vang của lòng yêu nước và yêu tiếng mẹ đẻ tới ngày nay chưa tắt. Mất nước vừa nhục vừa khổ, viết văn làm báo bảo nhau đòi quyền làm người, bằng tiếng nói trong sáng dễ hiểu, văn

học vì thế mà có sức mạnh. Việc ấy vô cùng tai hại cho giấc và cũng thật mỉa mai cho ta, khi hai miền đất nước thời chia cắt, đều về tay người mình cai trị thì ở ngoài Bắc, tuyệt đối, không một tờ báo hay giai phẩm nào của tư nhân được xuất bản. Còn trong Nam, Nhất Linh không được cấp giấy phép ra báo! Ngày 17 tháng 6 năm 1958, Văn Hóa Ngày Nay số 1 ra đời dưới hình thức “Giai Phẩm”, một loại báo không chính thức, cơ quan kiểm duyệt bằng lòng số nào, số ấy mới được in. Chưa đầy một năm sau, ngày 11 tháng 5 năm 1959, Giai Phẩm Văn Hóa Ngày Nay bị đình bản, Nhất Linh viết truyện Cô Mùi dang dở cũng dở dang luôn. Cô Mùi của Nhất Linh nằm trong bộ trường giang tiểu thuyết Xóm Cầu Mới, gồm Người Chiến Sĩ, Nhà Mẹ Lê, Kẻ Sát Nhân, Cậu Ấm và Ông Năm Bụng.

Từ cô Loan của Đoàn Tuyệt, gái tân thời ở phố Hàng Chiếu Hà Nội đến cô Mùi của Xóm Cầu Mới, gái phố Huyện Cẩm Giàng Hải Dương, là khoảng thời gian tan tác, mất mát của Tự Lực Văn Đoàn. Mất Thạch Lam, Hoàng Đạo, Khái Hưng, những người khác như Tú Mỡ, Thế Lữ... ra đi khỏi Tự Lực Văn Đoàn cho tới lúc họ chết hẳn. Bên cạnh Nhất Linh, sau năm 1954 ở miền Nam, chỉ còn mỗi một tay cự phách của Tự Lực Văn Đoàn xưa, Nguyễn Gia Trí, nhưng ông là người chỉ cầm cọ, không cầm bút. Nhất Linh không cô độc nhưng ông cô đơn.

Những người tiếp tay ông sau này đều đã chia xẻ cùng ông những khó khăn về cả hai mặt khách cũng như chủ quan trong việc sáng lập nhà xuất bản Phượng Giang, làm giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay, củng cố lại Tự Lực Văn Đoàn.

Miền Nam khi ấy có nhiều nhà văn tài hoa nhưng lại ít người cầm bút có ý thức mạnh mẽ về mối tương quan văn hóa chính trị trong xã hội. Cùng lúc họ phải đương đầu, trên trận tuyến văn hóa, văn học, với hai chế độ độc tài ở hai miền đất nước, bên nào cũng do người Việt nắm quyền mà phía nào cũng không thấy được tầm chiến lược, hết sức sinh tử, của văn hóa, văn học Quốc Gia Dân Tộc.

Trong bối cảnh đó, Cô Mùi lạc lõng với chính mình cùng những kỷ niệm ngày xưa nơi một phố huyện miền Bắc. Cô Mùi là quá khứ của hiện tại cuối thập niên 50. Người Quay Tơ là quá khứ của quá khứ, có mặt từ năm 1927, ngày nay càng không gây được ấn tượng gì trong lòng người đọc.

Nhưng cô Loan là chính hiện tại của thời cô, thập niên 30, cô nghĩ, nói và làm

thay cho bao người cùng thế hệ với cô và cùng họ hướng đến tương lai. Vì thế, cô Loan ạ, cô là hiện thân của những niềm mơ ước, hy vọng của chị em bạn gái chúng tôi ngày trước. Người mà ngày đó đa số bạn gái mong muốn gặp được ở ngoài đời thì cô Loan trong sách vở đã gặp. Dũng, một thanh niên có học thức, tâm hồn phóng khoáng, thích đời sống tự lập và sẵn sàng bỏ nhà đi làm cách mạng. Trước hết, chúng tôi thích thú là vì người thiếu nữ trong Đoạn Tuyệt được đi học... Trong sâu thẳm của tâm hồn bạn gái chúng tôi, một phần nào ảnh hưởng xa gần của nền văn học tự do Pháp, nhưng phần lớn chúng tôi hãnh diện về những nhân vật lịch sử xa như Bà Trưng, Bà Triệu, những nhân vật lịch sử gần như cô Giang, cô Bắc.

Hàng ngày chúng tôi biết đau lòng, xấu hổ và tức giận trước những cảnh chà đạp, hành hạ phụ nữ, chồng chúa vợ tôi cùng các tấn thảm kịch mẹ chồng đánh ác, cay nghiệt. Giới phụ nữ chúng tôi trong xã hội yếu đuối càng thêm nhu nhược vì tối tăm, tối tăm vì không được đi học. Các bạn gái thời này không cách nào hình dung nổi cảnh “cha mẹ đặt đầu con ngồi đó”, bất công, tàn nhẫn và vô lý tới chừng nào, cô Loan phải lấy Thân, con trai bà Phán Lợi, để mẹ cô trừ một món nợ cũ. Dù Thân là một thanh niên nhu nhược, thô lỗ và ít học nhưng Thân còn là một con người. Nhiều trường hợp khác, các cô gái còn phải lấy những kẻ bất thành nhân dạng, tàn tật tâm hồn vì cha mẹ gả bán, chống lại là bất hiếu. Người phụ nữ, một con người, chỉ được coi như món hàng hóa, món đồ vật đắt hay rẻ để người ta trao đổi với nhau vì

nhu cầu kinh tế, thuận mua vừa bán. Khi bị chống bạc đãi, đuổi đi thì pháp luật không bảo vệ mà dư luận còn chê cười, nhục mạ.

Trong Nửa Chừng Xuân, bà Ân bảo thẳng cô Mai: “Này cô phải biết. Con đường tương lai của thằng Lộc còn dài. Thế nào nó cũng xuất chính nay mai. Tôi hỏi con quan Tuần tỉnh kia là người có thể lực cho nó, là tôi đã xét kỹ lắm. Quan Tuần còn trẻ, bước hoạn đồ còn dài, sau này con tôi tất nương tựa vào bố vợ, mới mong chóng thẳng quan tiến chức được. Nếu trái lại, tôi để nó tự kết hôn với cô, thì không những nó mất chỗ nương tựa, mà còn bị mang tiếng chơi bời bậy bạ, lấy người không xứng đáng, tránh sao được nốt xấu trong lý lịch”. Qua Nửa Chừng Xuân, chúng tôi vẫn thương hại bà Ân, nếu bà được đi học, dù chỉ học một môn

lịch sử thôi, bà sẽ hiểu “con đường tương lai còn dài” của anh Lộc khi “xuất chính” là thế nào và “nuông tựa vào bố vợ” để không có “nốt xấu trong lý lịch” là thế nào.

Chính những người như cô Mai và cô Loan đã nói lên ý nghĩ thay chúng tôi, hai cô đã làm giùm chúng tôi những điều chúng tôi không làm nổi ở ngoài đời.

Đoạn Tuyệt, không phải như một số người nhận định, chỉ là biểu tượng của cái mới chống cái cũ, của chủ nghĩa cá nhân chống chủ nghĩa tập thể hoặc chế độ gia trưởng đại gia đình, mà nó còn thể hiện bao khát vọng của nam nữ thanh niên thời đó: Sống tự lập để tranh đấu cho nền độc lập của đất nước. Qua Đoạn Tuyệt, chúng tôi cũng vẫn thương hại bà Phán đã nhờ lão thầy bùa ở Ô Cầu Giấy chữa bệnh cho cháu nội mình bằng

tàn nhang, nước thải chỉ vì bà thiếu kiến thức phổ thông.

Những người như thế lại là những người nắm quyền hành độc đoán bên trong gia đình, quyết định số phận cho từng thành viên một của gia đình. Bên ngoài xã hội mà người cầm đầu vừa chuyên chính vừa thất học hoặc ít học thì chắc chắn đất nước phải triển miên loạn lạc, dân tộc kéo dài làm than. Qua lời bà Án nói với cô Mai đã vẽ lên một phần bức tranh xã hội triều Nguyễn thuộc Tây. Nhưng trong gia đình mà cô Loan còn biết nghĩ thầm: “Học thức mình không kém Dũng, sao lại không như Dũng, sống một đời tự lập, cường tráng, can chi cứ quanh quẩn trong vòng gia đình yếu ớt, sống một đời nương dựa vào người khác để quanh năm phải kình địch với một sự cổ hủ mà học thức của

mình bắt mình ghét bỏ. Mình phải tạo ra một hoàn cảnh hợp với quan niệm mới của mình”.

Tự Lực Văn Đoàn không có tuyên ngôn, nhưng nếu cần, tôi nghĩ đoạn văn trên đây là tuyên ngôn của tinh thần tự lực. Vậy thì ở ngoài xã hội, những người trí thức, những người học thức nói chung và giới văn nghệ sĩ nói riêng, ngày hôm nay, tại sao phần lớn không nghĩ việc “tạo ra một hoàn cảnh hợp với quan niệm mới của mình” mà cứ phải “quanh năm phải kình địch với một sự cổ hủ mà học thức của mình ghét bỏ” nhất là thứ hủ tục độc tài, độc đảng, chuyên quyền và bạo lực?

“Tạo ra một hoàn cảnh hợp với quan niệm mới của mình” chính là khái niệm cách mạng, thay đổi một hoàn cảnh hiện có cùng những quan niệm cũ về cuộc

sống và con người, về đất nước và dân tộc. Thế hệ thanh niên nam nữ thời Tự Lực Văn Đoàn, kể cả các nhà văn, nhà thơ, nhà báo lẫn bạn đọc, trước hết đã phá vỡ thứ nhà tù tư tưởng gần hết thập niên 30. Tiếp đó, từ Ngày Nay, không những chỉ là cơ quan ngôn luận của Tự Lực Văn Đoàn mà còn là tiếng nói chung của thanh niên, của nhiều người yêu nước. Tiếng nói ấy bị dập tắt năm 1939, năm khởi đầu thế chiến lần thứ hai, tình hình trong và ngoài nước sôi động những biến chuyển chính trị và kinh tế. Hoàn cảnh mới đã đến, Nhất Linh, Khái Hưng và các nhà văn khác trong nhóm khi cầm bút thì hành động của họ có tên là Tự Lực Văn Đoàn, tới lúc này tất cả hầu như đều buông bút để cầm súng, thì hành động của họ lại có tên là Đại Việt Dân Chính thoát thai từ đảng Hưng Việt do Nhất Linh thành lập năm 1938.

Cùng với toàn dân, họ muốn nhanh chóng tìm đường chuyển ngôi nhà Việt Nam, ra khỏi bóng tối của nô lệ, nghèo đói và dốt nát, như họ đã khởi công xây dựng tập đoàn Ánh Sáng để làm nên những ngôi nhà thoáng mát, rẽ tiền cho giới bình dân ở Bãi Phúc Xá Hà Nội năm 1937.

Sau này, năm 1958, tờ giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay bị đóng cửa, mất gần hết những người bạn chiến đấu xưa, Nhất Linh vẫn như năm 1939, lại ngưng bút và vẫn lao vào cuộc chiến chống độc tài, áp bức. Cuối cùng, việc không thành. Nhất Linh không chấp nhận trát tòa và cả chế độ gia đình trị, ông uống thuốc độc và mất tại nhà riêng đêm 7 tháng 7 năm 1963, thọ 58 tuổi. Như một nhà tiên tri, qua lá thư tuyệt mệnh, viết rất ngắn, ông đã thấy trước số phận của nước ta.

“Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xét xử tôi cả. Sự bắt bớ và xử tội các phân tử đối lập quốc gia là một tội nặng nề sẽ làm mất nước về tay cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do”.

Như cô Mai và Loan đã biết, các thành viên của Tự Lực Văn Đoàn, thời Pháp không “xuất chính” theo cách nói của bà Án, không “tham chính”, hoặc “làm chính trị” theo cách nói của thời này. Việc họ đã thành lập đảng Hưng Việt (1938), Đại Việt Dân Chính (1939) và Mặt Trận Quốc Dân Đoàn Kết (1960), đối với họ, những hình thức tập hợp này chẳng qua cũng chỉ cốt mong sao cho đất nước được sớm tự do, dân chủ, hỗ trợ cho công cuộc xây dựng văn hóa Dân Tộc và Nhân Bản.

Cô Mai và cô Loan ạ, theo chỗ tôi được biết, vì tôi là một trong những người thuộc Tự Lực Văn Đoàn lớp sau: Các thành viên của Tự Lực Văn Đoàn lớp trước, nhất là Nguyễn Gia Trí và Nhất Linh, đều hiểu rằng: Bất cứ một lực lượng chính trị, quân sự và kinh tế nào ở nước ta, nếu không có quốc tế hậu thuẫn đều thất bại. Nhưng quốc tế là ai? Nếu không phải là thực dân Pháp, cộng sản Nga và Tàu thì cũng là tư bản Mỹ đã nhúng vào Việt Nam, thông qua những chân tay của chúng. Nhưng tinh thần Tự Lực, mà các văn nghệ sĩ, nuôi dưỡng từ thời còn đi học, từng gửi gắm vào văn chương, toát ra ngoài cuộc sống khiến họ không thể nào làm khác hơn được. Nhiều người bảo họ không biết “làm chính trị” hoặc “chính trị tay mơ” cũng là vì thế.

Cho đến lúc mất, mỗi người trong họ, vẫn nguyên vẹn là người nghệ sĩ lớn lao, không chỉ vì sự nghiệp mà còn vì suốt đời phục vụ quê hương, sáng ngời tấm gương Tự Lực.

Chẳng phải riêng thời cô Loan mới có cảnh con cái không được bày tỏ ý nghĩ của mình, với cha mẹ, mà ngày nay vẫn còn đâu đó, một số không nhỏ các bậc sinh thành không chấp nhận cho con cháu được có ý nghĩ khác với họ, từ việc học hành đến chuyện hướng nghiệp. Nhiều người vẫn còn quan niệm hể “con cãi cha mẹ” là “trăm đường con hư”, họ sống ở thời này với một tâm hồn tựa như bà Hai, mẹ của cô Loan, ở phố Hàng Chiếu Hà Nội trong những năm 30.

Những ai giống hệt bà Hai không bao giờ hài lòng với câu nói sau đây của cô Loan: “Thưa thầy mẹ, thầy mẹ cho con

đi học, thầy mẹ không cư xử với con như con vô học được nữa. Không phải con kiêu ngạo gì, đó là một sự dĩ nhiên. Lỗi ấy không ở con. Phân biệt phải trái với bố mẹ không phải là bất hiếu như con tưởng”.

Tinh thần gia trưởng ấy, ngày nay còn tệ hại hơn nhiều, nó vượt ra khỏi ngưỡng cửa mỗi nhà để trở thành tâm vóc quốc gia. Toàn dân được xem như con cái không được có ý nghĩ khác với cha mẹ là nhà cầm quyền.

Gia phong xưa theo lối bà Án, bà Hai, bà Phán Lợi ở Ấp Thái Hà nay đã trở thành kỷ cương, giềng mối mới của quốc gia. Không một thành phần nào, không một thành viên nào của đại gia đình dân tộc Việt Nam được quyền, được phép suy nghĩ khác với các bậc “phụ mẫu chi dân” của thời hiện đại.

Cô Loan, sau khi bà Hai chết đi cùng với tư tưởng chuyên quyền của bà, đã thành công trong cuộc cách mạng gia đình của chính cô. Cái khó khăn lớn lao của cô Loan là phải đối kháng với chính người mẹ thân yêu của mình. Nhưng chúng ta ngày nay vẫn chưa thành công trong cuộc cách mạng xã hội mặc dù cái dễ dàng to tát của chúng ta là chiến đấu với bè đảng nắm quyền mà chúng ta không bao giờ cho phép chúng là cha mẹ của toàn dân cả.

Hướng đến một xã hội dân chủ nhưng nhân dân không cần đầy tớ, vì mọi người đều làm chủ đất nước. Nhân dân cũng không cần ai lãnh đạo, chính toàn dân tự lãnh đạo mình, thông qua hiến pháp dân chủ và các đại biểu thi hành theo nhiệm kỳ dân cử. Việc lựa chọn một tư tưởng chỉ đạo cho cả quốc

gia là việc vô cùng hệ trọng, ảnh hưởng đến sinh mệnh dân tộc, không thể để mặc cho một người hay nhóm người, kết thành bè đảng, áp đặt và thao túng.

Cô Loan ạ, chúng tôi đôi khi có thể tạm chấp nhận vì thông cảm cho Thân, một người nhu nhược, mặt khác cũng chỉ vì anh muốn giữ chữ hiếu theo quan niệm xưa, khi Thân không dám chọn cuộc đời tự lập và đã nói với cô: “Tôi đã bảo mợ đừng nhắc đến nữa. Thấy mẹ không cho phép. Không những thế, mẹ lại còn giận mợ nữa đấy, mẹ giận lắm”. Chúng tôi nghĩ ngợi nhiều về hai câu đối thoại ngắn sau đây:

– Giận về có gì cậu?

– Có mợ tự tiện...

...

Ngày nay ở trong nước ta, ngay cả các bậc thức giả, các văn nghệ sĩ, các nhà trí thức, bác học cũng không được “tự tiện” hay “tùy tiện” suy nghĩ theo ý mình nếu đảng và nhà nước “không cho phép”.

Cô Loan thân mến, tôi tin rằng gần như toàn dân Việt Nam, nhất là giới trí thức, trong và ngoài nước, cũng “không cho phép” ai được quyền “không cho phép” giới trí thức tự lực tìm kiếm một giải pháp cánh sinh cho dân tộc. Không có đất nước độc lập khi dân tộc còn nô lệ tư tưởng! Dân tộc còn nô lệ tư tưởng khi mà giới trí thức, bao gồm các nhà chuyên môn mọi ngành, còn tin tưởng và phó mặc việc đảm đương đất nước cho các nhà chính trị mà những người này phần lớn, ngay cả khoa chính trị học, họ cũng không chuyên môn. Họ chỉ chuyên môn ra lệnh thôi!

Khi người cầm quyền chính trị mang cái sở đoản của mình ra để lãnh đạo chỉ huy các ngành chuyên môn, vốn là sở trường của giới trí thức liên hệ, thì điều gì sẽ xảy ra? Đó là tấn bi hài kịch trong đó bọn dốt nát lại cầm đầu những người giỏi giang. Bà Phán Lợi không biết gì về y khoa nên bùa chú cùng tàn nhang nước thải đã giúp bà giết chết ngay đứa cháu nội thân yêu của bà. Tích cực cộng với sự ngu dốt thành ra phá hoại, thành ra giết người. Cả nước chúng ta không lẽ cam chịu mãi một số phận như thằng cháu trai, con của cô Loan? Giữa tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn thời xưa và cuộc đời thực hôm nay nào có chi khác nhau? Sách vở như thế thường trở thành những tấm gương in hình đời sống đồng thời phản ánh tâm hồn của những người làm gương.

Những tấm gương được làm ra bởi lòng yêu nước, soi rọi hình ảnh ngôi nhà Ánh Sáng cùng các áng văn chương trong sáng là hai đặc tính nổi bật của Tự Lực Văn Đoàn thời cô Mai và cô Loan đang nổi tiếng như sóng cồn.

Cô Mai và cô Loan thân mến,

Trước khi dùng bút, tôi mong rằng: Đất nước ta không còn bị những tâm hồn yếu đuối như Thân và tinh thần tự lực nơi mỗi người, sẽ trở thành sức mạnh chung, giúp chúng ta quét sạch cái chế độ thối làm gia trưởng của toàn dân. Chế độ ấy càng tồn tại, càng làm khổ dân mình. Không lẽ chúng ta cứ phải ngâm mãi câu thơ sau đây của Trần Tế Xương: “Sách vở ích gì cho buổi ấy, văn chương rồi cũng thế thôi mà?”

Như một con người, mỗi cuốn sách cần phần tươi tốt của nội dung tức là vẻ đẹp tâm hồn bên cạnh vẻ đẹp của thể chất là giọng văn và cách kể chuyện. Sáu mươi năm sau ngày Nhất Linh viết ra những câu văn sau đây, giờ đọc lại, cô Loan và cô Mai ạ, chúng tôi còn thấy được nét đẹp của quê hương, nhất là mỗi khi xa nhà:

“Một buổi chiều về cuối năm, một buổi chiều êm, như một giấc mộng: mấy cây thông ở đầu hiện nhà đứng đợi gió... Ngoài kia ánh nắng vàng của buổi chiều như tiếc ngày cuối cùng của một năm, còn lảng vảng trên các ngọn đồi, chòm cây, lướt thướt trên những cánh đồng cỏ màu xanh già. Những thôn quê rải rác dưới chân đồi, hay bên bờ con sông trắng cong queo như bị đè nén dưới vẻ to tát của trời đất rộng rãi. Khói thổi cơm

chiều ở một vài nhà gần không có sức lên cao nữa, tỏa ra thành từng đám mây màu lam ôm ấp lấy các mái nhà tranh”.

Đọc đoạn văn trên, tôi thấy đẹp và thấy nhớ. Nhớ những con người tốt đẹp. Nhớ cô Mai. Nhớ cô Loan. Nhớ quê hương thân yêu. Nhớ như anh Dũng nhớ cô Loan những ngày xa nhau, ngay cả lúc anh đang ngồi bên một người bạn chiến đấu.

“Tiếng nhạc ngựa ở đâu vẳng tới, ròn và vui trong sự yên tĩnh của buổi chiều. Trước mặt hai người, về phía bên kia, ánh đèn nhà ai mới thấp, yếu ớt trong sương, trông như nổi nhớ xa xôi đương mờ dần”...

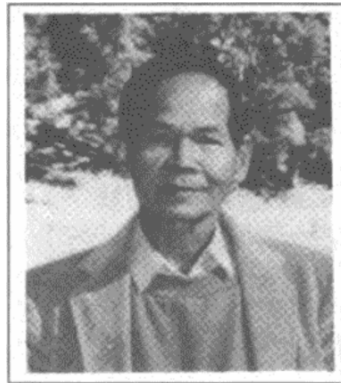
NGUYỄN THỊ VINH
(Paris, Ngày Tự Lực Văn Đoàn,
27 tháng 11 năm 1994).

HUYỀN THOẠI TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

*Nhân Tưởng Niệm 50 Năm

Ngày Mất Của Nhà Văn KHÁI HÙNG

ĐẶNG TRẦN HUÂN



Chỉ mới thành lập năm 1933 mà tổ chức Tư Lực Văn Đoàn tưởng như đã xa xưa lắm vì cho tới nay có lẽ vẫn chưa có ai trả lời được là văn đoàn này gồm có những ai? Về sau có thêm bớt ai không? Những người liên quan tới TLVĐ có một số còn sống nhưng mỗi người nói một cách có khi mâu thuẫn nhau chẳng biết đâu mà tin. Một văn đoàn có tác phẩm để đời quá nhiều, ảnh hưởng sâu đậm tới văn hóa Việt Nam, thế mà lai lịch của nó tới nay vẫn mù mờ như huyền thoại Phù Đổng Thiên Vương, Chủ Đồng Tử hay My Châu Trọng Thủy vậy. Độc giả giở sách báo cũ hay hồi ký ra để tìm hiểu thì càng mung lung hơn và bắt đầu đi vào mê lộ.

Điều mà ta biết chắc chắn là TLVĐ

chính thức thành lập khi tôn chỉ, đường lối hoạt động được công bố trên báo Phong Hóa số 87 ra ngày 2. 3. 1933 nhưng lại không công bố thành phần gồm có những ai, bí mật như một đảng cách mạng. Căn cứ trên dòng chữ Trong Tự Lực Văn Đoàn dưới tên tác giả mỗi cuốn sách, độc giả đếm thấy TLVĐ gồm có sáu người là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ và Tú Mỡ.

Sau 30. 4. 1975 nhiều người Việt chạy ra hải ngoại nhưng sách báo không mang theo được bao nhiêu, tài liệu ít ỏi, trí nhớ suy mòn nên viết về TLVĐ có những tác giả tự ý cho thêm nhiều tên vào danh sách theo ý thích của mình.

Trong cuốn Việt Nam Niên Biểu III: Nhân Vật Chí do nhà Văn Hóa xuất bản

tại Houston, Texas năm 1993, tác giả Chánh Đạo (bút hiệu của sử gia Vũ Ngự Chiêu) viết rằng TLVĐ có cả cụ Lý Đông A, một lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng (trang 339).

Trên tuần báo Saigon Times, Rosemead, CA ngày 24. 9. 1995 trong bài giới thiệu tác phẩm Trên Sông Hồng Cuốn Cuộn của Nguyễn Tường Bách, giáo sư Lưu Trung Khảo viết TLVĐ có 12 thành viên kể cả Nguyễn Gia Trí, Trần Tiêu, Nhật Tiến. Và ông đề nghị thêm Nguyễn Tường Bách. Không thấy ông đề nghị bỏ bớt ai?

Nguyệt san Làng Văn (Canada) số 137 - tháng 1. 1996 viết TLVĐ có 11 người vì có thêm Xuân Diệu, Đỗ Đức Thu, Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Tường Hùng.

Trong cuốn sách có cái tên dài của bà Nguyễn Thị Thế, em ruột Nhất Linh, tái bản tại Cali cuối năm 1996, Hồi Ký Về Gia Đình Nguyễn Tường: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, tác giả viết về TLVĐ rằng: về sau có thêm họa sĩ Nguyễn Cát Tường tức họa sĩ Le Mur (tr.117)

Trong khu rừng sách báo hải ngoại và quốc nội mà chúng tôi không thể theo dõi hết chắc chắn còn nhiều tác giả khác viết về TLVĐ cũng ghi thêm những thành viên cho TLVĐ như đã dẫn trên đây.

Để truy nguyên những danh sách huyền thoại này, ta hãy tìm một số sách biên khảo văn học trong thời gian Nhất Linh còn sống xem các tác giả cùng thời viết ra sao? Bộ Nhà Văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan không nói tới thành phần

TLVĐ. Việt Nam Văn Học Sử Yếu của Dương Quảng Hàm thì chỉ kể tên bốn người là Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Tú Mỡ rồi thôi.

Hãy tạm tham khảo bộ sách mới hơn, khá công phu Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên của Phạm Thế Ngũ do Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn xuất bản năm 1962 - 1965. Bộ sách gồm ba cuốn được nhà Đại Nam ở Hoa Kỳ in lại. Trong cuốn III, Phạm Thế Ngũ viết TLVĐ công bố ra mắt, đường lối hoạt động và dấu hiệu Con Ó trên báo Phong Hóa nhưng không công bố thành phần. Sau này trong tiểu thuyết Những Ngày Vui, Khái Hưng viết khi đó nhóm định thành lập văn đoàn như một Pleiades gồm bảy người trong đó có Nguyễn Gia Trí (tr. 433)

Tìm đọc lại Những Ngày Vui, dò từng dòng nhưng không thấy đoạn nào nói tới chuyện Pleiades cả. Hơn nữa Những Ngày Vui chỉ là tiểu thuyết thì ta có nên coi là một tài liệu tham khảo nghiêm chỉnh không? Tìm hiểu thiên văn và thần thoại thì Pleiades là bảy người con gái của thiên thần Atlas biến thành bảy vì sao nhưng chỉ có sáu vì là có thể trông thấy bằng mắt trần mà thôi. Có nên tán ra rằng Nguyễn Gia Trí chỉ là ngôi sao không thấy trong thất tinh, ẩn hiện, mờ ảo và vì là họa sĩ không thể để dòng chữ Trong TLVĐ dưới chữ ký trên mỗi họa phẩm, mỗi tranh trang trí cho bài nên chuyện hội viên của ông trở thành nghi vấn.

Trong bài Nhiệm Vụ Của Người Cầm Bút của nhà biên khảo Trần Bích San đăng Sài Gòn Nhỏ, Cali, số Xuân

Đình Sửu 1997 cũng viết TLVĐ gồm bảy người trong đó có Nguyễn Gia Trí. Nhưng khi đọc ở cuối bài thì mới biết Trần Bích San đã tham chiếu nơi trang 433 Việt Nam Văn Học Sử Giải Ước Tân Biên.

Thực ra câu chuyện Pleiades được kể trong cuốn Chân Dung Nhất Linh của Nhật Thịnh chứ không phải trong tiểu thuyết Khái Hưng. Chân Dung Nhất Linh do nhà Sống Mới in tại Sài Gòn trước 1975 và nhà Đại Nam ở Cali in lại và cũng chỉ là bản chụp của nhà Sống Mới vì thế coi bản Đại Nam cũng như coi bản Sống Mới vậy.

Trong Chân Dung Nhất Linh in tại Mỹ ở trang 127 và 130 Nhật Thịnh tả cuộc đi chơi Lạng Sơn đầu năm 1932 của Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ và trong cuộc đi chơi này họ bàn chuyện thành lập

TLVĐ gồm có bảy người. Khi Thế Lữ cải lại chỉ có sáu thôi thì Nhất Linh nói: “Các cậu quên Nguyễn Gia Trí rồi à? Thiếu hẳn thì bọn mình bắt trí hết”. Nhưng ở trang 129 Nhật Thịnh lại viết: “Nguyễn Gia Trí biết Nhất Linh năm 1933” (một năm sau chuyển đi chơi Lạng Sơn). Như vậy làm sao Nhất Linh đề nghị một họa sĩ vào tổ chức của các nhà văn, nhà thơ nhất là khi ông cũng chưa quen biết để phục tài họa sĩ này. Hơn nữa câu chuyện Pleiades của Nhật Thịnh cũng có vẻ hư cấu như một tiểu thuyết mà thôi. Ấy là không kể ngay trong cuốn Chân Dung Nhất Linh cũng có những sai lầm nhỏ mà quan trọng chẳng hạn như nêu tên các họa sĩ Tô Ngọc Văn (hai lần), Lê Thị Liệu, Trần Đình Lộc ở trang 36 mà thực ra tên các vị này là Tô Ngọc Vân, Lê Thị Lựu và Trần Bình Lộc.

Theo cuốn Nhất Linh Trong Tiến Trình Hiện Đại Hóa Văn Học của Vu Gia do nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội phát hành năm 1995, tác giả nói ghi chú theo cuốn Tiếng Cười Tú Mỡ thì TLVĐ có kết nạp thêm Xuân Diệu vị chi là bát tú (tr. 367). Chúng tôi không có cuốn Tiếng Cười Tú Mỡ nên không rõ tác giả cuốn này là ai, viết theo tài liệu nào và am tường TLVĐ tới đâu? Vả lại nếu chỉ vì thêm Xuân Diệu để trở thành bát tú thì nên kiếm thêm hai vị nữa để gọi thập toàn cho đẹp danh xưng. Hay thêm đủ một trăm một ngàn thành viên để trở thành bách tuế hay thiên tuế. (chúng ta thiếu gì nhà văn, nhà thơ mà lo không đủ số).

Hơn nữa ngay trong cuốn NLTTTHĐHVH cũng có những sai lầm khiến mức chính xác của cuốn sách làm

ta ngờ vực. Chẳng hạn khi nói tới báo Phong Hóa, Vu Gia viết báo này do Phạm Xuân Ninh chủ trương (cũng tr. 137). Thực ra người sáng lập báo Phong Hóa là Phạm Hữu Ninh, giám đốc trường tư thực Thăng Long mà Khái Hưng là một giáo sư; còn Phạm Xuân Ninh là trung tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa làm thơ với bút hiệu Hà Thượng Nhân không liên quan gì với TLVĐ.

Có lần chúng tôi điện thoại hỏi bác sĩ Nguyễn Tường Bách về vai trò của Nguyễn Gia Trí và Xuân Diệu thì bác sĩ Bách nói TLVĐ có Xuân Diệu nhưng không có Nguyễn Gia Trí. Bác sĩ Bách nay đã trên 80 tuổi, sống lưu vong tại Trung Quốc từ 1946 mãi tới năm 1988 mới trở về Hoa Kỳ, chắc cũng chỉ nhớ theo ký ức mà thôi.

Một nữ sĩ trong loạt bài Chốn Bụi Hồng ít ra đã hai lần nói rằng khi bà còn ở Việt Nam bà đã gặp nữ sĩ Anh Thơ và được coi tận mắt quyết định trao giải thưởng cho tập thơ Bức Tranh Quê của nữ sĩ Anh Thơ có chữ ký của ba nhà thơ Thế Lữ, Tú Mỡ và Xuân Diệu. Sự kiện này cũng không chứng minh được Xuân Diệu là đoàn viên TLVĐ. Để chấm giải thơ, ngoài hai thi sĩ đoàn viên, TLVĐ vẫn có thể mời thêm một thi sĩ thân hữu vào trong ban giám khảo lắm chứ. Xưa nay thiếu gì những giải thưởng mà ban tổ chức mời thêm người ngoài vào thành phần ban giám khảo, có khi cả những người thuộc khuynh hướng không giống nhau, cho giải thêm vô tư và giá trị hơn. Trường hợp Anh Thơ²⁵, trên giấy chứng

25 Chú thích của Nguyễn Thạch Kiên: Sau 1945, Anh Thơ đi theo đảng CSVN và trở thành đảng viên. Có bài thơ “Kể chuyện Vũ Lăng in trong tuyển tập “Văn Nghệ và Kháng Chiên” do nxb Tiến Bộ ấn hành năm 1947. Sau 1975 vào

nhận tặng giải cho Bức Tranh Quê cũng không có chữ ký của các đoàn viên TLVĐ khác.

Trên bán nguyệt san Kiến Thức Ngày Nay số 193 đề ngày 1. 12. 95 xuất bản tại thành Hồ (nay phát hành 10 ngày một số) nữ sĩ Mộng Tuyết - hiện sống ở Hà Tiên - có xuất trình lời khen của TLVĐ tặng cho bà về tập thơ Phấn Hương Rừng bà gửi dự Giải Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn 1939. Lời khen tặng đề ngày 11. 6. 1940 có chữ ký sáu thành viên TLVĐ²⁶

Sàigòn với gia đình: chồng là một nhân viên Quân y già về hưu. Ngụ tại đường Trần Hữu Trang Phú Nhuận, cái bằng giải thưởng của Tự Lực Văn Đoàn về tập thơ Bức tranh Quê Anh Thơ đối từ lâu, làm gì còn Cô vẫn tránh nhắc tôi quá khứ nhất là nhóm Khái Hưng Nhất Linh... và Tự Lực Văn Đoàn với các đồng chí CS của cô.

26 Đúng thế. Tự Lực Văn Đoàn từ ngày thành lập năm 1933 chỉ gồm có 6 người như nhà văn Đặng Trần Huân viết. Tôi có xem kỹ các bằng khen của một số nhà thơ được TLVĐ khuyến khích ngay từ năm 1940 - 42 ở Hà - nội và năm 1990 tại nhà chị Mộng Tuyết ở Phú Nhuận, Sài gòn . Cuốn hồi ký «Về Những kỷ Niệm Quê Hương do tôi xuất bản năm 1995 cũng ghi nhận TLVĐ chỉ có 6 người mà thôi (N.T.K)

là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ và Tú Mỡ.

Không thấy tên Xuân Diệu và Nguyễn Gia Trí trong tài liệu này. Năm 1938 khi nhà xuất bản Đời Nay của TLVĐ in Thơ Thơ và đoản văn Phấn Thông Vàng cũng chưa thấy dòng chữ Trong TLVĐ ghi dưới tên tác giả Xuân Diệu. Còn thời gian sau này Xuân Diệu phản tỉnh hay bị cưỡng ép phản tỉnh, phủ nhận dĩ vãng văn nghệ của mình khi đi theo cộng sản thì không kể.

Trong một cuốn sách do Hà Nội xuất bản năm 1994, Vương Trí Nhàn mở cuộc phỏng vấn tưởng tượng với hồn ma Xuân Diệu và gán cho Xuân Diệu nói rằng ông là thành viên TLVĐ nhưng không dám nhận vì đã cộng tác với chế độ Hà Nội – Hà Nội viết thì phải kể – Ta đã từng đọc Hoàng Lại Giang, biên tập của nhà xuất

bản Văn Học viết rằng Lê Thương được Giải Tuyên Dương Sự Nghiệp Văn Học Nghệ Thuật trong Nam năm 1973 trong khi sự thực giải năm đó không có nhạc sĩ nào trúng giải.

Về chuyện họa sĩ Nguyễn Cát Tường được mời vào TLVĐ cũng là một điều mà trước nay có lẽ ít độc giả nào nghe thấy. Có giống trường hợp Lý Đông A chẳng? Bà Nguyễn Thị Thế có lắm không? Ngay trong bài cảm nghĩ của Nguyễn Tường Bách (em ruột bà Thế) in trong cuốn sách tái bản của bà Thế, ông Bách cũng nhận xét là: Với vị thế của tác giả, nhiều dữ kiện về các nhân vật trong gia đình về phương diện văn hóa, xã hội, đấu tranh chị không biết rõ (tr. 258). Hơn nữa Nguyễn Cát Tường cũng chỉ là họa sĩ có công vẽ kiểu áo tân thời cho phụ nữ. Nếu kể những họa sĩ có công với TLVĐ thì

Tô Ngọc Vân còn sáng giá hơn nhiều, để ở đâu? Và nếu muốn tri ân những nghệ sĩ có công trong phong trào xây nhà Ánh Sáng cũng do TLVĐ chủ xướng thì không thể bỏ quên kiến trúc sư Võ Đức Diên. Còn nếu cứ thấy tên tuổi nào nổi danh thì kéo vào TLVĐ cho đông vui bất kể bộ môn thì có nên ghi thêm Lê Thương, Hoàng Thi Thơ, Nguyễn Thanh Thu, Kiều Chinh, Kim Chung, Thanh Thúy.. v.v... cho trăm hoa đua nở.

Qua cái mốc 1940 với Giải Thưởng TLVĐ mà nữ sĩ Mộng Tuyết còn tài liệu chính thức, ta có thể nhảy vọt một đoạn đường 17 năm tới bài khai bút của Nhất Linh đăng trên nguyệt san Văn Hóa Ngày Nay, Sài Gòn, số xuân 1957, mặc dầu bài này ông viết từ ngày mồng một Tết năm Quý Tỵ (14. 2. 1953). Trong bài này có câu:

Trong bảy tám nhà văn mới chọn lọc được hai năm nay, tôi thấy có ba nhà văn chắc chắn xứng đáng là nhân viên TLVĐ và tôi tin anh Đỗ Đức Thu cũng như mấy anh mất tích sau này trở về, cũng như tôi sẽ bỏ phiếu bầu khi ba nhà văn đó có đủ một số sáng tác để sự quyết định có căn cứ. Ba người đó là Nguyễn Thị Vĩnh, Tường Hùng và Duy Lam.

Như vậy lời Nhất Linh chỉ có giá trị như một lời dặn dò, lời dặn dò khá thận trọng rằng “khi ba nhà văn đó có đủ một số sáng tác” chứ không phải là một quyết định vì TLVĐ không phải là một văn đoàn cha truyền con nối kiểu như thời vua chúa. Viện Hàn Lâm Pháp, văn đoàn Goncourt..v.v... khi có một đoàn viên chết hay vắng mặt vĩnh viễn vì lý do nào đó sẽ được những đoàn viên còn lại biểu quyết tuyển chọn đoàn viên mới. TLVĐ

hắn cũng làm việc không ra ngoài khuôn mẫu đó nghĩa là khi thâm nhập đoàn viên mới phải do kết quả bầu phiếu của đa số thành viên. Khi Nhất Linh công bố lời khai bút thì Hoàng Đạo, Khái Hưng, Thạch Lam đã mất. Ở miền Nam, Nhất Linh chỉ có một mình, ở miền Bắc thì Tú Mỡ, Thế Lữ đã khước từ dĩ vãng, hai phía không chính thức liên lạc với nhau cho tới ngày Nhất Linh qua đời.

Trong số người mà Nhất Linh đề nghị thâm nhập vào TLVĐ chỉ có Nguyễn Thị Vinh là người ngoài còn Duy Lam và Tường Hùng là hai người cháu gọi Nhất Linh bằng bác ruột. Nếu chỉ kể sáu hội viên nguyên thủy thì một nửa thành phần đã là ba anh em ruột Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam.

Năm 1995 khi xuất bản cuốn Na Uy Và Tôi ở hải ngoại, Nguyễn Thị Vinh

chính thức nhận là đoàn viên TLVĐ khi tuyên bố rằng bà làm như vậy vì thấy chủ trương của TLVĐ hay (Phụ Nữ Diễn Đàn số 132 - tháng 2 - 1995). Khi in các tác phẩm Hai Chị Em (1953), Thương Yêu (1955) bà đã cộng tác với TLVĐ mà bà chưa thấy hay mãi hơn bốn chục năm sau bà mới nhận ra điều đó.

Trường hợp Duy Lam sau khi sang Mỹ tái bản các tác phẩm cũ và in tác phẩm mới đều ghi thuộc TLVĐ cũng là căn cứ trên lời nhắn gửi của Nhất Linh trong bài khai bút mà nay đã trở thành di chúc.

Trường hợp Tường Hùng chỉ xuất bản tập truyện Gió Mát và Bướm Lạ từ thập niên 1940 hay 50 gì đó rồi không thấy tên ông xuất hiện trên văn đàn nữa, hoặc có viết nhưng quá ít, không nổi tiếng hoặc dùng một bút hiệu khác mà

chỉ có Nhất Linh và một số ít người biết mà thôi. Mãi tới năm 1996 khi Duy Lam cho tái bản Gia Đình Tôi mới thấy mấy tranh vẽ của Tường Hùng minh họa đệm cho cuốn tiểu thuyết này, những tranh còn quá non tay có lẽ chỉ là những tranh vẽ đã in trong Gia Đình Tôi từ mấy chục năm về trước nay được Duy Lam cho in lại.

Trong bài khai bút Nhất Linh viết ông tin Đỗ Đức Thu đồng ý với đề nghị của ông. Vậy nhà văn Đỗ Đức Thu đóng vai trò gì trong TLVĐ, là một tổng thư ký thường trực nhưng ông không là đoàn viên? Hay nếu Đỗ Đức Thu đã là đoàn viên thì được tuyển chọn bao giờ, theo thể thức nào? Cuốn Vỡ Lòng của Đỗ Đức Thu do nhà Đời Nay của TLVĐ in năm 1940, nhưng tới Bức Đồng và Nhà Bên Kia thì do hai nhà Nguyễn Du và Cộng

Lục xuất bản năm 1942 không liên quan gì với TLVĐ nữa.

Trong một loạt bài viết về Nguyễn Gia Trí của Duy Lam khởi đăng báo tháng 8. 1997, thì khi nhà Đồi Nây cho in Đứa Con, được sự đồng thuận của các thành viên nên dòng chữ Trong TLVĐ được in dưới tên tác giả Đỗ Đức Thu. Nhưng đó chỉ là ký ức của Duy Lam. Riêng tôi thì chưa được thấy cuốn nào của Đỗ Đức Thu có in dòng chữ Trong TLVĐ cả. Ngày chủ nhật 7. 9. 97 trong buổi họp mặt thân hữu tại tòa soạn Saigon Times tôi có hỏi nhà văn Duy Lam có còn giữ được cuốn Đứa Con có ghi Đỗ Đức Thu là thành viên TLVĐ không thì ông nói ông không có nhưng chắc thư viện trong nước có giữ. Giờ đây thì cả hai nhà văn Đỗ Đức Thu và Nhất Linh đều không còn nữa và bí mật vẫn bao trùm.

Về vai trò Trần Tiêu ta có thể khẳng định rằng ông không hề là thành viên TLVĐ dù tác phẩm của ông rất có giá trị. Tiểu thuyết phong tục Con Trâu nhiều độc giả thích thú và say sưa khen hấp dẫn hơn những tiểu thuyết viết về phong tục Trung Hoa của Pearl S. Buck, nữ sĩ Mỹ trúng giải văn chương Nobel năm 1938. Từ Con Trâu và Chồng Con do nhà Đời Nay xuất bản đến Năm Hạn, Truyện Quê, Sau Lũy Tre của Trần Tiêu đều không có tiêu đề Trong TLVĐ dưới tên ông, chẳng lẽ là đoàn viên mà ông lại khước từ danh hiệu đó. Mặc dầu văn tài của Trần Tiêu như vậy và dù ông là em ruột Khái Hưng ta không hề nghe Khái Hưng vì tình gia đình mà đề nghị thân nhận Trần Tiêu vào TLVĐ, khác với đề nghị của Nhất Linh sau này.

Nhật Tiến thì đã trả lời rõ ràng trong bài phỏng vấn đăng trên báo Ngày Nay ở Kansas, số 25 - tháng 3. 1983 rằng dư luận nói ông thuộc TLVĐ là một chuyện sai lầm, không có.

Như vậy hiện nay chỉ có hai nhà văn thuộc TLVĐ là Nguyễn Thị Vinh và Duy Lam, người trước ở Na Uy, người sau ở Hoa Kỳ. Trên Saigon Times ngày 5. 9. 97 Duy Lam nói ông là thành viên thế hệ hai của TLVĐ. Như vậy rồi ra có thể có thế hệ ba, thế hệ bốn. Không rõ đường xá xa xôi hai nhà văn Nguyễn Thị Vinh và Duy Lam có thường xuyên họp mặt với nhau để bàn bạc, duy trì đường lối, tôn chỉ của văn đoàn không hay đều sinh hoạt độc lập. Thiết nghĩ, để cho chính xác ta có thể gọi Hậu Tự Lực Văn Đoàn hay Tự Lực Văn Đoàn Hải Ngoại.

Nên Chẳng?

Mặc dầu không phải văn tài của các nhà văn trong TLVĐ đều siêu việt bằng nhau, hễ gia nhập TLVĐ thì văn tài rạng rỡ thêm lên và không phải ngoài TLVĐ không có những văn hào lầy lừng sự nghiệp, nhưng không ai phủ nhận được công lao to lớn của TLVĐ với văn học Việt Nam.

Và vì lý do đó khi tìm hiểu chính xác về TLVĐ chúng ta chỉ có thể căn cứ trên những tài liệu cụ thể đã công bố bởi sáu hay một trong sáu đoàn viên nguyên thủy mà mọi độc giả đều biết. Nếu chỉ dựa theo lời kể lại, nhớ theo ký ức cũng mắc sai lầm. Dựa theo những sách biên khảo thì đã xảy ra chuyện cuốn biên khảo có giá trị đáng tin cậy nhưng vài chi tiết sai sót của nó mà được tham chiếu lại thì sai sót đó sẽ lớn dần và phổ biến rộng

thêm như trường hợp Trần Bích San mà chúng tôi kể ở đoạn trên.

Những cuốn hồi ký cũng giúp ích cho người sưu tầm tìm hiểu nhưng cần lựa chọn, cân nhắc thật thận trọng. Không thiếu gì những hồi ký đã xuất bản có những sai lầm có khi vô tình, có khi do cố tình của tác giả. Chúng tôi đã được đọc một cuốn hồi ký của một vị trung tá viết về cái gọi là học tập cải tạo mà ghi sai cả tên cấp chỉ huy trực tiếp của mình hoặc cùng một chuyện đi tù khi thì ông viết tự ý rủ bạn đi trình diện khi thì bị cộng sản dí súng bắt đi. Ngay cả trong hồi ký A Soldier Report của tướng Westmoreland dày trên 500 trang chỉ riêng ba trang nói về trận Ban Mê Thuột, tác giả đã sai tới ba lần khi viết rằng trong trận thất thủ này tỉnh trưởng Darlac bị giết (sự thực nay ông đang định cư tại Mỹ),

tướng Phạm Duy Tất là tư lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh (Tư lệnh là tướng Lê Trung Tường, đại tá Phạm Duy Tất chỉ huy Biệt Động Quân khi đó chưa thăng chuẩn tướng), máy bay Việt Nam oanh tạc lăm khiến hai tiểu đoàn dù bị tiêu diệt (Ban Mê Thuật đã thất thủ từ ngày 11. 3. 75. Chiến sĩ dù ngày 17. 3. 75 mới về phòng thủ tuyến Khánh Dương, Khánh Hòa).

Cộng sản Việt Nam khi chiếm trọn miền Bắc năm 1954 đã lên án TLVĐ là phản động cấm đoán các tác phẩm của văn đoàn này, mãi những năm gần đây mới một phần phục hồi giá trị của họ. Với chủ trương đốt sách kiểu Tần Thủy Hoàng như vậy việc kiếm được những tài liệu chính thức về TLVĐ không dễ dàng gì ngay cả phía chính quyền. Chúng ta chỉ còn hy vọng vào những tài liệu mà các cá nhân còn cất giữ, lọt lưới cộng sản

như tài liệu của thi sĩ Mộng Tuyết. Hoặc may ra một vài tài liệu còn lưu trữ ở thư viện các nước tự do. Nếu có được những tài liệu này thì mới có câu trả lời chính xác rằng TLVD có những vị nào? Còn nếu như chưa trả lời được thiết nghĩ ta nên chấp nhận sáu vị nguyên thủy đã lập nên văn đoàn mà chẳng nên tự ý cương ra những điều mập mờ chưa rõ làm rối trí những người đi sau. Thà rằng cứ mơ hồ như thân thế Hồ Xuân Hương, T.T.KH, hay những Khuyết Danh, Vô Danh Thị nào đó với những tác phẩm để đời còn hơn là thêm bớt, vẽ rắn thêm chân cho một văn đoàn đã có công với văn học Việt Nam như Tự Lực Văn Đoàn vậy.

Tháng mười 1997

ĐẶNG TRẦN HUÂN

11. Huyền thoại Tư Lược văn đoàn ¶ 503

**KHÁI HÙNG, TRỤ CỘT
VÀ LÀ LINH HỒN
CỦA TỰ LỰC VĂN ĐOÀN**
D.S. **ĐỖ KIM TOÀN**



I.- Khái Hưng Và Nhất Linh

Cách đây gần bốn chục năm khi tôi còn là nữ sinh Trưng Vương tại Sài Gòn, và cũng là thời gian nhà văn Nhất Linh vừa cho đình bản tạp chí Văn Hóa Ngày Nay, một hôm ba tôi chợt bảo tôi:

– Ông Nhất Linh là người có thực tài về nhiều phương diện, nhất là về mặt văn chương, báo chí. Vốn là người có đầu óc cách mạng, ông đã muốn đổi mới xã hội ngay từ thập niên 30... Ông nổi danh suốt từ Bắc chí Nam, được mọi người ngưỡng mộ. Thế mà nay nhìn những số báo này, độc giả ắt sẽ nhận ra ngay là hiện giờ ông rất cô đơn...

Tôi chỉ biết lắng nghe, không gạn hỏi. Phần vì còn phải lo tròn nhiệm vụ học hành, phần vì tôi vốn không mấy ham

thích những câu chuyện về văn chương cũng như về chính trị.

Nhưng ba tôi thì khác. Chẳng những chú trọng đến lãnh vực báo chí, ba tôi còn lao mình vào những hoạt động xã hội và chính trị. Bữa cơm tối của gia đình chính là lúc thuận tiện nhất để ba tôi kể lại những biến chuyển thời sự trong ngày.

Ba tôi kể tiếp về nỗi cô đơn của nhà văn Nhất Linh hồi năm 1958 – 1960:

– Tờ Văn Hóa Ngày Nay sở dĩ phải đình bản là vì đã thiếu hẳn một cái hồn, cái trụ cột, làm nền.

Đến lúc ấy tôi mới lên tiếng:

– Thưa ba, ba nói “thiếu hẳn một cái hồn” là nghĩa như thế nào ạ? Con thực không hiểu hết ý của ba.

– Nghĩa là vào năm 1933, khi thành lập Tự Lực Văn Đoàn, ra báo và xuất bản sách, ông Nhất Linh có một số thân hữu bạn học, gồm các văn nghệ sĩ: Khải Hưng, Đỗ Đức Thu, Thế Lữ, Tú Mỡ, Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân và Nguyễn Cát Tường... Ấy là chưa kể đến hai ông em là Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long và Thạch Lam Nguyễn Tường Vinh, cùng một số lớn bác sĩ, dược sĩ và những danh gia hoạt động trong các lãnh vực thanh niên và xã hội như Đỗ Đình Đạo, Phạm Văn Bính... cùng một số nhân sĩ ở Bắc Hà.

Khi tờ Phong Hóa bị đóng cửa, ông Nhất Linh lại ra tờ Ngày Nay. Được vài năm tờ Ngày Nay lại bị Thực dân rút giấy phép xuất bản.

Nhà văn Nhất Linh vốn là người hoạt động cách mạng. Người Pháp điều tra

được nên rình bắt. Tuy nhiên ông Nhất Linh lẹ chân, nhảy sang Trung Hoa trước khi Thực dân ra tay. Chỉ có nhà văn Khái Hưng, Hoàng Đạo và họa sĩ Nguyễn Gia Trí là bị bắt giam... Con muốn hỏi cái hồn của Tự Lực Văn Đoàn?

Theo ý ba, nhà văn Khái Hưng chính là trụ cột của Tự Lực Văn Đoàn và là linh hồn của Nhóm, mặc dầu nhà văn Thạch Lam cũng rất sâu sắc, tế nhị. Thạch Lam chết năm 1942 khi còn quá trẻ.

Sau “cách mạng mùa thu 1945”, Khái Hưng điều hành một lúc hai tờ báo: nhật báo Việt Nam và tờ tuần báo Chính Nghĩa, đều là cơ quan tuyên truyền, thông tin, nghị luận của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Ông viết rất nhiều và rất đều tay. Đồng thời còn điều hành đủ mọi việc

của tổ chức ở khắp nơi, dĩ nhiên chỉ liên hệ tới báo chí để cung ứng đúng dịp và đúng lúc.

Để một dịp khác thông thả, ba sẽ kể rõ hơn. Bây giờ, con nên tìm đọc cuốn *Hồn Bướm Mơ Tiên* của Khái Hưng, để tìm hiểu quan niệm và cái triết lý trong sách nhà văn đã diễn tả.

II.- Thuyết “Tù Ái” Của Phật Giáo Và Quan Niệm “Lý Tưởng Cuộc Đời” Trong *Hồn Bướm Mơ Tiên*.

Phải đợi đến lúc thành đạt trong nền học vấn tôi mới có thời giờ nghiền ngẫm cuốn “*Hồn Bướm Mơ Tiên*”, tác phẩm đầu tay của nhà văn Khái Hưng.

Tâm lý tình cảm của những nhân vật trong truyện và nhất là triết lý Phật Giáo

mà tác giả giải bày trên nhiều trang sách đã thực sự lôi cuốn tôi, khiến cho tôi say mê đọc.

Đúng như Vũ Ngọc Phan đã nhận định: «... đọc giả của Khái Hưng toàn là hạng thanh niên trí thức mà trong số ấy phần đông là bạn gái...”

Đọc xong cuốn «Hồn Bướm Mơ Tiên», tôi thấy lòng dấy lên niềm thương xót cho thân phận con người, cho cô gái mà vì một hoàn cảnh éo le, ngang trái, và cũng vì một lời thề thiêng liêng trước khi bà mẹ nhắm mắt buông xuôi đôi tay, đã phải cải trang lặn lội đến chùa Long Giác thí phát quy y thành “chú tiểu Lan” và dốc lòng kinh kệ.

Đạo Phật nhiệm mầu đã hun đúc cho chú tiểu Lan niềm vui nhân ái; tuy sống giữa cõi đời với đầy đủ công việc

thường ngày như hầu hết mọi người, chú tiểu Lan nhờ học hỏi; nhập tâm giáo lý sư cụ truyền dạy, đã nâng tâm hồn lên chốn thanh cao, bụi trần hầu rũ sạch và bền giác gần kề.

Thế nhưng tâm hồn “chú” chợt bị vẩn đục vì một chàng trai thành thị – Ngọc, cháu của sư cụ về nghỉ hè.

Qua những lần tiếp xúc chuyện trò, gái trai kề cận hàng ngày như gọi khêu nơi tâm hồn «chú tiểu Lan» cái tình, cái cảm vô hình gắn bó rất người và vô tội. Chú luôn luôn phải đấu tranh với bản thân. Nhưng càng đấu tranh, cái sợi dây tình ái kia càng như xiết lại. Cho tới ngày Ngọc khám phá ra «chú tiểu» xinh đẹp, có giọng nói thanh tao chính là gái giả trai.

Bị bại lộ, sợ hãi, “chú tiểu Lan” đương đêm bỏ chùa trốn đi. Nhưng Ngọc hối hận, tự nhủ: “Đó cố tìm cho biết hắn là gái, phỏng được ích gì? Để vậy còn thú, chứ thế này thì không biết chừng... Không biết sao mình lúc ấy lại hung tợn đến thế? Thôi mỗi cái ta theo giữ hắn ở lại, thế với hắn sẽ giữ bí mật cho hắn rồi mai về Hà Nội, cố quên câu chuyện cảm động... đau đớn”.

Nghĩ vậy, chàng trai cũng rời chùa Long Vân, cố đuổi theo cô gái có tên là “chú tiểu Lan” kia.

Chúng ta hãy đọc đoạn văn đầy cảm động, phản ánh rất đúng tâm lý người ni cô đôi chín “tuy yêu mà vẫn không dám phụ lời thề trước vong hồn bà mẹ, đành quên mình trong cửa Phật...”:

“... Bóng trắng đã xế về tây, chiếu ánh lờ mờ. Các cây cỏ hãy còn đầm đìa nước mưa ban chiều. Những đôi xa, trông như đàn rùa khổng lồ nằm vọng nguyệt. Nhưng Ngọc chẳng nghĩ gì đến phong cảnh, cứ cắm cổ bước mau...

Đi một quãng dài, Ngọc nhìn đằng trước mặt ngay trên đỉnh đồi, thấp thoáng có bóng người in lên da trời. Chàng chắc chắn lắm... nên cắm đầu chạy một mạch tới ngọn đồi. Quả thật cái bóng ấy là Lan. Lan nghe có tiếng người chạy thành thịch sau lưng, ngoái cổ lại gặp Ngọc thì kêu rú lên một tiếng, ngắt người ngã gục xuống gốc cây thông bên đường. Ngọc vội quỳ xuống nâng dậy và ngọt ngào nói:

– Lan đừng sợ, tôi xin viện lòng từ bi của Đức Quan Âm, tôi xin thề với Lan rằng tôi không phải là hạng gió trăng bặt

bạ. Lan tỉnh dậy, tôi nói câu chuyện, rồi mai tôi xin từ biệt Lan, tôi về Hà Nội.

Lan mở bừng mắt nhìn, dờm dờm hai giọt lệ lấp lánh dưới ánh trăng. Ngọc nói đùa:

– Thôi, xin ni cô tha cho.

Lúc ấy đã tỉnh hẳn, Lan ngồi dậy lau nước mắt:

– Vâng, tôi là gái. Tôi biết thế nào cũng chẳng giấu nổi ông. Nhưng còn câu chuyện vì sao tôi phải cải trang, tôi chưa thể lộ tâm can cùng ông được. Chỉ xin ông buông tha kẻ tu hành này, kẻ tu hành khốn khổ này ra mà thôi.

Ngọc thở dài:

– Thưa ni cô, ni cô không ngại. Tôi xin thú thực với ni cô rằng tôi yêu ni cô.

Tôi yêu ngay từ lúc còn tưởng ni cô là trai. Ni cô là một người thông minh dĩnh ngộ, xinh đẹp như thế thì ai lại không yêu cho được... mà lạ Phật tha thứ, có lẽ ni cô cũng đôi lần cảm động...

Ngọc vừa nói vừa nhìn Lan. Lan nức nở:

– Tôi chỉ còn... có một cái chết. Nếu tôi có thể thổ lộ cho ông biết vì sao tôi phải cải trang, vì sao tôi phải quy y đầu Phật. Nhưng sự bí mật ấy, tôi xin nhất định sống để dạ, chết mang đi.

– Ni cô chớ nên nghĩ ngợi, ni cô nên coi tôi là một người bạn thành thực có thể vì ni cô hy sinh hết mọi sự, cho đến cả hạnh phúc của tôi, cho đến cả tấm ái tình của tôi, tấm ái tình có lẽ tuyệt vọng của tôi.

– Vâng, nếu ông có lòng quân tử như thế thì còn gì sung sướng cho tôi hơn nữa. Phải biết hy sinh thì đời ta mới có nghĩa cao thượng...

.... Bỗng có tiếng gà gáy nửa đêm dưới xóm, Lan giật mình lẩm bẩm:

– Nếu gặp nhau hai năm trước...

– Vậy, bây giờ muộn quá hay sao?

– Muộn quá rồi. Vì tôi đã thề trước Phật Tổ, thì đến chết tôi cũng giữ trọn lời thề. Đời còn chả tiếc, tiếc gì một sự còn con... nhỏ nhen.

– Ái tình mà... chú cho là một sự nhỏ nhen? Nhỏ nhen, nếu đem ví với lòng bác ái. Vì lòng bác ái mà Phật Tổ xa vợ, xa con, xa cha, xa mẹ, lang thang khắp bốn phương giới để tìm phương giải thoát cho nhân loại. Vậy xin ông, cũng vì

bác ái mà xóa bỏ trong lòng những tên chú Lan, cô Thi, như thế ông sẽ cứu sống được một nhân mạng, cứu vớt được một linh hồn. Trên đời, chỉ có lòng bác ái là đáng kể.

Ngọc ngẫm nghĩ rồi quả quyết nói:

– Vâng, tôi xin thuận theo những lời vàng ngọc của chú. Vậy bây giờ muốn tránh khỏi sự ngờ vực thì ta trở lại Long Vân. Tôi xin cam đoan rằng ngoài tôi ra không ai có thể rõ được sự bí mật của chú.

Hai người yên lặng cùng trở lại chùa. Đêm chìm đắm vào trong cõi hư vô tịch mịch...”

Xuyên qua ít trang, ta đã nhận thấy tâm hồn của tác giả. Ông Khải Hưng, ngay từ thời còn trẻ, đã có một tấm lòng

rất nhân hậu. Nếu Văn tức là người thì nhân vật Ngọc trong Hồn Bướm Mơ Tiên đã phản ánh đúng vóc dáng, mọi nghĩ suy nhận xét và hành động của chính ông.

Tuy nhiên muốn hành xử đúng quan niệm của tác giả với cái triết lý “từ bi, hỷ xả” Phật Tổ dạy, mà Khái Hưng đã bày giải, liệu chúng ta có thể theo nổi không? Cái “lý tưởng” ấy có hiện thực ở xã hội này không?

III.- Linh Hồn Của Tự Lực Văn Đoàn.

Sau cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên, tôi còn đọc thêm một số tác phẩm do Khái Hưng là tác giả, như Nửa Chừng Xuân, Dọc Đường Gió Bụi, Hạnh, Anh Phải

Sống, Đẹp.... đều do nhà Đời Nay xuất bản.

Hơn hai mươi năm sau ngày Khải Hưng vắng bóng và chẵn bốn năm ngày giỗ văn hào Nhất Linh (7.7.1967), một bữa tôi nhẩm nơi bìa sau một cuốn sách có in danh mục các tác phẩm do Đời Nay xuất bản từ đầu thập niên 30 cho tới năm 1945, tôi ngạc nhiên thấy lượng sách thật không nhỏ. Toàn là những tác phẩm giá trị của một nền văn nghệ tiên chiến.

Tác giả các tác phẩm ấy đều được phê bình gia Vũ Ngọc Phan xếp loại, phẩm bình, dương danh trong bộ “Nhà Văn Hiện Đại” do Tân Dân Xuất Bản năm 1942.

Nhìn danh mục các sách của Tự Lực Văn Đoàn thời tiên chiến để rồi đối chiếu với những bài viết của Vũ Ngọc Phan

trong bộ “Nhà Văn Hiện Đại” và cuốn “Thi Nhân Việt Nam” của Hoài Thanh – Hoài Chân, chúng ta phải công nhận chính Khái Hưng đã là trụ cột và linh hồn của Tự Lực Văn Đoàn vậy.

Tôi nêu nhận xét này với ba tôi thì ba tôi chỉ cười và bảo:

– Đúng đấy! Ông Nhất Linh quả thực là nhà tổ chức giỏi khi thành lập Tự Lực Văn Đoàn với mục đích tạo «ê kíp» viết báo (Phong Hóa và Ngày Nay), cũng như mở nhà xuất bản Đời Nay để in và phổ biến các sách do thành viên của Tự Lực Văn Đoàn viết. Tuy nhiên, ông Nhất Linh bận ba đây đó vì cách mạng; ông Thạch Lam lại mất sớm; còn ông Hoàng Đạo thì bận rộn công việc ngoài Tòa Án và bao việc linh tinh khác nên không thể quán xuyến việc duyệt xét các tác phẩm để rồi cho xuất bản được. Vậy thì ngay từ

đầu, Khải Hưng phải là người gánh trọng trách ấy... Ông có nhiệt tình và hăng say với công việc do các thân hữu đồng chí giao phó... cho đến chết...

– Thế có nghĩa là...

Tôi cố tìm câu thật chính xác để hỏi cho rõ thì ba tôi đã tiếp:

– Ông Nhất Linh, ngoài tình bạn mật thiết với ông Khải Hưng, hai ông còn là đồng chí trong một Tổ Chức Cách Mạng nữa. Do đấy khi ông Nhất Linh phải rời Việt Nam sang Trung Hoa thì ở nhà ông Khải Hưng vẫn tiếp tục điều hành mọi việc và... xuất bản, trừ một thời gian ông bị người Pháp giam giữ.

Khi được ra khỏi nhà tù, Khải Hưng lại hăng say hơn hết bao giờ.

Các tờ báo ông xuất bản từ 1943 đến hết năm 1946, là các tờ Ngày Nay – Kỷ Nguyên Mới, Chính Nghĩa và Việt Nam. Có thể nói, ông là “con dao pha” của hầu hết các tiết mục và các thể loại trong tờ báo. Mục nào ông cũng có vẽ sở trường, viết rất sắc bén và dí dỏm...

Phải chăng đây là “dịp khác” mà ba tôi đã nói với tôi trước kia. Có lẽ ba tôi phải chờ tới ngày tôi đã có ít nhiều hiểu biết về Tự Lực Văn Đoàn mới cho tôi rõ thêm về vai trò của ông Khải Hưng trong tổ chức này.

Cũng qua lời kể của ba tôi, tôi còn được biết nhà văn Khải Hưng đã “biệt tích” khi chiến tranh Việt – Pháp xảy ra, sau ngày 19-12-1946. Ông về Nam Định với gia đình bên ngoại. Nỗi bất trắc “lành ít dữ nhiều” đã xảy đến với nhà văn, nhà báo, nhà chiến sĩ cách mạng Khải Hưng

như đã đến với nhiều văn nhân thi sĩ nổi danh khác, kể cả rất nhiều người dân vô tội trong dịp này. Thật là một tai họa và nỗi bất hạnh lớn cho toàn thể dân tộc.

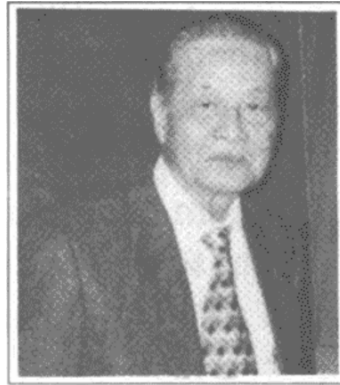
Năm 1950, khi nhà văn Nhất Linh trở lại chốn xưa là Hà Nội, ông đã có ngay “cái cảm giác cô đơn” vì thiếu vắng “một người” – là nhà văn Khải Hưng và ông đã tìm niềm vui trong công việc không còn chút hứng khởi nữa như thuở nào... đúng như lời ba tôi đã kể cho tôi nghe hồi bốn mươi năm trước....

(Rút Trong Một Tập Bút Ký)

D.S ĐỖ KIM TOÀN

TIỂU THUYẾT VÀ TRUYỆN NGẮN
KHÁI HƯNG

NGUYỄN HIỀN



Trong bối cảnh nước nhà những năm thập niên 30, văn chương thi ca chữ Việt bắt đầu được một số nhà

văn, nhà thơ sáng tác mạnh mẽ và khởi sắc. Họ đa số thuộc thành phần tân học, chịu nhiều ảnh hưởng của văn học Pháp trong phong trào lãng mạn Tây phương thế kỷ 19. Trước đó, mọi người từng say mê đọc những tiểu thuyết diễm tình của Trung Hoa được dịch ra Việt ngữ bày bán ở các tiệm sách như Tuyết Hồng Lệ Sử, Tây Sương Ký..v.v.. Một trong số những nhà văn có công dịch truyện Tàu ra quốc ngữ nhiều nhất phải nói đến Nguyễn Đỗ Mục với các tác phẩm Song Phượng Kỳ Duyên và Tái Sinh Duyên mà giới phụ nữ thời đó thường coi như những cuốn sách gối đầu giường. Người dịch truyện Pháp ra quốc ngữ có số lượng lớn là Nguyễn Văn Vĩnh đăng trong Đông Dương tạp chí, Trung Bắc Tân Văn từ những năm đầu thế kỷ, về sau được nhà xuất bản Âu Tây tư tưởng (*La Pensée de l'Occident*)

do người con trai ông là nhà văn Nguyễn Giang chủ trương.

Nói chung, phong trào viết tiểu thuyết mang nội dung đổi mới được giới thanh niên nam nữ đón nhận say mê phải nhận là do nhóm Tự Lực Văn Đoàn phổ biến trước hết vào những năm đầu của thập niên 30. Nếu thanh niên nam nữ Pháp từng coi thi sĩ Alfred De Musset là thần tượng của họ, thì đối với giới trẻ V.N hồi đó nhất là các thiếu nữ chịu ảnh hưởng tân học thường ham mê đọc tiểu thuyết Khái Hưng và Nhất Linh cùng các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn mà hai ông là những trụ cột chính. Khái Hưng viết nhiều và viết đều đặn hơn cả trong số các bạn thuộc văn đoàn. “Hồn Bướm Mơ Tiên”, tác phẩm đầu tay của ông, cũng đồng thời là cuốn truyện dài đầu tiên của nhóm Tự Lực Văn Đoàn

xuất bản năm 1933. Các nhà văn thời đó thường nói tựa đề cuốn tiểu thuyết này là do một điển tích từ thời vua Lê Thánh Tông khi ngài giáng lâm đến ngôi chùa ở thành Thăng Long. Đêm ấy vua nằm mộng gặp giáng tiên ra đề như sau:

“Gió thông đưa kệ tan niềm tục,

Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời”

Từ đó, Lê Thánh Tông đã làm bài thơ với nhan đề:

“Tôi đây một cảnh một thày

Tuy vui đạo bọt chứa khuấy lòng người”

Gẫm sự trần duyên khéo nực cười,

Tuy vui đạo bọt hầy lòng người.

Chày kinh một tiếng tan niềm tục,

Hồn bướm ba canh lẫn sự đời.

*Bể khổ mấy tầng mong tát cạn,
Sông ân muôn trượng chớ khơi với.
Nào nào cực lạc là đâu tá,
Cực lạc là đây chín bội mười.*

(trích trong Hồng Đức Quốc Âm thi tập)

Tuổi trẻ ở giữa thập niên 30 rất say sưa đọc “Hồn Bướm Mơ Tiên” của Khái Hưng bởi thấy được một chuyện tình lý tưởng dưới mái tam quan ngôi Chùa, với phân phân tích tâm lý nhân vật mới lạ chưa từng thấy. Ảnh hưởng sâu đậm của phong trào lãng mạn văn chương Pháp trong giới thanh niên nam nữ tân học đã lôi cuốn họ trong “niềm đau thế kỷ” (Le mal du siècle) qua mối tình yêu lý tưởng (amour platonique) hằng ấp ủ. Thêm vào bối cảnh đó là phong trào «tài hoa son trẻ» được nhà cầm quyền bảo hộ Pháp

khởi xướng nhằm ru ngủ thanh niên nam nữ VN, sau cuộc nổi dậy bất thành của Việt Nam Quốc Dân Đảng năm 1930 dưới sự lãnh đạo của Đảng Trưởng Nguyễn Thái Học. Thời ấy, từ viên Thống Sứ Bắc Kỳ Tholance sau đến Yves Châtel đều cho phép tổ chức các cuộc chợ phiên hàng năm ở Hà Nội, các cuộc thi rước xe hoa rầm rộ (Corso Fleuri) qui tụ nữ học sinh thành phố tham gia diễn hành trên những đại lộ chính để thu hút người dân lãng quên mọi tư tưởng chống đối nhà cầm quyền Pháp.

Mẫu mực người “Con gái tân thời” lúc ấy đang được đề cao do chủ trương của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, nhằm kêu gọi giới phụ nữ trút bỏ bộ y phục cổ xưa đi vào thời trang cải cách chiếc áo dài của họa sĩ Cát Tường bị danh Pháp Lemur. Phong trào cải cách y phục phụ nữ dâng

lên mạnh mẽ, chị em thôn quê đi ra tỉnh thành đua nhau từ bỏ chiếc váy cổ xưa, chiếc áo cánh nâu để tập mặc quần Sa tanh (Satin), quần lĩnh 2 ống và chiếc áo dài tân thời kiểu cổ tròn, cổ lá sen hay trái tim có đường viền màu sậm. Tiểu thuyết Khái Hưng trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã đáp ứng đúng thời điểm mọi người đang khao khát đi vào cái cách rời bỏ những tư tưởng cổ hủ. Thanh niên và thiếu nữ theo tân học say mê đọc “Hồn Bướm Mơ Tiên”, tiểu thuyết đầu tay của Khái Hưng như cơn gió mát đi vào tâm hồn tuổi trẻ đang tìm hiểu về tình yêu lãng mạn.

Một năm sau đó (1934), Khái Hưng đưa ra cuốn tiểu thuyết “Nửa Chừng Xuân”, cũng ca ngợi một tình yêu lý tưởng, đi ra ngoài vòng xum họp bình thường giữa đôi trai gái. Tác phẩm này

được cải soạn lại thành vở kịch trình diễn khắp nơi. Cùng năm 1934 xuất hiện tiểu thuyết “Gánh Hàng Hoa” do Khái Hưng viết chung với Nhất Linh.

Năm 1935, Khái Hưng viết xong cuốn “Tiêu Sơn Tráng Sĩ”, trong thời kỳ toàn thế giới vừa trải qua một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng (1929 - 1933) khiến ảnh hưởng nặng nề đến các xứ thuộc địa Pháp hải ngoại. Đồng tiền càng ngày càng khó kiếm, sinh hoạt trở nên đắt đỏ và người dân căm ghét chế độ thực dân thống trị. “Tiêu Sơn Tráng Sĩ” với nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, tả cảnh, tả tình một cách duyên dáng gọn gàng, mượn bối cảnh lịch sử đượm nhiều màu sắc dân tộc đậm đà để nói lên lý tưởng tranh đấu của những người trai dân thân cho đại nghĩa. Cùng năm 1935, Khái Hưng đã viết chung với Nhất Linh

cuốn “Đời Mưa Gió” không ngoài mục đích kích động giới trẻ tân học đi theo con đường phụng sự đất nước do nhóm Tự Lực Văn Đoàn chủ trương dưới dạng văn học để che mắt sở kiểm duyệt của người Pháp.

Trong cuốn “Gia Đình” (1936), Khái Hưng đã khai thác trở lại một đề tài quen thuộc của nhóm Tự Lực Văn Đoàn về mâu thuẫn giữa cá nhân và gia đình còn mang những khuôn phép cũ ràng buộc về lễ nghi, tình yêu và hôn nhân. Ông phân tích miêu tả sự chán chường của những thanh niên tân học bị vướng mắc vào những tập tục, thành kiến của đại gia đình gồm cha mẹ, ông bà áp đặt từ nhiều thế hệ tiếp nối đến nay. Cũng như các cuốn “Thừa Tự”, “Đẹp” và “Thoát Ly”, Khái Hưng đã nhìn gia đình hiện thực qua con mắt một người thanh niên có

đầu óc tiến bộ, chủ yếu trong việc phân tích tâm lý phụ nữ rất sâu sắc. Một nhà phê bình văn học đương thời đã viết về Khái Hưng như sau: “Tôi chưa từng thấy trong văn học VN một nhà văn, kể cả Nhất Linh, đã tả người đàn bà một cách xác đáng như Khái Hưng”. Ông là một nhà văn sáng trội không những trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn và còn của toàn thể văn đàn VN. Khái Hưng cho thấy ông là người có thái độ chính trị xứng đáng trong một hoàn cảnh nước nhà cực kỳ nhiều nhương về chính trị để rồi trở thành nạn nhân của hoàn cảnh đó.

Nói về con người, Khái Hưng là một nhà văn, một nghệ sĩ đích thực, hơn là một nhà cách mạng như Nhất Linh. Ông chấp nhận chủ trương canh tân văn hóa của Tự Lực Văn Đoàn mà ông là thành viên sáng lập, nhưng trên thực tế không

trực tiếp tham gia hay tích cực đấu tranh cho lập trường đó. Với bản chất tự do phóng khoáng do ảnh hưởng văn hóa Tây phương, Khải Hưng nhìn quá khứ cũng như hiện tại bằng con mắt của nhà hiền triết khoan dung, của người nghệ sĩ không mang chút thiên kiến. Mọi cái hay, cái đẹp bất luận từ đâu đến đều được ông ngợi ca.

Riêng trên lãnh vực tiểu thuyết, Khải Hưng là nhà văn viết tiểu thuyết của nhiều thời đại văn học V.N, với khả năng quan sát tinh tế về tâm lý cũng như cảnh ngộ của những nhân vật do ông sáng tạo. Tiểu thuyết Khải Hưng mang số lượng khá nhiều và chia ra nhiều loại khác nhau:

a) **Loại Phong Tục** – Như “Gia Đình”, “Thừa Tự”, theo đó trọng tâm sinh hoạt của giai cấp quan liêu, trưởng giả và tiểu

tư sản cần đả phá để xây dựng một mô hình gia đình và xã hội canh tân.

b) Loại Lý Tưởng – Như “Hồn Bướm Mơ Tiên” lấy chủ đề cũ để rồi kết thúc một cách lý tưởng thích hợp với thời đại mới. Hoặc như cuốn “Trống Mái” ông lấy chủ đề lãng mạn Tây phương và kết thúc bằng một thực tại buồn với sự lãng quên của người con gái trưởng giả và nỗi sầu khổ đến chết của người con trai thuộc giai cấp chài lưới. Đây là một thứ chủ đề của Trương Chi - My Nường được cải biến, một tình yêu lãng mạn thiên về vẻ đẹp thể xác của người con trai, khác với tích truyện My Nường hướng về cái đẹp, cái hay của tiếng hát anh lái đò xưa.

c) Loại Lịch Sử – Như cuốn “Tiêu Sơn Tráng Sĩ, tích truyện rút ra từ trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí, được Khái Hưng giàn dựng các nhân vật dũng cảm

có bản lĩnh, tài thao lược lấy hành động để đóng góp cho đời.

d) Loại Tích Truyện Cũ Soạn Lại Hay Kể Lại – Như “Ông Đồ Bể”, “Cây Tre Trăm Đốt” ít nhiều dựa vào các chuyện cổ tích đại chúng có mục đích giáo dục theo luân lý cũ, đã được Khái Hưng viết qua lối hành văn trong sáng mang nhiều chất thơ khi tả cảnh, tả tình, tả người và việc.

Ông đã xếp đặt tình tiết theo quy tắc của khoa thuật sự mới mẻ, khiến lôi cuốn sự chú ý theo dõi của người đọc, biến câu chuyện tầm thường thành hay và hấp dẫn hơn nhiều. Nghệ thuật kể chuyện của Khái Hưng cho chúng ta liên tưởng đến nhà văn Pháp Alphonse Daudet dí dỏm, tự nhiên mà mọi người thường gán cho danh hiệu “Nhà thuật sự tuyệt vời”.

Ngoài những truyện “Hai Cảnh Trục Lạc”, “Bến Đò Năm Xưa», «Hạnh», Khái Hưng còn soạn «Đồng Bệnh», vở kịch tâm lý xã hội, và «Tục Lự», kịch được chị em nữ sinh trường Nữ trung học Đồng Khánh Hà Nội tham gia màn múa do nhà thơ Thế Lữ làm đạo diễn giàn dựng. Lịch sử những chiếc áo dài màu xanh do các nữ sinh Trưng Vương chọn làm đồng phục bắt nguồn từ cuộc trình diễn vở kịch «Tục Lự» của Khái Hưng năm 1942 ấy ở nhà Hát lớn Hà Nội. Còn vở kịch vui một hồi mang tên “Quần Tiên Tụ Hội” do ông soạn trong thời điểm nói trên.

Nếu “Hồn Bướm Mơ Tiên” đánh dấu cuốn tiểu thuyết đầu tay của Khái Hưng năm 1933, thì “Bản Khoản” là cuốn cuối cùng năm 1942. Mới đầu cuốn này mang tên “Thanh Đức” sau được đổi thành

“Bản Khoăn” ở lần xuất bản thứ 2. Còn cuốn “Xiềng Xích” ông cho đăng trong tạp chí “Ngày Nay” loại mới, nhưng rất tiếc nó đã bị bỏ dở dang. Khái Hưng là người có kiến thức văn học sâu rộng. Ông cũng đã viết một số bài phê bình văn học, nêu ý kiến về ca dao, văn học cổ điển, nhận xét về một số nhà văn và nhà thơ đương thời. Năm 1943, nhà sách Khánh Đạm ở Sài gòn đã làm một cuộc trưng cầu dân ý về 10 cuốn sách có giá trị nhất, trong đó có tiểu thuyết “Tiêu Sơn Tráng Sĩ” của Khái Hưng. Tài viết văn xuôi của ông rất gần gũi với thơ, từ đó đến thơ con đường không xa. Hồi đó ai cũng biết Khái Hưng là người đã dịch bài “Sonnet d’Arvers” thành công nhất theo thể lục bát mà nhiều người còn thuộc lòng đến ngày nay:

TÌNH TUYỆT VỌNG

*Lòng ta chôn một khối tình,
Tình trong giây phút mà thành thiên
thâu!*

*Tình tuyệt vọng nỗi thảm sâu,
Mà người gieo thảm như hầu không hay.*

*Hỡi ơi! người đó ta đây,
Sao ta thui thủi đêm ngày chiếc thân?*

*Dẫu ta đi trọn đường trần,
Chuyện riêng há dám một lần hé môi*

*Người dù ngọc nói hoa cười,
Nhìn ta như thể nhìn người không quen.*

*Đường đời lặng lẽ bước tiên,
Ngờ đâu chân đạp lên trên khối tình!*

Một niềm tiết liệt đoan trinh

Xem thơ nào biết có mình ở trong

Lạnh lùng lòng khẽ hỏi lòng:

Người đâu tả ở mấy dòng thơ đây?

Thời trước năm 1954 lúc đó vào khoảng 1945 - 1946, khi Việt Minh lên nắm chính quyền nhờ dựa vào cuộc biểu tình của Tổng hội Công chức thuộc chính phủ Trần Trọng Kim tổ chức, tình hình chính trị rất phức tạp và lòng dân hết sức hoang mang. Một mặt phía VMCS lo củng cố chính quyền họ mới thiết lập, mặt khác còn những lực lượng đoàn thể quốc gia cũng đã từ bên Trung Hoa trở về nước hoạt động công khai như Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội (gọi tắt là Việt Cách), Việt Nam Quốc Dân Đảng (Việt Quốc) và Đại Việt Quốc Dân

Đảng. Mỗi lực lượng chính trị đều chiêu mộ đảng viên trong giới thanh niên, có trụ sở treo đảng kỳ và đoàn viên võ trang canh gác. Các phe thuộc hàng ngũ quốc gia đã liên minh trong một mặt trận để cùng lo đối phó với phe chính quyền VM mà dân chúng thường gọi là Vẹm. Danh từ hài hước đó xuất phát từ tờ báo “Việt Nam”, “Thiệt Thực” của phe quốc gia ẩn hành và phổ biến mạnh mẽ từ trụ sở số 80 đường Quan Thánh của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Một trong hai tờ báo đó ngoài những bài mang nội dung tranh đấu chính trị, tố cáo mặt trận Việt Minh là C.S, còn đăng những bài thơ trào phúng có tính cách thời sự. Lúc đó không còn nhà thơ Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu góp bài trong các tờ báo của phe quốc gia vì ông đã thực sự bị tuyên truyền đi theo phía Việt Minh. Người ta thấy xuất hiện những bài thơ trào phúng ký tên “Lâm

Thời Thi Sĩ” mà dư luận vẫn gán ghép cho Khái Hưng. Một bài mang tựa đề “Ông Chủ Tịch” có ý chế giễu ông nọ vừa được phe chính quyền VM đưa lên đứng đầu Ủy Ban Nhân Dân địa phương ở Hà nội. Một kẻ vô học, bất tài không biết cả ký tên trên các văn thư phổ biến, được Lâm Thời Thi Sĩ đưa ra mổ xẻ trước dư luận:

Ông Chủ Tịch

Có ông chủ tịch gân miến,

Nghĩ ra một lối ký tên lạ lùng.

Không dùng bút sắt, bút lông

Cũng không bút mực, cũng không bút chì

Vậy quan dùng thử bút gì?

Quan chẳng dùng tới bút chì mới tài

*Dưới giòng chúc tước thật dài
Quan in đỏ ngón tay ngài thế thôi
Có người thắc mắc thử coi
Người tên quan thoáng thấy mùi thịt trâu.
Thì ra rằng có gì đâu,
Quan đi bán phở đã lâu đời rồi.
Nay ra làm chủ tịch chơi...*

Cùng một thể thơ lục bát, từ bản dịch “Sonnet d’Arvers” đến bài trào phúng nhạo “Ông Chủ Tịch”, người đọc đã nhận thấy lối dùng chữ, cách hành văn dí dỏm của Khải Hưng cũng chỉ là một mà thôi. Nhà phê bình văn học tiền chiến Vũ Ngọc Phan trong tập “Nhà Văn Hiện Đại”, nhà xuất bản Tân Dân in năm 1942 đã viết về

hơn 70 nhà văn trải ra từ cuối thế kỷ 19 đến những năm 40 của thế kỷ này. Ông nhận định đây là giai đoạn trọng yếu đánh dấu sự chuyển mình của văn học dân tộc từ truyền thống đi sang hiện đại. Về Khái Hưng, ông viết: “Hiện nay, nhà văn mà được nam nữ thanh niên yêu chuộng, được họ coi là người hiểu biết tâm hồn họ hơn cả, có lẽ chỉ có KHÁI HUNG. Độc giả của ông không phải chị thợ nhà máy diêm hay anh tài vắn ô tô như một vài nhà tiểu thuyết chủ trương những thuyết cạn hẹp và thông thường. Độc giả của ông thuộc hẳn hạng thanh niên trí thức, mà trong số ấy phần đông là bạn gái. Khái Hưng là văn sĩ của thanh niên VN cũng như Alfred De Musset là thi sĩ của thanh niên Pháp thuở xưa”.

Ngay cả những phê bình gia văn học Mác Xít vốn rất chủ quan trong lập

trường của họ, khi phân tích về giai đoạn văn học từ 1933 đến 1945 cũng đã phải công nhận: “Trong Tự Lực Văn Đoàn, KHÁI HUNG là nhà văn viết nhiều hơn cả. Viết nhiều và viết đều. Ông đã được số đông thanh niên nam nữ, nhất là nữ tư sản, tiểu tư sản thành thị ưa đọc. Họ đã say sưa với “Hồn Bướm Mơ Tiên”, họ đem “Nửa Chừng Xuân” chuyển thành kịch nói, diễn đi diễn lại nhiều lần. Năm 1935, nhà sách Hương Giang (Huế) có trưng cầu ý kiến bạn đọc về thứ bậc nên dành cho các nhà văn thời đại. KHÁI HUNG được xếp thứ 2. Thời kỳ Mặt Trận Dân Chủ (C.S), dù có những phong trào chính trị lôi cuốn, nhiều thanh niên vẫn tìm đến tiểu thuyết của Khải Hưng, cũng như sau này ở các đô thị miền Bắc, miền Nam xa nơi khói lửa chiến tranh, tác phẩm của ông vẫn là món ăn tinh thần được ưa chuộng. Điều này có nghĩa là

KHÁI HƯNG đã thỏa mãn được những yêu cầu cơ bản của lớp thanh niên thành thị.

Nếu như người ta thường nói đến 3 nhà văn Pháp Jean Jacques Rousseau, Voltaire và Montesquieu đã gieo mầm tư tưởng tự do dân chủ trong nhân dân để dẫn đến cuộc cách mạng 1789, thì ở VN, nhóm Tự Lực Văn Đoàn trong đó có Khái Hưng đã đi tiên phong mở đường cho cuộc cách mạng văn học cũng như cho cuộc cách mạng 1945. Khái Hưng đã tự chọn lựa con đường sử dụng văn tài của mình để bênh vực cho các tầng lớp nghèo khổ mà đa số là nông dân ít học, để rồi cuối cùng trở thành nạn nhân của chính họ. Xuất thân từ một gia đình quyền quý, thân phụ là Tuần Phủ đứng đầu một tỉnh trong ngạch quan lại Bắc Kỳ, Khái Hưng đã quyết định từ bỏ mọi

danh vọng cao sang để đi vào con đường văn nghiệp phục vụ đại chúng. Cuộc đời viết văn của ông chỉ vắn vẹn có trên 10 năm (1933 - 1943) với những tiểu thuyết, truyện ngắn và kịch đã xuất bản hoặc được đăng trên báo Ngày Nay của Tự Lực Văn Đoàn.

Người đương thời nói về tài viết của ông đã gọi ông là “Một nhà thơ viết văn xuôi”. Tính đến năm nay KHÁI HÙNG đã qua đời vừa đúng 50 năm (1947 - 1997), nhưng tác phẩm của ông thực sự đã đi vào lịch sử văn học VN. ở thời kỳ chuyển mình đánh dấu một khúc rẽ quan trọng nhất.

Miền Nam California

Cuối Thu Đinh Sửu, 1997

NGUYỄN HIỀN

Từ Vụ Tấn Công Báo Việt Nam 1946

NHỚ VỀ NHÀ VĂN KHÁI HÙNG

**Chàng Lăn Thẩn Và
Người Ngọc Nói Hoa Cười**

Huy Quang VŨ ĐỨC VINH



Thời có những liên hệ với Việt Nam Quốc Dân Đảng tại Hà Nội từ tuổi thiếu niên 14, 15 trong những năm 1945, 1946. Đó là thời kỳ phong trào chống Pháp dành độc lập lên rất cao. Đó cũng là thời kỳ mà đấu tranh chính trị diễn ra rất quyết liệt, giữa một bên là các đảng phái quốc gia như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt, và bên kia là những người cộng sản mang danh nghĩa Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội hay Việt Minh. Có lần một chính phủ liên hiệp đã được thành lập với sự tham gia của hai phía đối nghịch nhưng rồi tan rã mau chóng.

Việt Minh nắm ưu thế, có chính quyền, lực lượng công an và một guồng máy tuyên truyền rộng lớn nhưng không trấn ngự được những cuộc phản công

sắc bén hữu hiệu của các đảng phái quốc gia trong cuộc tranh thủ nhân tâm và dư luận. Cuối cùng họ đã áp dụng nhiều biện pháp đàn áp bằng vũ lực, kể cả việc tấn công tòa báo Việt Nam, phá hủy các dụng cụ ấn loát, bắt giữ những người chủ trương để dập tắt tiếng nói đối lập. Vụ tấn công hủy diệt tòa báo Việt Nam là một biến cố quan trọng nhưng liền đó đã không được tường thuật đầy đủ và trung thực vì ngoài tờ báo đã bị triệt hạ này, các báo khác xuất bản tại Hà Nội nếu không là công cụ tuyên truyền của chính quyền Việt Minh thì cũng bị áp đảo ngăn cấm không được viết. Vài năm sau, khi đã có một chính quyền quốc gia tại Hà Nội nhiều sách báo mới viết lại. Nhưng hầu hết những bài viết về vụ này đều trình bày dưới lăng kính chính trị, chưa có một tình tiết nào liên quan đến việc đột nhập phá hủy và bắt giữ người làm

báo được tường thuật lại. Chưa có bài báo nào ghi lại trường hợp ông bà Khái Hưng cùng nhân viên tòa báo bị bắt giữ ra sao, và tại sao nhà văn Phan Khôi lại có mặt trong tòa báo lúc đó?

Rất tình cờ tôi đã có mặt tại báo quán Việt Nam chiều hôm đó để rồi cũng bị đưa về giam tại sở công an đường Trần Hưng Đạo 2 ngày. Mặc dầu còn niên thiếu, tôi cũng đã trở thành một nhân chứng tại chỗ và thu nhận được một số hình ảnh với những tình tiết khá rõ ràng về sự việc và về một người mà tôi rất ngưỡng mộ. Đó là nhà văn Khái Hưng. Tác phẩm của nhà văn Khái Hưng đã được rất nhiều người qua nhiều thế hệ từ 7 thập kỷ qua ưa chuộng. Nhưng có lẽ thân thế và những đặc điểm về con người ông còn ít được biết tới. Tôi tin rằng những người nghiên cứu về văn học sử sau này sẽ còn

tìm kiếm để biết nhiều hơn về nhà văn nhà báo lớn này của Việt Nam ở thế kỷ thứ hai mươi. Với tâm niệm đó, tôi ghi lại đây một vài hình ảnh độc đáo của ông mà tôi đã thu in vào tâm trí từ nửa thế kỷ trước. Hy vọng đây là một đóng góp cho những công trình sưu tầm thân thể tác giả trong văn học Việt Nam, và cũng là dịp để nói lên niềm tưởng nhớ trân trọng về một nhà văn tiền bối đã để lại rất nhiều tác phẩm giá trị trong kho tàng văn chương nước nhà.

Từ Quốc Dân Đảng Đến Báo Việt Nam.

Sau khi Việt Minh cướp chính quyền tại Việt Nam vào tháng Tám năm 1945 thì họ đoàn ngũ hóa dân chúng mọi tầng lớp khắp nơi trên toàn quốc. Đoàn thể nào cũng được kêu là “cứu quốc”, như Thanh Niên Cứu Quốc, Phụ Nữ Cứu

Quốc, Phụ Lão Cứu Quốc, Hướng Đạo Cứu Quốc, Nhi Đồng Cứu Quốc...v.v... Ở tuổi 14, tôi cũng được kêu gọi tham gia Thiếu Nhi Cứu Quốc trong khu phố, nhưng bố tôi viện cớ tôi đã ở trong Hướng Đạo để tránh sinh hoạt thiếu nhi mà bố tôi cho rằng mất nhiều thời giờ học. Nhưng rồi hoạt động Hướng Đạo cũng gia tăng. Không còn chỉ họp hay đi cắm trại mỗi tuần, mỗi tháng một lần, mà chúng tôi thường phải họp nhiều hơn, được giao phó nhiều công tác hơn kể cả những công tác giữ trật tự hoặc làm hàng rào danh dự trong các cuộc biểu tình, buổi lễ. Tôi thuộc đoàn Tây Hồ, đội Cò. Có lần đội chúng tôi được cử tới Đại Học Xá trên đường Bạch Mai làm hàng rào danh dự trong dịp “cụ Hồ” (lối xưng hô mà Việt Minh dành cho Hồ Chí Minh khi đó) đến thăm sinh viên tại đây.

Khi một ông cậu họ tôi được biết chuyện Hướng Đạo Cứu Quốc phải đi đón Hồ Chí Minh như vậy ông tức lắm. Ông là cán bộ lâu năm của Việt Nam Quốc Dân Đảng, đã từng bị sở liêm phóng Pháp truy nã trong thời Pháp thuộc. Tuy thuộc hàng cán bộ trung cấp nhưng ông rất trung kiên. Ông nói Hướng Đạo không có dính dáng chính trị! Ông bảo tôi:

– Mày thôi cái Hướng Đạo Cứu Quốc đi, không có “kíu cuốc, kíu xẻng” gì hết. Để rồi cậu tính cho mày cách khác.

Thế là tôi ngưng sinh hoạt Hướng Đạo. Ít lâu sau cậu tôi bàn với bố tôi rồi gửi tôi tới sinh hoạt hàng tuần tại Quốc Gia Thanh Niên Đoàn của Việt Nam Quốc Dân Đảng mà trụ sở nằm tại khu Châu Long, Phó Đức Chính, gần Ngũ Xã thuộc khu vực phía bắc Hà Nội. Bố tôi

không hoạt động chính trị nhưng ông là người ủng hộ Quốc Dân Đảng nhiệt tình. Theo ông, chẳng có đảng phái nào ở Việt Nam hồi đó sáng giá hơn Quốc Dân Đảng vì chỉ Quốc Dân Đảng mới có những lãnh tụ thực sự hiến thân cho đất nước. Ông cảm phục vô cùng cái chết hào hùng của lãnh tụ Nguyễn Thái Học và các đồng chí lãnh đạo đảng. Với cảm tình đó, ông tán đồng ý kiến của cậu tôi ngay.

Như tên gọi, Quốc Gia Thanh Niên Đoàn là một tổ chức dành cho những người lớn tuổi hơn tôi. Vì vậy tôi phải chờ mấy tuần sau mới có được mấy người bạn đồng tuổi để sinh hoạt. Hẳn rằng việc thu nhận các đoàn viên thiếu niên mới được đặt ra và nhóm chúng tôi là nhóm đầu tiên. Không hiểu ông cậu họ tôi có dự phần vào cái sáng kiến tổ

chức nhóm thiếu niên này không. Tổng Đoàn Trưởng là anh Nguyễn Ngọc Phan, tuổi ngoài ba mươi, vóc người nhỏ, nước da trắng, gương mặt tươi tắn, đeo kính cận trông rõ ra người nho nhã trí thức. Nhưng với cái đầu húi cua tóc ngắn và cặp mắt đen sáng sau cặp kính cận anh có uy lực của một lãnh tụ. Tôi không rõ vai trò của anh trong đảng, nhưng được biết anh thường gặp gỡ hội họp với các lãnh tụ Quốc Dân Đảng hàng tuần ở bên tòa báo Việt Nam. Tôi cũng không rõ anh đã sinh sống ở Hà Nội bao lâu nhưng được biết anh từ miệt Huế ra và đã có nhiều thành tích cách mạng chống Pháp. Anh dành cho nhóm chúng tôi một cảm tình đặc biệt và cho thảo hoạch chương trình để huấn luyện chúng tôi.

Chúng tôi thường được các anh thanh niên cán bộ Quốc Gia Thanh

Niên Đoàn hướng dẫn về các sinh hoạt của đoàn thể và kỹ thuật thi hành công tác. Nhưng người dẫn dắt chúng tôi về lý thuyết lại là một bậc lão thành tuổi ngoài 60 mà anh Phan giới thiệu là cụ Hệ. Mỗi tuần chúng tôi tới gặp cụ một lần tại tòa báo Việt Nam, thường vào sau giờ tan trường về. Cụ làm việc tại đó. Tòa báo Việt Nam là một tòa nhà hai tầng với một bề ngang khá dài, nằm trên góc đường Quan Thánh và Hàng Bún. Tòa nhà này có hai cổng ra vào: cổng nhỏ ở mặt trước nhìn ra đường Quan Thánh và cổng lớn ở phía Hàng Bún. Tầng dưới của căn nhà được dùng làm nhà chữ, nhà máy gồm có máy cắt giấy và máy in. Tầng trên có 3 phòng lớn. Phòng giữa là tòa soạn. Phòng bên phải nhìn xuống đường Hàng Bún là phòng họp và cũng là nơi được dùng làm chỗ học cho chúng tôi. Phòng phía trong cùng là chỗ ở của ông bà Khải Hưng và

cũng là nơi đặt bàn viết của ông Khái Hưng. Ba phòng nối liền với nhau bằng một hành lang dài trông xuống dãy nhà phụ thuộc phía sau gồm có căn bếp, nhà kho và nơi cư ngụ của mấy người phụ giúp việc trong nhà. Tại đây, nhóm thiếu niên chúng tôi được cụ Hệ nói cho nghe về chủ thuyết cách mạng mà Việt Nam Quốc Dân Đảng theo đuổi để giải thoát ách thực dân, canh tân xã hội và xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tiến bộ, phú cường, về lịch sử cách mạng do VNQDD lãnh đạo và thành tích chống Pháp của các lãnh tụ như Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Xứ Nhu, Cô Giang, Cô Bắc...v.v... và cả về Tam Dân Chủ Nghĩa của Tôn Dật Tiên. Toàn là những điều mới lạ và thích thú đối với tôi, một thiếu niên mới lớn trong khung cảnh sôi sục không khí cách mạng, chính trị tại thủ đô một quốc gia đang vùng vẫy

tiến đến tự chủ. Trước đó, tại trường học dưới thời Pháp thuộc, chưa bao giờ tôi được nghe nói tới những đề tài như vậy. Cụ Hệ là một người tầm thước, gầy yếu, nét mặt khắc khổ và ánh mắt sau cặp kính lão lúc nào cũng trang nghiêm. Cụ nói năng chậm rãi nhưng có sức thu hút, phần vì những điều cụ nói quá mới đối với tuổi thiếu niên chúng tôi lúc đó, phần cụ là người hiểu biết rộng và tin tưởng ở những điều cụ nói. Tôi không được biết nhiều về cụ Hệ nhưng tôi thấy cụ được mọi người bên tòa soạn đối xử thật cung kính. Tôi cũng đoán chắc cụ phải giữ một trách vụ nào đó trong tòa soạn, nhưng cụ thường ngồi viết ở ngay trong phòng dạy chúng tôi học. Trong những tuần đầu tôi say mê lắng nghe những điều cụ giảng dạy. Tôi rất thích lớp học của cụ. Đặc biệt tại lớp học này thỉnh thoảng chúng tôi còn được trông thấy tận mắt các lãnh

tụ Quốc Dân Đảng bằng xương bằng thịt như các ông Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Văn Chấn, Xuân Tùng, Phan Kích Nam...v.v... Ông Tam và ông Chấn là Bộ Trưởng Ngoại Giao và Thứ Trưởng Kinh Tế trong chính phủ Liên Hiệp lúc đó. Ông Xuân Tùng và Phan Kích Nam là dân biểu đại diện phía Quốc Gia trong Quốc Hội. Riêng ông Phan Kích Nam là một thanh niên trí thức, một lãnh tụ, gần 40 tuổi, diện mạo tuấn tú, mặt vuông, đeo kính trắng, vóc người cao lớn vững chãi, thường mặc quần áo bằng vải kaki, trông ra dáng một cấp chỉ huy quân sự. Ông là người miền Trung và là người được cụ Phan Sào Nam nhận làm con nuôi... Tôi còn nghe nói ông Phan Kích Nam là một diễn giả hùng biện có tài đối chất cừ khôi trước diễn đàn quốc hội, gây không ít khó khăn cho phía Việt Minh...

Tất cả những nhân vật đó gọi trong tâm trí non nớt của tôi hồi ấy rất nhiều điều hiếu kỳ và mơ ước... Nhưng điều thích thú, sung sướng nhất của tôi khi theo học lớp học của cụ Hệ tại ngôi nhà 80 đường Quan Thánh là được gặp một người mà tôi vẫn hằng khâm phục ngưỡng mộ qua văn chương của ông. Đó là nhà văn Khái Hưng, tác giả Hồn Bướm Mơ Tiên, Gánh Hàng Hoa, Nửa Chừng Xuân... Tôi mới được đọc những cuốn truyện này vài năm trước, trong tuổi đầu đời 13, 14. Trình độ lãnh hội của tôi lúc đó còn hạn hẹp nhưng tôi đã đọc một cách say mê và tin rằng thế gian này chẳng thể còn truyện nào hay hơn. Từ đó, nhà văn Khái Hưng đối với tôi đã trở thành một thần tượng.

Ngay trong ngày đầu tới tòa báo Việt Nam để theo học cụ Hệ, tôi đã háo hức

mong sớm được gặp hoặc được nhìn thấy nhà văn mà tôi hằng ngưỡng mộ. Nhưng phải vài tuần sau đó tôi mới có cái may mắn hằng ao ước. Một buổi học xong tôi và mấy đứa bạn vừa bước ra khỏi phòng học thì một người từ phòng phía cuối hành lang bước ra, một tay cầm giấy, một tay cầm bút, dáng dấp tất cả nhưng nét mặt lộ rõ vẻ vui tươi đặc ý. Người này không ngó tới lũ thiếu niên chúng tôi mà rẽ ngay vào phòng dành cho tòa soạn. Ông lưu ý mọi người nghe ông đọc, và rồi ông nâng cao tấm giấy đọc lớn những đoạn mà tôi chắc ông vừa mới viết xong. Mấy người trong tòa soạn ngưng viết ngồi im lặng nghe chăm chú, rồi cuối cùng tất cả bật tiếng cười rộ. Ngay lúc đó tôi không lãnh hội được đủ ý qua những lời ông đọc, nhưng rõ ràng lời văn đầy ý châm biếm, dí dỏm, hài hước và sâu sắc, vì trong khi đọc ông

đã lôi cuốn được những cái gật gù tâm đắc của mấy người cộng sự qua từng câu văn, và khi kết thúc đã được sự hưởng ứng bằng một chuỗi cười đồng loạt. Rồi mọi người góp một ý, vui vẻ và khá ồn ào. Qua câu chuyện của họ, tôi được biết người đọc đoạn văn vừa rồi chính là ông Khải Hưng. Nét mặt linh hoạt và tiếng cười khanh khách hào sảng của ông lần đó in sâu trong tâm trí tôi. Sau đó, ông Khải Hưng cầm bài viết xuống nhà chữ... Ông người tầm thước, hơi gầy, mặc chiếc áo sơ mi ngắn tay bỏ ngoài quần và đi dép. Tôi đoán ông ở tuổi gần 50, da mặt đã có những nếp nhăn, đeo kính trắng, sống mũi cao, trán khá rộng, tóc cắt cao chải gọn gàng không rõ đường ngôi. Ông là một người rất linh hoạt từ nét mặt, cử chỉ, dáng dấp đến tiếng nói, tiếng cười.

Sáng hôm sau đọc báo Việt Nam tôi thấy trong mục Chuyện Lẩn Thần bài báo mà ông Khái Hưng đã đọc tại tòa soạn hôm trước và ký dưới bút hiệu Chàng Lẩn Thần. Sự kiện này xác nhận điều tôi đã được nghe các bậc cha chú nói từ trước: “Chàng Lẩn Thần là Khái Hưng. Hai ông này là một!”

Dù nhỏ tuổi, tôi đã đọc Chàng Lẩn Thần ngay sau khi báo Việt Nam ra đời vào thời gian cuối 1945 vì bố tôi ngày nào cũng mua báo này, rất thích cột báo do Chàng Lẩn Thần phụ trách và thường hay luận bàn về những điều được viết trong cột báo này. Tôi cũng thấy mấy nhà hàng xóm hay mượn báo của bố tôi để theo dõi bài viết của Chàng Lẩn Thần rồi luận đàm một cách thích thú. Tôi còn có một ông anh họ thuộc hàng ngũ thanh niên tiền phong (một tổ chức do

chính phủ Việt Minh thành lập tại khắp khu phố) cũng say mê mục này. Các đề tài trong mục này thường nhằm đả kích những sai lầm, những cải cách rởm đời của chính phủ trên nhiều lãnh vực khác nhau, từ chính trị đến văn hóa, xã hội kinh tế. Đồng thời mục này cũng đưa ra những ý kiến cải cách, xây dựng trên căn bản quốc gia dân tộc. Tác giả có một kiến thức rộng rãi, đặt vấn đề phù hợp với nhu cầu thời sự và thích ứng với những suy tư của đại chúng, lại viết với lối văn châm biếm, hài hước khiến người đọc theo dõi một cách thích thú và có một ấn tượng rõ ràng về những sự kiện được nêu ra. Các bài viết của Chàng Lăn Thần có một ảnh hưởng sâu rộng trong quảng đại quần chúng. Phải chăng chính vì tầm ảnh hưởng này mà chính phủ Việt Minh đã quyết định đàn áp và đóng cửa báo Việt Nam!

Tôi theo lớp học của cụ Hệ đã được vài ba tháng. Tôi đến lớp đều đặn nhưng thật sự không còn thích thú các môn giảng dạy của cụ Hệ như trong mấy tuần lễ đầu. Ngồi trong lớp học mà tâm trí tôi thường bông lông theo dõi những sinh hoạt của tờ báo ở phòng kế bên, ở tầng dưới cũng như ngoài hành lang. Mỗi khi cái hình dáng gầy guộc nhưng nhanh nhẹn của ông Khái Hưng xuất hiện, đi lên đi xuống cầu thang, tôi lại ngó theo với tất cả cảm tình ngưỡng mộ. Tôi nghĩ ngay đến một chuyện nào đó trong tiểu thuyết của ông mà tôi đã đọc, hoặc một bài viết của ông vừa xuất hiện trên báo Việt Nam số xuất bản ngày hôm trước. Tôi cảm thấy mê thích báo chí, văn chương hơn những điều tôi đang được huấn luyện trong lớp của cụ Hệ. Thêm nữa, lớp học này lại vừa có thêm một học viên mới. Cậu này được xếp chỗ ngồi

ngay sát bên tôi. Cao lớn hơn tôi nhưng cậu này bằng tuổi tôi và có một cái tên rất dễ nhớ: Trần Đại Việt... Việt sau này trở thành nhà văn, nhà thơ Thanh Nam. Ở tuổi 15 lúc đó Việt đã thuộc nhiều thơ, đọc nhiều tiểu thuyết kể cả các bộ truyện Tàu dịch ra tiếng Việt như Tam Quốc, Đông Chu Liệt Quốc, Thủy Hử... v.v... Việt đọc truyện nhiều hơn tôi. Chúng tôi thân nhau ngay sau buổi học đầu. Việt ở nhà bà cô trên đường Hàng Rươi, cách báo quán Việt Nam khoảng 10 phút đi bộ. Tôi cũng được biết Việt được gửi tới lớp cụ Hệ qua sự giới thiệu của ông chú của Việt. Ông này là một cảm tình viên của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Nhưng ngay từ đầu Việt tỏ ra chẳng quan tâm gì đến các đề tài được giảng dạy trong lớp. Hết giờ học là nói chuyện văn thơ. Tôi bị ảnh hưởng của cậu bạn mới này rất nhiều. Về sau, khi học xong thường Việt

và tôi rủ nhau nấn ná lại và lân la tìm cách làm quen với mọi người mọi việc trong tòa báo, từ tòa soạn đến nhà chữ, nhà in. Chúng tôi được biết tòa soạn nhận bài của độc giả gửi đến và hẹn nhau viết bài cho mục Thiếu Nhi. Chúng tôi cũng tò mò tìm hiểu kỹ thuật ấn loát, từ xếp chữ đến vỗ bản in, sửa bài, lên máy in..v.v... Tất cả đều mới lạ với chúng tôi.

Chính vì hay nấn ná ở lại tòa báo sau buổi học mà Việt và tôi đã trở thành nhân chứng trong vụ công an của chính phủ Việt Minh đột nhập, lục xét, bắt giữ nhân viên tòa báo Việt Nam, trong đó có cả ông bà Khái Hưng. Đây là một vụ đàn áp quyền ngôn luận đã gây chấn động dư luận hồi đó và là một chứng tích lịch sử cho thấy chính phủ Việt Minh chủ trương tiến đến quyền độc tôn ngay sau khi cướp chính quyền vào tháng 8, 1945.

Tòa Báo Việt Nam Bị Tấn Công.

Chiều hôm đó, sau lớp học thường lệ của cụ Hệ, Việt và tôi rủ nhau xuống nhà chữ xem mọi người làm việc. Chúng tôi thích thú theo dõi mấy người thợ xếp chữ lành nghề thoăn thoắt nhặt từng chữ đúc chì trong hộp chữ đưa lên chiếc khuôn gỗ hình chữ nhật cầm trên tay. Họ thoăn thoắt đến độ tưởng như bàn tay của họ là một con thoi vun vút qua lại giữa hộp chữ và khuôn chữ chẳng lúc nào ngừng. Chúng tôi cũng chăm chú xem cách sửa bài của ông cò chữ, và cách đóng khuôn các trang báo trước khi đưa lên máy in. Mọi việc đều thu hút trí tò mò của chúng tôi.

Khi chúng tôi tính ra về thì trời đã xẩm tối. Ngay lúc đó chợt có nhiều tiếng

chân người dầm dấp từ phía cổng lớn bên đường Hàng Bún chạy vào, rồi cả từ phía cổng nhỏ đường Quan Thánh nữa. Tiếp theo là tiếng chân chạy lên phía cầu thang, và liền đó thì tôi thấy các công an xung phong tiến vào nhà chữ, người nào cũng cầm súng trên tay chìa về phía trước. Có tiếng ra lệnh cho mọi người trong nhà chữ đứng yên tại chỗ và giơ tay lên khỏi đầu. Việt và tôi đứng gần bên nhau. Chúng tôi làm theo lệnh đó như mọi người khác. Khoảng một tiểu đội công an xung phong xâm nhập nhà chữ. Họ bố trí đứng chặn ở cửa chính và các cửa sổ. Các nhân viên làm việc trong nhà chữ lúc đó khoảng hơn mười người đều ngơ ngác chưa hiểu chuyện gì xảy ra. Một lúc sau thì toán công an khác áp giải những người của tòa báo từ trên gác xuống, trong số có mấy nhân viên tòa soạn và cả vợ chồng ông Khải Hưng.

Tất cả đều phải giơ tay cao và đi trước mũi súng của công an. Trong số những người từ trên gác đi xuống tôi còn thấy một người khách lạ, mặc âu phục trắng, đeo cà-vạt đen. Người này khoảng gần 60 tuổi, vóc dáng cao gầy vẻ mặt quắc thước và để râu dài chấm ngực. Vị khách lạ đi vào rồi dừng lại bên dàn hộp chữ cao ở phía bên trái, còn ông bà Khái Hưng đứng sang phía bên phải gần chỗ đặt bàn dao cắt giấy. Tổng số người của tòa báo bị dồn vào nhà chữ lên khoảng gần 20 người. Tất cả đều im lặng. Cuối cùng một viên chỉ huy toán công an bước vào lớn tiếng cho biết hãn được lệnh khám xét tòa báo và giải mọi người trong tòa báo về ty công an để thẩm vấn. Hãn yêu cầu mọi người đứng tại chỗ cho đến lúc làm xong biên bản rồi sẽ ra xe. Mọi người tiếp tục giơ tay lên khỏi đầu. Trong khi đó toán công an thực hiện

việc lục soát ở trên gác và ở các phòng trong dãy nhà ngang. Tại nhà chữ bộn họ cũng kéo từng hộp chữ ra coi rồi lại đẩy mạnh vào khiến nhiều hộp chữ bị vung vãi tung tóe. Chợt vị khách lạ lên tiếng nói với nhóm công an là cụ giờ tay đã lâu thấy mỏi và muốn biết cụ có thể bỏ tay xuống được không? Không ai trả lời, nhưng một nhân viên công an đứng gần cụ bỏ ra ngoài, rồi mấy phút sau viên chỉ huy toán công an bước vào. Hắn là một thanh niên ở tuổi trạc 30, thân hình rắn chắc khỏe mạnh, nét mặt sáng sủa thuộc thành phần có học. Hắn nói với vị khách lạ:

– Thưa thầy Phan Khôi. Con là học trò của thầy. Xin thầy bỏ tay xuống. Nhưng sao thầy lại ở trong tòa báo này.

Tôi ngạc nhiên một cách thích thú khi biết vị khách lạ là cụ Phan Khôi, tác

giả bài thơ «Tình Già» mà tôi mới được đọc cách đó ít lâu. Cụ Phan Khôi từ từ buông tay xuống rồi đáp:

– Tôi mới ở Trung Bộ ra Hà Nội và hôm nay đến thăm ông Khái Hưng, bạn của tôi. Chẳng may tôi bị đau bụng diarrhée, nên ông bạn tôi mời ở lại. Ở đây có nhà xí tốt.

Câu đáp khiến người nghe có thể cười, nhưng lúc đó trước mũi súng chẳng ai cười, ngoại trừ ông Khái Hưng. Ông mỉm cười nhẹ nhàng, gật đầu xác nhận lời nói của cụ Phan Khôi, rồi yêu cầu viên chỉ huy công an cho mọi người bỏ tay xuống với lý do không ai có vũ khí. Nhưng viên chỉ huy này chỉ đồng ý để thêm bà Khái Hưng được buông tay mà thôi. Ông Khái Hưng nhìn sang bà vợ ra hiệu chấp nhận điều đó và bà Khái Hưng bỏ tay xuống. Bà giữ một nét mặt bình

thẩn, đứng đặc nhìn thẳng phía trước. Bà vẫn tóc trần và mặc chiếc áo dài màu mỡ gà như thường ngày tôi vẫn gặp. Hình như chỗ ở luôn luôn có nhiều người qua lại nên lúc nào bà cũng mặc áo dài. Bà vóc người mảnh mai, vẻ thanh tú khuê các, chắc cũng xấp xỉ tuổi 50 nhưng khuôn mặt còn phảng phất những nét đài trang của một thời xuân sắc. Mọi người vẫn tại chỗ, phần đông không dấu được vẻ lo lắng nhưng thấy đều giữ yên lặng. Riêng ông Khải Hưng ngay từ lúc bị hộ tống từ trên gác xuống nhà chữ vẫn giữ vẻ bình tĩnh. Ông không lộ vẻ lo lắng, tay vẫn giơ cao khỏi đầu, thỉnh thoảng đảo mắt nhìn từng người thuộc tòa báo ra chiều sẵn sóc. Trong khi đó viên chỉ huy công an đã ra khỏi nhà chữ, chắc để đôn đốc việc lục soát. Về phần tôi, tính hiếu kỳ khiến tôi vẫn chăm chú quan sát cụ Phan Khôi và ông bà Khải Hưng. Ông

cũng nhìn Việt và tôi với một khóe nhìn thân thiết hơn ngày thường. Khi đó còn ít tuổi tôi chưa ý thức được đầy đủ tầm quan trọng của sự việc đang xảy ra nên tôi có phần ít lo ngại hơn những người lớn tuổi. Cậu bạn cùng tuổi với tôi cũng mang tâm trạng hồn nhiên như thế. Khi được biết vị khách là Phan Khôi, Việt đã ghé tai tôi nói nhỏ: «Cụ Khôi viết *Tình Già*». Tôi hồi đó mới đọc thêm cuốn *Anh Phải Sống* của Khải Hưng trong đó có bài thơ *Tình Tuyệt Vọng* ông dịch từ bài thơ tiếng Pháp của thi sĩ Arvers (*Sonnet d'Arvers*). Ra điều mình cũng sành thơ, tôi chỉ qua ông Khải Hưng nói với Việt: «*Tình Tuyệt Vọng!*» Hai chúng tôi thích chí huých khuỷu tay vào nhau cười với ý nghĩ tự cho là may mắn hiếm có vì đã được gặp và đứng gần hai tác giả lớn của hai bài thơ danh tiếng. Ở tuổi 15 khi đó cả hai chúng tôi đều chưa có mối tình

nào cả, nhưng vì yêu thích thơ văn lãng mạn nên chúng tôi đã thuộc lòng nhiều thơ tình kể cả hai bài thơ nói lên mối tình của những người thuộc tuổi cha chú mình... để rồi tưởng như đó là mối tình của chính mình. Sau này khi đã lớn tuổi mỗi lần có dịp nhắc lại cái thời con nít tuổi 15 đọc thơ Tình Già 24 năm xưa, Việt và tôi lại thấy nực cười. Chúng tôi thuộc vào thế hệ kế tiếp của thời kỳ văn chương lãng mạn nhưng hẳn vẫn còn bị ảnh hưởng đậm đà của thời kỳ này...

Một lúc sau thì viên chỉ huy công an trở lại cùng với một nhân viên dân sự cầm giấy bút trên tay. Viên này cầm xấp giấy từ tay viên kia đưa cho một người thuộc ban quản lý báo Việt Nam đọc và ký. Đó là biên bản của cuộc lục soát và bắt giữ. Rồi ông Khái Hưng cũng được yêu cầu đọc và ký biên bản này, nhưng

ông không ký với lý do một chữ ký của ban quản lý là đủ rồi. Ông nói nhẹ nhàng nhưng cương quyết. Cuối cùng viên chỉ huy đành chịu và ra lệnh cho mọi người trong nhà chữ di

chuyển ra xe. Hắn đi trước, rồi tới cụ Phan Khôi, ông bà Khái Hưng và lần lượt những người khác trong số có cả Việt và tôi.

Tất cả nhân viên tòa báo Việt Nam bị bắt giữ ngày hôm đó được đưa lên hai chiếc xe loại vận tải kín bùng chờ sẵn ở phía cổng sau tòa báo. Xe có hai hàng ghế dài hai bên, và chỉ có một cửa lên xuống ở phía sau. Sau khi dồn mọi người lên hết, hai tên công an cầm súng đứng chặn ngay ở bậc lên xuống. Việt và tôi được đưa lên chiếc xe đầu trong đó có cụ Phan Khôi và ông bà Khái Hưng cùng mấy vị thuộc tòa soạn. Xe chạy từ tòa báo về ty

công an trên đường Trần Hưng Đạo (tức phố Gam- betta cũ). Tại đây xe chạy qua hai chiếc cổng sắt lớn vào khu nhà giam rộng lớn phía sau. Một số nhân viên công an đã chờ sẵn và đưa giải chúng tôi từng người vào nhà giam. Riêng bà Khái Hưng được tách ra đưa về một khu khác mà sau tôi được biết là khu dành cho phụ nữ. Tôi nhìn theo cụ Phan Khôi và ông Khái Hưng, thấy hai người được đưa vào hai phòng giam khác nhau. Riêng Việt và tôi vào chung một phòng giam, dài hơn hai thước và rộng khoảng một thước, nền xi măng, cửa sắt có một khung lưới vuông chui không lọt đầu. Đêm hôm đó Việt và tôi ngồi dựa lưng vào tường mà ngủ. Tuổi 15 chúng tôi ngủ dễ dàng. Sáng hôm sau chúng tôi được đưa ra nhà tiêu công cộng để làm công việc bài tiết. Tối trưa được mỗi đứa một vốc cơm khoảng trên một bát cùng với mấy cọng rau muống.

Rồi xế trưa thì được đưa lên văn phòng thuộc tòa nhà lớn nhìn ra đường Trần Hưng Đạo để trả lời cuộc thẩm vấn. Có hai người thẩm vấn chúng tôi. Họ là hai thanh niên khoảng 25, 27 tuổi. Đặc biệt một trong hai người này rất quen thuộc với giới nghiện bóng đá trong số có tôi. Anh ta người cao kều. Tôi nhận ra anh ngay khi vừa bước vào văn phòng. Đó là cầu thủ đá bóng Trần Văn Ứng²⁷ mà tôi vẫn thường thấy trong các trận đấu bóng trên sân Mangin, Eclair và Septo. Anh là cầu thủ danh tiếng còn tôi là cậu bé mộ điệu. Hẳn anh cũng nhận ra tôi, thằng bé quen mặt tại các sân bóng nói trên. Các câu hỏi dành cho Việt và tôi thật giản dị và chúng tôi trả lời khá trôi chảy. Cuộc thẩm vấn kéo dài khoảng hai

27 Sau này anh Trần Văn Ứng phục vụ trong ngành Cảnh Sát Quốc Gia và đá cho Hội Tuyển Cảnh Sát Quốc Gia. Tôi đã thấy lại anh trên sân cỏ trong nhiều trận đá bóng tròn tại Hà - nội sau năm 1947 và tại Sài Gòn sau năm 1954.

mười phút rồi chúng tôi được đưa trả lại phòng giam. Rõ ràng chúng tôi không phải nhân vật quan trọng. Họ hỏi cung qua loa mà thôi. Về phòng giam, chúng tôi nằm chờ thêm một ngày. Chính tại phòng giam đó, ngày hôm đó, lần đầu tôi được biết thêm mấy chữ: «Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại». Việt đã đọc cho tôi nghe câu đó. Bạn tôi thật đã đọc nhiều hơn tôi và sành chữ Hán lắm. Và hôm đó thật quả là một ngày dài như tôi chưa bao giờ thấy. Chúng tôi nói chuyện, và bao nhiêu thơ thuộc lòng mang đọc hết cho nhau nghe mà vẫn chưa hết ngày!

Khoảng 3, 4 giờ chiều hôm sau thì chúng tôi được ra khỏi phòng giam và đưa tới chòi canh gần phía cổng. Tại đó đã có một chiếc xe vận tải loại nhỏ chờ sẵn, và chúng tôi thấy ngồi phía trong có mấy vị quen thuộc trong tòa báo. Liên

sau đó, chúng tôi thấy họ áp giải ông bà Khải Hưng từ phía văn phòng đi tới. Ông Khải Hưng nói cho chúng tôi biết là xe sẽ chở tất cả chúng tôi trở lại tòa báo. Rồi ông bà Khải Hưng bước lên xe, vào ngồi phía trong cùng. Nhân viên áp giải ông bà chắc là một cán bộ đi lên phía trước ngồi bên cạnh tài xế và cho xe chạy. Hai nhân viên khác nhảy lên bậc xe đứng chặn phía sau. Tôi không thấy cụ Phan Khôi và những người làm trong nhà chữ. Một mỗi hiện rõ trên nét mặt ông bà Khải Hưng. Hai ông bà không nói lời nào nhưng cả hai đều đảo mắt nhìn mọi người trên xe như thăm hỏi.

Kỷ Vật.

Tới tòa báo xe đậu lại ở phía cổng bên đường Hàng Bún. Ông bà Khải Hưng xuống trước rồi chúng tôi lần lượt xuống theo. Viên trưởng toán công an từ phía

trước đi ngược lại gặp ông Khái Hưng nói mấy lời từ biệt rồi vẫy tay ra hiệu cho một người công an đứng gác phía trong cổng ra xe.

Chiếc xe rồ máy bỏ đi chở theo mấy nhân viên công an. Ông Khái Hưng đẩy cánh cổng mở rộng và tất cả chúng tôi đi thẳng vào nhà chữ. Một cảnh tượng đồ đạc bẽ bộn ngổn ngang phơi bày trước mắt chúng tôi. Các hộp chữ bị kéo đổ tung tóe. Giấy báo bị rở tung. Các ngăn kéo đều bị rút ra khỏi bàn. Nhiều chiếc ghế bị đập đổ hoặc xô nghiêng. Có những bộ phận của máy in bị tháo gỡ vứt xuống sàn nhà. Rõ ràng có sự dụng tâm làm cho máy móc và các hộp chữ không còn sử dụng được. Chúng tôi quan sát cảnh vật một lúc rồi đi lên gác. Tôi còn nhớ ông Khái Hưng đã đưa ra một lời phê bình ví

công an Việt Minh như thổ phỉ. Danh từ thổ phỉ được thông dụng trong thời gian đó để chỉ bọn xâm nhập gia cư cướp bóc.

Lên đến trên gác, chúng tôi chia làm ba nhóm. Bà Khái Hưng đi thẳng vào căn phòng phía cuối. Ông Khái Hưng cùng mấy vị thuộc tòa soạn đi vào căn giữa, không phải để quan sát cảnh hoang tàn bề bộn mà để hội họp. Còn Việt và tôi đi vào căn phòng phía ngoài. Căn phòng này ít đồ đạc nên ít bị lục lọi... Việt và tôi rủ nhau định ra về thì bà Khái Hưng từ phía cửa phòng cuối vẫy chúng tôi qua. Bà nói giọng nhỏ nhẹ, từ tốn và xưng hô với chúng tôi theo liên hệ tuổi tác, bác và cháu. Bà nhờ chúng tôi giúp tay để sắp xếp lại các ngăn kéo với giấy tờ bị lật tung và vứt vung vãi khắp phòng. Đặc biệt bà nhờ chúng tôi cố tìm một chiếc bút máy

màu đen. Chúng tôi tìm khá lâu mà không thấy nên có ý bỏ cuộc. Không phải chỉ có giấy tờ, mà còn nhiều cuốn sách, rồi quần áo, chăn gối và đủ mọi thứ đồ đạc lặt vặt khác ngổn ngang trong phòng. Bà Khái Hưng tiếp tục tìm kiếm và nói cho chúng tôi biết sở dĩ bà muốn tìm chiếc bút vì đó là tặng vật ngày cưới của ông bà. Khi biết điều này, không bảo nhau Việt và tôi lại cặm cụi tìm kiếm. Một lúc sau ông Khái Hưng từ phòng bên bước qua cũng tham gia cuộc tìm kiếm.

Nhưng liền đó Việt đã tìm thấy chiếc bút nằm nép sau một chồng sách. Việt vừa giơ chiếc bút lên là bà Khái Hưng nhận ngay ra... bảo vật. Mừng rỡ hiện rõ trên nét mặt, bà nhận chiếc bút từ tay Việt với lời cảm ơn vốn vã. Rồi cầm chiếc bút trong lòng bàn tay một cách

nâng niu trữu mển bà đưa qua ông Khái Hưng. Hai vợ chồng nhìn nhau rõ vẻ âu yếm, và tôi thấy ông Khái Hưng đã nắm bàn tay trong đó có chiếc bút.

Chợt có nhiều tiếng chân người đi lên cầu thang. Nhìn ra chúng tôi thấy một số khuôn mặt quen thuộc thường lui tới nhà báo. Đó là những nhân vật trong hàng ngũ lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Họ mừng rỡ gặp lại ông bà Khái Hưng. Vài phút sau nữa ông chú của Việt và ông cậu của tôi cũng tìm đến đón chúng tôi về. Tất cả những người này đã được thông báo qua đường dây liên lạc của đảng.

Trên đường về, ông cậu tôi cho biết chính phủ Việt Minh phải trả tự do cho ông bà Khái Hưng vì có sự can thiệp mạnh mẽ của các lãnh tụ Việt Nam Quốc

Dân Đảng và cũng vì ông Khái Hưng là nhà văn nhà báo được rất đông đồng bào yêu mến nên «bọn Vẹm không dám bỏ tù ông». Vào thời gian đó danh từ Vẹm rất thông dụng, được dùng để chỉ Việt Minh. Ông cậu tôi cũng nói cụ Phan Khôi bị giam một đêm và được tha trước chúng tôi một ngày. Sau này tôi được biết thêm cụ Phan Khôi từ Trung Bộ ra Hà Nội lần đó là do lời mời của Hoàng Hữu Nam²⁸ Thứ Trưởng Nội Vụ trong chính phủ Việt Minh, và cụ đã kẹt lại miền Bắc từ đó. Đến năm 1956 cụ viết Ông Năm Chuột trong Nhân Văn Giai Phẩm đã kích mạnh mẽ chính phủ và chế độ công sản.

Nhưng từ sau vụ công an Việt Minh đột nhập phá hủy báo quán Việt Nam, tờ báo này đã đóng cửa hẳn. Trụ sở

²⁸ Hoàng Hữu Nam tên thật là Phan Bôi, con ruột cụ Phan Khôi.

của Quốc Gia Thanh Niên Đoàn bên đường Phó Đức Chính cũng ngừng hoạt động sau đó ít ngày. Rồi vài tháng sau, vào tháng Chạp năm 1946, chiến tranh chống Pháp bùng nổ trên toàn quốc. Tôi theo gia đình tản cư lên mạn Việt Trì, Hưng Hóa. Tới đầu năm 1948 mới trở lại Hà Nội. Ông cậu tôi không tản cư nhưng biết nhiều tin tức của hậu phương. Khi gặp lại, ông cho tôi hay «bọn chúng nó đã thủ tiêu ông Khải Hưng rồi». Ông Khải Hưng bị sát hại trên đường tản cư vào đầu năm 1947.

Người Ngọc Nói Hoa Cười.

Trong thời gian sống tại Hà Nội từ 1948 đến giữa năm 1954, tôi đã có nhiều dịp đi ngang căn nhà 80 đường Quan Thánh. Mỗi lần như vậy tôi không khỏi nhớ lại ít nhiều hình ảnh cũ. Tôi nhớ nhất cái dáng dấp mảnh khảnh nhưng

nhanh nhẹn và nét mặt linh hoạt của ông Khái Hưng mỗi khi ông lên xuống cầu thang, đi từ tòa soạn xuống nhà chữ trong căn nhà hai tầng này. Tôi cũng nhớ cái tiếng cười khanh khách đầy hào sảng của ông. Sau này tôi đã có dịp đọc thêm và đọc lại những tác phẩm của ông, và tôi càng nhận thấy văn phong của ông phản ánh thật rõ rệt con người của ông, con người với một tâm hồn vui tươi dí dỏm, hóm hỉnh, nhưng khúc triết và sâu sắc. Tôi thấy hình ảnh con người đó hiện lên qua nhiều đoạn văn, nhiều mẫu đối thoại, nhiều tình tiết trong các tác phẩm của ông. Tôi còn nhớ cả cái phong cách tự tin, điềm đạm của ông khi bị công an Việt Minh bắt đứng giờ tay trong nhà chữ và lời yêu cầu của ông cho mọi người được buông tay xuống. Tôi thấy ở đó cái bản lĩnh của người lãnh đạo...

Tôi cũng không quên được hình ảnh bà Khái Hưng trong căn nhà đó. Hình ảnh một thiếu phụ với dáng dấp thanh lịch, đi đứng nhẹ nhàng và gương mặt dù đã mang vết nhăn của thời gian nhưng vẫn ẩn hiện vẻ thanh tú của thời xuân sắc. Có lúc nhớ lại hình ảnh của bà tôi đã không khỏi liên tưởng đến một thiếu phụ nhân vật trong truyện ngắn Tình Tuyệt Vọng mà ông Khái Hưng là tác giả. Thiếu phụ được mô tả qua mấy vần thơ do ông dịch từ thơ của thi sĩ Arvers như «người ngọc nói hoa cười», và «tiết liệt đoan trinh». Khi đọc truyện này lần đầu thuở còn nhỏ, tôi nghĩ Arvers và Khái Hưng hẳn đã từng sống với một mối tình tuyệt vọng thật sự mới có thể viết và dịch những vần thơ trác tuyệt như vậy. Tôi thấy họ phảng phất qua nhân vật thi sĩ Văn Chu, người mang khối tình tuyệt vọng trong truyện. Nhưng mỗi khi nhớ

lại hình ảnh ông Khái Hưng nắm tay vợ trong có chiếc bút tặng vật ngày cưới thì tôi nghĩ khác. Tôi thấy ông bà Khái Hưng là một cặp vợ chồng lý tưởng, có một quan niệm hôn nhân cấp tiến trong các điều kiện văn hóa xã hội đương thời vào giữa thập kỷ 40 tại Việt Nam. Chẳng những ứng dụng trong cuộc sống, ông Khái Hưng còn nói lên quan niệm này trong nhiều tác phẩm văn chương của ông. Ông chỉ trích thói lễ hủ lậu tác hợp hôn nhân trong cưỡng ép. Ông biện hộ cho những mối tình trong sáng, chung thủy cho dù có vượt ngoài khuôn khổ nghi thức phong kiến lỗi thời. Ông cũng biện hộ cho nhiều đổi mới nhằm xây dựng một xã hội tiến bộ. Mặc dù không con và đã gần tuổi 50, ông bà vẫn sống bên nhau đầm ấm, vẫn có dịp biểu lộ cho nhau tình thương yêu trong lãng mạn. Tôi thích cái hình ảnh bà Khái Hưng

tìm kiếm chiếc bút máy kỷ vật ngày cưới trong khung cảnh căn phòng đầy chứng tích của đổ vỡ hoang tàn, tưởng như đó là báu vật mà không còn gì khác có thể thay thế. Tôi tin rằng ông bà đã có một cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Từ đó, tôi nghĩ ông không thể là nhân vật Văn Chu... Người trong mơ ước, người ngọc nói hoa cười và tiết liệt đoạn trịnh đã ở bên ông, còn gì mà tuyệt vọng! Nếu truyện Tình Tuyệt Vọng có phản ảnh phần nào cuộc sống thật của tác giả thì ông Khải Hưng phải là nhân vật Tùng – Thiện trong truyện. Nhân vật này có một cuộc sống vui tươi với bạn bè, và hạnh phúc bên người vợ nhan sắc lại hiền thực đoan trang. Trong cuộc sống, bà Khải Hưng có cái phong cách của mẫu người vợ đó.

Trong nhiều năm qua tôi đã được nghe nhiều tin tức khác nhau về vụ sát hại nhà văn Khải Hưng. Có tin nói ông bị trói rọ thả trôi sông. Có tin ông bị hành hình như một tử tội. Có tin ông bị ám sát. Không rõ tin nào xác thật nhưng tin nào cũng xác nhận ông đã bị sát hại tại khu vực Nam Định vào thời gian cuối 1946 hoặc đầu 1947, khi cuộc chiến vừa bùng nổ, khi tin tức liên quan đến những hành động tàn bạo như vậy dễ bị nhận chìm. Một điều đáng được ghi nhận qua các tin này là bà Khải Hưng vẫn ở bên chồng cho đến giờ phút trước khi xảy ra vụ án sát hại. Có tin còn nói bà đã nhận thi thể của chồng về để lo mai táng. Nhưng không có tin nào về cuộc sống của chính bà sau vụ sát hại. Không hiểu người thiếu phụ một thuở ngọc nói hoa cười đã chịu đựng cầm cự trước nỗi đau thương mất mát trong tàn

bạo ấy như thế nào. Tôi tin chắc trong hành trang của ông bà mang theo trên đường tản cư thế nào cũng có chiếc bút kỷ vật ngày cưới. Hẳn bà đã giữ kỷ vật đó mãi, trong suốt phần đời còn lại.

Seattle, tháng 10, 1997

Huy Quang VŨ ĐỨC VINH

TƯỚNG NIỆM KHÁI HÙNG

THANH TRÍ CAO



Nói đến nhà văn Khái Hùng của Tự Lực Văn Đoàn nhiều thập niên trước đây bất cứ trường lớp nào ít hay nhiều đều có chịu ảnh hưởng. Văn

nghiệp của Khái Hưng chảy dài theo dòng lịch sử dân tộc rất êm đềm thi vị. Trước năm 1975 văn học của Tự Lực Văn Đoàn có một vị trí trong trường học rất quan trọng. Sau năm 1975 chủ nghĩa cộng sản cố tình loại bỏ nhưng chắc chắn không thể được.

Trong những cách thức tiếp cận nền học thuật Việt Nam rất đa dạng, song mỗi cách nó không ngoài làm phong phú từng mỗi nét đẹp khiêm nhường của quê hương xứ sở. Từ thị thành cho đến thôn quê đồng nội cỏ hoa, những phong tục tập quán, những nét đẹp thuần hậu của tín ngưỡng nhân gian và tôn giáo được Khái Hưng nói đến và mô tả khá chi tiết để hậu thế mãi còn một truyền thống tiếp nối kế thừa và phát triển. Một cụ thể tác phẩm Hồn Bướm Mơ Tiên đã cho chúng ta một cái nhìn thơ mộng của

ngôn ngữ Việt Nam. Người trước đã làm được một cái gì để cho người sau thấy một cái gì đó, nhà văn Khải Hưng có đủ để chúng ta ngưỡng mộ một anh tài của dân tộc. Từng mỗi biến cố hải hùng thử thách đã làm cho quê hương Việt Nam chịu cảnh thăng trầm khiếp đảm kinh hoàng, nhưng cái gì rồi nó cũng qua. Những căn bản tâm thường mục nát dơ bẩn thời gian đã cuốn trôi đi và đời sẽ quên lãng như một bệnh dịch giao mùa. Những hình thái vong thân nô dịch sẽ bị mai một với thời gian, nhưng thơ, văn là cả một nghệ thuật cần để sống, sống cao đẹp rộng lượng cho đúng lẽ sống của một con người rất quan trọng bất cứ thời lúc nào. Người trí chịu ảnh hưởng để thăng hoa chứ không phải chịu ảnh hưởng để rồi làm kẻ nô lệ từ hình thức lẫn nội dung. Chúng ta hãy nhìn vào thực tế của xã hội chủ nghĩa để thấy được vấn đề

phá sản của cả một nền văn hóa có tự lâu đời. Cái đau thương nhất của người thấy biết mà không có đủ sức phản kháng đối với kẻ đang nắm quyền lực và hành động nô dịch. Chúng ta hy vọng, và hy vọng người Việt hải ngoại học được bài học này để chuẩn bị quay về xây đắp lại một truyền thống văn hóa cho đất nước Việt Nam tốt đẹp hơn.

Đứng trên một bình diện văn học mà nhận xét, nước ta chịu quá nhiều ảnh hưởng các nền văn hóa xâm lăng đô hộ cho nên không dễ dàng mà bôi xóa dòng tư tưởng của từng mỗi thế hệ có quá nhiều khác biệt, bởi vì thế những người có lòng thao thức cho văn hóa Việt Nam phải có sự hợp tác và cảm thông để lèo lái một hướng đi đích thực cho văn hóa Việt Nam. Trong dòng đời những khác biệt không đáng nói, vì trăm hoa đua nở làm

đẹp cho một vườn hoa ấy là điều đáng cổ súy, điều đáng lo lắng là những dị biệt bất đồng để rồi tiếp tục làm băng hoại cả sức sống cao quý của văn hóa Việt Nam. Khi quay lại với nguồn cội, nơi đó vẫn còn những âm hưởng... vẫn còn những gì để nhớ để thương cho nên chúng ta không vì một lý do nào đó mà trở thành kẻ thờ ơ trước một viễn ảnh của quê hương. Ai rồi cũng có cái đúng của họ, mà nhất là kẻ đang nắm quyền lực, từ thủ thuật cho đến bất kỳ một thủ đoạn nào đó để giữ lại được địa vị của họ là đủ rồi, từng bè phái thay nhau để tranh quyền đoạt lợi, cuối cùng hậu quả vẫn là dân tộc Việt Nam. Chính vì cái thương tâm chung cho nên chúng ta xem văn hóa là một loại vũ khí cần thiết và quan trọng để đi tiên phong cho sự đánh thức và trao truyền. Sự thật bao giờ cũng là sự thật, chúng ta hãy biến sự thật cho văn hóa Việt Nam ngày mỗi

tăng thêm những vẻ đẹp cao quý để đối diện với bất cứ một nền văn hóa nào có mặt trên địa cầu này.

Ngạn ngữ Việt Nam: “Ăn trái nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ nguồn”. Thành ngữ này bao giờ nó cũng đẹp một cách thánh thiện trong đời sống rất văn hóa. Cho dù thời gian và không gian có thay đổi, nét đẹp đó vẫn tồn tại trong tâm khảm của người yêu quê hương, yêu tổ quốc.

Chúng ta cố suy cho từng ý thức về nguồn. Chúng ta tưởng niệm, nhớ nghĩ nhà văn Khái Hưng hay Tự Lực Văn Đoàn và tiếp cận truyền thống văn hóa có thực chất giá trị khả kính. Nhà văn Khái Hưng là mẫu người tiêu biểu cho lý tưởng tự do phóng khoáng theo nhịp độ thăng hóa của cả hai nền văn hóa Đông và Tây. Tất cả những thực thể được cấu

trúc dưới một dạng thức nào nó đều có giá trị nếu mình hiểu biết đúng nghĩa. Tất cả ai rồi cũng thế, chỉ có một thời mà thôi. Hãy làm việc để cho đời chiêm ngưỡng những công trình có giá trị. Cố nhiên giá trị với thời gian song song nó là bài học cho những dòng tư duy thưởng ngoạn. Hãy để lại cho đời một tấm gương sáng giá như nhà văn Khái Hưng của Tự Lực Văn Đoàn. Chúng ta nghiêng mình trước những thành quả văn nghiệp của Khái Hưng, cũng như Tự Lực Văn Đoàn. Chúng ta nên học ở Khái Hưng và Tự Lực Văn Đoàn những mô thức kết hợp, cảm thông và lòng quả cảm hy hiến. Sau đây người viết bài này có bài thơ tỏ lòng ngưỡng mộ sâu xa với sự nghiệp của nhà văn Khái Hưng.

Lưu Chuyển

Lưu chuyển dòng sinh hóa

Tình tự lá vàng thu
Mùa trăng tràn mặt biển
Giấc mộng người chu du
Mông mênh cả vũ trụ
Phía trước và mãi sau
Âm hưởng còn trong gió
Chập chùng vút trên cao
Văn vẻ kia tồn tại
Phiêu bồng chốn thiên thai
Trái tim và dòng máu
Nguyên vẹn ánh hồng mai
Truyền thống và cung điện
Bài thơ cho quê hương
Trang sách thơm dĩ vãng
Bao dung tình yêu thương
Phượng vĩ thương kỷ niệm
Một thời tuổi học sinh
“Hồn Bướm” chiều nắng đẹp

*Cỏ hoa tưng tâm kinh
Bia đá nào đầu đó
Khái Hưng một dòng đời
Năm tháng của ký ức
Sân trường cánh phượng rơi
Lưu chuyển, giòng lưu chuyển
Không gian ấy gần xa
Thực chất còn mãi mãi
Quê hương của chúng ta*

Vào Thu 27

THANH TRÍ CAO

(Đạo hiệu Thích Quảng Thanh, Chủ tịch Trung Tâm Phật Giáo Việt Mỹ Phụng Sự Xã Hội tại Orange County - California).

KHÁI HÙNG, NGỌN HẢI ĐĂNG
Ở CUỐI TRỜI TƯỜNG NHỚ

TẠ TỴ

Chắc chắn những năm cuối của Thế Kỷ thứ 20 không có ai và còn ai viết và nghĩ như Khái Hưng cách đây trên nửa Thế Kỷ, vì một lẽ đơn giản,

cái hoàn cảnh và môi trường đã tạo cho Khái Hưng một địa vị, một chỗ ngồi cao sang trong Văn Học Việt Nam nay đã thay đổi rất nhiều, trong cách nghĩ cũng như lời viết. Hơn nữa, cái lối viết truyện có luận đề của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, nói chung, đã bị các nhà văn hôm nay “qua mặt”, nó chỉ còn như một chứng tích của lịch sử Văn Học với những tài liệu, tuy quý giá nhưng không còn được tôn trọng như ở vào giai đoạn trước. Văn phong cũng như văn chương cũng không một ai phủ nhận nổi người văn yêu mến này. Nơi sâu thẳm nhất của suy tư khi nghĩ về một nền Văn Học Việt Nam ở thời kỳ phôi thai, cần có những tâm hồn mạnh bạo, cần có những ý chí cương quyết, cần có tài năng phong phú, có tư tưởng tiến bộ



mới có thể đánh đổ được nền Văn Học phong kiến cùng các tên tuổi của các vị danh nho đang nắm giữ vai trò lãnh đạo tinh thần của dân chúng thời đó. Mặc dù lúc ấy có các vị như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh...v.v... là những người có cả Tây học lẫn Hán học, có uy tín với đông đảo tầng lớp nhân dân. Nhưng với tờ Nam Phong do ông Phạm Quỳnh chủ trương và tờ Annam Nouveau do ông Nguyễn Văn Vĩnh chủ biên, cùng những sách dịch của ông Vĩnh cũng chưa làm cho nền Văn Học Việt Nam có một chỗ đứng riêng biệt và độc lập như nền Văn Học của Tây Phương mà những người có Tây học đều ngưỡng mộ. Người ta phải chờ đến khi có tờ báo Phong Hóa rồi đến Ngày Nay với nhóm Tự Lực Văn Đoàn ra đời, với lối viết hoàn toàn Việt Nam, dù rằng những người trong nhóm Tự Lực

đều xuất thân từ Tây Học. Nhóm Tự Lực Văn Đoàn sự thực cũng chỉ có 5, 6 người chủ trương nhưng những truyện họ viết đều mang tính cách tiến bộ, đả phá cái cũ, đưa cái mới vào, làm không khí thay đổi hẳn và mỗi người đều nhận ra sự đổi mới là cần thiết, vì dưới thời đó, dân chúng Việt Nam một mặt bị Tây cai trị, hà hiếp trên mọi phạm vi hoạt động về đời sống, còn một mặt, bị chế độ quan liêu phong kiến đè nén làm cho u mê không tìm thấy lối thoát cho đời sống đi lên. Trong số những người yêu tiến bộ ngoài Nhất Linh, Hoàng Đạo “Lý thuyết gia” của Nhóm, chỉ có Khải Hưng là người viết có ngòi bút sâu sắc, có tâm hồn đôn hậu qua phong cách dựng truyện, lời văn trong sáng, nhẹ nhàng dễ gây trong tâm hồn người đọc những rung động chân thành, dễ cảm hóa, dẫn dắt người đọc

đi vào lộ trình mong muốn. Truyện tình trong Hồn Bướm Mơ Tiên là câu chuyện tình lý tưởng, nó trong sạch và lâng lâng như mây trời bay bổng trên cao. Nó là một truyện tình cao quý không một ai dám mơ ước. Nó không thật, nó chỉ có trong tâm hồn đa cảm của nhà văn ở đầu Thế Kỷ. Nó là một bài học về luân lý, trên thực tế, không làm gì có thể xảy ra mỗi tình cao đẹp như thế! Ấy vậy, nếu không có những cuốn tiểu thuyết như thế, nếu không có truyện Đoạn Tuyệt, Nửa Chùng Xuân..v.v... với những truyện ngắn của Thạch Lam, chắc còn lâu mới có những cuốn tiểu thuyết nóng bỏng tình dục hoặc những cuốn truyện chịu ảnh hưởng của triết thuyết Hiện Sinh, Phi Lý của Sartre hoặc Camus, cùng những cuốn mang nội dung tình dục bỏng cháy, nếu không có Alberto Moravia và nhất

là Henri Miller nhà văn Mỹ sống ở Pháp lâu ngày với tác phẩm “Tropic du Cancer”, viết rất buông thả về tình dục làm người đọc choáng váng ở mỗi đoạn nhà văn viết về thân xác!

Phải vô tư nhận xét, Nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã có công đẩy nền Văn Học Việt Nam từ chỗ nửa sáng, nửa tối ra hẳn ánh sáng, để tung hoành, một mình một cõi. Họ là những nhà văn, nhà thơ, dám đứng thẳng dưới ánh mặt trời để đả phá tất cả những cái gì đi ngược lại với trào lưu tiến bộ của đời sống cần phải có khoa học và văn minh giúp đỡ. Vì vậy, khi nói về nhóm Tự Lực Văn Đoàn người ta không thể nói riêng về Nhất Linh hoặc ai đó, mà phải nói đến Khái Hưng, Hoàng Đạo, Đỗ Đức Thu, Thạch Lam, Nguyễn Gia Trí, Trọng Lang, Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận và Tú Mỡ..v.v...

vì tất cả đã chung sức để hình thành nên một thể lực Văn Hóa, một chỗ đứng về Chính Trị, trong khi nước Việt Nam còn lạc hậu và bị trị dưới bàn tay sắt của Thực Dân lẫn Phong Kiến. Nói chung, tất cả những tác phẩm Văn Học của nhóm Tự Lực Văn Đoàn sau một thời gian bị Chính Trị làm cho lu mờ, đến nay nó lại được phục hồi, cộng sản dùng nó làm tài liệu giáo khoa để dạy cho các lớp Trung Học và Tiểu Học. Thế mới biết, một khi Văn Hóa đã đi vào tâm hồn của Dân Tộc thì không một thế lực nào có thể xóa bỏ hay vùi dập nó cho đi vào quên lãng.

Nhưng đến hôm nay, chẳng phải riêng tôi kính mến Khái Hưng, còn rất nhiều người yêu Văn Học cũng không sao quên được Khái Hưng với những cuốn sách, có lối hành văn trong sáng, và lối viết minh chiết rõ ràng, minh bạch

làm người đọc dễ cảm thông với những gì mà nhà văn định nói với người đọc.

Còn một điều nữa, tôi cảm thấy có bốn phận phải nói ra, đó là lòng can đảm của một nhà văn khi gặp nguy khốn vẫn không từ bỏ lập trường chính trị mà mình đã theo đuổi và phục vụ tận tình để mong mang lại Hạnh Phúc ấm no cho toàn dân. Đó là khi đoàn quân võ trang của Việt Nam Quốc Dân Đảng đang bị quân của Việt Minh, tức lực lượng chính phủ Hồ Chí Minh vây khốn tại Vĩnh, Phúc Yên, sau khi cầm cự được một thời gian thì phải tìm đường rút lui qua Tàu, Hoàng Đạo cũng có mặt trong đám tàn quân này, rồi rút sang Côn Minh và mất sau một cơn đau tim ở Quảng Đông. Trong khi đó, Khải Hưng và Nguyễn Tường Bách vẫn kiên trì làm tờ Việt Nam để chống trả Việt Minh bằng những bài viết

rất kịch liệt, nhằm tố cáo những âm mưu thâm độc của Chính Phủ Việt Minh tức Chính Phủ Cộng Sản. Khái Hưng trong thời gian ấy không làm Văn Học nữa, mà làm Chính Trị. Cả tờ báo Việt Nam, lúc ấy, Bác Sĩ Nguyễn Tường Bách chỉ trông coi về phát hành cùng viết một vài mục không cần thiết, còn bao nhiêu đều do Khái Hưng bao giàn. Chỉ tiếc báo không được phổ biến rộng rãi vì hoàn cảnh, nơi nào và chỗ nào cũng là của Việt Minh nên rất khó phổ biến. Tờ Việt Nam chỉ thôi hoạt động từ ngày 19. 12. 1946²⁹.

Cho đến hôm nay, các nhà làm Văn Học họ không còn làm việc theo lối Khái Hưng đã làm từ mấy chục năm qua. Khi

29 Cả tờ Tuần báo Chính Nghĩa nữa. Số cuối cùng để phát hành vào giữa tháng 12 - 1946. Còn B.S Bách thì rút sang Trung Hoa cùng với anh em Trường Lục Quân Yên Báy qua các cuộc tấn công của V. M. sau ngày 17. 6 46 ở Vĩnh - Phúc Yên, Việt Trì, Yên Bái... (chú thích của Khánh Phượng NGUYỄN THẠCH KIÊN)

xưa, Khái Hưng viết cho cuộc đời, nhưng nay, nhà văn họ viết cho họ và vì họ, còn cuộc đời có chấp nhận họ hay không, họ không cần biết. Họ làm việc vì sự thôi thúc của nội tâm, họ đau khổ, hận thù, phần nộ..v.v... họ đem trút xuống mặt giấy để nói cho người ngoài, vì thế, cái lối hành văn của những nhà văn trẻ hôm nay nó mang ít nhiều thể hồi ký thay vì họ làm đúng cách thức xây dựng một tác phẩm như các nhà văn khi trước đã làm. Nhưng có điều chắc chắn, người đọc sẽ mau quên, vì nó không thuộc về vấn đề chung của Dân Tộc.

Cũng như cái lối dựng truyện của Khái Hưng, cũng không ai dùng vì nó quá cũ (Có mới chẳng là lúc đầu), nó thuộc về nội tâm chứ không nằm ở phần hình thức, mà đã thuộc nội tâm, bao giờ nó cũng được thể hiện với một cảm xúc

chân thành để đi tìm cái chân lý của cái Hay cũng như cái Đẹp, nhưng có lẽ tới nay cũng chưa có ai đạt được, mãi mãi nó vẫn là chân lý, mà Chân Lý chỉ là niềm mơ ước của Văn Nghệ Sĩ mà thôi!

Khái Hưng cũng đã từng mơ ước cái toàn vẹn của Chân Lý, nhưng cũng đành chịu thua vì cái tình yêu lý tưởng giữa Ngọc và chú tiểu Lan cũng ngậm ngùi chia đôi hạt lệ!...

Ở vào thời kỳ Khái Hưng, nền Văn Học còn phôi thai, viết về tình yêu như vậy kể như quá bạo rồi vì tiểu thuyết luôn luôn là tiểu thuyết, nó không đứng chung ước lệ với cuộc đời. Trên thực tế, mọi người phải ăn, phải uống, phải sống, phải tuân hành những luật lệ của xã hội đương thời, mà mỗi người đang góp mặt.

Ngày hôm nay, chúng ta có viết về Khái Hưng với những dòng tưởng niệm chân tình nhất, thiết tưởng cũng dư thừa vì trải qua một dòng sống với bao nhiêu đổi thay từ chính trị, quân sự, kinh tế, văn học...v.v... cái giá trị hằng cửu của một tài hoa đã để lại trong kho tàng Văn Hóa Việt Nam những “Viên Ngọc Quý” của Nhà Văn Khái Hưng đã tặng cho Dân Tộc vẫn tỏa ra một vùng hào quang diễm ảo, càng lâu đời càng rực rỡ!

Sau khi cuộc chiến tranh Việt – Pháp bùng nổ, Khái Hưng về trú tại quê vợ. Sau đó ít ngày bị dân quân bắt và giải giao đi nơi khác. Từ đó, bất tin luôn. Có nhiều nguồn dư luận cho rằng, Khái Hưng đã bị cộng sản thủ tiêu bằng nhiều cách, mà cách nào cũng rùng rợn cả. Vì không được chứng kiến tận mắt, nên còn nhiều nghi vấn được đặt ra, chúng ta chỉ biết,

cộng sản không từ bỏ một ý đồ nào dù đã man, tàn nhẫn đến đâu chẳng nữa, miễn rằng kẻ thù của mình phải chết, một cái chết mà tội trạng do cộng sản áp đặt...

TẠ TỴ

**KHÁI HÙNG VÀ NHẤT LINH
TRONG THƠ HUYỀN KIÊU**

QUỐC NAM

(Đông Phương Foundation, Seattle,
WA)



Đầu năm 1964, khi tôi đang là sinh viên Đại Học Luật Khoa Sài Gòn và chưa đầy 20 tuổi, thì tôi bắt đầu cộng tác với tuần báo Tinh Hoa trong vai trò Thư Ký Tòa Soạn, với Chủ Nhiệm là nhà văn Nguyễn Thạch Kiên. Hàng tuần tôi đều gặp nhà văn và Quản lý Trần Văn Phương ở tòa soạn Tinh Hoa, đạo ấy đặt tại nhà in Chấn Hưng trên đường Lê Văn Duyệt. Vào mùa xuân năm 1965, nhà văn Nguyễn Thạch Kiên đã giới thiệu tôi với thi sĩ Đinh Hùng mà tôi hàng mền mộ qua thi tập “Đường Vào Tình Sử”, hồi đó thi sĩ đang phụ trách chương trình “Thi Văn Tao Đàn” của Đài Phát Thanh Sài Gòn. Sau này, tôi lại có dịp quen thân người phụ trách chương trình thi ca “Mây Tản” cũng trên Đài Sài Gòn là thi sĩ Kiên Giang Hà Huy

Hà, khi nhà Hương Việt xuất bản thi tập đầu tay “Tình Ca Lính Alpha Đỏ” của tôi vào năm 1968.

Thi sĩ Đinh Hùng có vóc dáng nho nhã, tóc chải vuốt dài về phía gáy, ăn nói nhỏ nhẹ, kể chuyện thật duyên dáng và dí dỏm. Tôi nhớ một buổi chiều trong một quán giải khát gần vườn hoa Tao Đàn đường Hồng Thập Tự (Sài Gòn), thi sĩ Đinh Hùng đã kể cho tôi nghe về một số thi nhân thời tiền chiến (trước năm 1945). Ông nhắc đến hai bài thơ của nhà thơ Huyền Kiêu là Tình Sầu và Tương Biệt Dạ. Rồi ông ngâm nho nhỏ:

Tình Sầu

Xuân hồng có chàng tới hỏi:

– Em thơ, chị đẹp em đâu?

Chị tôi hoa thắm cài đầu,

Đi đuổi bướm vàng ngoài nội.

Hạ đỏ có chàng tới hỏi:

– Em thơ, chị đẹp em đâu?

Chị tôi khăn trắng quàng đầu

Đi giặt tơ vàng bên suối

Thu biếc có chàng đến hỏi:

– Em thơ, chị đẹp em đâu?

Chị tôi tóc xõa ngang đầu

Đi hát tình sầu trong núi.

Đông xám có chàng tới hỏi:

– Em thơ, chị đẹp em đâu?

Chị tôi hoa phủ đầy đầu

Đã ngủ trong lòng mộ tối.

Câu cuối bài thơ, Đinh Hùng ngâm rất khẽ và nhẹ, lê thê buồn. Ông nói:

– Mỗi bài thơ là mỗi tâm sự của người nghệ sĩ. Như bài Tương Biệt Dạ dưới đây, Huyền Kiêu sáng tác nơi vườn trăng bên Hồ Tây “đầy hình ảnh Khái Hưng và Nhất Linh” đấy!

Tôi thật ngạc nhiên. Nhưng Đinh Hùng đã giải tỏa cho tôi hết nỗi ngạc nhiên. Ông kể:

– Huyền Kiêu vốn là bạn thân thuở nhỏ của Đinh Hùng, ở Hà Nội. Hai chúng tôi đều sinh văn nghệ, nhất bộ môn Thơ. Đáp ứng “phong trào thơ mới” phát động từ đầu thập niên 30 với bài “Tình Già” của Phan Khôi, chúng tôi cũng làm thơ, nhưng sáng tác khá nhiều mà các báo, các tạp chí lớn nhỏ Hà thành in chẳng được bao nhiêu. Tổng kết, từ 1936 đến

1941, chúng tôi có được mấy bài thơ đặc ý và độc giả cũng rất thích. Huyền Kiêu có 2 bài như đã kể trên. Còn tôi, thì có những bài: Xin Yêu (đăng trong tạp chí Mùa Gặt Mới năm 1940), Kỳ Nữ (Thế Lữ trích một đoạn làm nền cho truyện dài kinh dị ‘Trại Bồ Tùng Linh’), Khúc Ca Man Dại (Giai phẩm Đời Nay năm 1941)..v.v... Do đấy khi xuất bản cuốn “Thi Nhân Việt Nam”, phần viết về “Một thời đại trong thi ca”, Hoài Thanh đã liệt Huyền Kiêu và tôi ngồi nơi chiếu hai, chiếu ba chứ chưa chính thức là... thi nhân. Kể cũng có thành kiến và sự phân biệt khi so với những người khác cùng địa phương miền Trung với Hoài Thanh!

Trở lại với Tương Biệt Dạ của Huyền Kiêu. Là hàng xóm, gần nhà Thạch Lam nơi phường Trúc Bạch, tôi thường ghé thăm Thạch Lam, bàn chuyện thơ văn rất

lấy làm tương đắc. Và rồi tôi dẫn Huyền Kiêu lại giới thiệu: “Huyền Kiêu, một nhà thơ rất có triển vọng! Tên thực anh ta là Bùi Kiêu. KIÊU HUYỀN KIÊU! Huyền Kiêu, giản dị vậy!”

Thạch Lam cười xòa, vui vẻ dẫn hai bạn... thơ vào thư phòng trò chuyện. Nơi cư trú của gia đình nhà văn Thạch Lam, trong Tự Lực Văn Đoàn, là một ngôi nhà tranh đặc biệt, cất theo kiểu Nhà Ánh Sáng, do phong trào Nhà Ánh Sáng mà báo Ngày Nay phát động từ mấy năm trước. Có phòng khách, phòng ngủ, với đầy đủ tiện nghi... Tuy là nhà lợp tranh, vách bằng đất bùn nhồi rơm, lán xi măng, quét vôi sáng sủa, ngôi nhà trông thật bề thế vì vẻ cao ráo, thoáng mát của nó. Nhất lại ở cạnh Hồ Tây quanh năm thoáng mát. Có vườn hoa trồng đủ cây cảnh lạ, đẹp. Một thú chơi tao nhã của

tác giả “Hà Nội Băm Sáu Phố Phường”. Chúng tôi, Huyền Kiêu, Thạch Lam và tôi, thường ngồi nhâm nhi chén rượu, ngắm cảnh Tây Hồ. Chị Thạch Lam nội trợ rất giỏi. Rất đơn sơ với đĩa cá chiên, đậu rán. Ăn thật ngon miệng và rượu uống cũng thật đã, nhiều phen đến độ say mềm.

Nhất Linh, Khải Hưng và một số các bạn trong Tự Lực Văn Đoàn cũng thường nhập cuộc, mỗi khi rảnh.

Đây là vào thời gian 1939 - 1940. Gặp mỗi trường tốt và có được sự khuyến khích của những nhà văn nhà thơ lớn, Huyền Kiêu và cả tôi nữa – đã như có một ngọn lửa, một thi hứng trong sáng tác.

Một bữa vào cuối hè sang thu, Thạch Lam nhắc chúng tôi (vẫn lời Đình Hùng)

đến nhà anh dùng bữa cơm tối.

Theo thông lệ, chúng tôi đến sớm, ngồi nơi vườn hoa, ngắm cảnh chiều tà trên gương hồ bát ngát... “gió rung trăng”. Thật thế đấy, nhằm đầu tháng ta, trăng mọc sớm, lơ lửng dưới làn nước trong; từng cơn gió nhẹ lướt mặt hồ, rung động.. Thạch Lam cười vui:

– Huyền Kiêu làm thơ đi! Nếu cần, tớ gà cho. Tôi chẳng mấy ngạc nhiên, vì đã hơn lần được nghe Thạch Lam nói chuyện về Thơ, phẩm bình về các trường phái Thơ...

Tuy nhiên Huyền Kiêu vốn khiêm tốn, chỉ ậm ừ, cười bảo:

– Để lát nữa. Có lẽ sau bữa cơm tối nay, trong lúc tửu hậu trà dư... chúng mình cùng thơ thần...

– Được lắm!

Đúng lúc, có tiếng chị Thạch Lam gọi. Và Khái Hưng, Nhất Linh ở đâu tới, cũng ào ra vườn. Một lát lại có cả Thế Lữ nữa.

Chủ nhà nhìn mọi người, khắp lượt, bảo:

– Quân hùng tề tựu gần đủ. Thôi mời quý vị vào dùng bữa, kéo ngội cả.

Vào nhà thì đã thấy Nguyễn Tường Bách ở đấy từ bao giờ.

Chúng tôi cùng cụng ly, ăn uống không khách sáo. Có điều bữa cơm gia đình hôm ấy hơi có vẻ là lạ. Từ Khái Hưng đến Nhất Linh và Nguyễn Tường Bách đều ít nói, ít cười. Thế Lữ cũng vậy. Chỉ có ba tiểu quỷ chúng tôi vẫn như bao giờ cười vui; đôi khi lại châm biếm

vài câu nhè nhẹ. Cơm xong, chuyện vẫn khá lâu. Mãi khuya đêm Nhất Linh mới bảo, về thật trịnh trọng:

– Lát nữa tôi sẽ phải rời xa các anh em, nên có thể đây là một đêm họp mặt để tạm biệt. Chuyến hành trình này sẽ không lâu đâu. Chúng ta sẽ còn gặp lại nhau. Bây giờ chúng ta có thể chia tay nhau được rồi. Riêng tôi, tôi còn có điều nói riêng với anh Khải Hưng, vậy các bạn ra vườn chơi, hoặc đi ngủ. Thành thật cảm ơn tất cả...

Tôi nhớ đại ý thế, vì đã quá lâu ngày. Mọi người đều buồn nhưng không ai lên tiếng – không có can đảm lên tiếng hỏi, vì đều biết Nhất Linh là người hoạt động cách mạng. Đã đến lúc phải “mạnh tay” với thực dân Pháp, chứ không còn ở giai đoạn làm văn hóa để nâng cao dân trí người mình nữa...

Ba đứa tôi cùng kéo nhau ra vườn, ngồi nghe cá quẫy, nhìn trăng vời vợi. Có lẽ Thế Lữ đã về nhà gần đấy. Quanh quần vẫn chỉ có Huyền Kiêu, Thạch Lam và tôi thôi. Và Thạch Lam, lại chính là Thạch Lam, khơi mào sau khi đã nghĩ lung:

– Thơ... ra rồi! Này, hãy nghe đây!

Và anh dang hăng, ngâm:

“Hiu hắt giăng khuya lạnh bốn bề...”

– Đấy câu mở đầu đấy! Huyền Kiêu hãy làm tiếp đi!

Huyền Kiêu và tôi ngơ ngác. Tôi không rõ vì sao bữa nay Thạch Lam lại nhiều... thi hứng đến thế.

– Được! Huyền Kiêu nói. «Hiu hắt giăng khuya lạnh bốn bề...» Ồ, được đấy. Và anh ngẫm nghĩ. Câu mở của Thạch

Lam thật tuyệt. Nó gợi ý cho tôi về một cái gì có thể gọi là... “cổ kính”. Một đêm tiễn đưa nhau chẳng hạn. Hết đôi bạn Khái Hưng và Nhất Linh trong đêm khu-ya nay... trước giờ ly biệt.

– A, khá! Thạch Lam cười. Anh nắm bắt được ý thơ rồi đấy. Vậy cứ thế mà tiếp nối. Tôi vào nhà đem trà nóng ra đây nhá. Nhân thể coi xem họ ra sao?

Một lát sau Thạch Lam đem bình trà và tách ra, bảo:

– Anh ba tôi và Khái Hưng im lìm ngồi trong thư phòng. Cả hai đều không nói năng gì cả. Phòng không đèn đóm nên bóng tối chan hòa. Ánh trăng mờ tỏ... Có con mèo tam thể tôi nuôi quỳ dưới ghế Nhất Linh ngồi. Bên cửa sổ sát vách tường, bức liễn trúc treo rung động dường như cảm thông cho đôi bạn đang

nhấp chén rượu sông trong phút giờ sắp ly biệt...

Tôi chợt lên tiếng:

– Buồn thật. Mà cổ nhân cũng đã từng than: “Ôi! biệt ly sao mà buồn thế!” thật là chí lý.

Chúng tôi uống trà. Trăng vừa lặn. Gà rên tiếng gáy phía xa. Sao dần rơi... dần rơi và tôi chợt thấy lạnh lạnh.

Vẫn không thấy chút động tĩnh gì nơi Khái Hưng và Nhất Linh ở trên nhà. Tôi cảm nghĩ trong giờ phút thiêng liêng ấy, ta không nên vọng động. Cũng đừng hỏi han gì cả. Trời sắp sáng rồi.

Và quả thật, ở bên Hồ Tây bữa ấy, trong sân nhà Thạch Lam, ba đứa chúng tôi đều rất dè dặt, hạn chế từng câu nói, tiếng cười. Trong khi ấy Huyền Kiều

thầm lặng “làm việc”: suy tư về ý thơ và ý nghĩa của sự chia tay của đôi bạn văn Tụ Lực Văn Đoàn.

Chợt Huyền Kiêu nói:

– Tôi thử đọc cho các anh nghe. Bài thơ nhan đề “Tương Biệt Dạ”. Hay, dở tùy nghi Thạch Lam và Đinh Hùng giúp sửa lại. Và anh khe khẽ ngâm sau khi giục Thạch Lam vào nhà lấy giấy bút ghi tốc ký, bất kể trời vừa sập tối lại vì trăng đã chẳng còn.

Dưới đây là bài thơ Tương Biệt Dạ đầy hình ảnh Khái Hưng và Nhất Linh, với bối cảnh thư phòng nhà Thạch Lam, đã được chính Thạch Lam mở đầu và do Huyền Kiêu sáng tác. Tình bạn thơ - văn giữa chúng tôi thấm thiết là thế đó.

Tương Biệt Dạ

Hiu hắt giăng khuya lạnh bốn bề
Ý sâu lên vút tới sao Khuê
Quý thay giây phút gần tương biệt
Lưu luyến người đi với kẻ về.
Ngồi suốt đêm trường không nói năng
Ngậm ngùi chén rượu ánh vừng giăng
Người xưa lưu luyến ra sao nhỉ
Có giống như mình lưu luyến chẳng?
Đã tắt lò hương lạnh phim đàn
Thu phòng sắp sẵn để cô đơn
Trời cao mây nhạt ngàn sao rụng
Một giải sương theo vạn dặm buồn
Sớm biệt ly nhau không nhớ nhau
Nửa đêm chợt tỉnh bỗng đứng sầu.

Giăng mùa Xuân đó, ai tâm sự?

Anh đã xa rồi, anh biết đâu?

HUYỀN KIÊU

Bài “Tương Biệt Dạ” của Huyền Kiêu, sáng tác vào chớm Thu năm Canh Thìn 1940, chỉ mấy tháng sau là bước sang năm Tân Tỵ – 1941, được nhà xuất bản Đời Nay tuyển chọn trong Giai Phẩm Đời Nay, Xuân 1941 cùng với bài thơ «Khúc Ca Man Dại» của tôi (Đình Hùng).

Đây chính thực là một Giai Phẩm, mở đầu cho những tuyển tập Văn Nghệ mang danh Giai Phẩm những thập niên sau này. Bởi tuyển tập Văn Nghệ của Đời Nay quy tụ được rất nhiều văn nghệ sĩ nổi danh như Nguyễn Tuân, Hồ Dzếnh, Thanh Tịnh, Trần Tiêu, Vũ Hoàng

Chương, Nguyễn Tường Bách, các họa sĩ Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí..v.v... và rất nhiều nghệ sĩ khác. Riêng bài “Tương Biệt Dạ” còn có tranh minh họa của Đông Sơn (tức Nhất Linh). Không rõ Nhất Linh vẽ lúc nào trong đêm tương biệt ấy? Chỉ biết khi hoàn thành bài “Tương Biệt Dạ”, vào nhà thì Nhất Linh đã lên đường từ lúc nào rồi...”

Trên đây là vài hàng ký ức mà tôi viết lại theo lời kể của cố thi sĩ Đinh Hùng 32 năm về trước, nhân dịp tưởng niệm cố văn hào Khải Hưng đã bỏ chúng ta ra đi về bên kia thế giới, cách đây nửa thế kỷ.

QUỐC NAM

(Cao Nguyên Tình Xanh
Washington tháng 10/ 1997)

TÌNH TUYỆT VỌNG

Khái Hưng dịch Thơ Félix Arvers

VÂN LINH (Londres)



Ngày xưa... có lẽ trên 40 năm
trước, trong giờ học Việt văn
phần kim văn, tôi thường được thưởng

thức những đoạn văn chọn lọc trích trong các cuốn tiểu thuyết Hồn Bướm Mơ Tiên, Nửa Chùng Xuân, Anh Phải Sống, Giọc Đường Gió Bụi, Đoạn Tuyệt... của nhà văn Khải Hưng và Nhất Linh.

Tới nay tôi vẫn không thể quên bài thơ “Tình Tuyệt Vọng” Khải Hưng đã dịch cũng như viết thành truyện ngắn, in trong tập Anh Phải Sống.

Nhiều độc giả thanh niên nam nữ ở Đà Nẵng trong khoảng thập niên 30 - 40, đa số đều thuộc bài thơ “Tình Tuyệt Vọng”, qua truyện ngắn này.

Phần ham học hỏi, tôi đã đọc nhiều sách vở khác để được biết rõ hơn xuất xứ của bài thơ, nguyên tác cũng như tác giả. Do đấy tôi đã tìm được nguyên bản bằng Pháp văn, tác giả là Félix Arvers.

Bài thơ của Félix Arvers như sau:

Ma vie a son secret, mon âme a son mystère;

Un amour éternel en un moment conçu.

Le mal est sans espoir, aussi j'ai dû le taire,

Et celle qui l'a fait n'en a jamais rien su.

Hélas! j'aurai passé près d'elle inaperçu,

Toujours à ses côtés et pourtant solitaire;

*Et j'aurai jusqu'au bout fait mon temps
sur la terre,*

*N'osant rien demander, et n'ayant rien
reçu.*

*Pour elle, quoique Dieu l'ait faite douce et
tendre*

*Elle ira son chemin, distraite, et sans en-
tendre*

Ce murmure d'amour élevé sur ses pas;

*A l'austère devoir pieusement fidèle,
Elle dira, lisant ces vers tout remplis d'elle,
«Quelle est donc cette femme?» et ne com-
prendra pas.*

Khái Hưng dịch theo thể thơ lục bát,
với tựa đề:

TÌNH TUYỆT VỌNG

*Lòng ta chôn một mối tình,
Tình trong giây phút mà thành thiên
thâu.*

*Tình tuyệt vọng nỗi thâm sâu
Mà người gieo thảm như hầu không hay.*

*Hỡi ơi! người đó ta đây
Sao ta thui thủi đêm ngày chiếc thân?
Dẫu ta đi trọn đường trần*

Chuyện riêng há dám một lần hé môi..

Người dù ngọc nói hoa cười,

Nhìn ta như thể nhìn người không quen.

Đường đời lặng lẽ bước tiên

Ngờ đâu chân đạp lên trên khối tình.

Một niềm tiết liệt đoan trinh

Xem thơ nào biết có mình ở trong.

Lạnh lùng lòng sẽ hỏi lòng:

«Người đâu tả ở mấy dòng thơ đây?»

KHÁI HƯNG dịch

Cuốn truyện «Anh Phải Sống» do Đời Nay xuất bản năm 1936. Và bài thơ «Tình Tuyệt Vọng» ghi trên, vẫn còn được nhiều người nhắc, nhớ qua mấy

thập niên cho tới nay, thì hẳn văn tài của Khái Hưng đã vượt không gian và thời gian vậy.

Không những chỉ nhắc - nhớ mà còn thuộc lòng nữa. Bởi lẽ nội dung hợp với tâm tình bạn trẻ. Lời thơ diễn dịch rất lưu loát, văn hoa và nhất là không kém phần chính xác, bình dị và dễ nhớ.

Tôi không được đọc nhiều thơ do Khái Hưng dịch. Ngoài tài dịch thơ Pháp, tôi cũng biết Khái Hưng còn dịch Đường thi nữa qua mấy truyện dịch in trong tuyển tập «Hương Xa», cũng do Đời Nay xuất bản.

Ở đây, chỉ xin nói về bài thơ «Tình Tuyệt Vọng». Và nhất là cái xuất xứ dẫn đưa nhà thi sĩ sáng tác nên «bài thơ bất hủ» này.

Thuở sinh thời, Félix Arvers không đặt tựa đề cho bài thơ đã làm say mê hàng bao triệu thanh niên nam nữ Âu Châu qua thi phẩm *Mes heures perdues* với bài thơ Vô Đề cực tả mối tình lãng mạn của mình. Tuy nhiên thi sĩ cũng thật tế nhị khi cho in một dòng «lạc khoản» ở cuối bài: «Phỏng theo thơ Ý Đại Lợi» để giữ danh dự cho người được nói tới trong thơ. Tại sao tác giả phải tốn công như thế?

Ngược dòng thời gian, chúng ta được biết Félix Arvers sinh ngày 25 tháng 7 - 1806, mất tại Paris ngày 7 tháng 11 - 1850, hưởng dương 44 tuổi.

Ngay từ năm 26 tuổi, khi còn là sinh viên Félix Arvers đã nổi tiếng về học vấn: đoạt giải danh dự La ngữ và giải

nhất Pháp ngữ trong cuộc thi tuyển toàn quốc.

Vào Đại Học, ông theo ban Luật và tập sự tại văn phòng của Luật Sư Guyet Desfontaines. Nhưng chỉ một thời gian ngắn, Arvers bỏ ngành Luật, dành tâm hồn cho việc sáng tác thi ca.

Trong thời gian này, nhà văn Hàn Lâm Viện Pháp Charles Nodier (1780 - 1844) làm giám quản thư viện Arsenal, thường tổ chức tại đây những buổi bình thơ quy tụ nhiều văn nghệ sĩ nổi danh như Lamartine, Alfred de Musset, Victor Hugo, Alfred de Vigny, Théophile Gautier... dĩ nhiên Félix Arvers cũng không bỏ lỡ cơ hội dương danh với người đẹp Marie Nodier, là ái nữ ông bà Charles Nodier, vẫn thường tham dự.

Thế rồi mỗi tình đơn phương chớm nở. Tài tử yêu say mê nàng thơ giai nhân. Yêu ngấm ngấm, không một lần thẳng thắn tỏ tình, mãi tới khi nàng kết hôn và trở thành Bà Marie Mennessier Nodier, năm 1833.

Đọc bài thơ của Arvers, (mà sau đó văn học sử Pháp ghi là «Sonnet d'Arvers») chúng ta thấy giai nhân và thi sĩ thường sóng đôi đi bên nhau, hàng ngày, gần trong gang tấc mà sao lại cách ngăn hàng vạn dặm quan san đến nỗi nhà thơ phải mượn giấy, mực tỏ nỗi can tràng.

Sự thể là ở vào thế kỷ 18, 19 tới đầu thế kỷ 20, các nhà quyền quý bên Âu Châu thường có «phong trào sính văn nghệ». Họ tổ chức các buổi ngâm vịnh thi ca quy tụ các danh sĩ đương thời

bình thơ, trình bày những ca khúc mới sáng tác hoặc đọc cho nhau nghe một đoạn văn, có thể mỗi lần một đoạn trong truyện dài đang viết....

Nhiều mệnh phụ và tiểu thư, là những người dự thính, còn đi xa hơn bằng cách thương lượng trong số các nhà nghệ sĩ một người độc thân, văn hay chữ tốt, làm gia sư. Mục đích chính là sáng tác thơ, nhạc riêng cho họ thưởng thức. Và có thể, vào giấc trưa hay giấc tối – theo lịch trình nhất định – đọc cho nghe... trước khi họ thêm thiếp dỗ giấc ngủ.

Người nghệ sĩ vốn nhạy cảm, đa tình, đầu óc luôn luôn có những toan tính sáng tạo. Do đấy nền văn học Âu Châu mấy thế kỷ trước nảy nở rất nhiều

tài danh với những tác phẩm nghệ thuật
“để đời” cho tới ngày nay.

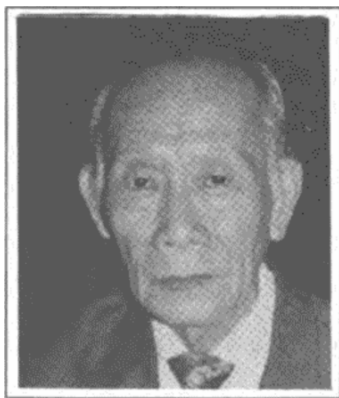
Có thể Félix Arvers trong một thời
gian đã là thi sĩ riêng cho gia đình ông bà
Charles Nodier và tiểu thư Marie Nodier
vậy.

VÂN LINH

(Londres 5-1997)

TRẢ LỜI BÀI THƠ "TÌNH TUYỆT VỌNG"

PHAN ĐÌNH LIỄN



Tôi bắt đầu biết, rồi mến mộ, và mê nhà văn Khải Hưng ngay từ thập niên 40 khi tuổi vừa đôi mươi và

may mắn vẫn còn theo học.

Với các bạn cùng trang lứa, theo lớp sống mới, chúng tôi say mê đọc các sách do Nhóm Tự Lực Văn Đoàn ấn hành, nhất là các cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên, Nửa Chùng Xuân, Trống Mái, Tiêu Sơn Tráng Sĩ... của Khái Hưng, và Gánh Hàng Hoa, Anh Phải Sống.... viết cũng như in chung với Nhất Linh.

Góp phần ca tụng Khái Hưng là nhà văn lớn với tài văn chương trác tuyệt hoặc đề cao chí khí của một Khái Hưng, nhà cách mạng đầy tâm huyết đối với Quốc Gia – Dân Tộc thì thú thật tôi không đủ khả năng.

Ở đây, trong bài này, tôi chỉ xin đem tâm tình của một bạn trẻ thời sáu mươi bảy năm trước để nói lên sự mến mộ và lòng say mê văn nghệ, qua một thần

tượng bất biến, là Khái Hưng – bạn của giới thanh niên trí thức thuở nào...

Như trên đã nói, tôi đã từng cùng các bạn thanh niên nam nữ thuở trước ham mê bao nhiêu tiểu thuyết của Khái Hưng. Nhưng giờ đây về già, thú thật, tôi lại chỉ còn nhớ và quý Khái Hưng qua bài thơ «Tình Tuyệt Vọng» của tác giả đã dịch ra Việt Văn từ một bài thơ Pháp. Đó là bài «Sonnet d'Arvers».

Bài dịch của Khái Hưng tôi đã thuộc lòng và giờ đây tôi cũng vẫn còn thuộc lòng. Và đôi lúc tôi còn ngâm nga để thưởng thức lời thơ thật chải chuốt, thật dễ thương, thật cảm động nữa.

Vào khoảng thập niên 40 các nam nữ học sinh của các trường cao đẳng tiểu học (collège) như Qui Nhơn, Huế, Đồng Khánh...v.v... đều ở tuổi mộng mơ không

mấy ai không biết và không mê bài Sonnet d'Arvers bất hủ cả (bằng tiếng Pháp). Đó là bài thơ thể Sonnet (4 câu, 4 câu, 3 câu, 3 câu) qua đó tác giả là Arvers than thở một mối tình không được người đẹp biết đến.

Nhiều nhà văn đã dịch ra Việt Ngữ. Tuy nhiên chỉ có bản dịch của Khái Hưng là hay nhất, được truyền tụng nhiều nhất. Và với thời gian, đến giờ đây chỉ có bản dịch của Khái Hưng là còn sống trong lòng bạn đọc.

Theo tôi bản dịch của Khái Hưng tự nhiên và hay đến nỗi người đọc tưởng là chính Khái Hưng sáng tác để tỏ nỗi niềm của mình chứ không phải là một bản dịch mà vì vấn đề khác biệt ngôn ngữ, đôi câu, đôi chữ tác giả phải gò bó. Tôi nghĩ đó là trường hợp của tập Cung Oán Ngâm Khúc. Người đọc cứ tưởng

Bà Đoàn Thị Điểm sáng tác chứ không ai tưởng là đã được dịch ra từ bản chữ Nho của Đặng Trần Côn!

Lúc đó có vài bạn học sinh khá môn Việt Văn cũng cố dịch thử, trong số đó có tôi, nhưng thú thật không sao bằng các bản dịch của các văn thi sĩ bậc thầy khác. Vì vậy, lẽ tự nhiên không thể nào sánh được với bài dịch của Khái Hưng.

Riêng tôi, quen tính lãng mạn, tôi lại tự đặt mình vào người đẹp để cố moi óc làm một bài thơ trả lời cho Khái Hưng. Đúng phải là trả lời cho bài dịch của Khái Hưng, nhưng như trên đã nói, bản dịch của Khái Hưng tự nhiên và lưu loát quá nên nhiều người quên hẳn là bản dịch mà đó là bản sáng tác của Khái Hưng để than thở mối tình tuyệt vọng của mình! Khổ nỗi tôi chẳng có tài văn thơ gì nên chẳng thể sáng tác nổi.

Rồi một hôm tình cờ nhân đọc sách báo tại Thư Viện Bảo Đại ở Huế, tôi thấy một tập san Pháp ngữ «La Femme et la Vie» (Phụ Nữ và cuộc đời) có một bài viết Kỷ niệm một trăm năm bài «Sonnet d'Arvers» (1840 - 1940). Trong bài đó có một nữ sĩ Pháp, Bà Lelouard, tự thay thế cho người con gái mà thi sĩ Arvers đã yêu nhưng không được đáp lại, để trả lời cho chàng si tình Arvers. Tôi thật sự rất xúc động và tôi đã dịch liền ra tiếng Việt một cách thật lẹ không ngờ. Chắc hẳn vì lâu nay tôi đã nghiền ngẫm lời lẽ để trả lời nên nay nhân có bài thơ trả lời của nữ sĩ Lelouard nên nguồn cảm hứng và các từ đều xuất hiện trên giấy một cách dễ dàng suông sẻ.

Và kể từ ngày đó tôi thường ngâm nga, đối chiếu «bài tỏ tình của Khái Hưng» với «bài trả lời» của tôi. Và gần

như tôi không còn để ý đến lời bằng tiếng Pháp của các bài Sonnet của Arvers và bài trả lời của nữ sĩ Lelouard nữa.

Riêng đối với tôi, sau bao lần thất bại khi tự tìm ý để trả lời cho Khái Hưng thì may nhờ bài của nữ sĩ Lelouard, tôi đã hoàn thành kỳ được một bản dịch khá lưu loát và cảm động.

Chắc có độc giả sẽ cười và cho tôi là ngông. Nhưng xin độc giả cũng lượng thứ cho.

Cái duyên văn chương có lắm điều khó giải thích, lắm chuyện oái oăm! Chính vì tôi tự đặt mình là người yêu của Khái Hưng (qua bản dịch Réponse au Sonnet d'Arvers của tôi để «trả lời» cho Khái Hưng) nên tôi mới luôn luôn mến yêu và nhớ mãi Khái Hưng từ thập niên 40 cho tới bây giờ.

Đây là đôi lời thô thiển của một độc giả trong trăm ngàn vạn độc giả tưởng nhớ đến Khái Hưng nhân kỷ niệm 50 năm ngày mất của văn hào Khái Hưng vậy.

Viết tại Garden Grove

ngày 1 tháng 7 - 1997

PHAN ĐÌNH LIỄU

RÉPONSE AU SONNET D'ARVERS

Ami, pourquoi nous dire avec tant de mystère.

Que l'amour éternel en votre âme conçu.

Est un mal sans espoir, un secret qu'il faut taire.

Et comment supposer qu'elle n'en ait rien su?

Non vous ne pouviez point passer inaperçu.

Et vous n'auriez pas du vous croire solitaire.

Parfois les plus aimés font leur temps sur la terre.

N'osant rien demander et n'ayant rien reçu.

Pourtant Dieu mit en nous un coeur sensible et tendre.

Toutes, dans le chemin, nous trouvons doux d'entendre

Le murmure d'amour élevé sur nos pas.

Celle ci veut rester à son devoir fidèle.

*S'est émue en lisant les vers tout remplis
d'elle*

*Elle avait bien compris, mais ne la disait
pas...*

Mme LELOUARD

(La Femme et la Vie)

TRẢ LỜI BÀI THƠ

«TÌNH TUYỆT VỌNG³⁰»

Réponse au «Sonnet d'Arvers»

Mme Lelouard - 1940

Bản dịch của

PHAN ĐÌNH LIỄN

Sao Người đã dùng lời bí ẩn

Rằng mỗi tình vương vấn trong tim

30 Thi sĩ Alexis Félix Arvers sanh tại Paris năm 1806 và qua đời năm 1850. Chỉ nhờ bài «Sonnet d'Arvers» (Tình Tuyệt Vọng) mà để lại danh tiếng về sau. Năm 1940 nhân kỷ niệm 100 năm bài thơ này, Nữ Sĩ Lelouard đã làm bài «Réponse au Sonnet d'Arvers» đăng trong tập san «La Femme et la Vie». Tôi đã đọc được trong thư viện Bảo Đại ở Huế năm 1940. Và tôi đã dịch ra với tựa đề là «Trả lời bài Tình Tuyệt Vọng» như trên.

Theo nhà văn Nguyễn Thạch Kiên cho biết thì Bà Vân Linh ở Londres - Anh Quốc đã trình bày nguyên tác bài Sonnet d'Arvers, sơ lược tiểu sử tác giả cũng như bản dịch “Tình Tuyệt Vọng” của Khải Hưng, nên ở đây chúng tôi chỉ xin đăng bài của nữ sĩ Lelouard và bản dịch của chúng tôi mà thôi.

Là tình vô vọng muôn niên,
Nên đành câm tiếng im lìm từ lâu.
Sao Người tưởng Nàng không hay biết
Chẳng khi nào Người chiếc đờn đâu!
Nhiều khi những kẻ yêu nhau
Trọn đời chẳng dám khẩn cầu giao thân.
Trời sẵn phú con tim đa cảm,
Tiếng dịu êm trên quăng đường tình.
Giai nhân đều biết đều tinh
Nhưng luôn phải giữ phận mình nữ nhi.
Nên có dịp những khi đọc đến
Giòng thơ sâu vời vợi tim Nàng.
Lệ tình cũng động chứa chan

*Nàng đà hay biết, nhưng Nàng... lặng
thinh.*

(Thư Viện Bảo Đại, Huế 1940).

PHAN ĐÌNH LIỄN

Tình Tuyệt Vọng

"Sonnet d' Arvers"

Khải Hưng dịch thơ
Liên Bình Định phổ nhạc

Largo espressivo

Lòng ta chôn một khối tình Tình trong giây phút mà thành thấn
thu Tình tuyệt vọng, nổi thắm sâu Mà người gieo
thảm như hầu không hay! Hỡi ơi, người đó ta
đây Sao ta thui thui đếm ngày chiếc thấn? Dấu
ta đi trọn đường trần Chuyện riêng há dăm một lần hé
môi. Người dù ngọc nói hoa cười Nhìn ta như
thế' nhìn người không quen. Đường dài lặng lẽ bước
tiền Ngờ đâu chân đạp lên trên khối tình. Một
niềm tiếc liệt đoạn trính Xem thơ nào biết có mình ở
trong Lạnh lùng lòng sẽ hỡi lòng: "...Người đâu tả
ở mấy vần thơ đây?"

TÌNH TUYỆT VỌNG

KHAI-HUNG dịch SONNET D'ARVERS
HOÀNG-LINH-DUY PHỔ NHẠC - 1985

BOSTON (CHẠM RẼ)



Lòng ta chôn một khối
tình
Tình trong (ò) trong giáy
phút mà thành thiên
thâu
Tình tuyệt vọng nỗi tham
sầu. Nỗi thăm sâu. Mà người gieo
thăm... như hâu không
hay
Hỡi
ơ... người đó ta
dầu Sao ta thu thui đêm ngày chiếc

20. Nhạc thơ Tình tuyệt vọng ♪ 671

thân Dầu ta --- đi trọn đường
trần Chuyện riêng nào dám một lần hé
mỏi Người dù ngọc nói hoa
cười Nhìn ta như thế --- nhìn người không
Ad Libitum (Hết như ngâm)
quen Đường trần lặng lẽ bước
tiên ngơ dầu chân đạp (u.....) lên trên khối
Allegretto
tĩnh Một niềm tiết liệt đoan
trình Xem thơ nào biết có mình ở
trong Lạnh lùng lòng khe hời
Rall. Fine
lòng "Người dầu ta ở mấy dòng thơ dẫu?"

này, có người thích nhà văn kia. Có người lại thích hoặc nhân vật này hoặc nhân vật khác hoặc tác phẩm này hoặc tác phẩm kia của một nhà văn mình thích... Chẳng hạn có người rất mến nhân vật Dũng trong Đoạn Tuyệt của Nhất Linh và đã có lần mơ thấy mình nằm thuyền trên sông Đà... viết thư cho người yêu như chàng Dũng nọ. Có các bậc tu hành rất «mê» «Hồn Bướm Mơ Tiên» và cũng có người thì đọc TSTS (Tiêu Sơn Tráng Sĩ) đã mơ tới cảnh mình là một tráng sĩ múa gươm mà ca như người tráng sĩ trong truyện. Ngay một tác giả đối với chính tác phẩm của mình cũng thế. Chẳng hạn như Khái Hưng, tác phẩm của chính ông được ông ưa thích nhất là cuốn «Hạnh³¹».

31 «Hạnh» là tác phẩm được Khái Hưng ưa thích nhất vì khi đề tặng «Hạnh» cho các bạn hữu ông đã mất thì giờ tìm cho mỗi người một câu có ý nghĩa chứ không để theo lối thông thường như: «Thân tặng anh...»

Tất nhiên cái thích của con người ta cũng theo thời, theo tuổi mà thay đổi. Có những tác giả, tác phẩm ngày xưa ta ưa thích nhưng ngày nay đọc lại ta lại thấy dửng dưng và cũng có những tác phẩm ngày xưa đọc ta không ưa nhưng nay ta lại mến. Cũng có một số tác phẩm càng ngày càng được người đọc ưa thích hơn lên.

Ở đời này tâm lý con người ta có thay đổi nhưng mơ mộng và mơ màng những giấc mơ hào hùng của người tráng sĩ cứu khốn phò nguy, trọng nghĩa khinh tài, trung trinh ái quốc... làm nổi những việc phi thường chúng ta không làm nổi... thì có lẽ lại rất ít đổi thay. Cho nên người Việt ta vẫn còn nhiều người «mê» những Phàn Lê Hoa, những Phương Thế Ngọc, những Tiêu Phong, Đoàn Dự... Thế nên trong những truyện của Khái Hưng một

vài người bạn của người viết và cả người viết nữa lại thích cuốn TSTS hơn cả.

Vào khoảng năm 1945 và 1946 ở Hà Nội một đường phố giữa đường Quan Thánh và trường Bưởi cũ có một quán giải khát tên là Quán Tiêu Sơn. Thấy cái tên «ngổ ngộ» vào thời buổi ấy tôi ghé vào uống nước và gặp chủ quán là Bích – anh đã qua đời ở Phát Diệm vào khoảng đầu thập niên 1950, nên tôi không cần giấu tên anh nữa – một anh bạn thân hồi còn học ở Hà Nội mới hồi năm 1944 thôi. Mãi sau này tôi mới đoán anh có hoạt động đảng phái vì nghe tin ông cụ thân sinh ra anh làm quản lý một đồn điền ở Sơn Tây đã bị VM (Việt Minh) giết và cũng vì thấy có một số đảng viên QĐĐ (Quốc Dân Đảng) lui tới quán đó. Tôi cũng thấy nhiều đảng viên VNC-MĐMH (Việt Nam Cách Mạng Đồng

Minh Hội) gọi tắt là Việt Cách hay Vích để đối với VỆM là tiếng gọi tắt phe Việt Minh. Trong số những người này có các anh B.D.H, người đã từng đưa tôi vào chơi căn nhà 80 Đường Quan Thánh trụ sở cũ của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, anh Đặng T.T³², con ông Đặng Tử Kính, cháu cụ Đặng Tử Mẫn, bạn đồng chí của cụ Nguyễn Hải Thần. Phải nói các anh làm cách mạng mà rất trổng trải tôi không phải là đồng chí của các anh, nhưng các anh chẳng giấu gì về tông tích cả, nên sau này tôi nghĩ các anh thất bại cũng là phải thôi. Trở lại trường hợp QTS (Quán Tiêu Sơn), ta thấy anh Bích hản đã chịu ảnh hưởng Khái Hưng rất nặng nên mới lấy cái tên đó đặt cho quán nước của anh. Đối với tôi vốn dè dặt dùng cái tên QTS đặt cho một cái quán thời bấy giờ có các

32 Sau tôi có nghe tin anh Đ.T.T bị bắt bỏ rọ sắp buông sông thì may được một anh bạn là P.N có rất nhiều giấy tờ chứng minh của V. M. đến xin được ra.

đảng viên Việt Cách hay QĐĐ lui tới quá có là một thái độ thách đố với CS (Cộng Sản), một thái độ coi trời bằng vung.

Nhưng có lẽ tôi đã hơi lạc đề rồi vì trong bài này tôi chỉ muốn viết về vài cảm nghĩ của tôi về cuốn TSTS – tôi không muốn dùng hai chữ phê bình vì thấy có vẻ «dao to búa lớn» quá. Vả chẳng nói về cái thích của mình đối với một tác phẩm văn chương của một tác giả chưa hẳn là làm một công việc phê bình văn học. Vậy thì lý do nào đã khiến chúng tôi ưa TSTS hơn những tác phẩm khác của Khái Hưng?

Lý do trước nhất là thường thường chúng ta phải sống một cuộc sống tầm thường chật hẹp, bó buộc trong xã hội, trong vòng kiềm tỏa của lễ giáo. Do đó chúng ta hay mơ mộng và giấc mơ đẹp

nhất của chúng ta vẫn là một cuộc sống kiểu:

Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo...

Cho nên chúng ta có yêu cuộc sống của những Quang Ngọc, Nhị Nương, Phạm Thái... thì cũng là tự nhiên.

Vậy Quang Ngọc tức Phổ Tĩnh Thiên Sư là người thế nào? Theo trong truyện thì Quang Ngọc là con ông Trần Quang Châu (tr.37), làm Đốc trấn – theo lời Phạm Thái (tr.38), người sáng lập Đảng Tiều sơn. Quang Ngọc không xuất hiện trong truyện nhiều tuy nhiên chỉ ở bốn năm lần có mặt Quang Ngọc đã dư sức chứng tỏ tài đáng làm thủ lĩnh chứ không nông nổi như Lê Báo và dễ khích như Trịnh Trách khi Lê Báo khích Trách để Trách đồng ý với cái mưu bắt Lê Báo giả làm Phạm Thái đem nộp cho Phân

Phủ huyện Từ Sơn để đến đêm nội ứng ngoại hợp với đám phương chèo do một nhóm đồng chí trong sổ có nhiều nhà sư giả trang để giải thoát cho các người bị bắt giam. Quang Ngọc cũng sáng suốt khi biết rằng Phân Phủ cho lùng xét các chùa là cốt để bắt nhà sư giả Phạm Thái bị thương... Rồi sau khi sào huyệt ở chùa Tiêu Sơn bị phá, Quang Ngọc lại trở thành chủ quán Bạch Phượng để rồi sau cùng chí lớn vẫn bền, vẫn vững, ngược xuôi trên đường thiên lý tìm đồng chí hoạt động cho lý tưởng «phù Lê» của mình với sự trợ giúp gần nhau trong hành động nhưng xa nhau trong không gian của một trang hiệp nữ «Nhị Nương».

Theo Khái Hưng, Nhị Nương, con gái quan Binh Bộ Thượng Thư Nguyễn Đình Giản, (tr. 65) là một cô gái thô-

ng minh quyền biến, binh thư võ lược đều tinh thông. Nàng lại có tài cải trang nhiều khi phải giữ vai liên lạc cho đảng trưởng và các nhân vật trọng yếu khác trong đảng. Và khi cần đóng vai nào thì từ cách ăn mặc đến cử chỉ lời nói đều y hệt người giới đó. Quang Ngọc đã đem điều này ra khen ngợi khi trách Trịnh Trục: «Công tử đã thấy chưa? Chứ khi người ta nhốt tù hờ vào cũi, người ta chọn một anh đầu trọc thì người ta phải bảo ngay rằng người ấy là sứ...» (tr. 269). Chúng ta được biết Nhị Nương giống «hết một cô gái quê xinh xắn, láu lỉnh bán hàng trâu nước cho các cậu cai cơ, cai lệ» (tr. 269) nhưng trước đó chúng ta còn thấy nàng đã từng đóng vai cô hàng nôi (những trang 28. 29. 30...) rồi lại có lúc cải nam trang đóng vai ông thầy bói chuyên xúi người đi coi nổi loạn và sau cùng vai nam tráng sĩ gặp Quang Ngọc

trên đường thiên lý. Mà lần nào cũng giống như thực.

Nhị Nương thật là xứng đáng với Quang Ngọc tuy nam nữ khác nhau, tài năng phương cách hoạt động cũng có khác nhau, nhưng cả hai giống nhau ở một điểm: họ cùng có một chí hướng bất di bất dịch: dẹp bỏ chữ tình sang một bên để tìm cách khôi phục lại nhà Lê, tuy bằng hữu của họ đã dần hoặc thay đổi như Lê Báo hoặc bị giết như Trịnh Trực hoặc bị bắt như Đào Phùng hoặc nản chí chỉ còn sống vì rượu như Phạm Thái.

Không, Quang Ngọc, Nhị Nương thì vẫn một niềm son sắt như thuở ban đầu. Họ tuy sống xa nhau nhưng «linh hồn họ bao giờ cũng ở bên nhau» (tr. 418) vì tình bằng hữu của họ «đã trở thành một sự thiêng liêng» (tr.418)

Ở đây chúng ta gặp một Khái Hưng lý tưởng, một Khái Hưng như trong «Hồn Bướm Mơ Tiên», nhưng lý tưởng ở đây không phải là lý tưởng hy sinh thân thể của mình, tình yêu của mình cho một hành vi «vì đạo». Lý tưởng ở TSTS là hy sinh tình yêu cho một «hành động»: Báo thù nhà, đền nợ nước.

Đối với đôi Quang Ngọc – Nhị Nương, một đôi anh hùng hiệp nữ có thể nói ít dựa vào lịch sử vì chỉ có đôi ba giòng về gia thế còn thì hoàn toàn gần như chỉ có trong óc sáng tạo của Khái Hưng là đôi trai tài gái sắc. Phạm Thái - Quỳnh Như vốn là những nhân vật có thực được ghi trong văn học sử và tác phẩm của họ cho đến nay vẫn còn được truyền tụng.

Độc Việt Nam Văn Học Sử Yếu³³ của Giáo Sư Dương Quảng Hàm ta thấy những nét chính trong cuộc đời Phạm Thái đã được Khải Hưng ghi lại rất sát trong TSTS. Chỉ có một vài chi tiết khác mà thôi. Theo Giáo Sư Dương thì Phạm

33 Phạm Thái (1777 - 1813), người xã Yên Thường huyện Đông Ngạc (Từ Sơn Bắc Ninh). Cha ông trước làm quan với nhà Lê, được phong tước Trạch Trung Hầu; sau khi Tây Sơn dứt nhà Lê, có khởi binh chống lại, bị thua. Ông nói chỉ cha đi tìm người đồng chí để lo sự khôi phục. Vì bị truy nã ông phải trả hình đi tu ở chùa Tiêu Sơn (thuộc huyện Yên Phong, Bắc Ninh), lấy hiệu là Phổ Chiêu Thiền Sư. Một người bạn đồng chí là Trương Đăng Thụ đường làm quan ở Lạng Sơn ... cho người đón ông lên đấy, nhưng không được bao lâu Thụ mất. Ông mới đến xã Thanh Nê (thuộc huyện Ý Yên, Nam Định) là quê Đăng Thụ viếng bạn và ở lại đấy ít lâu. Cha Đăng Thụ muốn gả người con gái là Trương Quỳnh Như cho ông, nhưng bà mẹ không ưng. Sau khi Quỳnh Như chết, ông buồn bã chán nản, chỉ uống rượu ly bì, sự hiệu là Chiêu Lý. Năm 37 tuổi thì mất. (DQH - VNVHS tr. 319)

Những chi tiết khác nhau về cuộc đời Phạm Thái theo tác giả VNVHS và Khải Hưng chi tiết nào đúng với sự thực? Người viết không dám có ý kiến vì vốn trọng kiến thức của Giáo Sư Dương Quảng Hàm mà cũng vì được biết là khi viết TSTS, Khải Hưng đã từng về Thanh Nê để tìm hiểu về Trương Quỳnh Như tức là ông đã làm việc một cách rất thận trọng và vì thế cũng rất đáng tin.

Thái là con Trạch Trung Hầu trá hình đi tu ở chùa Tiêu Sơn (thuộc huyện Yên Khang, Bắc Ninh), còn theo Khái Hưng thì Trần Quang Ngọc đạo hiệu Phổ Tĩnh Thiền Sư mới trụ trì ở chùa này, còn Phạm Thái, đạo hiệu Phổ Chiêu Thiền sư thì tu ở chùa Linh Đài, làng Nghiêm Xá. Một chi tiết khác nữa là trong TSTS thì sau khi Trương Đăng Thụ mất «ông mới đến xã Thanh Nê (thuộc huyện Ý Yên, Nam Định) là quê Trương Đăng Thụ viếng bạn và ở lại đây ít lâu (VNVHS, tr.319), còn trong TSTS thì Phạm Thái là người đã đưa linh cữu Trương Đăng Thụ từ Lạng Sơn về quê rồi gặp và yêu Quỳnh Như là em Thụ. Còn những nét chính khác trong cuộc đời Phạm Thái và Quỳnh Như nữa ta có thể coi như đúng khá nhiều, hầu hết được chứng minh bằng văn thơ xướng họa và viết để tặng nhau của hai người trong sổ có tập «Sơ

Kính Tân Trang» còn truyền tụng.

Thế nên qua ngọn bút của Khái Hưng, Phạm Thái đã hiện ra rất chân thực. Đó là hình ảnh của một tráng sĩ tài kiêm văn võ lại rất mực đa tình. Phạm Thái mưu sự khởi binh chống lại nhà Tây Sơn ắt không thể không học võ và đọc các sách về binh thư chiến lược. Về mưu lược, chín chắn Phạm Thái chắc không kém Quang Ngọc mà hơn hẳn Lê Báo rất nhiều. Phạm Thái lại là một thi sĩ, một nghệ sĩ có biệt tài sử dụng chữ nhanh và tinh tế qua lối thơ «thuận nghịch đọc³⁴» rất khó làm. Vì là một thi sĩ nên Phạm Thái đã yêu Trương Quỳnh Như, một thiếu nữ con quan đã đẹp lại có tài nhất là tài thơ văn, có mưu lược, chín chắn hiếm có ở đời này. Nhưng Quỳnh Như cũng lại

34 Thuận nghịch đọc là lối thơ đọc xuôi đọc ngược đều thành thơ và có ý nghĩa Thường thì đọc xuôi là thơ chữ Hán và đọc ngược lại thì thành thơ nôm

lãng mạn một cách hào hùng nên nàng đã chiếm trọn quả tim của chàng tráng sĩ họ Phạm, tặng ngựa và hành trang để chàng lên đường... để rồi khi người trong mộng trở lại thì nàng yêu say đắm đến độ tự tử chết khi bị ép duyên với một kẻ vô tài, chỉ vì mẹ nàng không chịu ưng gả nàng cho «một ông sư phá giới». Bà đâu có biết ông sư đó vốn là con một vị hầu tước. Mọi sự, mọi việc xảy ra cho Phạm Thái và Quỳnh Như đều rất thực, rất hợp với tâm lý con người.

Thế nên ta có thể nói: cặp Quang Ngọc - Nhị Nương được lý tưởng hóa thế nào thì đôi Phạm Thái - Quỳnh Như được tả sát thực tế tức là đúng theo tâm lý con người ta thế ấy. Do đó, TSTS biểu lộ thêm được một khía cạnh khác của văn tài Khái Hưng, khía cạnh khuynh hướng tả tâm lý.

Nhưng chưa phải là hết. TSTS còn là một biểu hiệu của tài tả phong tục tập quán của Khái Hưng nữa. Chúng ta đã biết những cuốn như: «Thừa Tự, Gia Đình...» đều là những cuốn tiểu thuyết phong tục có giá trị trong văn chương Việt Nam, song đó là những phong tục tập quán của người đồng thời với tác giả. Trong TSTS Khái Hưng đã chứng tỏ ông có tài làm sống lại những con người khá xưa đối với chúng ta. Khái Hưng đã vẽ lại rất đúng những phong tục tập quán của một xã hội Việt Nam hồi cuối thế kỷ thứ 18 và đầu thế kỷ thứ 19. Thật vậy chúng ta hãy đọc những hàng ông tả cách ăn mặc của một thanh niên thời đó đi chơi nhằm mục đích lấy lòng bà mẹ người con gái chàng yêu: «Chàng phục sức cực kỳ sang trọng; dăm vòng khăn nhiều tam giang mới, nâng cái búi tóc cao cài lược đôi môi; tấm áo gấm lam phủ ngoài

mớ áo nhiễu kỳ - cầu và chiếc quần lụa màu ngà buông chấm mũi đôi hài Phú Xuân thêu kim tuyến. Theo sau bọn đầy tớ xách điều cặp tráp theo hầu rộn rã.» (TSTS tr.282)

Rõ rệt hơn hết là tập tục cưới gả con gái. Kiến Xuân Hầu biết gia thế Phạm Thái. Ông rất muốn gả con gái là Quỳnh Như cho Thái nhưng bà vợ ông không chịu. Vì không thể tiết lộ được thân thế của người ông chọn làm rể ông đành chịu thua để đến nỗi Quỳnh Như phải tự tử chết khi bị mẹ ép duyên gả cho một kẻ con nhà giàu nhưng vô tài, kém học.

Nếu so sánh hai người Nhị Nương và Trương Quỳnh Như thì ta thấy Nhị Nương hào hùng hơn. Quỳnh Như chỉ là một cô tiểu thư con quan mềm yếu nên trong xã hội xưa khi gặp nghịch cảnh như cảnh của nàng cách đối phó gần như độc

nhất chỉ là tìm cái chết. Nàng yếu đuối đến nỗi chẳng dám bỏ nhà ra đi tu nữa. Thật đáng thương thay và cũng đáng trách thay cho bà mẹ nàng! Khái Hưng cũng là người rất sành tâm lý phụ nữ khi ông hạ bút: «Về các việc mà nhất là việc hôn nhân, trong một gia đình, bao giờ ý muốn của bà cũng lấn át ý muốn của ông». (TSTS tr.411) Qua ít dòng đó ta lại thấy Khái Hưng vừa là tiểu thuyết tâm lý gia vừa là phong tục tiểu thuyết gia.

Chẳng những Khái Hưng đã thành công trong việc vẽ lại hình ảnh cuộc sống của năm ba người thời đó, ông còn làm sống lại được cả một xã hội xưa của ta vốn trọng thơ văn hơn hết mọi sự, mọi việc ở đời. Trong những xen, những cảnh Phạm Thái đi tìm đồng chí ở vùng Sơn Nam sau khi Đảng Tiều Sơn thất bại ở Kinh Bắc như là cảnh Phạm Thái để

thơ ở núi Voi và gặp một thi sĩ xuất khẩu thành thơ:

Nhà văn này với sư ông

Lỗ mãng nghe đâu cũng một tuồng

Bá ngọc thẳng nào mà nói dối

Mồm kia hẳn chẳng nốc cà tương.

(TSTS tr.373)

Về những vai phụ ta thấy Khái Hưng cũng chú ý tả người nào ra người đó. Lê Báo là người nóng tính bộc trực, trung thành, sau lại trở thành một kẻ chân tu. Trịnh Trục là người có mưu cơ nhưng rượu vào thì dễ bị khích. Đào Phùng cũng rất thao lược, mưu cơ lại anh hùng coi những hình phạt tra tấn như trò chơi. Kiến Xuyên Hầu cũng được tả với cá tính rõ rệt. Hầu biết nhận xét người,

rộng lượng, biết tha thứ cho người khác. Biết Phạm Thái làm thơ nôm cho hai cháu mình viết phóng làm hai bản để liên lạc với con gái mình. Hầu vẫn để cho con gái đọc trọn bài thơ. Hầu cũng không trách Phạm Thái, chỉ gợi ý vạch cho Phạm Thái một con đường hành động khi nhắc tới chuyện Thôi Oanh Oanh và Trương Quân Thụy.

«Bỏ ra đi, rồi tùy ý, muốn đi hản không quay về nữa cũng được, hay muốn nhờ mối lái hỏi «Thôi Oanh Oanh» làm vợ cũng được». (TSTS tr.410)

Về khuyết điểm TSTS cũng có. Chẳng hạn Khái Hưng không có những trang tả các trận đấu võ đã xảy ra như thế nào. Chắc ông không học võ. Hoặc chẳng hạn như ông đã cho là Long Cơ, vợ Trương Đăng Thụy, đã treo cổ tự tử mà còn được cứu sống lại. Theo một tài

liệu y khoa chúng tôi được đọc thì khi đã treo cổ lên, xương cổ người treo cổ sẽ gãy và người đó sẽ chết ngay tức thì. Tuy nhiên ở đây cũng có ngoại lệ chăng?

Về cái kết cục của TSTS cuộc khởi nghĩa phù Lê chống nhà Tây Sơn của các nhà tu chùa Tiêu Sơn đã thất bại đưa đến sự tan rã của Đảng Tiêu Sơn, Quang Ngọc - Nhị Nương tiếp tục hành động Phạm Thái biến thành kẻ chán đời tìm quên trong rượu. Khái Hưng đã để cho Nhị Nương gặp Phạm Thái khi trang cựu tráng sĩ này vừa uống rượu vừa ngâm những vần thơ chẳng còn gì là khí phách của một trang tu mi nam tử³⁵.

Đưa lời cho tới cung mây

Sầu này xin gửi cho đây với cùng

35 Cuộc phù Lê chống Tây Sơn của nhóm nhà sư Tiêu Sơn thất bại Thời Pháp có lẽ cũng có nhiều nhà sư làm cách mạng chống Pháp.

*Túi thơ hồng trách ai se mối
Đến nửa chừng bỗng nói dần ra
Căm vì một ả trăng già
Trêu người chi mãi chẳng tha thế này.*
(TSTS tr. 419)

Rồi «màn» buông xuống khi vó ngựa của Nhị Nương reo trên đường xa khiến Phạm Thái giật mình lên tiếng:

«Mời khách qua đường hãy dừng vó ngựa uống với ta một hớp rượu! Ha ha! Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy một hồ rượu» (TSTS tr. 420)

Nói tóm lại xét tổng quát văn nghiệp của Khái Hưng trên những tác phẩm đã xuất bản cho đến nay ta thấy TSTS là tác phẩm biểu hiện đúng nhất và đầy đủ nhất mọi khía cạnh của văn tài Khái Hưng.

Qua tác phẩm này ta thấy ông vừa là nhà tiểu thuyết lý tưởng, nhà tiểu thuyết phong tục lại vừa là nhà tiểu thuyết tâm lý³⁶.

Ngoài những điều đó ra tưởng cũng nên thêm một vài nhận xét. Chẳng hạn TSTS ta còn thấy vui vui vì những xen, những cảnh các nhà thơ ta xưa thường xuất khẩu thành thơ đùa nhau và ta cũng thấy một nét đặc biệt của nền văn hóa Việt Nam là cha ông chúng ta rất thích thơ, rất kính trọng người có tài làm thơ kiểu trên đời không có gì quan trọng hơn thơ nữa.

Thế nhưng theo kết cấu của câu chuyện của Khái Hưng thì trong mắt nhà thơ cả:

³⁶ Đã đành tiểu thuyết nào cũng phải đặt vấn đề tâm lý nhân vật làm trọng.

“Chí lớn trong thiên hạ không đựng
đầy một hồ rượu”

Và: “Chí lớn trong thiên hạ không
đựng đầy hai con mắt mỹ nhân”.

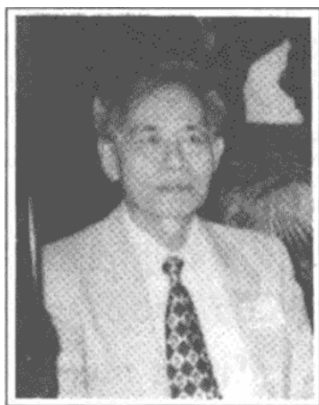
Sự thực ở đời này có lẽ là như vậy đó.

Luân Đôn ngày 15. 8. 1997

HOÀI CHÂU

TÔI ĐỌC KHÁI HƯNG

PHAN LÊ



Tôi đọc Khái Hưng, hay nói rộng ra, đọc các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn (TLVĐ) từ 1942, lúc mới học tiểu học. Hồi này đã say mê nghiên

ngấu một mạch cho tới hết truyện. Đọc xong rồi đọc lại. Nói cho ngay, không phải tôi chỉ đọc có TLVĐ thôi, mà còn mê các truyện loại khác, như trình thám Phạm Cao Cung, kiếm hiệp của Văn Tuyền, Thanh Đình và cùng loại như “Tổ Tâm” của Hoàng Ngọc Phách, “Tắt Lửa Lòg” của Nguyễn Công Hoan... Vậy đó, tôi đọc chỉ để giải trí, để thỏa mãn đam mê, chứ không phải để thu thập, học hỏi gì, và thường chú trọng đến cốt truyện hơn là văn chương.

Dần học lên cao, tôi bắt đầu gạn lọc và chọn các loại truyện vừa có ích cho việc học hành (làm văn, bình văn), vừa giải trí luôn. Cũng từ đó tôi tập trung về các loại được gọi là “tiểu thuyết văn học”, trong đó có các tác phẩm của TLVĐ và của các nhà văn khác như Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Vũ Trọng

Phụng...v.v... Tôi cũng không bỏ qua tiểu thuyết của các nhà văn ở miền Trung, miền Nam, như Bửu Đình, Hồ Biểu Chánh... (Phạm vi bài này, tôi chỉ đề cập về Văn, chứ không phải tôi không biết, hay không đếm xỉa gì đến Thơ).

Trong mục đích học hỏi và thưởng ngoạn, tôi đọc nhiều nhất các tác phẩm của TLVĐ, mà lúc đó coi như là một phong trào. Và tác giả tôi ngưỡng mộ hơn cả là Khái Hưng Trần Khánh Giư.

Nhưng tác phẩm của Khái Hưng, tôi mến chuộng nhất vẫn là những truyện dài. Hồi này, trình độ thưởng ngoạn chưa dẫn đường đến cho tôi ngưỡng mộ nhà văn Thạch Lam, cũng trong TLVĐ, qua các truyện ngắn của ông; vả lại như tôi vừa nói, tôi “mặn” truyện dài hơn truyện ngắn. Mãi sau này kiến thức tăng

trưởng, tôi bắt mình phải nghiên cứu rộng rãi thêm, và phải có nhận thức công bằng về mọi thể văn, bấy giờ mới thấu triệt được cái độc đáo, cái tuyệt vời của những truyện ngắn Thạch Lam.

Trở lại với Khải Hưng. Không phải ông chỉ viết có truyện dài, tôi cũng đã đọc nhiều truyện ngắn của ông, tuyển tập riêng cũng có, chung với Nhất Linh cũng có, như Dọc Đường Gió Bụi, Hạnh, Anh Phải Sống... v.v... Nhưng riêng tôi nhận xét, thì những truyện ngắn trong các tập Sợi Tóc, Nắng Trong Vườn, Gió Đầu Mùa của Thạch Lam là nổi bật, và một mình rẽ vào một lối riêng rục rĩ, ngoạn mục hơn cả.

Về truyện ngắn, Khải Hưng viết đủ mọi đề tài, cả truyện đường rừng, truyện thần linh, ma quái, nên tản mạn, không

xoáy mạnh vào một vấn đề nào rõ rệt. Nhưng các truyện dài, ta có thể phân ra 4 loại:

1. Loại “lý tưởng”.

2. Loại đả phá hủ tục gia đình, phân chia giai cấp giàu nghèo, sang hèn.

3. Loại bài bác chế độ quan liêu, cường hào ác bá.

4. Còn một loại đặc biệt, không thể xếp hẳn vào loại nào, chỉ có thể gọi là «thuần túy văn chương» mà thôi.

«Lý tưởng» là thế nào? Đó là những hình ảnh đẹp đẽ, cao vời, được lồng vào các cảnh huống, xa rời thực tế, tựa như huyền thoại, khó xảy ra trong cuộc đời, kể cả những mối tình trai gái. Thật vậy, ai chấp nhận rơi vào cảnh huống đó thì

tựa như người mộng du, để đi đến chung cuộc thường là lìa tan, khổ lụy.

Khái Hưng đã thể hiện 2 tác phẩm được các nhà bình luận xếp vào loại «lý tưởng», mà Pháp gọi là «idéalisme». Đó là «Hồn Bướm Mơ Tiên» (HBMТ) và «Nửa Chùng Xuân» (NCX).

Trong HBMТ, tác giả mô tả cuộc tao ngộ giữa một đôi thanh niên nam nữ có nhân dáng khả ái, có trình độ học thức, trong một nghịch cảnh đạo và đời, và trong một khung cảnh tách biệt không bị đánh động, làm loãng sự yên tĩnh của họ (một ngôi chùa). Cuộc gặp gỡ đã đưa đến một mối tình lãng đãng băng khuâng, như một áng mây chiều, như một làn hương hoa, mà cả hai vừa say sưa, vừa e ấp, ngại ngùng, không ai dám dẫn thêm một bước, cũng không đành lùi lại hay

quay lưng. Để rồi tiếng chuông chùa gọi nàng trở về với nghiệp duyên, còn chàng thì quay lại bước hồng trần thực tại.

Kết cuộc chỉ để lại một sự xao xuyến nhẹ nhàng, không có bi thảm, không có khổ lụy (như trong «Tắt Lửa Lò» của Nguyễn Công Hoan). Nếu có người quá khích bảo «yêu nhau thì cứ lấy nhau, việc gì mà ngại», thế thì đâu còn «lý tưởng» nữa! Phải để cho nó cao vời, xa rời thực tế chứ! Truyện không dài lắm, có thể bảo là một truyện vừa. Và tựa đề rất gần bó với nội dung: nó gợi lên một vẻ mông lung, hư ảo.

Đến NCX thì Khái Hưng đã đặt vào đó quá nhiều kỳ vọng. Vừa là loại «lý tưởng», ông còn ghép thêm vào các luận đề về cường hào ác bá ở nông thôn, rồi đến sự chuyên chế, kìm hãm của đại gia đình, để dựng lên nguyên nhân kết

hợp và lìa tan của một đôi lứa uyên ương trong một mối tình đẹp đẽ nhưng vô vọng.

Mai là một cô gái đẹp, thùy mị, sớm mồ côi cha mẹ, xuất thân từ một gia đình Nho học cổ kính, nhưng rất cấp tiến và can đảm. Gia cảnh khó khăn, nàng định bán tài sản thừa tự để sinh sống và nuôi em trai trọ học ở Hà Nội. Nàng bị một tay hào mục trong vùng bắt chẹt: hắn muốn vừa mua nhà đất vừa mua luôn người, đầu hắn đã có đến ba bà vợ rồi. Trong tình huống đó, nàng bỗng gặp một cứu tinh là một thanh niên Tây học quen biết hồi nhỏ, lúc cha nàng kèm dạy chữ Nho cho một gia đình quan lại. Chàng trai đó là con nhà quan vừa nói, hiện đang là một viên chức trung cấp thuộc bộ máy hành chính Pháp. Chàng ra tay nâng vớt, lo liệu mọi khó khăn cho nàng. Nghĩa cử

đó đã đưa họ đến gần nhau để nảy sinh ra một mối tình. Ta phải công nhận tình yêu giữa Lộc và Mai là một sự kết hợp đảm thắm và tự nguyện của hai con tim, chứ không hề có sự lợi dụng hay đền đáp nào. Mai đã không dẫn đo trao phỏ hôn xác mình cho người yêu, và kết quả là một cái bào thai.

Mai là một mẫu người khác biệt với cá tính của hầu hết bạn cùng phái: họ cân nhắc rồi mới yêu, còn nàng thì không ngần ngại yêu và cho tất cả, nào ngờ đến tình huống rơi vào vòng vụng trộm, do Lộc đã dàn cảnh hợp lệ để lấy nàng. Còn Lộc thì đúng tâm trạng chung của mọi thanh niên thời bấy giờ là phải tuân phục cha mẹ hoặc các anh chị có trách nhiệm «quyền huynh thế phụ». Lộc nhắm mắt lao theo sự bùng bột của con tim, để rồi gặp rối rắm không giải quyết nổi khi bà

mẹ bàn định cưới vợ cho anh nơi một gia đình môn đăng hộ đối.

Lộc mồ côi cha, ở với một bà mẹ góa vợ quan nghiêm khắc. Khi phát giác ra anh tư tình có con, bà Án giận lắm. Nhưng vốn là người sâu sắc, bà tìm riêng Mai dàn xếp để nàng về làm thiếp cho Lộc, vừa giữ được cháu nội, vừa ổn thỏa việc con trai thành hôn. Dĩ nhiên là Mai không chịu, và đoạn tuyệt người yêu ra đi. Nàng xa lìa Lộc vì tự trọng, nhưng không oán hận chàng, nàng biết Lộc yêu nàng chân thành.

Bà Án không thể để cuộc tình đó dang dai. Bà dứt khoát bắt Mai ra khỏi con tim Lộc bằng một đòn tối hậu: ngụy tạo ra một bằng chứng là Mai không chung tình với anh. Và bà đã thành công.

Tiếp theo là một quãng đời khổn khó nhưng khảng khái và cao đẹp của Mai, khi đã đường chia hai ngã với Lộc. Giờ đây, một thân nữ nhi đơn độc phải cứu mang một người em trai và một đứa con bé nhỏ, tuy là một gánh nặng nhưng cũng là một động lực để nàng phấn đấu cho đến lúc em công thành danh toại và con trai ngày một lớn ngoan.

Khoảng thời gian này không phải là những tháng ngày suông sẻ. Ngoài sự vất vả mưu sinh, nàng còn phải đấu tranh với nội tâm để lướt qua hai đối tượng đã đem lòng yêu thương nàng. Một người là bác sĩ đã cứu chữa em nàng thoát qua cơn bệnh nguy kịch, rồi sau đó tỏ tình với nàng. Người kế là một họa sĩ thuê nàng làm mẫu vẽ chân dung. Bức tranh vẽ đã gần xong, chỉ cần một lượt hoàn chỉnh nữa là nàng mãn giao kèo. Thì một

hôm nàng đến, bất ngờ nom thấy họa sĩ Hải đang say sưa áp mặt vào bức tranh. Nàng sợ hãi, lảng lạng rút lui và lánh mặt từ đó.

Mai trốn chạy hai mối tình này, không phải vì họ là người xấu hay không xứng đáng, ngược lại. Nhưng nàng khước từ vì không ai có thể thay thế được người yêu đầu đời. Nàng đã kiên định tâm ý: chỉ có con tim mới hồi đáp con tim, còn với người khác, vật chất thì sòng phẳng bằng vật chất, không thể lẫn lộn, đồng hóa với tình yêu.

Người ta liệt truyện NCX vào loại «lý tưởng», thì quả thật là lý tưởng, cả đến mấy mối tình phụ cũng đều thanh khiết, cao vời. Và qua hai mối tình này, Lộc mới vỡ lẽ ra trước kia mình bị lừa, do đó thấu rõ lòng sắt son của Mai và tội nghiệp cho nàng. Thế nên, cho đến

cuối truyện Lộc và Mai vẫn còn gắn bó với nhau, nhưng chỉ bằng tâm tưởng, để rồi cũng lại lìa tan. Lộc ra đi. Để chôn chặt một mối tình ngang trái. Để tiêu cực phản đối bà mẹ. Để xa lánh người vợ do cuộc hôn nhân bất như ý. Thật buồn, nhưng cũng thật thơ mộng! Bên lò sưởi than hồng nổ lép lép, hai người thức trắng đêm tâm sự chờ sáng. Để rồi chia tay nhau lần cuối, nàng đứng trông theo chàng dần rời xa, chân bước đi mắt còn nổi mắt, cho đến khi khuất dạng dưới chân đồi.

Như trên tôi đã nói: ai chấp nhận vào cảnh huống tương tự, thì như người mộng du, không biết mình đang làm gì. Thời xưa cũng khó có những cảnh tình xa rời thực tế như vậy, nói chi thời nay.

Về chủ đề lý tưởng, so với HBM thì NCX có nội dung nhiều khô, phức

tạp hơn nhiều, về cấu trúc cũng như về tâm lý nhân vật. Nhưng xét về giá trị tác phẩm thì NCX có trọng lượng hơn, với lối tạo dựng tình tiết phong phú và sự vận dụng công phu sáng tác dày đặc, từ đó thể hiện được nhiều diễn biến hơn, nói lên nhiều vấn đề hơn.

Còn về phần luận đề «đả phá sự chuyên chế của đại gia đình, tệ nạn cường hào ác bá», Khái Hưng chỉ nêu lên một bức tranh xã hội đơn giản, chỉ đóng lên một tiếng nói nhẹ nhàng. Ta không thấy bùng lên, thậm chí âm ỉ, một tia lửa đấu tranh, như trong «Đoạn Tuyệt» của Nhất Linh.

Đến những tác phẩm có nội dung bao quát các luận đề, ta có thể kể ra các truyện dài như Gia Đình, Thừa Tự, Thanh Đức... v.v... Khái Hưng đã thể hiện được những cốt truyện sinh động,

hấp dẫn, kích thích sự tò mò theo dõi của độc giả thưởng lãm, đồng thời cũng nhóm lên sự suy tư của tầng lớp phong kiến, quan lại, và của cả những kẻ thuộc giai cấp nạn nhân thời đó.

Về mặt tác động quần chúng, các tác phẩm đó cũng chỉ nói lên một tiếng nói hiền hòa, không châm ngòi cho một ý thức phản kháng sôi nổi hay tiềm tàng, như các truyện «Đoạn Tuyệt», «Lạnh Lùng» của Nhất Linh.

Còn về phương diện văn chương, người đọc sẽ nhận thấy, có lẽ có kém phần thanh thoát, trác lộng và réo rắt so với các truyện thuộc loại «lý tưởng», và có thể lại càng sút kém hơn so với các tác phẩm «thuần túy văn chương» mà tôi sắp nói tới. Trong một tập giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay vào năm 1958 do Nhất

Linh chủ trương, có một đoạn tự bạch của ông về loại tiểu thuyết có luận đề do ông sáng tác (Đôi Bạn, Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng) là nó bị gò bó theo cái mô hình đã đúc sẵn, nên không thanh thoát, bay bổng bằng loại truyện khác. Vậy thì Khái Hưng hẳn cũng không thoát khỏi sự ràng buộc đó, và tác phẩm của ông cũng bị khép vào một cái vỏ bọc tương tự.

Chót hết là đến các tác phẩm mà tôi liệt vào loại «thuần túy văn chương», trong đó tiêu biểu nhất là «Tiêu Sơn Tráng Sĩ», rồi kế tiếp là «Đẹp» và «Trống Mái». Tôi gọi thuần túy văn chương, là vì các tác phẩm này không đả phá cái gì cả, chỉ thể hiện hết cái đẹp đẽ, cái trác tuyệt cho mục đích văn chương, mà hồi đó có một khuynh hướng sáng tác tự mệnh danh là nhóm «nghệ thuật vị nghệ

thuật» (tính bao quát tất cả các bộ môn về văn học, nghệ thuật).

Trong «Đẹp», tác giả dựng lên một mối tình mà hai đối tượng tuổi tác cách nhau đến gần một thế hệ, nhưng cùng một giai cấp xã hội. Hai nhân vật đó là Nam và Lan. Nhưng sự chênh lệch đó không làm cho người ta chú ý, dè bủ, trái lại nên thơ và dễ thương qua lối diễn tả dí dỏm, linh động của tác giả. Nó không ồn ào, phức tạp về hoạt cảnh và về tâm lý nhân vật như trong truyện «Yêu» của Chu Tử sau này, với cặp «chú Đạt» và Diễm, khiến cho độc giả «mệt» vì bị khuấy động.

Trong truyện «Trống Mái», Khái Hưng đã thể hiện những đoạn tả cảnh tuyệt vời, như đoạn tả hoàng hôn trên mặt bể, với đợt ráng chiều đỏ thắm, tia ra

như những cái rẽ quạt, nhòa dần rồi tan biến trong màn tối. Tác giả không viết văn, mà vẽ nên một bức tranh thật linh hoạt. Các đoạn tả cảnh tiêu biểu này, đã được trích nhập vào sách giáo khoa dưới thời hai chế độ Cộng Hòa, làm bài mẫu cho học sinh học Văn ở bậc trung học. Về nhân vật, Khái Hưng dựng lên hai đối tượng: một cô nữ sinh tên Hiền ngưỡng mộ một ngư dân trẻ là Vội, vì anh này có thân hình lực sĩ đẹp như Hercule, khác biệt với người bạn trai thành thị của nàng yếu đuối, ẻo lả, rồi dần mến thích tính tình chất phác, thật thà của Vội, nên Hiền chủ động tiến tới làm quen. Chỉ có thế. Hiền biết rõ sự quen biết đó không đi đến đâu, chỉ để vui vẻ qua những ngày nghỉ mát tại miền biển này, và không hề có ác ý đùa cợt đưa Vội vào một mối tình vô vọng. Nhưng về phần Vội, anh lại tự biến mình thành một Trương Chi,

thầm mơ tưởng đến người con gái hồn nhiên đã «hạ cố» mình, để rồi tự hủy diệt vì tương tư. Tội nghiệp! Nhưng chỉ do mình! Ở đây, tác giả hình như không có ý khuấy lên sự phũ phàng khắc nghiệt của giai cấp, chỉ nhẹ nhàng nêu ra sự cách biệt khó san bằng giữa hai giới trí thức, giàu sang và thấp kém, nghèo hèn. Truyện không đóng khung vào một luận đề xã hội gay gắt, nên ngả về văn chương thuần túy với đầy đủ tính chất bay bướm, lãng mạn.

Đến «Tiêu Sơn Tráng Sĩ» mới thật là thuần túy văn chương, và cũng là tác phẩm dài nhất của Khái Hưng. Đó là một truyện tình được lồng vào bối cảnh lịch sử lúc vua Lê Chiêu Thống lưu vong sang Tàu. Không phải chỉ một mà đến ba mối tình, mang ba sắc thái tình cảm khác biệt. Mỗi tình thứ nhất là hai đối

tượng vua Lê Chiêu Thống ở phương Bắc và nàng Hoàng Phi (viết hoa xem như biệt danh) ở lại trong nước. Nàng Hoàng Phi tội nghiệp luôn lo lắng, nhớ nhung và hoài vọng đấng quân vương yêu dấu, không kể gì đến cảnh huống gian truân của bản thân mình. Rồi khi hay tin Lê Chiêu Thống chết, nàng liền tự vẫn theo người yêu sang bên kia thế giới. Mỗi tình kể tiếp là giữa đảng trưởng đảng Tiêu Sơn Trần Quang Ngọc và người tình vừa là đồng chí Nhị Nương. Đây là một mối tình bình thường, ít phức tạp nhất, vì nó được hồi đáp và gắn bó cận kề, nhưng tình đồng chí đặt nặng hơn để mưu đồ phục hồi vương nghiệp cho nhà Lê. Mỗi tình thứ ba với Chiêu Lý Phạm Thái và người nữ diễm lệ, tài hoa Quỳnh Như là một sự kết hợp đẹp đẽ và lãng mạn nhất, mà chung cuộc cũng bị ai và ảm đạm nhất. Cuộc tình này, Khái Hưng đã

viết nên những trang tình sử trác tuyệt của một đôi tài tử giai nhân, khiến người đọc phải bồi hồi xao xuyến cho cảnh tử biệt sinh ly, mà người ở lại thất tình thất chí đến cuồng điên, sa đọa.

Đây không phải là một truyện dã sử. Dã sử nhiều khi còn khít khao và xác thực hơn cả chính sử, vì từ dân gian mà ra. Đằng nay Khái Hưng chỉ rút ra một giai đoạn thời Lê Chiêu Thống, tiểu thuyết hóa và dựng lên thành một tác phẩm văn chương trác tuyệt, trong đó có một số nhân danh và địa danh được hư cấu. Tôi nghĩ chắc Khái Hưng không có ý định đưa vào truyện vấn đề chính trị, hoặc bênh vực gì vua Lê Chiêu Thống. Nhưng ngòi bút tài tình của ông đã làm cho độc giả thấy xót thương Lê Chiêu Thống và cảm xúc cho thân phận Hoàng Phi. Rồi đến cuộc mưu đồ của nhóm

Tiêu Sơn tráng sĩ, ta nhìn nhận nó yếu đuối, lạc lõng, tuyệt vọng, nhưng không khỏi rủ lòng thương cho những tắc dã trung kiên.

Riêng tôi xét rằng Lê Chiêu Thống tuy bản thân có lỗi lầm với Tổ Quốc, dân tộc, nhưng nàng Hoàng Phi chung tình chí nghĩa với đấng quân vương của mình đâu phải là một cái tội. Còn nhóm Tiêu Sơn tráng sĩ, theo đạo lý Khổng Mạnh thì bấy tôi phải trung thành với vua, đầu triều đại có suy vi cũng không thể quay mặt bỏ đi. Lê Chiêu Thống tuy bạc nhược, vọng ngoại, nhưng không phải hôn quân vô đạo giết hại trung thần, nên bấy tôi bấy giờ vẫn tôn thờ, chỉ sau này lịch sử và hậu thế mới có quyền phê phán mà thôi.

«Tiêu Sơn Tráng Sĩ» là một truyện dài nhất, và cũng là một tác phẩm văn

chương sáng chói và tuyệt vời nhất so với tất cả các truyện của ông. Nhưng có một điều đáng tiếc, rất đáng tiếc như sau...

Qua những năm tôi ở trại tập trung CS, trong một dịp hiếm hoi đàm đạo với một số ký giả, nhà văn, nhà thơ đồng cảnh, tôi được nghe rằng giá tác phẩm «Tiêu Sơn Tráng Sĩ» có dung lượng trội hơn, thì đã được Hội Văn Bút Quốc Tế bình xét để tiếp nhận vào loại Tài Tử Thư của Á Châu, như Tam Quốc Chí, Thủy Hử, Hồng Lâu Mộng... v.v... Tôi có hơi sung sướng, vì đó là một vinh hạnh lớn lao cho nền văn học nước nhà, nhưng còn hoài nghi hỏi lại anh Phan Lạc Phúc (tức ký giả Lô Răng), thì anh này xác nhận là đúng. Rất tiếc! «Tiêu Sơn Tráng Sĩ» chỉ dài nhất so với các truyện của ông, nhưng lại quá ngắn bên cạnh các Tài Tử Thư kể trên, nên không hợp cách. Là

một nỗi mừng hụt, một vinh hạnh nửa vời. Nhưng quay về các sáng tác phẩm cận đại trong nước, ta phải công nhận là Khái Hưng đã góp phần to tát và rạch ròi vào kho tàng văn học dân tộc.

Riêng trong nhóm TLVĐ, những tác phẩm của ông, nhất là truyện dài, mang một bản sắc độc đáo, khác biệt với các tác giả cùng nhóm, với bút pháp thanh thoát, nhẹ nhàng và tự nhiên, không có lối trau chuốt làm dáng. Cho nên, những tác phẩm ông viết riêng so với các truyện ông viết chung với Nhất Linh như trong *Đời Mưa Gió*, *Gánh Hàng Hoa*, ta nhận thấy rõ ràng có một cái gì đó như lạc điệu, không còn thuần nhất «Khái Hưng».

Nếu chúng ta đọc Khái Hưng mà bỏ qua không biết đến hai bộ môn sáng tác khác của ông, thì chưa trọn vẹn: đó là Thơ và Kịch. Về Thơ, đa số ông dịch

thơ Đường của các thi hào Lý Bạch, Đỗ Phủ và Tô Đông Pha. Còn thơ sáng tác, tôi có được đọc một bài ông phỏng theo một bài thơ Pháp của Félix Arvers, lấy tựa là «Tình Tuyệt Vọng», đã được nhiều người biết đến. Về kịch, ông viết nhiều kịch ngắn trong các tập «Đội Mũ Lệnh» và «Đồng Bệnh»; còn kịch dài chỉ có duy nhất là «Khúc Tiêu Ai Oán», mà ông rút ra một đoạn trong sử Trung Hoa với nhân vật chính là Ngũ Tử Tư.

Ông sáng tác bao quát như vậy, nhưng trọng tâm là tiểu thuyết dài, ngắn. Còn Kịch và Thơ thì chỉ ít thôi, nên không được nổi bật trong quảng đại quần chúng. Tuy nhiên, dầu hai bộ môn này không được phát huy rộng rãi, với ngòi bút tài hoa của ông, những thơ và kịch cũng có giá trị văn chương đáng kể.

Khái Hưng là một ngòi bút kiệt xuất trong văn đàn Việt Nam, đã mất sớm do bàn tay sát nhân của CS, để lại một gia tài văn chương to tát cho đương thế và hậu thế. Tôi tự hỏi: «Nếu ông còn sống cho đến nay, không biết ta còn được thưởng thức thêm bao nhiêu tác phẩm giá trị khác nữa? Tôi vẫn luôn nghĩ rằng Khái Hưng là linh hồn của TLVĐ về phương diện tiểu thuyết dài, và Thạch Lam về phần truyện ngắn».

Khi hai nhà văn này qua đời, thì TLVĐ xem như bị chích cánh, rồi từ đó không được bổ sung vào những thành viên khác, hầu duy trì phong độ huy hoàng cũ, để cuối cùng tan rã. Những người còn lại, tách ra hai phía đối nghịch ở hai đầu đất nước, đã không sáng tác được gì nổi bật về lượng cũng như về phẩm, dẫu với danh nghĩa của TLVĐ hay

là của cá nhân. Tệ hại hơn nữa, những người theo CS còn tự phê phán mình đã sai lầm với những sáng tác phục vụ trí thức tiểu tư sản phản động, dẫu rằng họ được nở mặt nở mày nhờ những tác phẩm này. Thế đó, đương nhiên TLVĐ dần bị chìm vào lãng quên, để nhường chỗ cho một trào lưu kế tiếp mọc lên với một đường hướng mới, một khí thế mới, về bút pháp cũng như về tư tưởng.

Dĩ nhiên, sau này ta đọc «Khu Rừng Lau» của Doãn Quốc Sĩ, «Mối Tình Mẫu Hoa Đào» của Nguyễn Mạnh Côn, «Ung Thư của Thanh Tâm Tuyền, «Gia Tài Người Mẹ» của Dương Nghiễm Mậu...v.v... ta thấy có một sự say mê, hấp dẫn mới; không phải ta chạy theo thị hiếu của thời thượng (văn chương mà chạy theo thị hiếu thì hỏng!) mà là một khám phá mới theo từng giai đoạn tiến

hóa của dân tộc, về phần người viết cũng như người thưởng ngoạn. Đó chính là sự sáng tạo của cả hai phía.

Nói vậy, không có nghĩa là ta phủ nhận công lao và giá trị của các tác phẩm thuộc TLVĐ (và các tác phẩm cùng thời). Đất nước ta từ trước đến giờ, mỗi thời lại mọc lên một khuynh hướng thi văn, nối tiếp nhau làm mới, làm đẹp, tăng cường cho kho tàng văn học nước nhà. Không có sự đào thải, mà là kế tục thích nghi cho từng trào lưu, để vun bồi, nuôi dưỡng cho cây văn hóa dân tộc mãi mãi xanh tươi, nhuận sắc.

Rất tiếc nước ta chưa có hàn lâm viện, cũng không có kích thước nào đo văn hào, thi hào để tấn phong những tài năng vào tẩm cở Khái Hưng. Rồi CSVN qua mấy mươi năm thống trị toàn bộ đất nước và với dân số trên 70 triệu hiện

nay, vẫn chưa có ai được tôn vinh vào hai ngôi vị đó. Văn, thi sĩ nào (của họ) sáng chói quá e còn rước họa vào thân, thì trông mong gì họ vô tư vận động để phong tặng cho những tài năng của cả nước trong lãnh vực văn chương từ trước đến giờ. Nhưng dầu sao đi nữa, với sự góp phần lớn lao của Khái Hưng cho nền văn học nước nhà, hẳn cả nước cũng giành cho ông một chỗ ngồi đặc biệt ở chiếu trên của văn đàn rồi.

California - Westminster,

ngày 1 tháng 6, năm 1997

PHAN LÊ

KHÁI HƯNG, HÀNH TRÌNH NHÂN BẢN

Vương Trùng Dương



Thời gian như lắng đọng, khi
mọi người đoàn tụ trong mái

ấm gia đình để đón nhận giây phút thiêng liêng đêm giao thừa của ngày Tết cổ truyền, nhà văn Khải Hưng đã vĩnh viễn ra đi trong niềm uất hận. Đêm cuối năm – 30 tháng Chạp năm Bính Tuất (27/01/1947) – Khải Hưng bị hai tên công an điều ra khỏi trại giam Lạc Quần, sau đó bị thủ tiêu nơi bến đò Cửa Gà, làng Ngọc Cục, Xuân Trường, Nam Định, xác chìm xuống dòng sông Ninh Cơ. Thủ đoạn vô cùng dã man của cộng sản đã sát hại con người nho nhã, chân chính, có tấm lòng với tiền đồ dân tộc, nhà văn lớn đã có công đóng góp cho nền Văn học đất nước... chính là bản cáo trạng muôn đời lên án bản chất khát máu, độc ác của cộng sản, mà lịch sử không bao giờ tha thứ.

Bản án dã man, tàn bạo đó dù cộng sản cố tình dấu giếm, lấp liếm rồi xuyên

tác trong văn học nhưng thời gian, nhân chứng và sự thật đã đưa ra ánh sáng.

Khái Hưng bị cộng sản triệt hạ nhưng tên tuổi Khái Hưng vẫn sáng chói trong nền Văn học nước nhà. Ngày nay hình ảnh, tác phẩm của Khái Hưng được sống lại ngay trên đất nước sau gần 5 thập niên bị chế độ độc tài thống trị dìm cho phôi phai theo thời gian. Cộng sản thủ tiêu hình hài Khái Hưng nhưng không thể nào thủ tiêu hình ảnh, ngôn ngữ, tác phẩm mà Khái Hưng đã dâng hiến cho đời, cho dòng sinh mệnh Văn học Việt Nam. Giá trị tư tưởng của Khái Hưng đã vượt khỏi gông cùm, xiềng xích.

Chân Dung Nhà Văn.

Khái Hưng, tên thật là Trần Khánh Giu, sinh năm 1896 tại làng Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Dương. Con trưởng của

tuần phủ Trần Mỹ, cử nhân Hán học, tác giả tập thơ “Cổ Phần Lái Khúc”. Lúc nhỏ theo học chữ Hán, sau theo học trường trung học Albert Sarraut, đỗ tú tài, về Ninh Giang hoạt động thương mại, được một thời gian, không thành công, trở lại Hà Nội dạy học ở trường Thăng Long của cụ Huỳnh Thúc Kháng. Nơi đây, ông gặp Nhất Linh.

Con rể của Tổng Đốc Bắc Ninh Lê Văn Định. Tuy nhiên, Khải Hưng không thích làm quan, thích cuộc sống tự lập vì vậy vừa đi dạy vừa viết báo để tạo dựng cuộc sống. Vừa dạy học vừa viết xã luận và chuyện vui trong tuần cho tờ báo thương mại của Chu Mậu. Chu Mậu là nhà buôn có thế lực, dùng tờ báo để làm phương tiện quảng cáo cho công việc kinh doanh về may mặc vì vậy Khải

Hưng không mấy hài lòng cho “mảnh đất dụng võ” này.

Khái Hưng có người em cùng cha khác mẹ, nhà văn Trần Tiêu (1900 - 1954) tác giả *Con Trâu*, *Chồng Con*, *Năm Hạng*, *Sau Lũy Tre* vào thập niên 1940... Trần Tiêu theo Cộng Sản, làm Ủy Viên Hội Đồng Nhân Dân Xã Cổ Am, không có tác phẩm nào sau này và trở thành bóng mờ khi Khải Hưng bị thủ tiêu.

Năm 1930, sau bốn năm du học ở Pháp, đỗ cử nhân khoa học, Nhất Linh về nước, không chọn con đường hoạn lộ, làm Hiệu trưởng ở trường Thăng Long và tiếp tục sự nghiệp làm báo. Nhân bài khảo luận ký tên Bán Than đăng trên báo Văn Học của anh em Dương Bá Trạc và Dương Tự Quán, Nhất Linh bắt gặp được ngọn bút độc đáo, có khả năng và

nhận thức sâu sắc. Hình ảnh vị anh hùng dân tộc Trần Khánh Dư đời Trần làm Nhất Linh liên tưởng đến nhà giáo Trần Khánh Giu, đồng nghiệp, đang cộng tác cùng chung mái trường. Từ đó, Khải Hưng và Nhất Linh trở thành “đôi bạn” trong văn học, nghiệp dĩ và cuộc sống.

Năm 1927, giáo sư Phạm Hữu Ninh cho ra đời tờ Phong Hóa, được 13 số thì đình bản vì thiếu người cộng tác. Sau thời gian tìm được những cây bút hợp tác, Nhất Linh thương thảo với Phạm Hữu Ninh để tục bản tờ Phong Hóa. Số 14 ra ngày 22. 9 - 1932, chú trọng về văn học và trào phúng. Tòa soạn và trị sự đặt tại trường Thăng Long. Với ngòi bút khôi hài, châm biếm tập tục hủ lậu, thái độ kiêu căng tự đắc, nhân danh này nghĩa nọ để lộng giả thành chân... được đề cập qua dòng phỉếm luận, tranh hí họa đã

tạo được tiếng vang trong báo giới. Hình ảnh Xã Xệ, Lý Toét, Bang Bạnh, Đình Dù... nhân vật điển hình của thời đại đã lôi cuốn độc giả đón nhận tờ Phong Hóa. Hà Nội được cười nhộn với bao tiết mục khôi hài, chế giễu, châm chọc... nhiều nhân vật có “máu mặt... mệ” lần lượt được đề cập trên tờ Phong Hóa.

Giới cầm bút có Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Khải Hưng (Trần Khánh Giư), Tú Ly, Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long), Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu), Thạch Lam, Việt Sinh (Nguyễn Tường Lân), Lê Ta, Thế Lữ (Nguyễn Thử Lễ)... Giới cầm cọ có Cát Tường, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Tường Tam... mở ra mặt trận xung kích tạo cho Phong Hóa có sắc thái mới lạ, độc đáo. (Phát hành được 110 số, tờ Phong Hóa bị đóng cửa vào năm 1936 vì bài phóng sự của

Hoàng Đạo mĩa mai Hoàng Trọng Phu liên quan đến việc làm tay sai cho Pháp).

Từ những cây bút trong “nhóm Phong Hóa” những chàng ngự lâm pháo thủ thành lập ra Tự Lực Văn Đoàn vào năm 1933. Với chủ trương “Trước vui thích, sau ích lợi”. Mười điều tôn chỉ của Tự Lực Văn Đoàn được đề cập trên Phong Hóa, số 87, ra ngày 2 - 3 - 1934. Ba mục đích lớn về phương diện chính trị, xã hội và văn chương. Đả phá quan liêu, hống hách, cường hào ác bá, âm mưu chia để trị, hủ tục, tệ nạn xã hội, trừ khử lối văn chịu ảnh hưởng chữ Nho xâm nhập quá nhiều... Xây dựng canh tân xứ sở, giá trị tình yêu quê hương dân tộc, tinh thần vị tha, tự lập, phục vụ đời sống người dân lao động, giá trị nhân phẩm con người, nhất là nữ giới với quyền làm người trong xã hội, văn chương trong sáng, giản dị, dễ

hiếu, quan tâm đến đời sống đích thực của con người... Khái Hưng là người lớn tuổi nhất trong Tự Lực Văn Đoàn, hơn con chim đầu đàn Nhất Linh đúng mười tuổi.

Hồn Bướm Mơ Tiên xuất bản vào tháng 5 - 1933, tác phẩm đầu tay của Khái Hưng và cũng là tác phẩm đầu tiên của Tự Lực Văn Đoàn. Tình yêu giữa Ngọc và Lan được thể hiện trong tâm hồn lãng mạn, thanh cao, thoát tục qua mỗi tình chàng sinh viên si mê, đắm đuối “chú tiểu Lan” nương thân nơi cửa Phật. Khái Hưng đã gửi gắm vào đó tính nhân bản của đôi trai, gái tìm một con đường: “Đại gia đình của tôi nay là nhân loại, là vũ trụ, mà tiểu gia đình của tôi là... hai tâm hồn đôi ta ẩn núp dưới bóng từ bi Phật tổ”. Đam mê, yếu đuối trong tình yêu khi gặp nghịch cảnh, éo le, bi đát, rồi than

vẫn, khóc thương, hủy hoại thân xác như Tổ Tâm của Hoàng Ngọc Phách thuở đó như sách gối đầu giường cho thanh niên nam nữ. Hồn Bướm Mơ Tiên xuất hiện với mối tình đầy lãng mạn, thơ mộng, éo le nhưng được thăng hoa, nâng cao tâm hồn để tìm lối thoát cao đẹp, có ý nghĩa trong cuộc sống.

Tiếp đến, Nửa Chùng Xuân xuất hiện với hình ảnh Mai – người phụ nữ đẹp cả tâm hồn và thể xác trong mối tình với Lộc đầy bi thương, sóng gió trong xã hội phong kiến, lạc hậu. Người phụ nữ yếu đuối đã chịu đựng, hy sinh, chịu bao đắng cay tủi nhục đã chụp lên thân phận làm vợ, làm dâu... nhưng bằng nghị lực, bằng tấm lòng yêu thương chân thật với gia đình, người yêu, tuy đang dở nhưng thể hiện được mối tình cao thượng, lý tưởng trong xã hội thời ấy. Hai tác phẩm

này đều xuất hiện trên tờ Phong Hóa.

Khi tác phẩm được xuất hiện đều đặn, Khải Hưng thôi dạy, tiếp tục cộng tác trên tờ Phong Hóa và Ngày Nay (ra ngày 30 - 1- 1935) cùng với anh em trong Tự Lực Văn Đoàn. Ngày Nay ra mỗi tháng 3 kỳ, nội dung và hình thức như Phong Hóa nhưng mục trông tìm đi thẳng vào vấn đề sinh hoạt “dân ta” trong cuộc sống giữa thực dân và phong kiến nên vẫn là cái gai cho chế độ thực dân. Cuộc sống nhà báo lúc đó rất khó khăn nhưng vì đam mê, yêu nghề nên đành “lấy nghiệp vào thân”. Trương Bảo Sơn kể về trường hợp Nhất Linh: “Trong khi dạy học, anh để dành tiền làm báo... anh em không ai ngạc nhiên thấy anh bỏ cái nghề hàng tháng (nghề dạy học) đương cung cấp cho anh ba trăm đồng bạc lương để làm cái nghề chỉ đem lại

cho anh có ba chục đồng bạc, nghĩa là 1/10 số lương cũ”. Cũng như Nhất Linh, Khái Hưng cũng chọn con đường “ngiệp báo” theo lý tưởng của ông.

Năm 1940, Khái Hưng cùng Nhất Linh nhập cuộc trong Đại Việt Dân Chính khi Nhất Linh đứng ra thành lập. Thời kỳ này, giữa Khái Hưng và Nhất Linh tuy hai mà một, tâm đắc, chí hướng đã gặp gỡ nhau nên luôn luôn “sát cánh” trên mọi việc. Khái Hưng bị Pháp bắt giam ở nhà giam Vụ Bản, Hòa Bình một thời gian. Được thả, Khái Hưng tiếp tục con đường cầm bút. Báo Ngày Nay lại tiếp tục tái xuất hiện ngày 5 - 5 - 1945, đường Quan Thánh, Hà Nội. Được xem như cơ quan ngôn luận của VN Quốc Dân Đảng. Nội dung chú trọng về thời cuộc, khảo cứu, khoa học. Khái Hưng, cây bút trụ cột, chuyên viết đề tài có tính

cách xã hội và thời sự nóng bỏng. Tác phẩm Xiềng Xích lần lượt xuất hiện trên trang báo, lên án sự bạo hành, cường hào, tham lam, những loạn của thực dân Pháp và bè lũ tay sai, đồng thời đưa ra hình ảnh những nhà hoạt động chính trị, cách mạng xả thân cho đất nước đã bị tù tội, bị đánh đập tra tấn, bị hành hạ khổ sở trong gông cùm thực dân. Ngòi bút sống động, chân thực, phơi bày thực trạng phủ phàng, tang thương trong lao tù, cuộc sống... được Khải Hưng mô tả đã làm xúc động lòng người.

Thế rồi, biến cố 19 - 8 - 45, Việt Minh cướp chính quyền, đàn áp đảng phái đối lập, Ngày Nay bị đóng cửa. Tuy không ưa Cộng Sản nhưng Khải Hưng mang tâm hồn nhân bản nên vẫn nghĩ rằng Cộng Sản không lẽ nhẫn tâm, tàn ác tiêu diệt thành phần chân chính đối lập vì vậy

Khái Hưng không nghe lời ngăn cản của bằng hữu, rời Hà Nội, về lại quê vợ ở Nam Định vào tháng 12 - 1946. Hai tuần lễ sau, Khái Hưng bị cộng sản thủ tiêu một cách dã man! Bà Khái Hưng sống lầm lũi trong nỗi khổ đau, (vẫn không tin Khái Hưng đã chết) cố chờ đợi chồng. Và rồi qua đời ở quê nhà vào năm 1954 sau khi đã biết rõ sự thật.

Nhìn Về Tác Phẩm.

Từ tác phẩm Hồn Bướm Mơ Tiên đến Khúc Tiêu Ai Oán, Khái Hưng đóng góp cho kho tàng Văn học Việt Nam khoảng hai mươi lăm tác phẩm (truyện dài, truyện ngắn, kịch...) qua 15 năm sáng tác. Về truyện ngắn, Khái Hưng sáng tác rất phong phú, xuất hiện thường xuyên trên báo Phong Hóa và Ngày Nay; Đời

Nay tuyển chọn một số truyện ngắn để in thành tác phẩm, chưa hẳn đặc sắc và tiêu biểu trong hàng trăm truyện ngắn Khải Hưng sáng tác.

Theo thời gian xuất bản gồm: Hồn Bướm Mơ Tiên (1933), Nửa Chừng Xuân (1934), Tiêu Sơn Tráng Sĩ (1934), Trống Mái (1935), Tiếng Suối Reo (1935), Gia Đình (1935), Dọc Đường Gió Bụi (1936), Thoát Ly (1937), Tục Lụy (1937), Thừa Tự (1938), Hạnh (1938), Đợi Chờ (1938), Đẹp (1939), Những Ngày Vui (1941), Đội Mũ Lếch (1941), Đồng Bệnh (1942), Băn Khoản tức Thanh Đức tức Tội Lỗi (1943)... Bóng Giai Nhân (1946), Khúc Tiêu Ai Oán (1946).

Viết chung với Nhất Linh: Anh Phải Sống (1934), Gánh Hàng Hoa (1934), Đời Mưa Gió (1936).

Trong “Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên”, dẫn chứng một số tác phẩm tiêu biểu của Khái Hưng qua tiểu thuyết về ái tình, gia đình và đoản thiên đoản kịch, Phạm Thế Ngũ kết luận: “Khái Hưng là một cây bút đi nhặt nhanh truyện người, một thứ gương pha lê hướng ra cuộc đời lấm vè và dung nạp một cách trung thực và khoan hòa những tâm tư và hình thái của một xã hội chung quanh ông”.

Cùng quan điểm với tôn chỉ trong Tự Lực Văn Đoàn, Khái Hưng đã thể hiện tiếng nói trong văn nghiệp của ông qua toàn bộ tác phẩm. Đúng ra, phải phân tích toàn bộ tác phẩm của ông mới nói lên được hành trình ông đi và gửi gắm tâm hồn người cầm bút trong từng tác phẩm. Tuy nhiên, với Khái Hưng chỉ nhìn vào vài tác phẩm tiêu biểu cũng thấy được cuộc hành trình đó. Tiểu thuyết của ông

phần đông thuộc tiểu thuyết lý tưởng, tiểu thuyết luận đề, tiểu thuyết phong tục... nhằm bày tỏ cái hay, cái đẹp, nhân phẩm, giá trị của con người, sự rung cảm của con tim, tình người trong cuộc sống. Đưa ra hình ảnh hủ lậu, quan niệm khắt khe, phong kiến, bảo thủ của tầng lớp phong kiến... đã từng gieo rắc bao tai họa, bất hạnh, khổ đau không những cho kẻ khác mà ngay cả người thân trong gia đình để soi nhìn thực trạng bị thương, phủ phàng của thời đại sinh sống.

Mối tình bi đát nhưng rất cao đẹp giữa Phạm Thái và Trương Quỳnh Như qua tiểu thuyết lịch sử Tiều Sơn Tráng Sĩ. Nếu gò bó trong hôn nhân, bị tan vỡ giữa Lộc và Mai đưa đến tình yêu lý tưởng trong Nửa Chừng Xuân thì trong Trống Mái quan niệm về tình yêu có vẻ phóng khoáng, thanh thoát hơn. Hiện

thích Vội với thân hình lực lưỡng, vẻ đẹp của chàng trai đánh cá, có lúc yêu nhưng không muốn tiến đến hôn nhân vì Hiền, cô gái thuộc hạng phong lưu, có tư tưởng mới... Giữ trong tim hình ảnh đẹp, lấy nhau, cách biệt về cuộc sống, không còn đẹp đôi nữa.

Khái Hưng đưa ra hình ảnh chân thực về tình yêu, hạnh phúc đích thực trong cuộc sống trong Gia Đình. Phụng, Nga, Bảo là ba cô con gái ông bà án Bảo. Phụng và Nga lấy chồng tri huyện, kẻ tham lam, người nhu nhược, ham chơi nên có tiếng nhưng không có gì hạnh phúc. Nga lấy Hạc, chàng sinh viên, bỏ học, đi làm đồn điền, cả hai đều bắt tay tạo dựng cuộc sống mới, công tác xã hội, giản dị, hòa đồng, dung dị, tìm được niềm vui, hạnh phúc bên những người thân quen.

Viết về hình ảnh trong sáng, Khái Hưng sử dụng ngòi bút thật uyển chuyển, nhẹ nhàng, bóng bẩy để tô điểm bóng dáng nhân vật hài hòa trong văn.

Bên cạnh đó, hình ảnh ông huyện bà phán nhố nhăng, kịch cỡm, hách dịch, đánh đá... với lời lẽ châm biếm, gay gắt cho phù hợp với nhân vật đang bị nghiền rủa.

Bà Phán Trinh trong Thoát Ly, vợ lẽ, cầm quyền trong gia đình. Người dì ghẻ thâm độc, gian ác, nham hiểm, tìm mọi thủ đoạn để hành hạ Hồng, mồ côi mẹ lúc 6 tuổi, sinh viên sư phạm Hà Nội. Trong tình yêu, Hồng gặp bao cảnh ngang trái lại bị dì ghẻ manh tâm phá hoại, Hồng bất lực trước cuộc sống và tìm cái chết để thoát ly cõi đời lấm than, bất hạnh.

Bà án Ba trong Thừa Tự cũng thuộc

mẫu người đàn bà gian ngoa, bủn xỉn, mê tín, hợm hĩnh. Gia đình giàu có nhưng trở thành bi kịch bởi lòng tham, đố kỵ, giành giật, tranh nhau chiếm đoạt đất đai để thủ lợi.

Bà Án trong Nửa Chừng Xuân thể hiện mẫu người có đầu óc phong kiến, thiếu tình người, không có lòng nhân ái, độ lượng. Cái lý của bà Án trong quan niệm vị kỷ nên tìm cách bảo thủ làm hại cuộc tình của Mai và Lộc.

Khái Hưng đã phác họa bức tranh sống và thực trong giai đoạn thực dân và phong kiến nhằm phơi bày cái xấu xa, lạc hậu, lên án đầu óc ích kỷ, vụ lợi, cậy quyền cậy thế... đã hãm hại chà đạp tình yêu, nhân phẩm, cuộc sống của tha nhân và ngay chính người thân thuộc. Ca ngợi tinh thần tự chủ, tự lập, đề cao phẩm

cách của người phụ nữ trong sinh hoạt gia đình và xã hội; tôn trọng đời sống riêng tư, tình cảm cá nhân, lòng vị tha và nhân ái. Khải Hưng đã dẫn thân trong văn giới với tấm lòng của nhà giáo, với hoài bão của người cầm bút chân chính nhằm đem vẻ đẹp của Chân Thiện Mỹ để trang trải, tô điểm cho cuộc sống có ý nghĩa đích thực của nó. Khải Hưng sáng tác rất dồi dào, phong phú... với sự đam mê và giàu nghị lực. Vũ Bằng đã kể về những khuôn mặt trong Tự Lực Văn Đoàn: «... Có một lần nhìn vào bản thảo của Khải Hưng, người ta thấy anh viết ở đầu trang một chữ “Gia đình”, ở cuối trang một chữ “Người con gái đẹp” và ở giữa trang một dòng “Trời ơi, biết viết gì đây, hờ trời?”. Khải Hưng đã từng đưa ra vấn nạn, hình ảnh “người con gái đẹp” trong thảm cảnh “gia đình”. Làm

sao dung hòa, giải thoát cuộc sống, tình yêu... cho thích nghi, phải đạo, có tình có lý. Sự thận trọng, cân nhắc, đắn đo, suy ngẫm đó cho thấy tinh thần trách nhiệm và ý thức sáng tạo của người cầm bút.

Khái Hưng chọn nghề văn, nghề báo như là nguồn sống cao quý để dâng hiến cho tha nhân với tâm tư, tình cảm, nhận thức của ông để cùng nhau trang trải nỗi niềm. Nhà giáo, nhà báo, nhà văn... luôn luôn mang tâm hồn nhân bản để xây dựng cái hay, cái đẹp, nhân cách con người, giá trị đạo đức trong từng cá nhân, gia đình và xã hội. Khái Hưng vẫn còn khả năng cống hiến cho đời những đứa con tinh thần đáng giá, nhưng tiếc thay, kẻ bạo tàn đã nhấn tâm thủ tiêu cây bút chân chính đang dần thân cho ng hiệp dĩ!

Cuộc hành trình của ông còn dang dở nhưng tên tuổi Khải Hưng đã có chỗ đứng vững vàng trong lịch sử Văn Học Việt Nam.

VƯƠNG TRÙNG DƯƠNG

“THANH ĐỨC” HAY “TỘI LỖI”?

“QUÊ HƯƠNG” HAY

“THIẾU QUÊ HƯƠNG”?

HOÀNG TRÚC



Vấn đề này có liên quan tới Khái Hưng và Nguyễn Tuân, nhưng chúng tôi xin gồm làm một vì ngoài hai nhà văn trên, câu chuyện này còn có liên quan tới hai nhà thơ khác.

Năm 1943 chúng tôi học năm thứ ba bậc Cao Đẳng Tiểu Học trường Trung Học Thái Bình, thuở ấy được gọi là “Cours Primaire Supérieur de Thái Bình”. Vì xa nhà nên trọ học tại một thứ ký túc xá (KTX) của trường gọi là Pensionnat. KTX này có một phòng ở phía tay trái ngay khi ở cầu thang bước lên gác. Phòng này hẹp chỉ kê được 5 giường dành riêng cho những “bậc đàn anh” đang học năm thứ tư sắp thi bằng Diplôme. Phòng này năm đó có các anh Vũ Mạnh Hổ, Vũ Văn Kỷ, Trần Văn Đoàn và một người cháu gọi Khái Hưng bằng bác tên là X. (Xin

lỗi tôi phải giấu tên anh vì không rõ nay anh ở đâu và vì anh là chứng nhân đã kể lại cho chúng tôi nghe hai mẫu chuyện này).

Trước khi đi sâu vào câu chuyện tôi xin ghi thêm ít chi tiết để quý vị rõ hơn vì sao tôi lại là người được nghe một số chuyện về các nhà văn, nhà thơ thời bấy giờ qua lời anh X. Trong phòng đặc biệt đó năm 1943 ấy có 4 người. Phòng hơi rộng nên tuy không ngủ trong phòng, tôi vẫn tối tối leo vào ngồi học vì lẽ tôi là bạn rất thân của anh Trần Văn Đoàn. Máu văn nghệ tôi cũng bắt đầu nẩy nở từ năm đó. Tôi có viết gửi ông Vũ Ngọc Phan xin ý kiến ông về một bài thơ của tôi và đã được một bức thư trả lời rất ư là khích lệ. Tôi cũng có làm một bài thơ tặng anh Trần Văn Đoàn và bài thơ này cũng được anh X. thích 8 câu cuối. Do

đó chúng tôi dễ cảm thông nhau hơn và cũng do đó tôi hay hỏi anh về ông bác của anh. Đồng thời anh cũng cho tôi lưu giữ một số thư từ có chữ ký của một số nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn (TLVD).

Tiếc thay nay tôi đã đánh mất hết cả. Tôi tiếc nhất là chữ ký của các ông Khải Hưng, Nhật Linh, Thạch Lam và ít hàng chữ đề tặng rất đặc biệt của họ mà rất ít tác giả khác lưu ý viết.

Khi thấy quảng cáo trên bìa một cuốn truyện của Khải Hưng, cuốn “Thanh Đức tức Tội Lỗi” tôi có hỏi anh X.: “Sao không Thanh Đức không mà lại còn thêm “tức Tội Lỗi” làm gì cho rắc rối vậy? Anh đáp: “tại vì “Tội Lỗi” mới hợp với cốt truyện. Còn “Thanh Đức” thì chẳng dính gì tới ý nghĩa câu truyện”.

Khi được hỏi tới nữa, anh giải thích thêm “Sở dĩ rắc rối vậy vì khi đưa kiểm duyệt, kiểm duyệt không cho đặt tên truyện là “Tội Lỗi” mà bắt đổi là “Thanh Đức”. Cũng như cuốn “Thiếu Quê Hương” của Nguyễn Tuân vậy. Kiểm duyệt bắt phải bỏ chữ “Thiếu” đi”, Rồi anh phàn nàn là “các ông ấy bực lắm nhưng phải chịu vậy vì chẳng lẽ viết để đẩy không in”,

Tôi có hỏi “Kiểm duyệt là ai vậy?” thì anh cho biết là hai ông “Huy - Xuân³⁷ chú ai?”

Trong một lần nói chuyện khác anh cũng cho biết thêm, đại ý là “khi còn chưa nổi tiếng thì hai ông ấy rất biết điều mỗi khi tới thăm nhóm TLVĐ. Nhưng kể từ ngày có chút tiếng tăm văn nghệ và

37 Chú thích của Nguyễn Thạch Kiên: Huy - Xuân tức Huy Cận và Xuân Diệu. Trước 1945, anh em Văn nghệ sĩ thường gọi “nhóm Huy - Xuân” để chỉ 2 ông thi sĩ này.

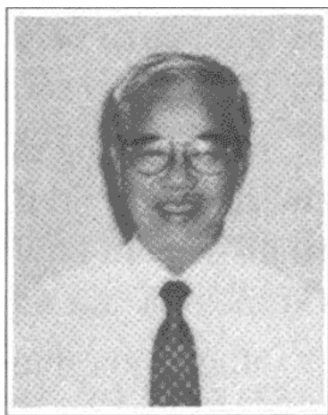
đi làm có tí quyền thế thì thái độ của các ông ấy khác hẳn».

Tới nay chúng tôi tự hỏi: Tại sao “Tội Lỗi” lại phải trở thành “Thanh Đức” và “Thiếu Quê Hương” thành “Quê Hương?”. Phải chăng vì thực dân và sau này là CSVN đều không muốn để người thời đó đọc “Tội Lỗi” để nghĩ rằng tội lỗi đó là do thực dân mà ra và cũng thực dân e ngại rằng để người Việt đọc “Thiếu Quê Hương” họ sẽ đặt vấn đề: “Vì đâu và vì ai mà họ thiếu quê hương?”

Cái tật sợ bóng sợ gió đó phải chăng đã bắt đầu từ thời ấy để mỗi ngày mỗi mạnh thêm qua các triều đại và tới bây giờ thì đã thành ra bất trị?

HOÀNG TRÚC

**KỶ VẬT HỒN Bướm MƠ TIÊN
VỚI NGƯỜI ĐẸP NHÃ KHANH**
Việt Hùng **ĐOÀN TRIỆU HÙNG**



Rất tình cờ tôi mua được tại một
hiệu bán sách cũ ở phố Hàng

Bông – Hà Nội cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên do Đời Nay xuất bản năm 1933 với thủ bút và chữ ký của tác giả.

Ngay nơi trang 1, tôi thấy đề 3 chữ:

Tặng Nhã Khanh

và dòng dưới ký: Khái Hưng

Tác giả viết rất chân phương, giản dị và đẹp. Mực bút máy Wartnerman thời bấy giờ, màu xanh đen đậm thẫm in trên nền giấy báo trắng - trắng vừa ngả sang màu vàng đã quá 15 tuổi đời vẫn còn rõ nét.

Đây là thời gian năm 1949, người dân thành thị đang lần lượt hồi cư sau 2 năm chạy về miền đồng quê lánh né bom đạn.

Được nghỉ phép, ở nhà đọc truyện Hồn Bướm Mơ Tiên, tôi thương cảm cho «chú tiểu Lan» chùa Long Giác. Khi tới trang cuối, lại càng ngậm ngùi, băng khuâng, và ước và mơ đầy trong trí tưởng như ai. Thật lạ cho cái tuổi trẻ thời bấy giờ!

Mở lại trang sách xem lại từ trang đầu, tôi chăm chú nhấm lại lời đề tặng của Khải Hưng và tự nhủ: Nhã Khanh hẳn phải là một giai nhân Hà Nội? Có thể nhà văn mới tặng sách cho chứ.

Nhưng khi nhớ lại đã có thời Khải Hưng đi dạy học, tôi lại bảo: “Hay đấy là một nữ sinh đã từng học thầy, mến mộ gửi thư xin nên tác giả đã cho”. Biết bao câu hỏi, tôi cố mò mẫm phăng tới để tìm ra người có mỹ danh là Nhã Khanh kia. Không có một ánh sáng nào dẫn tôi tới cả. Đành chịu. Rồi tôi cũng quên đi,

trong nhiệm vụ.

Vào miền Nam thật sớm, năm 1954, theo đơn vị trấn đóng tại Đà Nẵng, tôi cũng thường mua các sách của Tự Lực Văn Đoàn, do Phượng Giang xuất bản. Nhà xuất bản Phượng Giang này cũng như nhà Đời Nay ngày trước, vẫn đặt dưới quyền Giám Đốc của nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam.

Và lần tái bản cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên ở vào đầu thập niên 50, may mắn Nhất Linh còn có một họa sĩ nổi danh nhất nước là họa sĩ Nguyễn Gia Trí, lúc nào cũng như ở liền bên, lúc nào cũng sẵn sàng phục vụ “nếu anh Ba sở cậy”. Nguyễn Gia Trí đã trình bày lại các sách (tái bản) của Tự Lực Văn Đoàn.

Giai đoạn này họa sĩ vẽ rất tây phương. Có nghĩa là rất mới lạ. Kể cả cái

logo con chim Phượng nữa. Nó không thẳng đứng, cứng ngắc như xưa. Mà nằm ngang, bay ngang; đuôi xòe dài thật mỹ lệ bay bướm.

Còn cái bìa láng cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên nữa cũng thật... “tình”: chú tiểu Lan và chàng sinh viên Ngọc như đang dìu nhau trong một vũ điệu yêu thương giữa khoảng bao la, bát ngát màu đen sậm. Thật đầy ý nghĩa của riêng nhà nghệ sĩ với cả tấm lòng thông cảm, đồng điệu cùng tác giả.

Đây là cảnh Ngọc cùng chú tiểu Lan rời Long Giáng, sang chùa bên theo lời sư cụ, để tạ ơn sự ông chùa Long Vân.

Mời quý bạn hãy thưởng thức ít trang Khải Hưng viết về cảnh này:

“Trưa hôm ấy sư cụ gọi chú Lan bảo:

– Thôi, chú đừng đi hái chè nữa, ta nhờ mang bánh với chè sang tạ sư ông bên chùa Long Vân.

Ngọc tiến lên nói:

– Bạch cụ, cho phép cháu cùng đi với chú Lan sang Long Vân. Cháu nghe nói chùa Long Vân có cái giếng thờ, nước uống mát lắm.

Sư cụ ngần ngại:

– Đường nhiều dốc, sợ cháu đi mệt nhọc.

Ngọc cười:

– Bạch cụ, cháu học ở trường Canh nông, cấy ruộng còn được nữa là trèo dốc, đã lấy gì làm khó nhọc.

– Cái đó tùy cháu.

Khi xuống nhà trai, Ngọc vui mừng chạy lại hỏi chú Lan:

– Chú có bằng lòng để tôi cùng đi không?

Lan cười gượng:

– Càng hay cho tôi, đi đường xa đỡ buồn chứ sao?

Rồi chú lẳng lẳng xếp các thức vào trong chiếc tay nải nâu, thắt miệng lại. Ngọc đứng sát gần khiến Lan né người xích ra. Ngọc nhắc cái tay nải vắt lên vai một cách gọn gàng. Lan cười nói:

– Ông vác nhện, nhĩ!

Ngọc nói đùa:

– Đi làm phu gạo mãi lại chẳng vác nhện.

Lan cố giữ nét mặt lãnh đạm, căn môi, chau mày, ngoảnh nhìn ra ngoài sân. Nhưng lần nào cũng chỉ giữ nghiêm khắc được một lúc, rồi thấy Ngọc vui vẻ nói bông đùa, chú lại quên bằng đi mà cùng cười, cũng nói bông đùa với bạn:

– Ông phu gạo này nghe chừng yếu ớt lắm. Hôm mới đến chùa xách cái va li còn thở hồng hộc, leo lên dốc khó khăn nặng nhọc như thế, nữa là vai vác bao gạo.

– Chú nhớ lâu nhỉ?

Ngọc, nét mặt tươi cười sung sướng, hồi tưởng lại hôm mới tới chùa. Chàng nghĩ thầm:

– “Hắn không có cảm tình với ta thì sao hắn nhớ kỹ càng cái buổi mới gặp nhau như thế?”

Chàng chợt nhớ đến hai cây ngọc lan, liền quay lại hỏi:

– Hay cây ngọc lan, ở bên cửa sổ buồng tôi, chú giống đấy, phải không?

Lan luống cuống, không trả lời. Ngọc lại nói:

– Cám ơn chú nhé! Tên cái cây ấy hay nhỉ, chú nhỉ? Mà có ý nghĩa lắm.

Lan đáp:

– Vâng, rất có ý nghĩa: sắc trắng như ngọc, hương thơm như lan.

Ngọc cười:

– Còn ý nghĩa khác nữa kia. Chắc chú cũng biết truyện Nhị Độ Mai?

Lan quay nhìn ra sân đáp:

– Không.

– Chú ạ, đối với cây ngọc lan của chú, tôi sẽ là chàng Mai Sinh trong truyện Nhị Độ Mai, sáng chiều nào cũng xin chăm nom vun tưới, cho chóng nảy nở hoa thơm.

Lan hai má hồng hồng, ngượng ngượng vất tay nải lên vai giục bạn:

– Thưa ông, ta đi thôi.

Hai người lẳng lặng cùng đi, không ai nói năng chi nữa...

Ở một ngọn đồi xuống phía bên kia, phong cảnh khác hẳn, không còn thấy cánh đồng chân rạ, mà chỉ nhan nhản những nương khoai, vườn mía. Hai người không bảo nhau mà cùng đứng lại ngắm cảnh, vì gặp chỗ có bóng mát.

Đi một quãng nữa, bỗng phải đứng lại ở trước một cái suối, dưới có rạch

nước chảy róc rách trong veo giữa lòng cát trắng. Bên bờ suối mấy gốc thông già gió chiều hiu hắt, lá thông khô lác đác rơi xuống suối rồi theo giòng nước trong trôi đi.

Lan bảo bạn:

– Thôi, nguy rồi. Ta đi nhầm đường rồi.

Ngọc ngơ ngác hỏi:

– Bây giờ làm thế nào?

– Chỉ có một cách là đi vòng lại, chứ qua sao được cái suối này?

– Rộng chưa đầy một thước thì làm gì mà không nhảy qua được.

Ngọc vừa nói, vừa nhảy sang bờ bên kia, rất nhẹ nhàng. Lan cười:

– Ông nhảy giỏi quá!

Nói chưa rút lời thì Ngọc lại nhảy sang bờ bên này. Ngọc bảo Lan:

– Chú đưa tay nải cho tôi.

– Đưa làm gì?

– Chú cứ đưa đây.

– Thì đây.

Ngọc đỡ tay nải nhảy thoát sang bên kia đặt xuống đất, đứng nhìn Lan, cười. Lan ngạc nhiên hỏi:

– Thế còn tôi?

Ngọc cố nhin cười:

– Hay chú để tôi cõng.

Lan giã nẩy:

– Ấy chết, sao lại thế?

– Được mà, không hề gì mà.

Lan làm mặt điềm tĩnh:

– Thôi ông đợi đấy, nghỉ chân, để tôi đi vòng sang đôi kia.

Lan miệng nói, chân bước. Ngọc vội nhảy sang giữ lại:

– Tôi nghĩ ra cách này rồi.

– Cách gì?

– Tôi sang bên kia, đưa tay cho chú nắm, để kéo chú sang.

Lan ngẫm nghĩ một lát rồi tắc lưỡi:

– Thôi cũng liều, ngã chết thôi.

– Không hề gì đâu, chú đừng sợ.

Ngọc nhảy sang bên kia, nghiêng mình trên giòng nước. Lan ngẩn ngừ

một lúc mới dám đưa tay cho chàng.
Ngọc nói:

– Chú giữ chặt... Nào... hấp!...

Lan nhắm mắt nhắm liều. Ngọc kéo mạnh quá khiến chú tiểu mất thăng bằng ngã ôm lấy chàng. Lan bẽn lẽn vội cúi xuống cầm tay nải đặt lên vai đi liền. Ngọc cười mủm mím, như nói một mình:

– Tay chú xinh quá, nhỏ và mát như tay con gái.

Lan không trả lời, giơ tay trở về phía bên trái bảo Ngọc:

– Chùa Long Vân kia rồi.

...

“... Dưới ánh trăng, hai người ngồi cạnh nhau...

Lan rùng mình, Ngọc lại nói:

– Chú ạ, cái cảnh xa lạ gợi trong tâm trí tôi những tư tưởng từ biệt, chia rẽ... khiến tôi nghĩ tới ngày tôi phải rời chùa, phải xa chú.

Lan im lặng, hé cặp môi cười với bóng trăng trong. Một con cóc nhảy vào vũng nước. Lan giật mình đứng dậy bảo Ngọc:

– Thôi, mời ông đi nghỉ.

Ngọc cũng đứng dậy. Nhìn quanh mình không có ai, từ nhà trai đến nhà tổ im phắc. Chàng liền như điên cuồng, nắm lấy tay Lan:

– Ủ, phải đấy. Chúng ta đi ngủ, mai dậy sớm chắc hết buồn.

Lan tuy sợ hãi, nhưng cố làm ra bình tĩnh, thông thả nói:

– Vâng, mời ông vào buồng, an nghỉ. Tôi xin ngủ ở ngoài nhà trai này.

– Vẽ! Đi có hai người, ở nơi xa lạ, nằm cả một giường nói chuyện cho vui, ngủ ở ngoài muỗi nó tha đi.

– Thưa ông, không tiện, sư ông biết, ngài quả chết.

Lúc ấy hai người tới chỗ có ánh trăng. Liếc nhìn nét mặt Ngọc thấy dữ tợn, Lan kinh hoảng giật tay toan chạy. Chẳng may Ngọc nắm chặt quá, vì thế người lôi đi kẻ lôi lại, áo dài, áo ngắn của Lan đều tuột cúc, trễ vạt. Ngọc bỗng kêu rú lên một tiếng, buông tay Lan ra. Chàng vừa thoáng trông thấy ngực Lan quần vải nâu.

Lan đứng lại thở, cười gượng:

– Gớm quan trẻ con quá, làm gì mà lôi kéo kẻ tu hành này thế?

Ngọc hồi hận, cổ trắn tĩnh. Chàng vờ như không biết gì, trả lời:

– Chú cũng trẻ con quá. Cứ gọi mãi người ta là quan. Nhưng thôi, đừng đùa nữa, ta đi ngủ chẳng khuya quá rồi.

– Vâng, xin mời ông đi nghỉ trước, tôi xuống dưới nhà dọn chú Quý điều này đã.

Miệng nói, chân đi, Lan vùn vụt qua sân.

Ngọc ngồi chờ Lan, bắn khoăn mong ngóng. Vào khoảng mười lăm phút sau, vẫn không thấy Lan trở lại, Ngọc liền cũng xuống sân theo lối Lan đi ban nãy,

lang thang tới một cái cổng chống. Nghĩ ngợi thế nào, chàng cúi xuống nhìn, thì cái chốt có giây buộc rời ra ngoài mà cả cây tre dùng để chống cũng không đặt vào cọc. Ngắm kỹ cánh cổng rào khô thì quả ai vừa lách để ra ngoài.

Ngọc không còn ngờ gì nữa: Lan sợ hãi vừa đi trốn. Lúc bấy giờ chàng hồi hận vô cùng, nói một mình: “Đó, cố tìm cho biết hắn là gái, phỏng có ích lợi gì? Để vậy còn thú, chứ thế này thì không biết chừng... Không biết sao lúc ấy mình lại hung tợn đến thế? Thôi mỗi cái ta theo giữ hắn ở lại, thế với hắn rằng giữ bí mật cho hắn rồi mai về Hà Nội, cố quên câu chuyện, câu chuyện cảm động... đau đớn».

Bóng trăng đã xế về tây, chiếu ánh mờ mờ.

Các cây cỏ hãy còn đầm đìa nước mưa ban chiều. Những đôi xa, trông như đàn rùa khổng lồ nằm vọng nguyệt. Nhưng Ngọc chẳng nghĩ gì tới phong cảnh, cứ cắm cổ bước mau như một tên ăn trộm sợ có người đuổi chạy trốn.

Đi một quãng dài, Ngọc nhìn đằng trước mặt ngay trên đỉnh một trái đồi, thấp thoáng thấy có bóng người in lên nền trời. Chàng chắc chắn lắm rồi, cắm đầu chạy một mạch tới nơi. Quả cái bóng ấy là Lan. Nghe có tiếng người chạy thình thịch sau lưng, Lan quái cổ lại. Gặp Ngọc, chú kêu rú lên một tiếng, rồi ngắt người ngã gục xuống gốc cây thông bên đường. Ngọc vội quỳ xuống nâng dậy và ngọt ngào nói:

– Lan không sợ, tôi xin viện lòng từ bi của đức Quan Âm, tôi thể với Lan rằng tôi không phải là hạng gió trăng bậy

bạ. Lan tỉnh dậy, tôi nói câu chuyện, rồi mai tôi xin từ biệt Lan, tôi về Hà Nội.

Lan mở bừng mắt nhìn, rơm rớm hai giọt lệ lấp lánh dưới ánh trăng. Ngọc lại nói đùa:

– Thôi, xin ni cô tha cho.

Lan lúc ấy đã tỉnh hẳn, ngồi dậy lau nước mắt nói:

– Vâng, tôi là gái. Tôi biết thế nào cũng chẳng giấu nổi ông. Nhưng còn câu chuyện vì sao tôi phải cải trang, thì tôi chưa thể thổ lộ cùng ông được. Chỉ xin ông buông tha kẻ tu hành này, kẻ tu hành khốn khổ này ra mà thôi.

Ngọc thở dài:

– Thừa ni cô, ni cô không ngại. Tôi xin thú thực với ni cô rằng tôi yêu ni

cô, tôi yêu ngay từ lúc còn tưởng ni cô là trai. Ni cô là người thông minh đỉnh ngộ, xinh đẹp như thế thì ai lại không yêu cho được... Mà lạ Phật tha tội cho, có lẽ ni cô cũng đôi lần cảm động...

Ngọc vừa nói vừa nhìn Lan. Lan nước nớc:

– Tôi chỉ còn... có một cái chết. Nếu tôi có thể thổ lộ can trường cho ông biết vì sao tôi phải cải trang, vì sao tôi phải quy y đầu Phật... Nhưng sự bí mật ấy, tôi nhất định sống để dạ, chết mang đi.

– Ni cô chả nên nghĩ ngợi, ni cô nên coi tôi là một người bạn thành thực có thể vì ni cô hy sinh hết mọi sự, cho đến cả hạnh phúc của tôi, cho đến cả ái tình của tôi, ái tình có lẽ tuyệt vọng của tôi.

– Vâng, nếu ông có lòng quân tử như

thế thì còn gì sung sướng cho tôi hơn nữa. Phải biết hy sinh cho đời thì đời ta mới có nghĩa cao thượng...

«Dưới chân đồi, làng mạc ngủ yên. Cây cối lơ mờ đen, giòng sông con thấp thoáng dưới bóng trăng như một giải lụa trắng, rồi ra xa thì lẩn trong sương mù. Bỗng có tiếng gà gáy nửa đêm dưới xóm. Lan giật mình lảo bầm:

– Giá gặp nhau hai năm trước...

– Vậy bây giờ muộn quá rồi hay sao?

– Muộn quá rồi. Vì tôi đã thề trước Phật tổ thì đến chết tôi cũng giữ lời thề. Đời còn chửa tiếc, tiếc gì một sự còn con... nhỏ nhen.

– Ái tình mà... chú cho là nhỏ nhen?

– Nhỏ nhen, nếu đem ví với lòng bác

ái. Vì lòng bác ái mà Phật tổ xa vợ, xa con, xa cha, xa mẹ, lang thang khắp bốn phương giới để tìm phương giải thoát cho chúng sinh. Vậy xin ông cũng vì lòng bác ái mà xóa bỏ trong lòng những tên chú Lan, cô Thi, như thế, ông sẽ cứu sống được một nhân mạng, cứu vớt được một linh hồn. Trên đời chỉ còn lòng bác ái là đáng kể.

Ngọc ngẫm nghĩ rồi quả quyết nói:

– Vâng, tôi xin thuận theo những lời vàng ngọc của chủ. Vậy bây giờ muốn tránh khỏi sự ngờ vực thì ta trở lại Long Vân. Tôi xin cam đoan rằng ngoài tôi ra không ai có thể biết rõ được sự bí mật của chú.

Hai người yên lặng cùng trở lại chùa. Đêm khuya trăng lặn, gió réo cảnh thông, vạn vật chìm đắm trong cõi hư vô

tịch mịch.

Tiếng côn trùng vù vù dưới cỏ, liên miên không dứt càng làm rõ rệt sự yên lặng của một cảnh đời hoang vắng.

Ngọc bỗng giật mình quay lại. Chàng vừa nghe thấy một tiếng thở dài, mà trong lúc mơ màng, chàng tưởng tượng ra một làn hơi nhẹ ở sườn đồi sương ướt bốc lên. Nhưng sau lưng chàng Lan vẫn dịu dàng đều đều đặt bước, như bộ máy êm lặng nhẹ nhàng.

Về tới chùa, Ngọc rón rén vào buồng, còn Lan thì ngồi tựa án phòng trai, băn khoăn suốt đêm không ngủ».

Truyện Hồn Bướm Mơ Tiên kết thúc: Ngọc đã khám phá ra chú tiểu Lan là gái, cải trang dâng mình trong cửa Phật. Nàng đi tu để giữ trọn lời thề với mẹ.

Cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên, kỷ vật đầu tay của Khải Hưng, xuất bản lần đầu vào năm 1933, có một bản tác giả để tặng Nhã Khanh như đã kể trên. Cuốn sách ấy tôi đã giao cho một người anh em³⁸ rất gần gũi với nhà xuất bản Đời Nay giữ hộ với hy vọng trao lại cho chính nhà văn Khải Hưng khi ông trở lại Hà Nội. Và cuốn sách ấy...

Tập truyện Hồn Bướm Mơ Tiên quý giá ấy vẫn là một tò mò gợi trí tưởng cho tôi về người đẹp Nhã Khanh xưa, nơi Hà Nội băm sáu phố phường, nơi mà vua Lê Thánh Tôn đã từng gặp Tiên tại Phường X³⁹ thuộc Cửa Nam Hà Nội, và đã làm

38 Theo lời ông bạn này, hiệu sách cũ ở phố Hàng Bông, tọa lạc gần ngã ba vào phố Trường Thi, còn đi thẳng một quãng nữa thì là vườn hoa Cửa Nam, chính là hiệu sách của anh em ông Thanh Nam. Lúc bấy giờ Thanh Nam đã nghỉ học, giúp anh trông nom tiệm sách, đồng thời cùng với ông Vũ Đức Vinh (bút hiệu Huy Quang) làm văn nghệ.

39 Không rõ có phải là Phường Bích Câu từ khu Thanh Giám ngược lên tới cửa Nam?)

thơ ngâm vịnh. Bài thơ ấy tôi còn nhớ được 2 câu như dưới đây:

Gió thông đưa kệ tan niềm tục,

Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời...

Bài thơ này tương truyền được Tiên sửa lại 2 câu nói trên nên mới thanh, thoát như vậy. Bài của vua Lê như sau:

Chảy kinh⁴⁰ một tiếng tan niềm tục

Hồn bướm năm canh lẫn sự đời...

Bốn chữ “Hồn Bướm Mơ Tiên” trong bài thơ đã được Khái Hưng dùng làm tựa sách cho kỷ vật đầu tay của mình, kể

⁴⁰ Chảy kinh là cái chảy giống hình con kinh ngư (cá) để thỉnh chuông. Chu Mạnh Trinh có bài thơ vịnh chùa Hương trong đó có 2 câu:

«Vẳng bên tai một tiếng chày kinh

Khách tang hải giặt mình trong giấc mộng...”

Nhiều vị và nhiều sách, ghi và thường đọc là “chảy kinh” là sai.

cũng thật tài tình... văn học.

Và “người đẹp Nhã Khanh” là ai, suốt 50 năm qua, kể từ năm Khải Hưng ra đi không trở lại, tôi chẳng thể biết được gì hơn ngoài một kỷ niệm “về người đẹp trong sách” tôi vẫn hằng canh cánh bên lòng.

Thời gian 1945 - 1946, ở Hải Phòng, với số tuổi còn là thiếu niên, tôi đóng vai “tiểu đồng” trong các dịch vụ “liên lạc giữa các Cha - Chú VNQDD” rất đặc lực.

Nhất là sau tháng 9 - 1945. Trụ sở VNQDD có “Quốc Dân Quân” đóng ở một ngôi nhà số 63 của gia đình họ Bạch, tọa lạc tại Đường Amiral Beaumont nhìn qua góc trái Nhà Hát Tây Thành Phố.

Đối diện và xế chếp một chút là trụ sở của Việt Minh đóng ngay trong Nhà Hát Tây. Hai bên đều có Quốc Dân Quân và Vệ Quốc Quân đứng gác. Tư thế chẳng bên nào chịu nhường bên nào.

Đọc báo Việt Nam ra hàng ngày và tờ tuần báo Chính Nghĩa, cơ quan thông tin tuyên truyền của trung ương VNQDD ở Hà Nội gửi xuống, tôi mới hiểu Việt Minh là cộng sản. Người Quốc Gia không ai ưa cộng sản. Và VNQDD thì lại hiểu rõ cộng sản cũng như lý lịch của Hồ Chí Minh hơn ai hết nên thường phanh phui để mọi người đều biết mà phòng tránh hiểm họa.

Tôi cũng nhiều lần đọc các truyện ngắn cùng những vở kịch ngắn ký tên Khải Hưng trong báo Chính Nghĩa.

Có một vở kịch ngắn mà tôi còn nhớ

nội dung cho tới nay. Càng nhớ tôi càng phục tấm lòng cởi mở đầy nhân hậu của văn sĩ, khi ông tả một trận đánh đẫm máu giữa Quốc Dân Quân và Vệ Quốc Quân dưới ánh trăng, trên một ngọn đồi miền rừng núi Việt Bắc trong năm 1946.

Cuộc chiến tàn với xác người nằm rải rác.

Tiếng súng của đôi bên không còn rền vang núi rừng nữa. Cảnh vật hoàn toàn yên lặng. Trăng sáng tỏ đó, đây.

Một lát, có tiếng người rên, rồi ngời dậy, ngơ ngác.

Ở một sườn đồi, lại có một “xác người” nữa cựa quậy. Anh ta còn quá trẻ. Bị thương nặng. Cả hai đều biết mình chưa chết. Cố kết lại gần nhau, cùng nhận ra một giờ trước đây là kẻ thù của

nhau. Và cả hai đều hỏi nhau «mình giết nhau vì lẽ gì nhỉ?»

Họ kể cho nhau nghe về gia thế, vợ và con. Người trẻ chưa lập gia đình vì còn là sinh viên thì nhắc đến cha mẹ và người yêu hiện ở Hà Nội. Họ gửi gắm tâm tình cho nhau, cùng dặn dò nếu một trong hai người không chết mà về được thì cố báo tin hộ...v.v...

Lâu ngày, tôi không thể giải bày cho chính xác. Có điều chắc chắn là ngay từ dạo ấy, đọc Khái Hưng tôi đã nhận ra rằng nhà văn thực sự là một người có một tấm lòng yêu nước và rất đôn hậu. Khái Hưng đã nhìn xuống nhân quần, rất ngậm ngùi và rủ cả tấm lòng thương xót.

Thế mà người ta lại nhấn tâm tiêu diệt hết «mọi tinh hoa của đất nước»

như Khải Hưng cùng bao tài danh khác trong những năm 1946 - 1947... cho mãi tới ngày nay thì thật là... quái gở.

Sau này, có môi trường tiếp xúc với ông Đỗ Đình Đạo, tôi mới được nghe kể nhiều về Khải Hưng trong Tự Lực Văn Đoàn: ông là một trong những nhà văn lớn nhất Việt Nam, trên nhiều phương diện, của thời điểm Khải Hưng sống. Nhà văn Khải Hưng vẫn còn sống mãi trong tâm hồn mọi người Việt Nam, qua nhiều thế hệ.

5/1997

Việt Hùng ĐOÀN TRIỆU HÙNG

Chú Thích Về «người đẹp» Nhã Khanh:

Theo anh Nguyễn Tường Triệu thì bà Khái Hưng nữ danh là Lê Thị Hòa, bút hiệu Nhã Khanh đã từng ký tên dưới một truyện vui, nhan đề «Kiêng» trên báo Ngày Nay thuở xưa. (N.T.K)



Bà Khái Hưng (Lê Thị Hòa) 1952

**KHÁI HÙNG,
MỘT GUƠNG MẪU LÝ TƯỜNG
TRẦN THẾ KHIÊM**



Chúng tôi đã từng đọc các truyện ngắn, truyện dài của Khải

Hưng, từ cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên đến Nửa Chùng Xuân và các cuốn khác.

Ở tác giả Khái Hưng, điểm chúng tôi hết lòng cảm phục là Khái Hưng hằng nêu cao một tình yêu lý tưởng, sự hy sinh, sức chịu đựng vô bờ của người phụ nữ Việt Nam.

Tuy nhiên, trong xã hội đương thời phong kiến, bắt gặp đầy những cái xấu mà con người hãnh diện hăm hở tiến vào coi như là cái mới thời thượng, Khái Hưng đã không ngần ngại phơi bày để mọi người thấy rõ rằng: “đấy những cái rởm đời, hợm hĩnh, nhố nhăng... của đầu óc bọn quan lại nói chung và bọn cường hào ác bá... là thế đấy!”

Bởi là một chứng nhân, con ruột vị Tuần Phủ và là rể vị Tổng Đốc, xung quanh Khái Hưng còn vô số anh em, chú

bác xuất thân huyện, phủ mà Khải Hưng chỉ học để sau đó viết văn, làm báo, làm chiến sĩ cách mạng đặng phụng sự đất nước và dân tộc, nên chí ý hướng Khải Hưng bày giải trên những trang sách - báo thật sâu sắc, tế nhị, điều cốt mà xây dựng và đẩy hiện thực.

Riêng cuốn *Hồn Bướm Mơ Tiên* và *Nửa Chừng Xuân* của Khải Hưng, theo chúng tôi thiên nghĩ, ông không chỉ viết hướng dẫn con người phải nhất định theo một tình yêu lý tưởng, hoàn toàn trong sạch mà “không ai với tới được” như Ngọc và Lan hoặc như Mai và Lộc trong những trang sách ông diễn tả.

Sự thực đấy chỉ là một khuôn thước làm mẫu mực cho tất cả mọi trạng huống người đời: lý tưởng, tôn giáo và sự hạnh phúc chung, chứ không đơn thuần, hạn hẹp “trong nội dung chuyện tình giữa

Lan và Ngọc”, hơn thế giữa Lộc và Mai trong một xã hội Việt Nam ở vào đầu thế kỷ 20!

Với Khái Hưng, đây mới là lý tưởng đích thực. Một tình yêu chung thủy. Rất mực đạo đức. Nói cách khác, mẫu “lý tưởng Khái Hưng”, qua tình yêu của Ngọc và Lan trong Hồn Bướm Mơ Tiên, có một sức mạnh truyền cảm hướng tâm hồn thanh niên nam nữ lên chốn thanh cao trong một xã hội đang cần có sự đổi thay, giữa cái cũ và cái mới. Khái Hưng đã tiên liệu, chặn trước để lớp trẻ không sa vào sự phá sản tâm hồn. Thật thế, ở thập niên 30 tới thập niên 40 và vào những năm 1945 - 1954, nền giáo dục của chính thể Quốc Gia kéo dài tới đầu năm 1975, chúng ta đã có sự tiến bộ, đổi mới về nhiều mặt mà cái lý tưởng trong tình yêu Khái Hưng đề ra, vẫn được đặc

biệt tôn trọng: bảo tồn nền văn hóa cổ truyền dân tộc! Nó hoàn toàn đẹp, khác hẳn với chế độ Cộng Sản VN và giai tầng cộng sản chỉ chú trọng vào cái bả vật chất ti tiện làm cứu cánh cho chủ nghĩa phi nhân, vong bản.

Đến kỷ vật cuối cùng là cuốn Bóng Giai Nhân, chúng tôi đã được đọc, Khải Hưng lại có một cái nhìn thật đặc biệt.

Thực vậy, theo “Lời Nói Đầu”, Khải Hưng viết những truyện ngắn này trong những năm 1945 - 1946 và đăng dần trong tuần báo Chính Nghĩa, xuất bản tại Hà Nội. Và nếu giữ được đầy đủ những số báo Chính Nghĩa, tập truyện Bóng Giai Nhân không chỉ có mười một truyện ngắn như hiện nay đâu. Truyện kịch “Đảng Mồn - Mồn Tía” của Khải Hưng cũng không còn. Nhưng chỉ với 11 truyện cuối cùng được in ra, chúng ta

đọc và như được đứng dưới bó đuốc soi đường – kể cả phía người Quốc Gia lẫn phía theo chủ nghĩa Cộng Sản.

Thuở thức “Bóng Giai Nhân”, mọi người phải công nhận Khải Hưng có một cái nhìn sâu sắc về vận mệnh Quốc Gia - Dân Tộc. Ông đã phanh phui, bóc trần sự thật lố lăng dị hợm của người cộng sản ngay từ năm 1945 - 1946. Họ lớn tiếng kêu gọi quốc dân tích cực đả Thực, bài Phong, nhưng bản chất cộng sản thì từ cốt lõi lại Thực dân, Phong kiến, hiếu sát, tàn sát, hủ hóa, chậm tiến, lì lợm, vô sỉ hơn ai hết.

Hai vở kịch một hồi: Câu Chuyện Văn Chương và Dưới Ánh Trăng duy nhất in trong cuốn Bóng Giai Nhân chính là bản án kết tội bọn VMCS độc tài, áp đặt lên đầu người cầm bút phải viết đúng theo 3 tiêu chuẩn: dân tộc hóa,

khoa học hóa và đại chúng hóa. Ba cái “hóa” ấy khiến Khái Hưng nổi sùng, lớn tiếng mỉa mai: Vậy chứ bấy lâu không có Việt Minh, chưa có ba cái hóa kia thời chúng tôi không biết viết gì sao?

Khi đọc tới truyện kịch “Dưới Ánh Trăng”, chúng tôi nhận thấy Khái Hưng thật tỏ ra hết tấm lòng nhân ái đối với người cùng nòi giống sau trận giao tranh đẫm máu trên núi rừng Việt Bắc. Tình cảm của Khái Hưng đối với đất nước trước cảnh thực dân Pháp đổ quân vào đánh chiếm Nam Bộ rồi lăm le ra Bắc Bộ vào thời điểm 1946 thật là rõ nét.

Có thể nói Khái Hưng như một hiền mẫu đau khổ đứng trước cơn nguy biến của Tổ Quốc, giống nòi... đã thiết tha, dõ daniel đàn con ngừng tay chém giết lẫn nhau để một lòng đoàn kết, dồn sức lực chiến đấu với kẻ thù chung. Nhưng chỉ

vì muốn độc tôn đảng trị theo chủ nghĩa cộng sản, Việt Minh đã không chịu nghe. Ngược lại, còn dốc hết lực lượng ra tiêu diệt VNQDD và các đảng phái đối lập khác.

Cái độc lập, tự do, hạnh phúc của Tổ Quốc và giống nòi VN tới hơn nửa thế kỷ sau (1946 - 1997) vẫn chỉ là bánh vẽ mà Việt Minh – Cộng Sản, gọi tắt là Việt Cộng, đơn phương hăm dọa với tới bằng giá máu và nước mắt của bao triệu người dân yêu nước bị áp đặt dưới bóng súng, phải tin theo... và đã chết tức tưởi. Cho đến nay hơn 70 triệu đồng bào vẫn còn quần quai trong “vũng lầy Cộng Sản” không có lối thoát.

Tức nước vỡ bờ. Sớm muộn, người dân Việt Nam cũng sẽ nhất tề đứng lên làm một “cuộc cách mạng về nguồn” để cùng nhau xây dựng Đất Nước Việt

Nam và con người Việt Nam theo như lý tưởng mà trên 50 năm trước văn hào Khải Hưng đã hoài vọng.

Seattle, 10. 1997

TRẦN THẾ KHIÊM

NHÌN KHÁI HƯNG

NGUYỄN SỸ TẾ



Tôi vẫn ưa nhìn một Khái Hưng

Mắt thâm trời thăm, bước xuyên rừng

Tai nghe chim hót bên bờ suối

Gác bỏ kinh kỳ chuyện đấu thừng.

Ai bảo Khái Hưng làm cách mạng

Hay làm văn hóa buổi giao thời?

Anh em có việc thì ông giúp,

Ông chỉ đi tìm cái đẹp thôi!

Tôi vẫn ưa nhìn một Khánh Giư:

Một trang tân học cốt nhà nho

Đã không thiên kiến đường kim cổ,

Chẳng để Đông Tây lỗi hẹn hò.

Một bước vương chân vào chính trị,

Nát tan hồn bướm giấc mơ tiên.

*Tài danh riêng để thơm tình bạn,
Mà hổ muôn đời lữ đảo điên!*

GARDEN GROVE 5. 12. 1997

NGUYỄN SỸ TẾ

NHỚ VỀ VĂN HÀO KHÁI HÙNG

HỒNG GIANG

 ột ngày mùa thu năm 1945 tại Hà Nội. Trên lầu của một ngôi nhà hai tầng xây theo kiểu Pháp có hàng rào bằng song sắt bao quanh ở đường Quan Thánh, có một người tuổi trung niên, dáng nhỏ nhắn hơi gầy, đôi mắt to và sáng sau cặp kính cận, đang chăm chú đọc lại bản vố cuối cùng của tờ nhật báo Việt Nam trước khi lên khu-ôn cho máy chạy. Người ấy là văn hào

Khái Hưng, tên thật là Trần Khánh Giu, cây bút chủ lực của Tự Lực Văn Đoàn và tuần báo Phong Hóa. Nhà văn cách mạng, chủ bút báo Việt Nam, cơ quan tranh đấu của VNQDD, người đã gây sóng gió trong trận chiến văn hóa và tuyên truyền giữa Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đông Dương Cộng Sản Đảng; người đã làm cho Hồ Chí Minh và bọn lãnh đạo C.S nhức đầu triền miên trong những năm 1945 - 1946. Người đã tác động mạnh mẽ xu thế chống cộng và chống thực dân Pháp trong mỗi tầng lớp dân chúng, đặc biệt trong giới trí thức tại miền Bắc Việt Nam. Lẽ tất nhiên trước đó, ngay từ đầu thập niên 30 nhà văn Khái Hưng cùng với văn hào Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và những cây bút nổi tiếng trong Tự Lực Văn Đoàn không những đã mở đầu một kỷ nguyên mới trong văn học sử Việt Nam mà còn

đi tiên phong trong cuộc đấu tranh cách mạng trên mặt trận văn hóa chống thực dân Pháp. (Một số tác phẩm tiêu biểu như: “Gánh Hàng Hoa”, “Hồn Bướm Mơ Tiên”, “Nửa Chùng Xuân”, “Tiêu Sơn Tráng Sĩ”...). Những nhân vật như Dũng, Tạo hiện nhiên tượng trưng cho lớp thanh niên trong những năm đen tối nhất dưới sự thống trị của thực dân Pháp, đã can đảm dấn thân gia nhập những “hội kín” tức các đảng cách mạng quốc gia. Những câu thơ, câu hò như “nước non ngàn dặm ra đi” trong tác phẩm của Khái Hưng đã gợi nên lòng yêu nước nung nấu trong lòng người thanh niên Việt Nam, thúc dục họ thoát ly gia đình, lên đường tranh đấu. Tuy nhiên phải đợi đến năm 1945 1946, những năm sôi động nhất trong cuộc đấu tranh một mất một còn giữa những chiến sĩ quốc gia và bọn cộng sản, thì thành tích và chiến công

trên mặt trận văn hóa chống cộng của nhà văn Khải Hưng mới chói sáng rực rỡ. Mà nói đến Khải Hưng về thời ấy tức là nói đến tờ báo “Việt Nam” do ông điều khiển.

Nói làm sao cho xiết những khó khăn và nguy hiểm mà văn hào Khải Hưng và các đồng chí của ông trong tòa soạn báo Việt Nam, cơ quan tranh đấu của VNQDĐ tại Hà Nội, phải đương đầu trong suốt một năm trời, cho đến giữa năm 1946 khi bọn cộng sản hèn nhát dùng vũ lực tấn công tòa báo Việt Nam, bóp chết tiếng nói trung thực của người cách mạng quốc gia, dập tắt niềm hy vọng và ngưỡng mộ của hàng triệu độc giả từng đặt lòng tin vào những cây bút đấu tranh trong tờ Việt Nam mà Khải Hưng là con chim đầu đàn.

Sau khi nhờ lợi dụng cuộc biểu tình của công chức đòi độc lập ngày 19. 8. 1945, Mặt trận Việt Minh do cộng sản lãnh đạo cướp được chính quyền Hà Nội. Ngay lập tức chúng cho ra đời hai tờ báo: tờ “Tuần báo Sự Thật”, cơ quan tuyên huấn của “Hội những người Mác Xít Việt Nam” tức đảng C.S trá hình, sau khi Hồ Chí Minh đã gian manh tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản Đông Dương vì lo sợ quân đội quốc gia Trung Hoa sắp tiến vào giải giới quân đội Nhật Bản, sẽ tước khí giới của bộ đội cộng sản, đồng thời che mắt các quốc gia đồng minh thắng trận như Mỹ, Anh, Pháp; tờ thứ hai là tờ nhật báo “Cứu Quốc”, cơ quan tuyên truyền của tổng bộ Việt Minh, thực sự là của trung ương đảng cộng sản Đông Dương. Tất cả các báo của tư nhân như “Tia Sáng”, “Bình Minh” (do Nguyễn Gi-

ang, con trai của học giả Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ nhiệm) đều bị đình chỉ và những người điều khiển đều bị bắt. Trên diễn đàn ngôn luận chỉ còn tiếng nói duy nhất của bọn cộng sản gian manh, độc tài.

Trước tình thế ấy, phía quốc gia liền mở một mặt trận tuyên truyền rộng lớn. Đầu tiên là những buổi “phát thanh” ở trụ sở Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội, cách trụ sở tòa báo Việt Nam khoảng 100 mét, nhằm vạch trần bộ mặt quốc gia giả hiệu của Hồ Chí Minh và Mặt Trận Việt Minh chính là đảng cộng sản trá hình. Dân Hà Nội rất ngạc nhiên khi thấy những biểu ngữ bằng chữ lớn: “Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc, cán bộ tay sai của cộng sản quốc tế” và ngay dưới chân cột cờ ở giữa sân trụ sở có một tấm biểu ngữ lớn với hàng chữ “Hồ Chí

Minh, tên phản bội, đã từng tuyên thệ dưới lá cờ này” (cờ của Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội). Bắt đầu chỉ lơ thơ vài chục người tò mò, tụ tập nghe, về sau lên đến hàng trăm, làm tắc nghẽn lưu thông trên đường Quan Thánh, mặc dù trình sát võ trang của Việt Minh lảng vảng chung quanh đe dọa.

Tuy nhiên mũi tấn công chính vẫn là tờ báo Việt Nam do nhà văn cách mạng Khái Hưng chịu trách nhiệm điều khiển, được sự hỗ trợ của văn hào Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng, văn hào Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long và nhiều nhà văn nổi tiếng trong Tự Lực Văn Đoàn. Cái khó là làm sao có được một chỗ yên thân để làm báo. Tòa nhà đường Quan Thánh thường xuyên bị trình sát võ trang Việt Minh canh chừng, nhân viên tòa soạn và

thợ sắp chữ luôn luôn bị đe dọa, có khi bị bắt cóc ngay trước cửa tòa báo. Lúc đầu tiền vốn để làm báo cũng không đủ, nhiều khi phải chạy gạo hàng ngày. Việt Minh ngăn cản không cho chở giấy in báo về tòa báo, đe dọa và cướp báo của trẻ em đi bán báo. Biết bao khó khăn và nguy hiểm, nhưng rồi Khái Hưng và tòa soạn báo Việt Nam cũng vượt qua. Dĩ độc trị độc, Việt Nam quốc Dân Đảng tổ chức thanh niên võ trang súng ngắn và lựu đạn đi tuần đường Quan Thánh. Sau nhiều trận đụng độ, bắn nhau dữ dội, trinh sát Việt Minh co vòi không còn dám bén mảng đến đường Quan Thánh và cả một khu vực rộng bao quanh tòa báo Việt Nam và “khu tự trị” Ngũ Xã, thực sự đã trở nên một chiến khu bất khả xâm phạm ngay giữa Hà Nội.

Tờ Việt Nam lúc đầu phát hành

2,000 số, rồi lên 3,000, rồi 5,000, 10,000 số, về sau lên tới 20,000 số mỗi ngày, là một con số không thể tưởng tượng về thời đó, chứng tỏ sự ủng hộ nồng nhiệt của quần chúng độc giả đối với phe cách mạng quốc gia. Để đạt được thành quả như vậy, nhà văn cách mạng Khái Hưng cùng với gia đình ở ngay tại tòa báo, làm việc không kể ngày đêm. Có những ngày ông gần như một mình bao dàn cả tờ báo 4 trang, không lấy quảng cáo, một đêm chỉ ngủ vài tiếng đồng hồ. Văn hào Khái Hưng với nụ cười hóm hỉnh và tính hay hài hước làm cho tất cả nhân viên tòa báo ai cũng mến. Có một lần ông nói đùa với một đồng chí nhân viên tòa soạn báo “Sao Trắng” ở Hải Phòng lên liên lạc: “Bao giờ Sao Trắng của anh thành Sao Đen!” Hầu hết các bài xã luận trên báo Việt Nam đều do Khái Hưng viết nhưng

không ký tên. Ông chỉ dùng bút hiệu “Chàng Lẩn Thần” dưới loạt bài châm biếm nổi danh của ông. Mua báo Việt Nam ai cũng tìm đọc bài của “Chàng Lẩn Thần” trước nhất. Có một lần “Chàng Lẩn Thần” viết một bài về Hồ Chí Minh có hay không có vợ? Bên cạnh bài này có tranh vẽ “Bác Hồ” đang ngồi xỏm câu cá ở bờ ao. Dưới ao có một người đàn bà ở trần đang đớp lưỡi câu. Dưới tranh vẽ có câu: Hồ Trần còn có duyên nào đẹp hơn. (nói về người vợ không hôn thú của Hồ Chí Minh ở Côn Minh, Trung Quốc cùng theo về nước tên là Trần Thị Lạc).

Đối thủ với tờ Việt Nam là tờ Cứu Quốc của Tổng Bộ Việt Minh. Một hôm tờ Cứu Quốc đăng tin: năm vạn hồng quân Trung Hoa sẵn sàng kéo sang Việt Nam để giúp Mặt Trận Việt Minh, thì ngày hôm sau trên tờ Việt Nam có bài

nói về vua Lê Chiêu Thống công răn cản gà nhà, đón rước quân nhà Thanh vào Việt Nam để chống lại Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ. Hồi ấy bọn lãnh tụ cộng sản đang ve vãn Pháp để xin vào Liên Hiệp Pháp nên tờ Cứu Quốc và các báo khác của Việt Minh ra sức đề cao Pháp hiện nay là Pháp mới, Pháp dân chủ, bạn của dân Việt Nam, không còn là đế quốc Pháp xâm lược, thì trên tờ Việt Nam liên thấy chạy hàng chữ lớn liên tiếp hàng tháng “Tin chiến sự: lính Âu Phi và Lê Dương thuộc sư đoàn bộ binh thuộc địa của tướng Pháp Alexandri đã vượt biên giới Việt Trung tràn vào Yên Bái, đang giao tranh dữ dội với những đơn vị tiên phong của Quốc dân quân tại mặt trận Nghĩa Lộ; Hoặc là điện tín từ mặt trận Phong Thổ, Lao Kay đánh về: Trung đoàn 2 của Alexandri bị ta phục kích,

tổn thất nặng. Ta tịch thu một đại bác 75 ly, 4 súng cối 81 ly, nhiều súng trường mas 36. Ký tên: Phân khu tư lệnh Triệu Việt Hưng. Những tin này đều có thật: đó là những cái tát vào mặt bọn cộng sản Việt gian, trắng trợn ca tụng thực dân Pháp dân chủ trong khi chúng đang rần rộ tiến quân xâm lược biên giới phía Bắc Việt Nam. Với những loạt bài như thế, tờ Việt Nam do nhà văn cách mạng Khái Hưng điều khiển, đã thực sự làm cho bọn lãnh đạo cộng sản vô cùng tức tối, đồng thời vạch trần bộ mặt bán nước của bọn cộng sản trước công luận ở quốc nội cũng như hải ngoại.

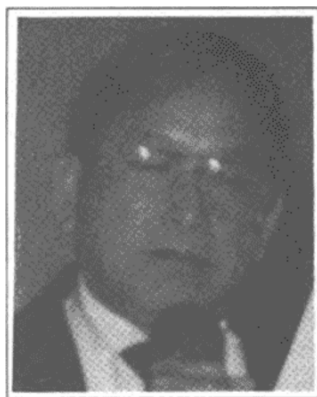
Trong một thân hình mảnh dẻ, nhỏ nhắn, nhưng văn hào Khái Hưng có một tinh thần dũng cảm đáng kính phục, mà mọi người đều đã rõ. Đầu năm 1947, khi di tản ra khỏi Hà Nội, bọn cộng sản đã

hèn nhất thủ tiêu nhà văn nổi tiếng Khái Hưng Trần Khánh Giu. Thực sự, Văn học và cách mạng Việt Nam đã mất đi một nhân tài vô cùng lỗi lạc.

HỒNG GIANG

VÀI NÉT VỀ NGHỆ THUẬT
MIÊU TẢ NHÂN VẬT TRONG
TIỂU THUYẾT KHÁI HƯNG⁴¹

LAM NGUYỄN



41 Bài phát biểu trong buổi Lễ Cầu Siêu Tưởng niệm 50 năm ngày mất của văn hào Khái Hưng tại Chùa Cổ Lâm Seattle ngày 18 - 01 - 1998.

Như quý vị đã biết đối với nhóm Tự Lực Văn Đoàn và đặc biệt nhà văn Khái Hưng là một trong những nhà văn đã đem lại cho văn chương Việt Nam một sắc thái mới đầy trong sáng và hàm súc. Nhắc đến nghệ thuật, chắc hẳn quý vị còn nhớ tác phẩm POETIKA của nhà lý luận văn học cổ đại Hy Lạp Aristote. Còn ở phương Đông trong mục “Nghệ văn chí” của Hán Thư thì nguồn gốc của tiểu thuyết là những chuyện vụn vặt ở khắp mọi nơi từ thôn quê đến thành thị mà các chính quyền hoặc cá nhân muốn khảo sát tình hình hay phong tục tập quán của dân chúng. Với những chuyện cổ tích thần thoại hay ngụ ngôn đều là mầm mống của tiểu thuyết. Về phần Việt Nam của chúng ta có “Nhị Độ Mai” của tác giả Khuyết Danh, “Hoa Tiên truyện” của Nguyễn Huy Tụ, “Truyện Kiều” của Nguyễn Du và quyển tiểu thuyết lịch

sử viết bằng văn xuôi “Hoàng Lê Nhất Thống Chí” của Ngô gia văn phái...v.v...

Nếu nhìn về lịch sử tiểu thuyết của Trung Hoa văn học cổ điển nổi bật nhất là tản văn trước đời nhà Tần, thơ Đường, từ của nhà Tống, kịch của nhà Nguyên và tiểu thuyết của hai triều đại Minh Thanh là thời đại hoàng kim của tiểu thuyết như “Tam Quốc Chí”, “Hong Lâu Mộng”...v.v... sự phát triển hay nói đúng hơn là phồn vinh của tiểu thuyết thời này bắt nguồn sâu xa từ quá trình phát triển có đến hàng chục thế kỷ.

Đầu thế kỷ thứ 19, ở Việt Nam có những nhà văn đi tiên phong như Hoàng Ngọc Phách, Hồ Biểu Chánh và Nguyễn Trọng Thuật...v.v... Nhưng theo nhà phê bình Vũ Ngọc Phan thì tiểu thuyết của những nhà văn tiên phong này «vẫn còn chưa giữ hết được những cái cổ lỗ và còn

chịu ảnh hưởng trực tiếp cả tiểu thuyết Tây lẫn tiểu thuyết Tàu”. Và đối với Khái Hưng, Nhất Linh, và Nguyễn Công Hoan...v.v... giáo sư Thanh Lãng lại nhận xét như sau: “Chúng ta phải kể đến một số tiểu thuyết hay phóng sự ra đời năm 32 này. Trên các tạp chí, từ năm 32, ta thấy xuất hiện nhiều truyện ngắn của Nhất Linh, của Khái Hưng, của Lan Khai, của Thế Lữ, mà chiều hướng chúng ta thấy khác hẳn với các truyện của Nguyễn Bá Học, của Tương Phố...”

Nhưng điều đáng chú ý là sự ra đời của mấy truyện như “Hồn Bướm Mơ Tiên” của Khái Hưng “Kép Tư Bền” của Nguyễn Công Hoan, “Tôi Kéo Xe” của Tam Lang. Từ cách xây dựng truyện đến cách đặt vấn đề, cách mô tả tâm lý các vai truyện mà nhất là lời văn dễ dãi, linh động, ba tác giả này như vạch ra

một đường rạch lớn phân đôi hai thể hệ trước (13 - 32) và thể hệ sau (32 - 45). Hẳn quý vị không quên nghệ thuật tả nhân vật của thi hào Nguyễn Du. Chỉ vài nét chấm phá đã cho chúng ta thấy rõ con người của Tú Bà:

“Thoắt trông lờn lợt màu da

Ăn gì to lớn đẩy đà làm sao?»

Thì nhà văn Khái Hưng tả chân dung một mục đồng bóng tuyệt khéo trong tiểu thuyết Thừa Tự: “Bà Hai, một người bé nhỏ, hầu loắt choắt trong cái áo mền the lót nhiều kỳ cầu may chèn. Nét mặt đều đặn, chân tay xinh xắn, bà trẻ hơn tuổi nhiều. Bà cũng biết thế và vẫn lấy làm tự hào. Trong những bàn tổ tôm không mấy khi bà quên thuật bà Thượng nọ, bà Án kia hỏi năm nay bà đã đến năm mươi chưa. Hay con mẹ phủ Đ. tưởng bà mới

bốn nhằm là cùng. Rồi bà cười the thé, tiếp liền:

“Thế mà năm tư rồi đấy, các cụ ạ. Già lắm rồi còn gì!”

Sự thực, bà Hai chưa già, và cũng chưa muốn già. Lướt phấn dầy bà dùng để che lấp những nét nhăn trên má đủ chứng tỏ điều ấy. Nhưng cũng không phải bà trang điểm để được người ta ngắm ngía. Không, đó là một thói quen của bà đồng. Vì bà Hai là một đệ tử rất trung thành của các cửa đền, cửa phủ... Trong quyển tiểu thuyết “HẠNH”, ông Vũ Ngọc Phan hạ bút phê bình: “Trong tập tiểu thuyết ngắn này, Khái Hưng xét nhận nhiều cái rất đúng về con người nhút nhát... cách cử chỉ của người nhút nhát, ông viết: Hạnh yên lặng ngồi xuống, hai cánh tay tỳ lên khăn bàn trắng, hai bàn tay chắp lại, rít chặt. Những lúc ngượng

ngập, Hạnh khổ sở nhất về hai bàn tay, chẳng biết để vào đâu, và dùng làm việc gì”.

Và trong tác phẩm NỬA CHỪNG XUÂN, chúng ta tìm thấy rõ từng nhân vật chính, nhân vật phụ và nhân vật trung tâm này xuất hiện nhiều và giữ vị trí then chốt trong truyện. Nhân vật Mai được nhà văn Khái Hưng tả rất tỉ mỉ vì đây là nhân vật chính trong tác phẩm NỬA CHỪNG XUÂN: “Đứng vờ vẩn bên hàng giậu găng, một cô thiếu nữ vào trạc mười bảy mười tám, chít khăn ngang vện áo trắng sổ gấu, chân đi guốc, ngơ ngác nhìn sân trường như muốn vào nhưng còn dùng dằng lo sợ. Nước da cô trắng xanh, quầng mắt đen sâu hoắm càng làm tăng vẻ rục rĩ long lanh của hai con người sáng diệu. Trong cái mặt trái xoan, mà hơi hóp, môi khô khan, chỉ có

hai con mắt là có vẻ hoạt động khác nào như hai ngôi sao lấp lánh sau làn mây mỏng». Còn nhân vật Lộc (người yêu của cô Mai) cũng là vai quan trọng nhưng có thể xem là nhân vật ngoài Mai, còn các nhân vật phụ như cậu Huy, ông Hạnh, cô Diên, Bà cán, Hàn Thanh, Đốc Minh và họa sĩ Bạch Hải, chúng ta còn thấy nhân vật BÀ ÁN (mẹ của Lộc), và theo giáo sư Thạch Trung Giả thì Bà Án là một kiệt tác về nghệ thuật tả người trong *NỬA CHỪNG XUÂN* của nhà văn Khải Hưng và giáo sư Thạch Trung Giả nhận xét về nghệ thuật miêu tả nhân vật của nhà văn Khải Hưng như sau: “Về phương diện tả người, tác giả (tức Khải Hưng) tỏ ra có một nghệ thuật tinh vi. Ở Mai chỉ một nét bút mà tả được tướng diện lẫn tướng tâm còn các nhân vật khác chỉ tả qua cử chỉ giọng nói nhưng mỗi người đều cảm mang một sắc thái đặc biệt của thời đại”.

Sau khi xem xong những tác phẩm của nhà văn Khái Hưng chúng tôi nhận thấy ông đã dùng ngữ

văn một cách rất nghệ thuật làm cho chúng tôi so sánh ngữ văn trong tác phẩm văn học nghệ thuật với đóa hoa mỹ miều ở vườn hoa muôn sắc màu. Nhìn những bông hồng lay trước gió chúng tôi cảm thấy như múa cùng hoa vì lòng chúng tôi đang sung sướng đón ngày vui mới. Chúng tôi tự thầm nhủ không biết vườn nào, nhà nào của ai trồng loại hoa này đầu tiên! Tự dừng chúng tôi nghĩ rằng con người được bông hoa trang điểm cho cuộc đời là một điểm phúc trên trần gian này. Và bông hồng giữa vườn hoa ấy là biểu tượng ngữ văn trong tác phẩm văn học nghệ thuật. Kính thưa quý vị, theo thiển ý của chúng tôi thì một dân tộc được khai hóa thường thường là nhờ

những bông hoa ngũ văn. Giám định sự thấp cao của một tác phẩm văn học hầu như tùy thuộc vào ngôn ngữ của tác giả dùng. Nhà phê bình văn học thường nhìn thấy trước tiên là những đóa hoa hồng ngũ văn. Cái thú vị trọng yếu của văn học là nghệ thuật dùng từ của tác giả. Nếu dùng từ khéo thì dễ gây cho người đọc nhiều cảm tình. Và cái duyên dáng bên ngoài đã tạo thành ý lực đi sâu vào nội dung. Những bông hồng rực rỡ làm cho ta chú ý đến vườn hoa, còn ngũ văn mà hàm súc là nhịp cầu đưa ta vào vườn văn học nghệ thuật. Tình cảm của độc giả có lãnh đạm hay nồng nàn phần lớn là do sự trang sức của ngũ văn. Cho nên ngũ văn phải cần tinh xác, thỏa đáng đúng như tâm lý của tác giả muốn diễn đạt, không thể có những từ ngữ hàm hồ hoặc quá viễn vông. Từ cú sẽ đưa tác phẩm về một vị trí rõ ràng và ngũ văn

là bước đi riêng của tác giả nhưng cũng là chung cho mọi người, nếu đáng đi đó không chướng mắt kẻ khác.

Nói tóm lại, nhân vật trong tiểu thuyết của Khái Hưng đã được tác giả miêu tả chi tiết về chân dung ngoại hình, tả hành động tâm trạng thể hiện qua những quá trình nội tâm. Nhân vật đã thể hiện qua mâu thuẫn, xung đột giữa cũ và mới. Khái Hưng miêu tả nhân vật một cách trực tiếp, rồi miêu tả gián tiếp một cách nghệ thuật qua sự nhận của mọi người xung quanh đối với nhân vật, môi trường mà nhân vật sống. Đặc biệt với vốn sống từng trải, với kiến thức tâm lý dồi dào nhà văn Khái Hưng đã khéo sử dụng chi tiết để khám phá những quá trình tâm lý đầy nghịch lý giữa các nhân vật với nhau. Chẳng hạn sự rạn nứt trong tình cảm giữa Mai và Lộc. Mai cảm thấy

ghê tởm cái mưu mô xảo quyệt của bà Ân (mẹ của Lộc). Nghệ thuật miêu tả nhân vật trong tiểu thuyết của Khải Hưng đã trở thành thủ pháp phác diễn gương mẫu hàng đầu trong làng văn gia thuở ấy.

MẤY VẦN THƠ ĐƯỜNG TƯỚNG NIỆM KHÁI HƯNG

Được biết nhà văn Khải Hưng còn là thi sĩ, căn cứ vào bản dịch bài thơ «Sonnet d' Arvers» nhan đề «Tình Tuyệt Vọng», ông cho đăng báo và sau in trong một truyện ngắn mà độc giả nhiều người đã thuộc. Hơn thế, Khải Hưng còn dịch nhiều bài Đường thi tuyệt tác của Lý Bạch, Trương Kế, Tô Đông Pha, Bạch Cư Dị... mà nhiều người đã được thưởng thức ở vào thập niên 40.

Cái tài hoa và hồn thơ Khải Hưng, điển hình nhất khi ta mở tuyển tập

“Hương Xa” – loại Gió Bốn Phương in trong thập niên 40 của Tự Lực Văn Đoàn – đọc bài ông viết về anh em nhà thơ Tô Đông Pha Tô Tiểu Muội... có kèm theo những mẫu thơ Khái Hưng dịch thuật.

Ở đây, tưởng niệm 50 năm (1947 - 1997) ngày mất của văn hào Khái Hưng, chúng tôi xin đăng tải hai bài Đường thi của Lý Bạch do Khái Hưng và chúng tôi dịch, kèm nguyên bản chữ Hán do thân phụ chúng tôi là cụ Sơn Nhân viết, gọi một tác lòng thành chiêu niệm.

Anh hồn nhà văn, nhà báo, chiến sĩ cách mạng Khái Hưng hãy về chúng giám.

LAM NGUYỄN

Seattle, WA, 10 - 1997

NGUYỆT HẠ ĐỘC CHƯỐC

I

Hoa gian nhất hồ tửu
Độc chước vô tương thân
Cử bôi yêu minh nguyệt,
Đối ảnh thành tam nhân.
Nguyệt ký bất giải ẩm
Ảnh đồ tùy ngã thân.
Tạm bạn nguyệt tương ảnh
Hành lạc tu cập xuân.
Ngã ca nguyệt bồi hồi,
Ngã vũ ảnh linh loạn.
Tĩnh thời đồng giao hoan,
Túy hậu các phân tán.

Vĩnh kết vô tình du,
Tương kỳ mạc Vân Hán.

II

Thiên nhược bất ái tửu,
Tửu tinh bất tại thiên.
Địa nhược bất ái tửu,
Địa ưng vô tửu tuyền.
Thiên địa ký ái tửu,
Ái tửu bất quý thiên
Dĩ văn thanh tỷ thánh,
Phục đạo trọc như hiền.
Hiền thánh ký dĩ âm,
Hà tất cầu thần tiên.
Tam bôi thông đại đạo,

Nhất đấu hợp tự nhiên.

Đản đặc tùy trung thú,

Vật vi tính giả truyền.

LÝ BẠCH

DUỚI TRĂNG

UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

I

Trong hoa một hồ rượu

Ngồi uống, bạn cùng ai.

Cất chén mời trăng sáng

Với bóng là ba người.

Trăng không ngừng ta uống

Bóng theo ta chẳng rời,

Tạm bạn trăng cùng bóng

Để chờ xuân tới nơi.

Ta ca trăng bồi hồi

Ta múa bóng linh loạn

Lúc tỉnh cùng giao hoan

Say mỗi người phân tán.

Bạn già nhưng vô tình

Hẹn nhau sông Vân Hán.

II

Trời mà không thích rượu

“Sao rượu” ở chi trời?

Đất mà không thích rượu

Suối “Rượu” ở chi đời?

Trời đất đà thích rượu,

Thích rượu không then trời,

Đã nói trong chư thánh

Độc tựa hiền thêm lời

Hiền thánh đều đã uống

Thần tiên còn cần ai?

Ba chén thông đạo lớn,

Hớp tự nhiên một chai

Chỉ tìm thú trong rượu,

Mặc người tỉnh lời thôi.

KHÁI HƯNG

và dưới đây là bài “Xuân Nhật Độc
Chức” do chúng tôi dịch:

春日獨酌
李商隱
東風扇微氣
水木榮春暉
出日照綠草
落花故且飛
舞雲遙度水
泉石忽忘歸
穀物皆已熟
吾生獨可衣
笑言五子志
長歌取子希
海山仙人
李

NGÀY XUÂN

UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

Gió Xuân đến khí trời dịu mát,

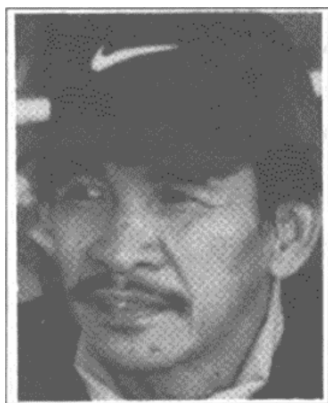
Nắng Xuân về tươi tốt cỏ cây.

Ánh dương chiếu tỏa quanh đây,
Tưởng chừng hoa rụng bay đầy khắp nơi.
Quay lại núi mây trời cô quạnh,
Đàn chim kia mỗi cánh trở về.
Vật nào thoát khỏi suy vi,
Sao ta phải chịu sầu bi một mình.
Nhìn bóng nguyệt in hình trên đá,
Say títt rồi quên cả thế nhân.
Cất cao giọng hát băng khuâng,
Phương phi khúc ấy theo lần nhịp ca.

LAM NGUYỄN

**BÀI HỌC CHO MỌI
THẾ HỆ VỀ TÌNH YÊU**

MINH NGÔN - CẢNH TRẦN



Cuốn tiểu thuyết Hồn Bướm Mơ Tiên của nhà văn Khải Hưng đã được xuất bản tại Hà Nội vào năm 1933 mà tôi đã từng đọc qua, đến nay 1997 đã

được chẵn 64 năm tuổi. Hồn Bướm Mơ Tiên mà tác giả Khải Hưng đã khai sinh, lại mất vào năm 1947, hưởng dương chỉ mới 51 tuổi trời.

Tuy nhiên, dù nói thế nào, theo tôi, cả sách lẫn người – tác giả và tác phẩm – chỉ là một. Có nghĩa là khi đất nước, dân tộc Việt Nam còn tồn tại, hiện diện trên hành tinh này, thì bấy lâu Khải Hưng của Hồn Bướm Mơ Tiên vẫn còn sống mãi trong lòng dân tộc.

Khi đã khẳng định như vậy, chúng ta thử xét xem vì sao nhà văn Khải Hưng với tác phẩm Hồn Bướm Mơ Tiên lại được toàn thể mọi người mến mộ qua không gian và thời gian, còn sống mãi tới ngàn sau?

Hồn Bướm Mơ Tiên chỉ là một chuyện tình giản dị như bao nhiêu

chuyện tình khác đã xảy ra trên cõi đời. Cái éo le là sự việc xảy ra trong bố cục lại ở dưới một mái Chùa, nơi thiền viện uy nghiêm, tôn kính. Cặp trai gái kia, chàng là một thanh niên tân học (kỹ sư canh nông), còn nàng, lại là ni cô chưa quá đôi mươi, xinh đẹp khả ái. Chàng tên là Ngọc. Nàng tên Lan, cải nam trang nương nhờ cửa Phật để trốn lánh bụi trần mà dốc lòng kinh kệ, mong tìm đường siêu thoát, giữ vẹn lời nguyện thể cùng mẹ.

Nhưng con người vốn tánh trời định, nó khiến xui trái tim ta luôn nhịp đập theo bản năng yêu thương, buồn vui, giận ghét... nên chỉ chỉ một khoe mắt, một nụ cười, một câu nói hợp ý... thế là chúng ta muốn sáp lại gần nhau chuyện trò tâm sự. Xa nhau là thấy nhớ thấy thương. Mỗi tương tự bắt nguồn

từ đây, và mỗi tương tư trai gái lại càng mạnh hơn. “Chú tiểu Lan” trong truyện Hồn Bướm Mơ Tiên là một thí dụ cụ thể. Cô là một thanh nữ, nhờ cố gắng học hỏi nên giàu kiến thức về đạo pháp. Chỉ một thời gian ngắn, vì môi trường phải kề cận với chàng trai thành thị dịp về nghỉ hè bên sư cụ trụ trì chùa Long Giác vốn là bác ruột, cô chợt thấy lòng xao động... khi thấy chàng cũng tha thiết yêu mình.

Dĩ nhiên “Chú tiểu Lan” cố né tránh mối tình trong lời nguyện cầu, xin đức Phật độ trì ban cho nàng có thêm sức mạnh, để không bị sa vào vòng cám dỗ. Và khi thực sự bị Ngọc phát giác ra “Chú tiểu Lan” chính là gái giả trai, Lan đang đem bỏ chùa trốn đi... Nhưng Ngọc vội đuổi theo, cố giải bày “Tâm sự” và năn nỉ “Chú tiểu” cứ ở lại tu hành:

– Lan đừng sợ, tôi xin viện lòng từ bi của đức Quan Âm, tôi thề với Lan rằng tôi không phải là hạng gió trăng bấy bạ. Lan tỉnh dậy, tôi nói câu chuyện, rồi mai tôi từ biệt Lan, tôi về Hà Nội...

Lan lúc ấy đã tỉnh hẳn, ngồi dậy lau nước mắt nói:

– Vâng, tôi là gái. Tôi biết thế nào cũng chẳng giấu nổi ông. Nhưng còn câu chuyện vì sao tôi phải cải nam trang thì tôi chưa thổ lộ cùng ông được. Chỉ xin ông buông tha kẻ tu hành này, kẻ tu hành khốn khổ này ra mà thôi.

Ngọc thở dài:

– Thưa ni cô, ni cô không ngại. Tôi xin thú thật với ni cô rằng tôi yêu ni cô, tôi yêu ngay từ lúc còn tưởng ni cô là trai. Ni cô là một người thông minh dĩnh ngộ,

xinh đẹp như thế thì ai lại không yêu cho được... Mà lấy Phật tha tội cho, có lẽ nỉ cô cũng đôi lần cảm động.

Và:

... Tôi sung sướng quá... Hạnh phúc của tôi... Nếu mục đích đời người là tìm hạnh phúc thì tôi đã tới mục đích rồi.

– Nhưng đã tới rồi thì nên dừng lại, chớ bước thêm một bước nữa.

Văn Chương Trác Tuyệt.

Không những Hồn Bướm Mơ Tiên khiến cho độc giả các thế hệ phải bàng khuâng man mác vì nội dung tác phẩm, một truyện tình thật lãng mạn, ở vào đầu thế kỷ, mà có thể nói cũng thật lạnh mạnh, rất lý tưởng nữa, khiến mọi người đều phải thích đọc.

Thêm nữa Hồn Bướm Mơ Tiên còn được nhà văn Khái Hưng với tư tưởng và quan sát sự việc của một họa sĩ, ông đã vẽ nên những bức tranh thủy mặc thật đậm đà phong phú trong những cảnh sắc bầy giải nơi từng trang sách màu sắc thật đẹp, thật dịu mắt người xem.

Đó, đây rải rác ta thấy:

“... Hai bên đường, lúa chiêm vàng ối. Từng bọn vừa đàn ông, đàn bà, con gái, cúi khom lưng cầm liềm nhỏ cắt lúa, trông ra dáng vội vàng chăm chỉ lắm, như sợ trời sắp tối không đủ thời giờ mà gặt xong thửa ruộng. Một bọn nữa phần đông lực lưỡng người thì lấy sức rút giây lạt bó các lượm lúa lại thành từng bó, người thì cầm đòn xóc xuống đất đứng bắt chéo chân, nhìn vợ vắn.

Trong một thửa ruộng ngay sát chân đồi, một đám hơn mười người con gái, công việc đã xong ngồi nghỉ trên những bó lúa xếp thành đống ở bên vệ đường để chờ bọn đàn ông trở lại gánh nốt...”

Và cảnh chùa Long Giáng buổi chiều tà:

“... Hai người đứng lại ngắm chùa. Lưng chừng một trái đồi cao, mái ngói mốc rêu chen lẫn trong đám cây rậm rịt, hai góc gác chuông vượt lên trên tầng lá xanh um...

... Phía tây, sau dãy đồi cỏ biếc, sắc trời đỏ ửng, lấp loáng qua các đám lá xanh đen. Mái chùa rêu phong đã lẫn mầu cùng đất, cùng cây, cùng cỏ. Khoảng khắc, mấy bức tường và mấy cái cột gạch quệt với chỉ còn lơ mờ in hình trong cảnh nhuộm đồng một màu tím thẫm

Trong làn không khí yên tĩnh, tiếng chuông thông thả ngân nga, như đem mùi thiền làm tăng thêm vẻ đẹp cảnh thiên nhiên. Lá cây rung động, ngọn khói thướt tha, bông lúa sột soạt, như cảm tiếng gọi của Mâu Ni muốn theo về nơi hư không tịch mịch”.

Ở một chương khác:

“... Về phía Đông Nam, mấy trái đồi phản chiếu ánh chiều tà nhuộm đồng một sắc da cam. Nền trời xanh nhạt, lơ thơ mấy áng mây hồng. In trên cánh đồng lúa chín màu vàng thẫm, con cò trắng thông thả bay về phía Tây, đôi cánh lờ đờ, cất lên đập xuống loang loáng ánh mặt trời. Bên cái quán gạch cũ, ẩn núp dưới đám cây đen, trên con đường hẻm vài ba đứa mục đồng cười trâu hát nghêu ngao trở về trong xóm».

Những đoạn văn quá đặc sắc này, ngay từ thập niên 30, nhà giáo Dương Quảng Hàm khi soạn bộ “Việt Nam Văn Học Sử Yếu” đã trích in khá nhiều, giúp cho các giáo sư Trung Học có tài liệu khi dùng vào việc bình giảng phần kim văn cho các học sinh. Và Bộ Quốc Gia Giáo Dục của hầu hết các chế độ ngay từ 1945 vẫn trích in cho các học sinh bậc Trung Học làm mẫu mực. Đa số các giáo sư cũng đều phải công nhận “Văn chương của Khái Hưng thật trác tuyệt, giống như những câu thơ viết bằng văn xuôi”.

Đạo Đức Và Lý Tưởng Con Người Trong Hồn Bướm Mơ Tiên.

Đọc chương XI là chương chót, kết thúc truyện tình Hồn Bướm Mơ Tiên, ta sẽ nhận ra hết phần đạo đức và lý tưởng của các nhân vật trong truyện Khái Hưng diễn tả.

“Ánh nắng tháng chạp trong vắt chiếu qua rặng lim um tùm. Mấy cây trầu chung quanh vườn sần xơ xác cành khô. Luồng gió thoảng qua, lá vàng rơi lác đác... Lan ngồi sưởi thì thầm đọc kinh, thỉnh thoảng lại đặt quyển sách xuống, ngơ ngác nhìn. Tiếng lá rụng trên vườn sần như có mãnh lực khiến Lan ôn lại những mẩu đời ký vãng. Lan nhắm mắt, lại tưởng tượng ra cái cảnh bên bờ suối mấy gốc thông già gió chiều hiu hắt, lá thông khô theo dòng suối trôi đi...”

Đây là cái đoạn lá rụng rất gợi cảm. «Chú tiểu Lan» ngồi nhớ lại những ngày Ngọc về tá túc, với bao kỷ niệm vừa vui vừa buồn. Nhất là mối tình «yêu trong linh hồn, trong lý tưởng» của hai người.

Tình yêu, tình người thật lý tưởng, thật đạo đức chất phác đã thể hiện qua tác phẩm Hồn Bướm Mơ Tiên của nhà

văn Khái Hưng và trở thành bất tử trong văn đàn Việt Nam.

Suốt khoảng thời gian qua, không ai mà không nghe đến hay không đọc đến Hồn Bướm Mơ Tiên với tất cả tình cảm và ý nghĩ ấy.

Một Bài Học Cho Mọi Thế Hệ Về Tình Yêu.

Qua tác phẩm Hồn Bướm Mơ Tiên chúng ta đã được xem, từ nội dung đến hình thức, đã nói lên Tình Yêu cao đẹp, lý tưởng của một cặp trai gái, một giai đoạn lịch sử của đất nước thời phong kiến và Pháp đô hộ, từ phong tục tập quán của nền Nho học cổ truyền qua giai đoạn tiếp nhận nền văn minh “mới” của Tây Phương, sự “va chạm” này đã nảy mầm và phát sinh từ gia đình đến xã hội, từ đó nhà văn Khái Hưng đã dùng ngòi bút

diễn tả và đấu tranh để dung hòa xã hội, nhằm mục đích cải tổ xã hội theo nền văn minh mới nhưng phải giữ lại những nếp cao đẹp của nền Nho Việt mà xã hội Việt Nam đã có từ vài ngàn năm trước đó. Những va chạm đó đã xảy đến cho nhiều gia đình, đã gặp bao khó khăn lúc bấy giờ, trong giai đoạn giao thời “Mới” và “Cũ”.

Giai đoạn đó đã đi qua suốt chiều dài trên nửa thế kỷ giữa xã hội Nho giáo với Tây học Âu Châu, giờ đây, tình hình xung đột đã lại xảy ra ngay trong mỗi gia đình tỵ nạn chúng ta khi đặt chân lên đất nước Hoa Kỳ này, chúng ta cứ tự nhìn lại gia đình mình từ vợ chồng, con gái, con trai hoặc cháu... Một sự “xung đột” gia đình mà hầu hết chúng ta đều mắc phải. Gần như mọi người, mọi gia đình đều nghe nói: «My life», chỉ hai chữ này đã

đủ nói lên sự «tự do» cho mỗi con người, một thứ tự do thực tế mà người Mỹ đã thực hiện, sự thực hiện trong giới hạn của sự hiểu biết và trình độ hiểu biết tự do của mọi người dân Mỹ. Chứ không hiểu biết sự «tự do» như phần đông những người Việt tỵ nạn hiện đang sinh sống tại Hoa Kỳ này, sự hiểu biết của chúng ta đã ở mức giới hạn vì hoàn cảnh xã hội của chúng ta trong một đất nước nhược tiểu. Do đó áng văn của nhà văn Khải Hưng hiện đang được giới văn học hải ngoại «Khơi» lại để nhắc nhở chúng ta về «Tình Yêu Cao Đẹp» và tình người cần được duy trì vì đó là khía cạnh Văn Học, Văn Hóa trong tình yêu và cũng là hạnh phúc gia đình, hạnh phúc cuộc sống...

Chính vì những ý nghĩ đó, sự hòa hợp “Mới”, “Cũ” trong tác phẩm Hồn

Bướm Mơ Tiên sẽ sống mãi trong hồn dân tộc qua thời gian và không gian và để chúng ta thường xuyên suy ngẫm như chúng tôi đã đề cập.

MINH NGÔN – CẢNH TRẦN

VÀI CẢM NGHĨ KHI ĐỌC
“ĐẸP” VÀ “TIÊU SƠN TRẮNG SĨ”

LÂM THÙY GIANG



Trong văn chương Việt Nam,
những ai yêu thích tiểu thuyết,

không thể nào không biết đến nhà văn Khải Hưng.

Ông đã để lại gần 20 cuốn tiểu thuyết có giá trị. Đa số truyện của ông đều được xây dựng trong bối cảnh của cuộc sống nông nghiệp. Hơn thế nữa, cốt truyện xảy ra nằm trong những sinh hoạt của một xã hội có nhiều mâu thuẫn. Và trong khoảng thời gian mà luồng tư tưởng mới chưa được mọi người chấp nhận rộng rãi, đồng thời luồng tư tưởng cổ điển vẫn còn được xem là khuôn mẫu cho mọi hành động. Cho nên bối cảnh quan trọng của xã hội lúc đó chính là sự mâu thuẫn về tư tưởng giữa cũ và mới, giữa cá nhân và xã hội.

Đối với phong tục còn chịu nhiều ảnh hưởng Nho giáo của xã hội thời bấy giờ, việc hôn nhân có rất nhiều khuôn khổ và nề nếp. Những khuôn khổ và nề

nếp ấy thường là do cha mẹ sắp xếp. Đôi khi là do sự hứa hẹn của đôi bên cha mẹ từ khi đôi trẻ còn thơ ấu, để rồi khi lấy nhau thì chỉ cốt sinh con đẻ cái, làm vui lòng người lớn.

Lấy anh từ thuở mười ba

Đến năm mười tám, thiệp đà năm con

Ra đường thiệp hãỵ còn son

Về nhà thiệp đã... năm con cùng chàng.

hoặc là phải lấy người mình không yêu, mà không dám thổ lộ, để rồi suốt đời đau khổ:

Cô gái Việt Nam ơi!

Từ thuở sơ sinh lận đận rồi

Tôi biết tình cô u uất lắm

Xa nhau đành chỉ nhớ nhau thôi.

Cô chẳng bao giờ biết bướm hoa

Má hồng mỗi tiết mỗi phơi pha

Khi cô vui thú, là khi đã

Bồng bế con thơ, đón tuổi già!...

(Cảm Xúc - Hồ Dzếnh)

Trong tiểu thuyết «Đẹp», Khái Hưng đã dựng nên, Nam, một nhân vật có một quan niệm đẹp là do sự rung cảm của chính tâm hồn. Thành ra, Nam đã bất chấp sự chênh lệch về tuổi tác, bất chấp cả thành kiến về vai vế cha, chú, để thẳng thắn nói với bạn là mình muốn hỏi con gái bạn làm vợ. Nhân vật Lan là một cô gái có những tư tưởng mới mẻ của Tây học, đã mạnh dạn nói lên tình cảm của mình là đã yêu người bạn của cha và bằng lòng lấy người đó làm chồng.

Cho đến bây giờ, 50 năm sau khi Khái Hưng đã mất, vấn đề tuổi tác trong tình yêu không còn là trở ngại. Nhưng vào thời đó, đưa ra một quan niệm như vậy, chính là sự can đảm của người cầm bút trong công cuộc truyền bá tư tưởng mới, trước những thành kiến về xã hội, văn hóa, và nhất là đạo đức.

Đất nước lúc ấy đang bị người Pháp cai trị. Người dân bị bóc lột dưới nhiều hình thức, và qua nhiều tầng lớp. Họ chỉ biết nai lưng cày bừa, đóng thuế, nộp sưu, đi lính, đóng đồn:

Ba năm trấn thủ lưu đồn

Ngày thời canh điểm tối đồn việc quan...

Họ hết lòng phục tùng thượng cấp, cho đấy là một ân huệ đặc biệt, chỉ vì lý do sinh tồn, để rồi lâu dần, trở thành

một thói quen, và mặc nhiên chấp nhận cái tinh thần lệ thuộc ấy, như một định mệnh, trong kiếp sống làm người.

Trong tiểu thuyết *Tiêu Sơn Tráng Sĩ*, Khái Hưng đã đưa vào văn học mẫu người hoạt động, nhằm mưu cầu hạnh phúc cho quê hương đất nước, lấy đó làm hạnh phúc cho mình. Ở điểm này, nếu so sánh với quan điểm tư tưởng văn học Âu Châu, ta thấy có sự trái ngược, chẳng hạn một triết gia được coi là tiêu biểu của triết học hiện sinh là Jean Paul Sartre, đã quan niệm sự hiện hữu của con người là phi lý, để từ đó, Sartre đưa vào văn chương những con người hoàn toàn có lối sống cá thể. Theo triết gia này, phải thể hiện được lối sống như vậy mới chúng ta được là một con người đích thực. Nhưng, những nhân vật của Khái Hưng thì ngược lại. Họ đã từ bỏ những

quyền lợi cá nhân, mà họ cho là ràng buộc. Đó là những con người có tầm quan trọng tập thể.

Khái Hưng đã đưa ra những mẫu người có lý tưởng rõ ràng trong cuộc sống. Hai nhân vật Trần Quang Ngọc và Nhị Nương có lẽ là mẫu người lý tưởng của giới trẻ trong thời đó. Họ dấn thân vào những hoạt động nhằm khôi phục triều đình. Họ đã hy sinh cuộc sống của chính họ, và hy sinh cả tình yêu đôi lứa, tức là một thứ tình cảm tự nhiên nhất và cần thiết nhất của cuộc sống đôi mươi.

Trên bước đường hoạt động, từ sự gặp gỡ, đi đến mến mộ và có cảm tình với người đảng trưởng khác phái thật là dễ dàng. Vậy mà, một cô gái ở tuổi thanh xuân đã ngăn chặn và gạt bỏ tình cảm ấy, để dốc lòng vào công cuộc phụng sự đất nước. Mỗi khi nghĩ đến tình cảm nhen

nhúm trong lòng, cô cảm thấy hổ thẹn, và coi đó như là ý nghĩ bất chính vì đã làm cản trở bước tiến trong công cuộc mưu đồ việc lớn.

«... Thưa chị, tâm sự của em, em chưa ngỏ cùng ai. Nhiều khi đêm khuya thanh vắng, ngồi một mình em lấy làm tự thẹn về những ý nghĩ bất chính của em. Vì, thưa chị, những ý nghĩ ấy thật là bất chính. Em xin cứ thực tình kể hầu chị nghe:

Từ ngày em rời bỏ tỉnh Nghệ, mang tấm thân phiêu bạt đi khắp đó đây, em đã tự thề với em rằng em còn sống một ngày nào, thì đời em, em hoàn toàn hiến thân cho sự báo thù cha, cho sự trả ơn Chúa. Cũng vì thế mà em dẫn mình vào nơi nguy hiểm, đi tìm thầy học võ, tìm bạn đồng chí để gây thế lực.

Thế rồi một đêm, em gặp Trần Quang Ngọc, cùng nhau lập đảng Tiêu Sơn»...

Riêng Trần Quang Ngọc, nhân vật nam, giữ vai trò đảng trưởng, người biết rõ mình muốn gì, và cương quyết, hy sinh tất cả, chính là một quan niệm về lý tưởng của Khái Hưng, đã nói lên khía cạnh tích cực hành động của cuộc sống, qua nhiều hình ảnh, đặc biệt là hình ảnh khi khiển trách Trịnh Trục và đưa ra quan niệm chọn lựa một cái chết cho có ý nghĩa:

... «Quang Ngọc cười gằn:

– Cử chỉ của Trịnh công tử đối với đảng trưởng thực giống cử chỉ của Hưng Đạo Vương đối với đức Nhân Tôn, chỉ khác một chút là người xưa dùng cái chết để khuyến khích can gián vua, còn Trịnh công tử thì dùng nó vì nhu nhược,

vì nhút nhát, vì sợ chết. Ô muốn chết vì sợ chết. Cái chết hèn nhát đến đâu! Cái chết ấy khác gì sự tự tử?

Nghĩ một lát, Quang Ngọc lại nói:

– Ừ thì tôi nhận công tử chết đấy. Nhưng trước khi chết, công tử hãy thi thố một việc gì phi thường đã nào?

Những nhân vật nêu trên đã được diễn tả là có những phóng khoáng trong cuộc sống, chẳng hạn như Trần Quang Ngọc mặc áo nhà sư, nhưng việc ăn uống thì lại không nề hà không kiêng cử: có khi ăn thịt, có khi nhậu nhẹt, uống rượu. Nhưng nhìn về phương diện tư tưởng, họ lại có những ranh giới rõ ràng. Đối với tư tưởng xã hội Âu Châu có những người sống theo phái «Khắc Kỷ» tức là tự gò ép bản thân – về mặt thể xác – trong những điều kiện khắc khổ để nhằm đạt

đến một sự tu luyện có tính cách thần linh tôn giáo, thì Khái Hưng đã đưa ra một mẫu người đã tự gò ép tư tưởng – về mặt tinh thần để nhằm đến hoàn thành mục tiêu công ích cho xã hội.

Điều đáng nói trong bất cứ một hình thái tư tưởng nào thì nó cũng phải được phát sinh từ sự tự do chọn lựa đích thực trong lòng của cá nhân, thì tư tưởng ấy mới có thể đóng góp vào sự phát triển và phục vụ con người. Nhân vật trong tiểu thuyết của Khái Hưng đã thể hiện những đặc tính đầy nhân bản ấy.

Khái Hưng còn đưa ra những nhân vật rất thật, rất tình cảm như Phạm Thái, Quỳnh Như..v.V... được mô tả trong đoạn văn gặp gỡ như sau:

... Quỳnh Như đưa mắt nhìn Phạm Thái thấy chàng có vẻ lẫm liệt oai phong

của một bậc hiệp sĩ. Nàng tự nhủ thầm: “Ta quyết người này không phải là nhà sư!”

Phạm Thái cũng liếc trộm Quỳnh Như, ngầm nghĩ: «Sao một tuyệt thế giai nhân như kia lại không ở trong đảng Tiêu Sơn?»...

Ngay từ giây phút gặp gỡ đầu tiên ấy, một bên đem lòng thầm mến vì tài, một bên ngưỡng mộ vì sắc, và đã có lòng muốn chiếm hữu. Ở đây, vì có lý tưởng hoàn thành việc lớn, nên sự mong muốn chiếm hữu ấy không phải là chiếm hữu cái siêu nhiên của người khác cho bản thân, như quan niệm của Sartre, mà chính một ý muốn chiếm hữu cho tập thể hơn là cho cá thể.

Tuy nhiên, trong Phạm Thái, tình cảm cá nhân đã lấn lướt phần lý trí,

cho nên khi thời cuộc thay đổi, ông có phần thối chí, và đến khi có lời mời ở lại làm nghề gõ đầu trẻ do chính thân phụ Trương Quỳnh Như đề nghị, thì đã nhận lời một cách vui vẻ.

Phạm Thái nhận lời ngay. Chàng cũng muốn nghỉ cái đời hoạt động ít lâu để nghe ngóng thời cục. Chàng nghĩ thầm: «bây giờ Tây Sơn đương lúc vận hồng, thế mạnh, khó lòng làm gì nổi. Ta đợi biết tin tức Chúa Nguyễn ánh trong Nam đã. Trong ấy mà thắng, ngoài này ta mới bắt đầu hoạt động cũng chẳng muộn».

Hàng ngày bên cạnh người đẹp, xướng họa thơ văn, với sẵn tâm trạng chán nản thời cuộc, chẳng bao lâu lý tưởng đại cuộc đã được thay thế bằng tình yêu mơ mộng giữa đôi trai gái:

... «Nàng chỉ là một thiếu nữ con quan, dễ cảm động về cái đẹp, cái hay, vì những lời thơ tình tử. Phạm Thái đương chán nản, thất vọng về việc đảng, nghe những câu tán tụng của Trương tiểu thư như những lời an ủi ngọt ngào. Vì thế lại cảm cúi gột rửa thêm nhiều bài thơ khác...

Và chẳng bao lâu, hai người yêu nhau, say mê nhau, thư từ, văn thơ trao đổi xướng họa với nhau»... Trong cái thất bại của đại cuộc, con người thực của Phạm Thái và Trương Quỳnh Như đã hiện lại nguyên hình: con người có tình, có lý của những cá thể rất thực trong cuộc sống.

Với những nhân vật như thế, và với lối văn nhẹ nhàng trong sáng, Khải Hưng đã tạo nên những luồng gió mới cho trào lưu phát triển văn hóa trong nước.

Những tác phẩm đó vừa đả phá những quan niệm cổ hủ, vừa đưa ra những luồng tư tưởng mới mẻ hơn, năng động hơn, thể hiện trọn vẹn cả hai phương diện tình cảm, lý trí cần thiết cho sự giáo dục và phát triển con người toàn diện. Tư tưởng ấy còn thể hiện một yếu tố cần thiết để bất cứ một xã hội nào muốn nhằm tiến đến việc phục vụ con người làm cứu cánh cũng cần phải có: Đó là Tự Do.

Khái Hưng mất năm 1947. Với cái nhìn của một người ở lớp tuổi trung niên, kẻ viết bài này nhận thấy những cá tính của các nhân vật trong tiểu thuyết Khái Hưng được dựng nên gần 60 năm trước, vẫn còn là những khuôn mẫu cho cuộc sống hiện nay.

Khái Hưng đã mất, nhưng tư tưởng và văn phong của ông còn mãi trong lịch sử văn chương Việt Nam.

LÂM THÙY GIANG

KHÁI HƯNG TRONG
VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM

HOÀNG QUÝ



Trong kho tàng văn học Việt Nam, không có một nhóm

văn hóa nào quy tụ được nhiều nhân tài, nhiều tác phẩm như nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Điển hình, Thế Lữ với những lời thơ trong sáng hào hùng, Nhất Linh với những tác phẩm đề đời như *Đôi Bạn*, *Gánh Hàng Hoa*, và Khái Hưng với *Hồn Bướm Mơ Tiên*, *Nửa Chừng Xuân* và *Anh Phải Sống* đã để lại trong tâm tư chúng ta, trong quãng đời niên thiếu, những hình ảnh văn chương thân thương nhất.

Tôi không thể quên được hồi học lớp đệ lục, giáo sư Việt Văn của tôi dành ra mỗi giờ chừng 10 phút đọc cho chúng tôi chép những câu văn bóng bảy, lưu loát, tươi đẹp của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, tựa như những bông hồng rộ nở vào đầu mùa xuân. Và cứ thế khả năng văn chương của chúng tôi được nuôi dưỡng. Tác phẩm thích hợp với trí tưởng của chúng tôi giữa buổi thiếu thời ấy chính

là cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên của Khái Hưng. Có thể nói tôi đã say mê Khái Hưng từ tác phẩm nhỏ bé này.

Và ngày hôm nay khi được nhà văn nhà báo Nguyễn Thạch Kiên trao cho cuốn truyện Bóng Giai Nhân, tên cuốn tiểu thuyết cuối đời của Khái Hưng gồm nhiều truyện ngắn, để đưa ra một vài nhận định về một số câu chuyện trong tác phẩm này. Rảo mắt qua đầu đề của từng câu chuyện, không cần phải suy nghĩ lựa chọn, tôi dừng lại ngay câu chuyện mang tựa đề Bóng Giai Nhân, đã làm tôi liên tưởng đến Bóng Giai Nhân trong tác phẩm Hồn Bướm Mơ Tiên.

Càng đọc các tác phẩm của Khái Hưng, tôi càng cảm phục ông hơn, một nhà văn lớn của văn chương Việt Nam, với những áng văn chương tươi sáng và bay bổng, với những tư tưởng cách mạng

tha thiết và nhân bản nhất, tựa những cây trúc vươn mình thẳng tắp về phía trời trong xanh. Có thể nói con người Khái Hưng là một con người mang những hình ảnh tươi đẹp nhất như những ánh văn chương bóng bảy của ông. Đọc văn ông, người ta có cảm giác ông là hình ảnh của Léon Tolstoi hay Dostoievski trong văn chương của Nga Xô. Những nhà văn hào vĩ đại này của Nga Xô và của thế giới đã dùng những hình ảnh, những kỹ thuật “văn chương” để tranh đấu cho quyền làm người của con người, nhất là những con người nghèo khổ, cô thế bị đời dập vùi trong lao khổ.

Những nhà văn hào lớn ở trên đã sống trong bối cảnh một đất nước ly loạn và các ông đứng lên hô hào cho một cuộc cách mạng nhân bản. Và Khái Hưng của chúng ta cũng thế, trong tác phẩm cuối

đời, cũng sống trong một thời đại tràn ngập ly loạn, ông đứng lên làm cuộc cách mạng cho quyền làm người của người công dân Việt Nam. Ông bị bắt và bị đẩy ải qua các trại tù chỉ vì cái tội duy nhất: ông viết văn bênh vực cho nhân quyền.

Trong câu truyện ngắn Bóng Giai Nhân vồn vện chỉ dài 7 trang sách, ông kể lại chuyến hành trình của Khanh, biểu tượng của chính ông bị Việt Minh bắt vào năm 1946, trong chuyến ô tô giải giao đám tù chính trị về trại giam Vụ Bản thuộc Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Trên chuyến xe ô tô ngập lụt cát bụi như chiếc quan tài lao mình về phía vực thẳm của tử thần, sau khi ôn lại một số quan sát hình ảnh về chuỗi ngày ngục tù vừa qua đi, Khanh mệt mỏi đi vào giấc “chiêm bao, chiêm bao thức”. Giữa những gian khổ và đắng cay của cuộc đời tù ngục,

không còn giấc chiêm bao nào kỳ thú hơn giấc chiêm bao về các giai nhân.

Đàng này, giấc chiêm bao của Khanh về một thiếu nữ, không phải chỉ mang sắc đẹp của thân xác với áo quần lụa là, với làn da xinh tươi trắng trẻo, với ánh mắt nụ cười chan chứa tình người, nhưng hơn thế, ở đây là một thiếu nữ mang đầy vẻ đẹp quyến rũ và cao cả của tâm hồn,

“Sàn lim 18”, đó là tên giai nhân mà cả trại giam đều ghi nhớ, nhắc nhỡm sau khi nàng bị giải đi đâu không ai biết. Sáng hôm ấy, giữa giờ anh em ở các sàn lim và nhà câu lưu được thả ra sân thì cổng trại giam bỗng nặng nề mở để dẫn vào một dây người vừa bị bắt về. Trong đó có một thiếu nữ ăn mặc quê mùa, cũ kỹ và rách rưới. Trong khi mọi người đàn ông còn bị giữ ở ngoài sân, thì người ta đưa thiếu nữ vào hiên dãy sàn lim và ở đấy người

canh ngực chào nàng bằng một dịp cười
và một câu nói mỉa mai:

- Thế nào, cô lại trở về đây ư?
- Lại trở về đây? Mọi người ngơ
ngác nhìn nhau.

Hỏi “cụ Quỳnh”, tên người “gác” thì
người ấy vẫn cười và đáp:

– Lần này là lần thứ ba cô ta đến đây.
Lần thứ nhất cô ta là một nữ học sinh
mặc tân thời, lần thứ hai cô ta giả trai.
Lần này, thì đó, anh em coi, có nhà quê
đặc không? Lại rằng nhuộm mầu cánh
kiến cẩn thận nữa cơ đấy! Thôi lần này
thì phát văng, phát văng cô ạ.

Một người thì thâm hỏi:

- Vậy cô ta phạm tội gì thế?

– Lại còn tội gì nữa – người gác tiếp với một giọng nói khinh bạc, tội làm cách mạng chứ còn tội gì nữa.

Thế là bắt đầu ngay từ phút ấy, thiếu nữ chiếm lấy hết cả lòng sùng kính của toàn thể trại giam.

Vẻ đẹp của bóng giai nhân ở đây, dù mặc bộ đồ nhà quê rách rưới, chính là vẻ đẹp nàng mang trong thân thể cái tội của nhân dân: “tội làm cách mạng”. Chính cái tội kỳ khôi này đã “chiếm lấy hết cả lòng sùng kính của toàn thể trại giam.”

Khái Hưng đã mô tả cái vẻ đẹp nghĩa khí của bóng giai nhân này quá ngắn gọn và giản lược trong bốn chữ “tội làm cách mạng”. Quả thực tôi sẽ không thể rung cảm trọn vẹn được bóng giai nhân của Khái Hưng nếu như chính tôi đã không từng trải như tác giả khi đồng cảnh ngộ

với tác giả sống trong trại tù của cộng sản.

Sau khi cộng sản cưỡng chiếm miền Nam năm 1975, tôi cũng như các sĩ quan, các viên chức của chế độ Việt Nam Cộng Hòa, tất cả đều bị lừa vào các trại giam khổng lồ khắp nơi trên toàn quốc. Là một sĩ quan cấp nhỏ, tôi bị chở lên miền đất chung quanh núi Bà Đen, Tây Ninh. Sau mấy năm dong duổi từ các trại Trảng Lớn, Đồng Ban, Cây Cầy A, rồi Cây Cầy B. Đâu đâu, ngọn núi Bà Đen, chứ không phải Bồng Giai Nhân, vẫn cứ đeo đuổi chúng tôi.

Khi mới đặt chân tới Cây Cầy B, trại giam lần này được chuyển giao từ quân đội cho công an quản thúc, tôi được nghe tin nơi đây đang giam nhốt một Bồng Giai Nhân dưới hầm (phòng giam đặc

biệt, cách ly với mọi người nằm sâu dưới lòng đất). 18 tháng vừa qua tôi cũng đã từng trải những ngày sống vất vưởng, cực nhọc, lao đao trong nhà giam đặc biệt là mái nhà tranh nằm nép mình dưới bóng cây da xà hùng vĩ. So sánh với nhà giam đặc biệt dưới hầm dành cho một bóng giai nhân duy nhất bị giam nhốt tại đây, quả thực nhà biệt giam của tôi chẳng thấm thía gì.

Theo lời tường thuật của anh em tù nhân người Tây Ninh, Bóng Giai Nhân ở đây mang tên Vắn. Tôi được nghe nhiều về những trang bi hùng kịch của nàng từ khi đi làm “cách mạng” cho tới khi bị hành hạ và bị giam nhốt dưới hầm. Tôi hằng mong mỗi một ngày nào đó được nhìn thấy tận mắt hình ảnh đáng kính phục và đáng mến thương của nàng. Thế rồi, ngày điểm phúc ấy đến với tôi thật

bất ngờ. Khi lên đường đi lao động vào một buổi sáng, tôi nhìn thấy thực sự một Bóng Giai Nhân ngồi trong chiếc nhà chòi. Da nàng thật trắng trẻo như con bạch tuộc và cặp mắt nàng mở to trong sáng như bầu trời thiên thanh. Cặp mắt ấy nhìn chúng tôi đầy thân thương và muốn nói với chúng tôi nhiều lắm. Nhưng rồi định mệnh khắt khe, chúng tôi không được dừng chân nhìn ngắm bóng giai nhân kiều diễm này và hỏi han chuyện nàng, nhưng vẫn phải lên đường vừa đi vừa ngoái cổ đắm đắm nhìn Bóng Giai Nhân càng lúc càng rời xa khỏi tầm nhìn. Bóng giai nhân ấy càng trở thành tuyệt vời nhiều hơn nữa với chúng tôi, những tù nhân nam giới, đã nhiều năm tháng không được nhìn thấy bóng hồng trong trại giam.

Những hình ảnh bóng giai nhân vừa

được mắt tôi chụp cứ liên tục diễn hành trong tâm khảm tôi trong niềm luyến tiếc và càng trở thành sống động và cảm kích hơn khi tôi được biết Bóng Giai Nhân vừa rồi chính là Vấn, người con gái “đi làm cách mạng”. Nàng đã thực sự chinh phục được trái tim chúng tôi khi được nghe kể lại thiên anh hùng ca của nàng.

Nàng là nữ quân dân Tây Ninh, ngay sau ngày miền Nam mất vào tay cộng sản, nàng đã rút vào bưng biền kháng chiến. Một ngày kia, cùng với người yêu ngồi trên chiếc xe Honda trên đường công tác dân vận, thấy mình bị bại lộ, nàng và người yêu đã nổ súng vào đám cán binh cộng sản và lên đường tẩu thoát. Nhưng sau cùng, nàng bị bắt và bị tra tấn dã dộ. Nàng vẫn cương quyết không khai báo và tiếp tục nhận những trận đòn hành hạ dã man. Thân xác mền nhũn vì tra tấn

bạo hành ấy được đem về trại giam Cây Cây B và nàng bị nhốt dưới hầm hàng năm không nhìn thấy một tia sáng mặt trời.

Cho tới ngày trại giam này được tu bổ lại với những dãy nhà rộng lớn hơn do chính tay chúng tôi thiết dựng, nàng được giải thoát khỏi chốn hầm tối và trở lại sinh hoạt với các nữ tù nhân khác trong một ngôi nhà được rào kín chung quanh, biệt lập khỏi các ngôi nhà giam dành cho nam giới chúng tôi.

Rồi một ngày kia được tin nàng bị bạo bệnh, khó thoát khỏi lưỡi hái tử thần, tất cả chúng tôi đều lắng lo và vận dụng mọi cách chuyển thuốc men được góp nhặt lại, để làm cách nào cứu nàng sống. Nàng trở thành biểu tượng của một nữ anh hùng trong lòng chúng tôi

từ lâu rồi, và hôm nay niềm mến thương và tôn phục nàng đã trỗi dậy mãnh liệt trong chúng tôi.

Trong cái đêm chúng tôi giao tranh với tử thần muốn tước đoạt mạng sống nàng, chúng tôi sống đầy rung động và mỗi người diễn đạt một cách khác nhau. Tôi và một vài anh em biết âm nhạc, chúng tôi vận dụng sáng tác tặng nàng những dòng nhạc anh hùng ca, trong khi đó nhiều anh em khác viết cho nàng những dòng thơ thương cảm. Một trong những bài thơ làm tôi rung động nhất chính là bài thơ của Nguyễn Văn Phước và tôi đã phổ nhạc mang tựa đề «Anh khóc cho em đêm nay». Tôi viết lại bài thơ điệu cảm này như một thiên anh hùng ca ghi lại hình ảnh tuyệt vời của một thiếu nữ làm cách mạng tương tự như Bóng Giai Nhân của Khái Hưng:

“Anh khóc cho em đêm nay,
những giọt nước mắt chảy từ dòng máu
nóng.

Nuôi cơn ác mộng đọng trên mí mắt
như vương vấn một hình hài.

Anh khóc cho em đêm nay
đem nguồn yêu thương đi vào nỗi nhớ.

Cho cơn sóng dữ
tràn lấy niềm sâu
trong trái tim của anh.

Em nằm đó đôi bờ mi khép kín
Thân thể kia đầy vết tím bạo cuồng
Không gian nào cản bước chân anh đi
Để một lần tiễn biệt em ra đi.

Trong ngục tù em vẫn là ánh sáng
 Trước bạo tàn em vẫn đứng hiên ngang
 Cho điên cuồng loài ác thú dã man
 Cho thương đau đóng đinh tội lỗi
 Rồi mai đây khi chim lồng sổ cánh
 Bên chiến hào em vẫn là một vì sao
 Cho ngón tay anh thôi ngẩn ngại siết
 Cho ánh bình minh đến dần với quê hương".

Những vần thơ của Nguyễn Văn Phước vừa rồi, thiết nghĩ, đã phần nào diễn tả được nỗi cảm xúc của tôi khi đối diện với Bóng Giai Nhân của Khái Hưng. Khái Hưng vẫn mãi mãi là một vẻ đẹp của văn chương trong nền văn học Việt Nam.

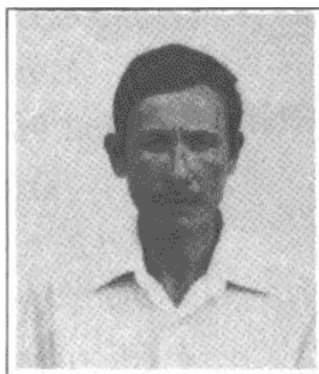
Và ngày hôm nay, nhân kỷ niệm 50 năm ngày ông quá cố, tôi thả lên nén hương lòng tưởng nhớ ông, một nhà văn lỗi lạc đã mang trong mình bầu nhiệt huyết xây dựng quê hương.

HOÀNG QUÝ

HỒN Bướm Mơ Tiên

Kính Tặng Văn Hào Khái Hưng

NGUYỄN VĂN LẬP



*Mưa xuân phảng phất bên thêm,
Rượu đông chung cạn, môi mềm từ lâu.*

Chơi với nhạc khúc Phượng Cầu
Lạc đường trần tục, ôm bầu Trích Tiên.
Chập chờn một giấc cô miên,
Xác miền viễn xứ, hồn miền hư vô.
Người đâu thân thế mơ hồ.
Mãi vui lạc bước giang hồ đến đây?
Đường trần chưa mỗi cánh bay,
Áo phong sương đã đổi thay mấy lần.
Chợt mê, chợt tỉnh phân vân,
Nghe trong tâm thức có phần đốn đau.
Lung linh cảnh sắc muôn màu,
Thoảng tai nghe sáo qua cầu Tương tri
Dặt dìu cung bậc phân ly,
Ru hồn viễn khách vào thì non xanh.

Êm như hạt ngọc long lanh,
Trong như nước biếc đầu gành trăng soi.

Vén mây tiên nữ mỉm cười,
Khách trần ngỡ ngẩn vội dời gót chân.

Trông xa ở tận hư không
Hái bông hoa lạ đem trồng Cao tiên,

Cho hoa kia nở Tiên duyên,
Cho ta rũ sạch con thuyền thế nhân.

Đạo bào rực rỡ châu thân,
Hương thơm phảng phất khói trần nhiều
nương.

Tiếng khoan rơi rớt bên đường.
Giật mình tỉnh giấc Nghê thường, chiêm
bao.

*Mơ hoa hồn thức nơi nao,
Tan trong xác bướm, nổi sầu khôn với
Cơn say tưởng đã quên đời.
Tỉnh ra còn thấy Đất Trời khoan dung.*

NGUYỄN VĂN LẬP

KHÁI HÙNG,
CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG
TRƯỚC CUỘC TƯƠNG TÀN
QUỐC CỘNG
NGUYỄN THU NGHINH



Các đồng chí VNQDD vẫn quen gọi một thanh niên lực lưỡng, gan dạ và nhất là nhanh nhẹn là “anh Toán”, một trong những bí danh mà Đảng đặt cho khi cử anh làm Trưởng ban Duy trì Kỷ luật Đảng.

Đây là thời gian sau khi cụ Nguyễn Công Lịch, người huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, bị tên Trưởng bạ Tuông đi theo Việt Minh Cộng Sản làm tới chức huyện ủy, sai bốn tên Công An trình sát trong đó có tên Trưởng ban là Hiệp (1) và tên Phong, bắt cụ tại Pagode Lim đem về Long Khám hỏi cung, khai thác các cơ sở VNQDD mà cụ biết, nhưng với tinh thần bất khuất, cụ Lịch nhất định không khai một điều gì liên hệ và phương hại tới tổ chức. Khi chúng hỏi:

– Tại sao anh không gia nhập Việt Minh lại đi theo cái Đảng phản động ấy.

Thì cụ Lịch khẳng khái bảo:

– Tôi theo Việt Quốc là vì Đảng ấy là Đảng của toàn thể Quốc Dân Việt Nam. Việt Quốc có từ năm 1927 mưu sự giành Độc Lập cho Tổ Quốc, Tự Do và Hạnh Phúc cho đồng bào, đánh đuổi Thực dân Đế quốc qua cuộc khởi nghĩa Yên Bái ngày 10 tháng 2 năm 1930 làm rung động khắp năm Châu, là người Việt Nam ai ai cũng đều rõ. Còn Việt Minh cộng sản các anh mãi sau ngày Khởi nghĩa Yên Bái mới được thành lập thì thử hỏi là người yêu nước tôi phải chờ đợi đến ngày đó sao? Vả lại, theo Việt Quốc hay theo Việt Minh cũng ví như đi từ ải Nam Quan tới mũi Cà Mau, miễn sao đi tới đích. Nay tôi bị Việt Minh bắt, và nếu tôi có bị giết đi chăng, VNQDD vẫn không

yếu đi chút nào. Nhất là nước Việt Nam chúng ta đang ở trong cái thế dầu sôi lửa bỏng, Thực dân Pháp đã tái chiếm Nam Bộ và đang tìm cách đô hộ cả nước như xưa, vậy Việt Minh cũng như các đảng phái Quốc Gia cần phải đoàn kết... dốc lực lượng vào Nam Bộ...

Không để cho cụ Lịch nói hết, và biết có dùng lời ngon ngọt ra dụ dỗ mua chuộc cũng chẳng được nào, chúng lôi cụ đến phòng giam, nhốt lại và bỏ đói. Ngay sáng hôm sau chúng mới cho cụ ăn bữa cuối cùng và lúc 6 giờ 35 phút, công an Việt Minh xử tử cụ bằng cách đâm những mũi lưỡi lê cắm trên nòng súng Mousqueton vào khắp người cụ để trần từ ngực xuống tới bụng và rạch một đường dài nơi mạng mỡ. Một “phát súng ân huệ” cuối cùng vào đầu kết liễu tấn kịch thật tàn bạo, dã man điển hình của

người cộng sản đối với những người yêu nước nhưng không cùng chính kiến với chúng.

Nhận trách nhiệm xong, anh Toán được Trung Ương giao cho ngay một nhiệm vụ, là phải thanh toán tên Chu Bá Dũng phản Đảng: y là anh em thúc bá với một trong những lãnh tụ VNQDD thời bấy giờ là Chu Bá Phượng, hiện lãnh đạo Đảng ở Quốc Nội, còn đồng chí Vũ Hồng Khanh thì lãnh đạo anh em bên Trung Hoa. Thấy Việt Minh nắm được chính quyền, và nghe lời tuyên truyền khuyến dụ của cộng sản, Chu Bá Dũng đã bán đứng cơ sở VNQDD ở Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang do y làm Chủ nhiệm cho Việt Minh cộng sản. Đến bù lại, Việt Cộng cho y làm Chủ tịch Ủy ban tài chánh huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang.

Cơ sở VNQDD này vốn là chiến khu thuộc xã Mật Ninh thuộc Sen Hồ, Bắc Giang, có ấp Dương Huy của đồng chí Đỗ Đình Đạo, rất khang trang, chứa rất nhiều lương thực và vũ khí. Đồng chí Việt Quốc từ các vùng biên giới đổ về Hà nội hoặc ngược lại, thường đến đây nghỉ chân, chờ nghe động tĩnh về phía người Pháp và người Nhật, trước 1943 và sau 1945 là VM cộng sản.

Do đây chiến khu này cũng rất quan thiết với người cách mạng Quốc Gia, nên Trung Ương VNQDD triệu tập một phiên họp tại số 23 đường Quan Thánh, Hà Nội, ra án lệnh tử hình Chu Bá Dũng về tội phản Đảng.

Chấp hành việc thi hành kỷ luật Đảng, anh Toán đi gặp Chủ nhiệm Tỉnh Đảng bộ Bắc Ninh lúc đó đóng ở Thị Cầu, là đồng chí Chu Đức để thảo luận.

Đồng chí Chu Đức lệnh cho đồng chí An Sinh (2), trưởng ban Hiến binh phụ lục cùng với đồng chí Phan Hồng Điệp (3) thi hành, theo sự chỉ huy của anh Toán.

Theo kế hoạch, trước hết nhóm người này tới gặp đồng chí Tấn Ký (Trưởng ban tài chánh Tỉnh Đảng bộ Bắc Ninh) vốn gốc người Thị Cầu, chủ nhân Nhà máy Thủy Tinh Tấn Ký ở Thị Cầu, giúp cho phương tiện như kiếm gấp cho hai bộ quần áo nâu và nón lá đội đầu, trá hình làm nông dân, cũng như khi hữu sự cần tá túc.

Kế, anh Toán và anh Điệp về xã Mật Ninh ở Sen Hồ tìm đến nhà đồng chí Chu Bá Loan [**), nhờ anh cho người thân tín cũng là đồng chí đi theo để chỉ điểm nhận diện tên Chu Bá Dũng và để biết rõ đường đi nước bước của y. Chu Bá Đạt là anh em thúc bá với các anh Chu Bá

Phượng, Loan, Nhạn, Cửu... cũng là một đồng chí Quốc Dân Đảng tình nguyện đưa Toán và Điệp đi nhận diện Chu Bá Dũng. Và chỉ một hôm sau, khi Chu Bá Dũng đi xe đạp tới trụ sở làm việc thì... ở hai bên đường xe qua, có hai nông phu nón lá khoác tay che khẩu súng đã nạp đạn sẵn ở một túi áo, sẵn sàng bắn. Điệp và Toán đã ước hẹn: hễ Chu Bá Dũng quay sang nhìn Điệp thì Toán nhả đạn. Ngược lại, nếu y quay về phía Toán thì Điệp bắn thẳng vào đầu y. Và số y đã chết về tay người phụ lục của Trưởng ban thi hành kỷ luật Đảng. Y ngã sấp mặt xuống đường và chết tức khắc. Thi hành xong nhiệm vụ, Điệp và anh Toán điểm nhiên theo ngã ruộng đã định trước, chuẩn êm về nơi thay bỏ bộ quần áo nông dân, ra ga về Hà Nội, tường trình lên Trung Ương “sứ mạng đã hoàn tất mỹ mãn”.

Tin Chu Bá Dừng phản Đảng đã bị ban Thi Hành Kỷ Luật VNQDD xử tội theo như lời thề của đương sự khi gia nhập ngay hôm sau đã được đăng tải đầy đủ trên nhật báo Việt Nam do nhà văn Khải Hưng và ông Nguyễn Tường Bách chủ biên. Đọc, anh em thâm phục và rất kính trọng. Được ít lâu thì lại được tin Chu Bá Đạt đã bị Công An V.C bắt và đưa đi mất tích.

Việt Nam Có Mỏ Uranium.

Làm báo như ông Khải Hưng với tài thông kim quán cổ, có lẽ thật hiếm người. Tin thời sự thế giới và tin trong nước, liên hệ tới các dân tộc nhược tiểu như Việt Nam, ảnh hưởng tới số đông đồng bào Việt Nam mà báo Cứu Quốc của đảng cộng sản cùng các tờ báo khác

không dám đăng thật vô số kể. Thế mà với khuôn khổ tờ nhật báo chỉ có 2 trang rồi lên 4 trang, ông Khải Hưng vẫn sắp xếp sao cho thật ngắn, gọn, có đầy đủ, đáp ứng đúng nhu cầu bạn đọc về mặt thông tin, bình luận.

Có một tin đọc mà giật mình: Việt Nam có quặng mỏ Uranium tại địa điểm X, tỉnh Y, do một số anh em trí thức VN-QĐĐ đã tìm được.

Tin này được loan giữa thời kỳ biến động nhất của Hà Nội và các Tỉnh miền Bắc: sự tái chiếm Nam Bộ của Thực dân Pháp, sự tranh giành ảnh hưởng của dân chúng giữa VM và VQ - và VM đang lo sợ về một cuộc đảo chánh bất ngờ của Quốc Dân Đảng, một cuộc nổi dậy đẫm máu giữa Hà Nội lan rộng ra khắp các Tỉnh mà chỉ có Quốc Dân Đảng mới làm nổi. Do đấy một tin quan trọng như thế

mà ít người lưu ý. Chỉ còn một số anh em QĐĐ là vẫn để bên lòng, trong số đó có đồng chí Khánh Phượng, tức nhà văn Nguyễn Thạch Kiên. Anh cho biết là hiện giờ (1998) chưa thể tiết lộ một điều gì về mỏ Uranium của Việt Nam được, chỉ trừ khi nào Quê Hương hết hẳn bè lũ cộng sản và có một chính phủ Quốc Gia chân chính mà người dân hết lòng tin cậy. Việc này, học giả Phạm Đình Kh-iêm viết trong Tuần báo Văn Đàn, cũng đã được anh cho biết đại cương nhân kỷ niệm ngày 2 trái bom nguyên tử ném xuống đất Nhật, năm 1961.

Chi Bộ Ba Người.

Tôi rời Houston, Texas về miền Nam California gặp các anh Nguyễn Thạch Kiên và Nguyễn Tường Bách ngày 15

tháng 3 -1998 để ôn cố về một số việc, xưa cũng như nay, có ảnh hưởng rất nhiều đến thanh danh VNQDD.

Buổi gặp gỡ diễn ra chỉ có ba chúng tôi mà tôi gọi đùa là chi bộ ba người, nói theo một chương tiểu thuyết của Nhất Linh, trong tập truyện “Dòng sông Thanh Thủy”

Chúng tôi ôn lại vụ rời Việt Nam cùng với đ/c Vũ Hồng Khanh ngay sau hiệp ước ngày 6 tháng 3 - 1946, vụ các chiến khu VNQDD bị bộ đội Vệ Quốc Đoàn của Việt Minh có quân đội Pháp đi theo yểm trợ bằng các loại súng máy tối tân và súng cối, đánh úp. Và cuộc tàn sát tập thể các chiến sĩ VNQDD mà Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp thực hiện...

“Chi bộ ba người” thảo luận từ 2 giờ 15 đến 6 giờ chiều thì có mấy vị khách

được mời tới dùng bữa cơm thân mật, trong số có anh chị Nguyễn Dũng - Nhất Phương, soạn giả Thái Quốc Nam, anh Đoàn Thế Cường, anh chị Đặng Văn Tri và anh Phan Như Hữu...

Đêm đã gần khuya. Khi tiễn khách rồi và đ/c Nguyễn Tường Bách cũng ra về, thì chỉ còn lại «chi bộ hai người». Chúng tôi tiếp tục thảo luận về việc phải duy trì thanh danh cho VNQDD bằng cách «âm thầm hoạt động, xây dựng thể hệ trẻ nối tiếp chí hướng tiền nhân là các anh hùng liệt nữ của Đảng». Và, nếu cần, ngưng lại hết mọi hoạt động khi sống nơi hải ngoại để gìn giữ chút danh thơm của Đảng, mặc cho những kẻ vô tài, thiếu đức, thích làm lãnh tụ khắp hoàn vũ, để... với mục đích riêng tư và tối ngày chỉ đợi vác lá cờ thiêng của Đảng đi diễu võ dương oai nơi phố phường... điểm nhục.

Quá khuya tôi mới đi ngủ để hôm sau còn ôn lại những điểm cần nhớ về nhà văn, nhà báo cách mạng Khái Hưng, với đồng chí Khánh Phượng.

Việt Minh cộng sản

Liên Kết Với Thực Dân Pháp 1946

Thanh Toán Các Đảng Phái Đối Lập

Sau khi hủy bỏ cuộc đảo chánh giành lại chính quyền “vì quyền lợi của Quốc Gia Dân Tộc”, Quốc Dân Đảng chấp nhận cùng với Hồ Chí Minh thành lập Chính phủ Liên Hiệp.

Ở đây, tôi không đi sâu vào các chi tiết cái chính phủ liên hiệp này cũng như thành phần của Quốc hội Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa năm 1946 mà chỉ nhắc lại một số sự kiện xảy ra sau khi Quốc Cộng tạm hòa hoãn.

– Nhận chức Bộ trưởng Ngoại Giao được ít ngày, ông Nguyễn Tường Tam đem hết khả năng cùng với phái đoàn đi phó hội với người Pháp: Hội nghị Đà Lạt rồi không tham dự Hội nghị Fontainebleau... cuối cùng nhận thấy bè lũ Việt Cộng gian manh và người Pháp vẫn không thức thời, còn nặng đầu óc thực dân, ông bèn kiếm cách đưa cố vấn Vĩnh Thụy (cựu hoàng bảo Đại) sang Trung Hoa, chờ thời cơ thuận tiện.

– Ông Vũ Hồng Khanh cũng lượng định Việt Cộng thật sự không thành thực khi phải đoàn kết liên hiệp với phe Quốc Gia, nhất là ký với Pháp những văn kiện mà ông gọi là «những văn kiện bán nước» của phe Việt Minh cộng sản do thủ đoạn của Hồ Chí Minh nên sau khi bị dí súng vào ngực bắt ông phải đi ký với Sainteny hiệp định mồng 6 tháng

3 - 1946, ông bèn cùng với các đồng chí rút về chiến khu Vĩnh-Phúc-Yên sau đó.

– Trước đó, đồng chí Lê Khang (bí danh Lê Ninh), tác giả bài đảng ca “Lá Cờ Sao Trắng”, người nhận văn kiện do Hồ Chí Minh ký giao 70 ghế đại biểu Quốc Hội cho phe Quốc Gia, đã bị Công An Việt Cộng theo dõi, bắt đưa về một địa điểm ở ngoại ô Hà Nội tra tấn, khai thác rồi cuối cùng dùng búa bổ đôi đầu đồng chí ra như chẻ củi vậy.

– Các đồng chí Phan Kích Nam, Phạm Văn Hể (VNQDD) thường ngồi ở Tòa soạn báo Việt Nam với nhà văn Khái Hưng, chuyên lo về Tuyên Nghiên-Huấn [**] và nhiều đồng chí khác thường về trụ sở QDD ở các phố Đỗ Hữu Vị, Ôn Như Hầu, Lò Lợn, Cửa Nam... sau ngày 6.3.46, đều bị Việt Cộng theo dõi và chẳng một mẻ lưới, tóm gọn. Rồi đem đi

thủ tiêu tại vùng rừng núi Hà Đông và Sơn Tây.

Kết quả các anh Phương tức Trương Tử Anh (ĐVQDD) và nhiều đồng chí khác bị bắt – ở số 23 phố Quan Thánh, nơi cụ Nguyễn Hải Thần dùng làm trụ sở VNCMĐMH – đem đi thủ tiêu.

– Đồng chí Nguyễn Hữu Thanh – Lý Đông A – về nước, truyền bá học thuyết Duy Dân và là lãnh tụ Duy Dân Đảng, sau 1945 lập chiến khu Nga Mi cũng bị V.C đem quân đến vây đánh. Và Lý Đông A đã biệt tích luôn. Tuy nhiên truyền nhân của Lý Tiên Sinh còn rất nhiều qua các thế hệ: lớp trước thì có Lê Quang Luật, Nghiêm Xuân Hồng... lớp sau có nhiều bạn trẻ như Châu Sơn, Lê Vinh, Nguyễn Đan Quế...v.v...

– Tòa soạn báo Việt Nam cũng 2 lần bị Việt Cộng đến thăm: một lần bắt gia đình nhà văn Khải Hưng và một số anh em liên hệ đưa về Sở công an tra hỏi và một lần dùng vũ lực súng đạn đến tấn công.

Nói chung, tình hình tại Hà Nội, kể từ sau ngày Việt Cộng rước thực dân Pháp vào trấn ngự tại “Thành Hoàng Diệu” và Quân đội Trung Hoa Dân Quốc rút về nước thì Hồ Chí Minh - Võ Nguyên Giáp - và cái Bộ loa của anh mắt toét Trần Huy Liệu càng lộ hành, càng tuyên truyền dành mẽ phải» trong việc giết, bắt và thủ tiêu người Quốc Gia chân chính.

Và tại các chiến khu VNQDĐ ở khắp nơi, từ Thanh Hóa đến miền biên giới Việt Hoa, thay vì dốc lực lượng vào Nam Bộ kháng chiến, thì Việt Minh cộng sản

lại dốc toàn lực lượng Vệ Quốc quân tuyển mộ được ít lâu đến vây bủa, phát động chiến dịch càn quét, khởi sự cảnh tượng tàn chém giết có một không hai trong lịch sử Việt Nam.

Chuyện Sơn Tây

Và Chiến Khu Sơn Tây.

Đồng chí Bảo Ngọc là Chủ nhiệm Tỉnh Đảng Bộ Sơn Tây; đồng chí Phùng Đăng Đống, Tư lệnh chiến khu, bị mấy anh em Khuất Duy Phường tức Hiến Mai (sau kêu là tướng Hồ Răng), Khuất Duy Tiến (5) (Ủy ban Nhân Dân Thành Phố Hà Nội) và Khuất Duy Tiến tức Tô Dân làm Chủ tịch UBND Thị Xã Sơn Tây, đều gốc làng Minh Chanh, huyện Thạch Thất - Sơn Tây, đem quân đến đánh. Bị yếu thế, thiếu tiếp viện nên Phùng Đăng Đống bỏ chiến khu Sơn Tây. Chiến khu

mất, thay vì Phùng Đăng Đồng rút về chiến khu Hòa Bình (thì đồng chí lại liêu chết với địch nên bị Khuất Duy Tiến bắt được nơi trại lính Tây và bị giết tại đồi Hòa Lạc. Người em của Đồng là Phùng Văn Gia thay mặt gia đình đến xin xác về chôn thì Khuất Duy Tiến mắng:

– Nó chết như một con chó thì chôn làm gì!

Được biết Chu Tử Kỳ là con nuôi của Phùng Đăng Đồng – nuôi từ nhỏ đến lớn khôn – và là cháu kêu Khuất Duy Tiến bằng cậu ruột; Chu Tử Kỳ thường nhẩy nhót trong các hệ phái VNQDĐ và «cũng bị tù cải tạo» sau 1975, và đã sang Hoa Kỳ cùng với gia đình được ngót 5 năm nay (6).

Phùng Đăng Đồng và Khuất Duy Tiến vốn là bạn học ở Sơn Tây từ nhỏ. Cả

hai cùng có chí, có nhiệt huyết với Cách mạng. Họ đã nắm tay nhau thề nguyện hồi còn đi học là mai đây đầu hai người theo 2 đảng khác nhau nhưng nếu đảng này đánh đuổi được người Pháp, giành lại giang sơn Việt Nam thì vẫn không quên người bạn ở đảng kia..v.v.. Lời thề của cộng sản Khuất Duy Tiến khi giết Phùng Đăng Đống, quên lời thề xưa và còn nhục mạ nữa thì thật là kẻ táng tận lương tâm. Người Quốc Gia như các anh em VNCMĐM Hội và VNQDD ở Trung Hoa cố công cứu Lý Thụy (tức Hồ Chí Minh) ra khỏi nhà tù bất kể lý lịch của y thì đủ rõ cái tác phong cách mạng vì quốc dân và nghĩa đồng bào thiêng liêng và cần phải tôn trọng là như thế nào.

Chuyện Việt Cộng Và Pháp Tấn Công

Chiến Khu Việt Trì

Bằng Súng Cối 105 Ly.

Tất cả các diễn biến kể trên đều được báo cáo về Trung Ương và đến tay nhà văn Khái Hưng tại báo quán Việt Nam.

Trong dịp này ông Khái Hưng rất buồn. Sau khi cho đăng vở kịch ngắn “Dưới Ánh Trăng” cảnh tỉnh, nhắc nhở Việt Minh cộng sản về hiện tình đất nước là cần phải dốc toàn lực – cả phe Quốc Gia lẫn phe cộng sản – vào Nam Bộ kháng chiến chống Pháp thực dân với tất cả tình thương của văn sĩ, Khái Hưng bắt đầu viết vở kịch dài “Khúc Tiêu Ai Oán” – là tác phẩm văn chương cuối cùng của ông.

Chúng tôi vẫn thường tự hỏi: “Tại sao Khái Hưng lại viết vở kịch này nhỉ, vở kịch mang một nội dung đầy mâu sắc kỳ lạ của một tráng sĩ lấy hận thù và sự rửa hận làm hiếu: diệt tan kinh thành Dĩnh Đô, tàn sát và làm nhục hết thầy vua tôi nước Sở? Và Khái Hưng có mang tâm trạng của một Ngũ Tử Tư hay không? Ông có nghĩ là sau khi Việt Cộng tàn sát toàn bộ VNQDD, thì sau này các thế hệ VNQDD và các thành phần liên hệ như thân nhân và đồng bào họ có đòi Việt Minh cộng sản phải trả món nợ máu ấy không?”..v.v...

Vào thời điểm ấy, Công An cộng sản chưa dám héo lánh tới khu tự trị Ngũ Xã của chúng tôi. Anh Nguyễn Cống vẫn thường đến với Khái Hưng, và tôi thì vẫn làm nhiệm vụ, ở ngay Hà Nội rồi sau được cử về chiến khu Bạch Hạc.

(Sau năm 1948, tôi thường gặp các anh Nguyễn Cống và Nguyễn Thạch Kiên tại khu Ngũ Xã - Quan Thánh).

Vậy xin kể tiếp về các chiến khu của VNQDD, điển hình nhất là chiến khu Việt Trì - Bạch Hạc và Yên Bái trước khi hoàn toàn tan vỡ.

Sau mồng 6 tháng 3 - 1946, ông Vũ rời Hà Nội lên Việt Trì. Đoàn xe có lính vận binh phục sĩ quan Trung Quốc, súng ống đầy đủ đi hộ tống. Tôi gặp anh Nguyễn Tường Bách và nhiều nhân vật cao cấp khác tại chiến khu Bạch Hạc. Nhưng chỉ sau mấy ngày thì có tin Việt Cộng đưa quân đến đánh. Quốc dân quân anh dũng chống trả rồi phản công mãnh liệt dầu Việt Cộng có cả đại bác 105 ly rót vào.

Trong trận này V.C chết khá nhiều. Khi Quốc dân quân truy kích thì bắt được một lính Pháp bị thương gần chết, bên cạnh y là một súng cối 105 ly. Thì ra Việt Cộng đưa Pháp vào Hà Nội rồi nhờ Pháp yểm trợ diệt Quốc Dân Đảng. Nóng mặt, một đồng chí bèn chém một nhát mã tấu, đầu tên này lìa ngay khỏi cổ. Anh em bèn bêu đầu trên ngọn giáo, đi xe phóng thanh kêu gọi đồng bào ở Việt Trì hãy đến xem «Việt Minh cộng sản đồng lõa với Tây thực dân đem súng đại bác đến tiêu diệt người Quốc Gia yêu nước”... Đồng bào chứng kiến rõ đúng đầu tên mũi lỗ tóc quăn nên nguyên rửa Việt Minh cộng sản không tiếc lời.

Sau đó tôi được điện thoại của Quân Vụ Trưởng Vũ Hồng Khanh cho lệnh toàn thể anh em rút lui khỏi Việt Trì – Bạch Hạc, lên Yên Bái và phải bỏ hết máy

móc dụng cụ công kênh và nặng xuống sông Bạch Hạc rồi tập trung tại sân vận động Việt Trì.

Khi ra đi chúng tôi còn cứu được 15 anh em đồng chí mà chúng tôi vẫn nhớ hiện ngụ tại một ngôi nhà tại Bạch Hạc, trong số có đồng chí Lý Xuân Lâm (7); chúng tôi kêu gọi họ đi theo mà trước đó họ chẳng hiểu ấp giáp gì cả.

Tới quốc lộ, một xe traction 11 Légère cắm cờ Việt Minh trời tối, chúng tôi liền giữ lại. Thì ra trong xe có đồng chí Nguyễn Tường Long (nhà văn Hoàng Đạo) và tên Việt Cộng Hoàng Văn Thái - là những người trong Ban Liên Kiểm, đại diện cho hai phe Quốc - Cộng vừa ký văn kiện hòa giải tại Phú Thọ mấy bữa trước. Liền bắt cả hai đi theo. Xe ô tô thì đập nát, hất xuống vệ đường.

Các chiến sĩ Việt Quốc và Đoàn Thanh Niên Quốc Gia với khí thế tự tin vượt thắng mọi trở ngại lại hăm hở tiến về phía trước. Trong chuyến đi này thật có một trở ngại lớn là vấn đề ẩm thực. Đằng trước, phải cảnh giác việc Việt Cộng phục kích; phía sau, bọn Việt Cộng không ngừng truy kích với những quả đại bác 105 ly do Thực dân Pháp đi theo yểm trợ cho “bộ đội cụ Hồ”. Nên vấn đề ăn uống thật hạn chế. Anh em đều đói và khát. Chính cái đói khát đã làm cho quân ngũ, đội ngũ sinh biến. Và Quân Vụ Trưởng, ông Vũ, đã ra lệnh “anh em cố gắng chịu khổ cực một đôi ngày; khi tới chiến khu Yên Bái thì tha hồ ăn uống, nghỉ ngơi. Triệt để cấm không một ai được vào nhà dân, phiền nhiễu họ. Nhất là lấy đồ vật, thức ăn thức uống của họ...”

Thế nhưng có anh Cai Quế, một

đồng chí nóng nảy lại không quen với chuyện đói khát, đã lén vào ruộng mía bên đường, chặt ăn và còn tỏ vẻ thách thức:

– Giờ này còn quân kỷ quân luật nữa à? Ai có giỏi cứ bắn thẳng này thử coi!

Chuyện đến tai ông Vũ. Và Cai Quế (8) bị xử đúng như quân kỷ. Ai ở vào hoàn cảnh Tư Lệnh – Quân Vụ trưởng lúc bấy giờ – và ngay cả bây giờ nữa cũng đều phải xử lý cho nghiêm quân lệnh. Chú không thể gán cho ông Vũ là tàn ác, là hiếu sát được. Đọc Tam Quốc, chúng ta thấy có biết bao chuyện điển hình tương tự – như chuyện Tào Tháo cho chặt chân một binh lính dẫm xuống ruộng lúa của dân chẳng hạn khi ông đã ra nghiêm lệnh trong lúc cần phải đào thoát khỏi vòng vây của đối phương.

Khi đoàn quân đi đến đình Yên Kỳ gần tỉnh lỵ Yên Bái thì ngủ lại đêm. Mờ sáng, tập trung tiến quân thì Việt Cộng bất ngờ vây đánh, nã súng vào đình như mưa. Con ngựa thồ tải tài sản của Đảng bị đạn chết. Đồng chí người Trung Hoa trông nom ngựa, vận binh phục Tàu, cũng bị đạn chết. Một số thanh niên Quốc Gia và đồng chí, kẻ bị thương, người bị pháo trúng cũng vong mạng. Trong lúc hỗn loạn ấy, Hoàng Văn Thái tên tù, Việt Quốc mình không thêm giết, sau là Tướng Việt Cộng, lùi đi và trốn biệt.

Các chiến sĩ ta nhất thời phải núp dưới hầm đình Yên Kỳ, rồi khi đã lượng được tình hình địch bèn phản công, mở một đường máu và rút hết ra khỏi đình, tiến về Tỉnh Yên Bái.

Trên đường tiến quân của ta, Việt Cộng một mặt rượt theo bắn, một mặt phục kích bắn sẻ dọc quốc lộ. Đi tới Hồ Sen chạy dài mút Tỉnh thì V.C đã nằm núp sẵn ở phía trái bắn như mưa sang, chúng tôi một phần chống trả, một phần bỏ mặt lộ đi men mé dưới hồ sen để vào Tỉnh Yên Bái bình yên. Ở đây Tỉnh Đảng Bộ VNQDD vẫn làm chủ. Và lá cờ sao trắng vẫn bay phất phới trong gió, nắng một ngày tươi đẹp.

Được ít lâu là tới ngày 17 tháng 6. Nguyễn Văn Toán bút hiệu Toan Ánh giữ chức vụ Tuyên Nghiên Huấn được lệnh tổ chức ngày Lễ Giỗ Nhớ Liệt Sĩ Nguyễn Thái Học và các Anh hùng Liệt nữ của Đảng. Nhân kỷ niệm “Ngày Tang Yên Bái” năm ấy, Việt Cộng lại dốc lực lượng tấn công chiến khu Yên Bái. Buổi lễ giỗ trước giờ đó đã nhốn nháo vì Lá

cờ Đảng bỗng dưng bị đứt (dầu đã được Toan Ánh thanh minh rằng dây treo cờ là dây Dù còn mới), sau đó lại phải đương đầu với hỏa lực ác liệt của địch (do có sự trợ giúp của thực dân Pháp mà Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp đã cố công nhờ cậy) nên Quốc dân quân và toàn thể anh em đồng chí cũng như Đoàn Thanh Niên Quốc Gia đành rút hết về Lào Kay. Đồng chí Chủ nhiệm Tỉnh Đảng Bộ Yên Bái thì bị thương nặng và chết tại vùng biên giới. Cuối cùng chúng tôi từ Lao Kay nhóm rút sang Trung Hoa, nhóm tìm đường trở lại.

Tóm lại, kể từ tháng 6 - 1946 trở về sau, Việt Cộng thẳng tay tàn sát những phần tử theo các Đảng phái Quốc Gia và người dân thì bị trấn áp tinh thần, bị bắt bớ, đe dọa và uy hiếp cách trắng trợn.

Tuy nhiên ở Hà Nội, nhà văn Khái Hưng vẫn điều hành nổi tờ Tuần báo Chính Nghĩa và tờ nhật báo Việt Nam dù lúc ấy các đồng chí Nguyễn Tường Bách, Nguyễn Tường Long và Nguyễn Tường Tam đã sang Trung Hoa; các anh Phạm Văn Hổ, Phan Kích Nam, Vũ Đình Chí, Nguyễn Văn Bổng... cùng các cây bút trợ lực khác đều đã bị V.C. tóm gọn trong các trụ sở QĐĐ tại Thủ Đô và rồi bị thủ tiêu như đã kể. Phải nói cái can trường dũng lược của nhà văn cách mạng Khái Hưng thật không có gì lay chuyển nổi. Trước các thảm họa của các đồng chí, ông lớn tiếng lay tỉnh, thức tỉnh mọi tâm hồn cộng sản bằng tấm lòng vô cùng nhân hậu của mình. Nhưng toàn thể lớn nhỏ các cấp Việt Minh cộng sản đều bị tai, thậm chí còn xúc xiểm người Pháp làm khó dễ với ông nữa.

Nhưng ông vẫn thản nhiên, bền bỉ, tiếp tục viết cho xong vở kịch Khúc Tiêu... buồn, và cho in dần tới đầu tháng 12 - 1946 mới chấm dứt. Rồi Khải Hưng cho đình bản tờ Chính Nghĩa. Vở kịch này đăng tất cả 8 kỳ trên tuần báo Chính Nghĩa. Trước đó, tờ nhật báo Việt Nam cũng đã đình bản, vì sự đột nhập phá phách của công an Việt Minh cộng sản.

Nhân tưởng niệm 50 năm ngày mất của Khải Hưng, tôi chỉ xin có chút lòng thành tưởng nhớ một văn hào, người anh lớn mà tôi từng tiếp xúc, canh chừng và bảo vệ cũng như rất cảm phục – qua ít trang gợi nhớ về tấn thảm kịch chung của Đoàn thể, ngày nào...

NGUYỄN THU NGHINH

VỀ MỘT SỐ CHI TIẾT CẦN GHI CHÚ...

(1) Tên Hiệp và tên Quang, năm 1949, khi ra đầu thú chính quyền quốc Gia Việt Nam, đã khai hết vụ bắt giết cụ Nguyễn Công Lịch như đã kể trên cho Phòng Nhì Sở Liêm Phóng.

(2) Đồng Chí An Sinh sau 1954 di cư vào Nam, ngụ tại một đường nhỏ thuộc khu Lý Thái Tổ - Nguyễn Thiện Thuật. Đồng chí rất nhiệt tình với cách mạng và cũng rất nồng hậu, chí tình với các đồng chí VNQDD. Năm 1975 sau một thời gian im hơi lặng tiếng, đồng chí bị

kẻ chỉ điểm cho Việt Cộng đến bắt tại nhà trong khi đồng chí đã già. Bị giam ở khám Chí Hòa Sài Gòn ít lâu thì đồng chí mất. Gia đình xin xác về chôn nhưng V.C không cho.

(3) Đ/c Phan Hồng Điệp năm 1949 là sỹ quan Bảo Chính Đoàn do Chính phủ Quốc Gia VN thành lập.

(4) Cụ Hể và anh Phan (trong bài của Huy Quang Vũ Đức Vĩnh) chính là Phạm Văn Hể và Phan Kích Nam. Cụ Hể và anh P. K. Nam bị VC bắt đi mất tích trong khi đang huấn luyện Đoàn Thanh Niên QG tại Hà Nội Trung Ương bèn cử đ/c Nguyễn Tường Bách thay thế. Đoàn Thanh Niên này mới chỉ là cảm tình viên của VNQDD, chứ chưa được tuyên thệ gia nhập Đảng. Có nhiều anh sau này trở về Hà Nội, và cho mãi đến bây giờ nữa, cũng vẫn tự nhận là VNQDD, kể cũng

tức cười. Còn bài của anh Nguyễn Tường Triệu (đăng trên tạp chí Thế Kỷ) có nhắc đến anh Cống, thì chính là anh Nguyễn Cống thường đến với Khải Hưng trong thời gian 1945 - 1946...

(5) Khuất Duy Tiến và Nguyễn Duy Hưng (UBND Hà Nội) chúng tôi đã từng gặp. Chính 2 tên này được lệnh xuống Hải Phòng đón rước Quân đội Pháp từ chiến hạm lên, đưa về Hà Nội. Trước đó VNQDĐ đã bắn hư một chiến hạm Pháp, ngăn cản không cho Thực dân Pháp đổ bộ lên miền Bắc và vào Hà Nội, theo hiệp định 6 - 3 - 1946 của Hồ Chí Minh ký với Sainteny, nên Hồ và Võ Nguyên Giáp mới lợi dụng điểm ấy để súc xiểm với người Pháp rằng VNQDĐ cố tình phá Hiệp định...v.v... Cuộc chiến chống Pháp của VNQDĐ ở Hải Phòng đầu năm 1946 mà nhiều người còn nhớ,

chúng tỏ cái quyết tâm của QĐĐ vì Độc Lập Tổ Quốc và Hạnh Phúc của đồng bào.

(6) Chu Tử Kỳ ở Hà Nội và Sài Gòn (1949 - 1975) vẫn rất thân với Khánh Phượng - Nguyễn Thạch Kiên. Nhưng kể từ khi bị đi “tập trung cải tạo chung thân khổ sai” và năm 1986 khi được về lại Sài Gòn thì hai người rất ít khi gặp nhau. Mãi đến năm 1993 sang Hoa Kỳ gặp lại thì Chu Tử Kỳ đã hoàn toàn có một thái độ khác. Anh muốn mọi người phải “thống hợp lại VNQĐĐ - tuyên thệ lại và khai rõ lý lịch (như mẫu khai của công an cảnh sát các chính quyền) và tổ chức lại Đại hội bầu cử các chức chức của Đảng...” tôi đã từ chối. Là nhà văn tự do, là một người chỉ biết làm cách mạng mà đối tượng là Thực Dân - Phong Kiến và Cộng Sản, chứ không bao giờ mơ

tưởng chuyện vinh hoa phú quý cho bản thân, nên tôi nhất quyết khước từ mọi phỉnh phờ của bất cứ ai dầu là những lời hoa mỹ có đủ sức thuyết phục những ai khác.

Sau đó Chu Tử Kỳ cùng với Phan Ngô thành lập một hệ phái khác lấy tên là VNQDD Liên - Châu, - Cái từ mà lão đồng chí Phan Ngô thân mến của chúng tôi xưa nay vẫn thích dùng. Và chúng tôi vẫn cầu mong cho Liên Châu làm được việc và thành công trong sự nối kết - liên kết với Châu Á Việt Nam ta! Ở đây tôi cũng xin khẳng định một điều là chúng tôi không liên minh nối kết với bất cứ tổ chức nào cả, ngoài VNQDD nguyên thủy của liệt sĩ Nguyễn Thái Học.

(7) Đ/c Lý Lâm ngụ tại ngôi nhà ở đường Lý Thái Tổ, Sài Gòn sau 1954; bản tính hiền, vui vẻ, thường ngồi với chúng

tôi tại “Cà phê Vĩnh” hoặc Tao Nhân ở gần nhà. Cuối thập niên 60, đ/c được bầu vào chức vụ Ủy viên Giám Sát Viện; được ít lâu thì mất. Chính quán cà phê Vĩnh”, là nơi Lê Hưng ở, và Chu Tử Kỳ thường đến đây bàn bạc việc “làm mới Đảng, với những lãnh tụ trẻ cỡ Lê Hưng, Chu Tử Kỳ” nên mới xảy ra vụ đồng chí Luật sư Lê Ngọc Chấn, nguyên Bộ trưởng Quốc Phòng thời chính phủ Ngô Đình Diệm, bị ám sát, may nhờ có Nguyễn Thạch Kiên tin cho Trần Thanh Hiệp báo động cho Chấn rõ nên thoát chết.

(8) Chuyện giết cai Quế là sự thật hiển nhiên và bắt buộc cho nghiêm quân kỷ quân luật. Thế nhưng gần đây, ông Võ hiện nay ở Toronto bên Canada, đã viết và gửi đăng trên một tờ tuần báo, tả thật tởm mỷ cuộc rút quân của VNQDD năm 1946 với những lời lẽ mà chỉ có A15 của

Việt Cộng mới xuyên tạc, dựng đứng lên như thế. Cũng như cuốn “Về với ca dao” của Duyên Anh có đoạn đề cao Hồ chí Minh “có công đánh thắng 2 đế quốc sừng sỏ là Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ” và “có công thống nhất đất nước sau năm 1975”.

Còn đoạn nói về liệt sĩ Nguyễn Thái Học và ông Vũ Hồng Khanh thì Duyên Anh hạ bút như một kẻ mất trí nhieć:... “ông theo Tam Dân chủ nghĩa... vậy khi đứng trước cái máy chém của Thực dân, cái Tam dân chủ nghĩa ấy có cứu nổi cái đầu của Nguyễn Thái Học không? Và đoạn viết về ông Vũ: “Vũ Hồng Khanh rập khuôn Lê Chiêu Thống nước quân Tàu phù vào dây xéo Việt Nam trong những năm 1945 - 1946...”

Trời đất! Quân đội Trung Hoa Dân Quốc theo lệnh Đồng Minh vào VN

đóng từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc là để giải giới quân đội Nhật đấy chứ! Ông Vũ nào mà có tài điều khiển cả một khối lớn quân Tàu sang Việt Nam để giải giới quân đội Nhật. Theo chúng tôi được rõ thì Việt Cộng đang ngạt thở vì “xu thế thời đại” không ưa chủ nghĩa CS và Đảng Cộng Sản nữa, nên trước lúc lâm chung, Việt Cộng đã và đang cố gắng bày thế trận Quốc Gia - Dân Tộc để phỉnh gạt mọi người: yêu thương - đoàn kết - xóa bỏ hận thù - hòa hợp hòa giải dân tộc... Từ Dương Thu Hương, Bùi Tín, Nguyễn Hộ, Nguyễn Chí Thiện, Nguyễn Văn Trấn, Vũ Thư Hiên.. đến tên tuổi nào khác nữa, theo V.C từ xưa hay người Quốc Gia bây giờ, chúng ta đều phải cảnh giác cao độ, dù chúng có đào mồ cuốc mả Hồ Chí Minh ra chửi đi chăng chúng ta cũng vẫn chỉ mỉm cười, không tin. Và chỉ dùng những tài liệu ấy không

ngoài mục đích khai thác, thể thôi. Và chúng ta nên nhớ là ngay từ năm 1966, V.C đã gài cả một bẫy vệ nữ của Tiểu đoàn 307 vào Đà Nẵng sau khi “hộ lý” cho các “đồng chí” thỏa thuê. Thay vì giữ nhiệm vụ hộ lý cho Tiểu đoàn 307 thì ra Đà Nẵng, Chợ Cồn “làm điểm cứu quốc vậy. Làm điểm và lấy Mỹ, ỏn hót sao cho lính Mỹ phản chiến càng nhiều càng tốt, và đào ngũ về sinh sống, vào quốc tịch Việt Nam càng nhiều càng hay, do đấy mới có phim truyện Trời và Đất, mới có những bà Phương lấy Mỹ hiện ở bên Virginia và những bà Phương khác cứ ôm chầm lấy Mỹ nặng nạch đòi ngồi xe... hoa - hồng đỏ. Còn nhiều điểm khác của V.C nữa chúng tôi chưa phối kiểm hết.

Tóm lại A15 Việt Cộng thò bàn tay bạch tuộc thật dài từ VN ra hải ngoại và xuất phát từ Canada với tiền ăn cướp tài

nguyên Việt Nam đem sang dùng vào việc kinh doanh và phá nát Cộng đồng VN bằng cách không để cho tổ chức người Việt Quốc Gia mình được yên ổn. Chúng luôn chủ trương tách làm hai hoặc phân tán mỏng để “chúng mày gấu ó lẫn nhau”. Tấn kịch bỉ ổi này sẽ còn nhiều nữa và chúng ta sẽ vẫn còn mắc mưu chúng. Nhưng dầu sao “cháy nhà sẽ ra mặt chuột!” chẳng chóng thì chày, vỡ tuồng sẽ phải có hồi kết thúc, miễn người quốc gia chân chính giữ vững tiết tháo của mình: không bao giờ bị mắc mưu kế mỹ nhân, kế dèm pha đâm bị thọc chọc bị gạ, kế khuyến dụ về tình yêu nước thương đồng bào đang khổ ở quê nhà, kế mê hoặc về danh và lợi... và nhất là kế dùng Báo chí và Đài phát thanh ngày đêm dựng đứng lên đủ thứ chuyện bẩn thỉu để chửi bới xuyên tạc người Quốc Gia mình.

Xin Thượng Đế ban cho chúng ta có được nhiều nghị lực và can đảm tránh xa mọi khuyến dụ lợi danh thấp hèn ấy.

KHÁNH PHƯỢNG

